

S. FREUD

Bệnh lý học
tinh thần
về sinh hoạt
đời thường



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

***BỆNH LÝ HỌC TINH THẦN
TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY***

SIGMUND FREUD

BỆNH LÝ HỌC TINH THẦN TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

Người dịch : TRẦN KHANG

Người hiệu đính : DUƠNG VŨ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
HÀ NỘI-2002

Dịch từ bản tiếng Trung Quốc của Bành Lệ Tân
Công ty xuất bản văn hoá Quốc tế Bắc Kinh -2000

*Ngày nay đầy rẫy yêu ma tác quái, có ai
biết làm thế nào thoát khỏi chúng không?*

"Faust", cảnh 5, màn 5, tập 2

LỜI NÓI ĐẦU

Học thuyết phân tích tinh thần, do bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý học người Áo, Freud, sáng lập, vào đầu thế kỷ XX. Mới đầu, Freud nghiên cứu với tư cách là nhà tâm thần học, bác sĩ thần kinh đối tượng nghiên cứu của ông chủ yếu là những người mắc chứng hystéri không phải do nguyên nhân sinh lý, mà do nhân tố tâm lý. Freud quy nhân tố tâm lý này là ý thức về tính dục bị đè nén từ thời nhi đồng, từ đó ông sáng lập ra "học thuyết về bản tính dục vô thức", cho rằng sự khởi phát bệnh thần kinh là hậu quả của sự đè nén lâu dài đối với ý thức tính dục. Freud tổng kết những phát hiện của ông thành học thuyết tâm lý hoàn toàn mới, giàu tính sáng tạo; ông phát triển toàn diện học thuyết này vào lĩnh vực triết học, xã hội, tôn giáo, văn hoá, hình thành hệ thống tư tưởng rộng lớn.

Nhưng, hệ thống tư tưởng của Freud có một khuyết điểm chí tử. Đó là, xuyên suốt học thuyết của ông là quan điểm về sinh vật học, phủ nhận tính lịch sử của nhân tính, phủ nhận ảnh hưởng của các nhân tố xã hội,

văn hoá đối với sự phát triển nhân cách. Theo đà phát triển của trào lưu phân tích tinh thần, một số học giả phân tích tinh thần không ngừng phát triển có tính chất phê phán tư tưởng của Freud, ngày càng nhấn mạnh tác động của các nhân tố văn hoá, xã hội, dần dần tách khỏi học thuyết của Freud. Năm 1911 Adler ⁽¹⁾ bắt đầu phản đối học thuyết bản năng của Freud, nhấn mạnh ảnh hưởng của các điều kiện xã hội và quan hệ xã hội đối với sự phát triển nhân cách, xây dựng môn tâm lý học cá thể của trường phái phân tích tinh thần. Về sau, Jung ⁽²⁾ đã xây dựng lý luận phân tích tinh thần của riêng ông. Nhất là vào những năm 40, trường phái phân tích tinh thần mới ra đời ở Mỹ, do nhấn mạnh tác động của nhân tố văn hoá, xã hội mà đối lập rõ rệt với học thuyết phân tích tinh thần của Freud, đại biểu chủ yếu của trường phái này là Fromm. Fromm vận dụng lý luận phân tích tinh thần của mình để phê phán xã hội tư bản, hình thành tư tưởng độc đáo về chủ nghĩa nhân bản.

Trong trào lưu phân tích tinh thần, tuy có tư tưởng khác nhau, có các trường phái khác nhau, nhưng vẫn có cái chung, đó là họ đều nhấn mạnh ảnh hưởng của thời kỳ thơ ấu nhấn mạnh tác động của sự đè nén, nhìn nhận nhân tính hiện đại theo quan điểm bệnh trạng học thuyết phân tích tinh thần phát triển rầm rộ vào sau chiến tranh thế giới thứ hai, thâm nhập vào các lĩnh vực xã hội, đời sống, tư tưởng, văn hoá của phương Tây, hoà

⁽¹⁾ Có lẽ là Allped Adler (1870-1937), nhà khoa học về bệnh học thần kinh, người sáng lập ra môn tâm lý học cá thể, người Áo. N.D.

⁽²⁾ Túc Care Gustav Jung (1875-1961), nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. N. D.

trộn vào toàn bộ xã hội phương Tây, trở thành bộ phận không thể tách khỏi xã hội phương Tây. Nguyên nhân là do hai cuộc đại chiến thế giới đã gây ra tổn thương về nhân tính ở phương Tây và xã hội hậu công nghiệp đã tạo ra sức ép nặng nề đối với tinh thần của con người.

Học thuyết phân tích tinh thần truyền vào Trung Quốc từ những năm 30. Những năm gần đây, ngành xuất bản cũng lục tục cho dịch và xuất bản một số tác phẩm của các nhà phân tích tinh thần, nhất là những tác phẩm quan trọng của Freud, nhưng rời rạc, không hệ thống. Ở Trung Quốc, theo đà phát triển kỹ thuật cao, hoạt động kinh tế thị trường ngày càng sâu rộng, nhịp sống diễn ra ngày càng nhanh, cạnh tranh ngày càng quyết liệt, sức ép đối với tâm lý con người ngày càng mạnh, do đó gây ra nỗi day dứt về tinh thần ngày càng nhiều. Nhất là trẻ em, ngay từ khi còn nhỏ tuổi đã phải đối mặt với mọi dạng sức ép. Nếu những sức ép và tâm trạng buồn khổ này không được giải tỏa kịp thời, lâu ngày sẽ tạo nên tâm lý méo mó, tính cách không bình thường, mắc chứng nhân cách bệnh hoạn hoặc mắc bệnh tâm thần. Do vậy, có một đề tài đang đặt ra trước mắt các nhà khoa học Trung Quốc là làm thế nào để giải tỏa sức ép tinh thần, làm thế nào để loại bỏ các ảnh hưởng xấu, làm thế nào để nhân cách không bị bệnh hoạn, làm thế nào để gây dựng không khí gia đình hoà thuận, môi trường xã hội hài hoà, sống và trưởng thành một cách lành mạnh. Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu đề tài này, chúng tôi tổ chức dịch mảng sách kinh điển về phân tích tinh thần để cung cấp cho đông đảo học giả

tham khảo. Mảng sách này gồm có 18 loại, chọn ra từ các tác phẩm kinh điển của các ông thầy về phân tích tinh thần gồm Freud, Adler, Jung, Heine, Fromm. Hẳn là bạn đọc hoàn toàn biết rằng phải đọc, nghiên cứu những tác phẩm này với thái độ phân tích đúng đắn, gạt bỏ cái tình hoa, vứt bỏ cái cặn bã để dùng cho mình, cho nên chúng tôi miễn nói nhiều về điều này. Mặc dầu chúng tôi tổ chức dịch những tác phẩm này một cách nghiêm túc, nhưng khó tránh được sai sót, rất mong được bạn đọc chỉ bảo.

NHỮNG NGƯỜI DỊCH

CHƯƠNG I

LÃNG QUÊN DANH TỬ RIÊNG ⁽¹⁾

Năm 1898 tôi đăng trên "Nguyệt san bệnh học tinh thần và bệnh học thần kinh" bài "Cơ chế tâm lý của sự lãng quên". Nay tôi muốn giới thiệu vắn tắt nội dung của bài này để làm khởi điểm cho việc nghiên cứu sâu hơn nữa. Trong bài này thông qua nghiên cứu công việc tôi đích thân đã từng trải để minh chứng cho quá trình phân tích tâm lý trong lãng quên danh tử riêng, một hiện tượng thường thấy, tôi rút ra một kết luận đó là tôi có thể có cách giải thích khác không giống cách giải thích thông thường mà lại ảnh hưởng sâu xa về ký ức, sự sai lạc công năng tâm lý này, trong dẫn chứng thường thấy nhưng thực tế không mấy quan trọng.

Chẳng hạn, nếu bạn đề nghị một nhà tâm lý học bình thường giải thích tại sao có người bỗng

⁽¹⁾ Ngoài rất ít chỗ sửa chữa ra, về cơ bản, nội dung của chương này đều do nội dung đã xuất bản năm 1901.

quên một danh từ riêng mà trong nhiều trường hợp người ta thường biết rất rõ danh từ ấy; nếu tôi không lầm, chắc hẳn ông ta sẽ trả lời bạn rằng danh từ riêng dễ bị quên hơn nội dung ký ức thông thường; ông ta có lẽ còn đưa ra lý do hầu như càng khó tin về tính đặc thù ấy của danh từ riêng, nhưng tuyệt đối không vạch ra bất kỳ nhân tố nào khác, sâu sắc hơn, có tính chất quyết định hơn.

Trên cơ sở quan sát đặc trưng trong những dẫn chứng cá biệt nào đó, tôi chuyên tâm đi vào nghiên cứu hiện tượng quên danh từ riêng. Những đặc trưng này tuy thuộc loại đặc biệt, nhưng vẫn rõ ràng, dễ thấy trong các trường hợp khác. Trong những trường hợp ấy, tôi phát hiện thực tế danh từ riêng không chỉ bị quên, mà còn bị nhớ sai. Khi chúng ta cố nhớ lại danh từ bị quên thì danh từ khác - danh từ thay thế - lại chui vào đầu chúng ta, tuy chúng ta biết ngay là sai, nhưng những danh từ thay thế này vẫn cứ tiếp tục ảnh hưởng tới chúng ta. Kết quả của việc nhớ lại danh từ bị quên này làm nảy sinh hiện tượng hoán chuyển, danh từ thay thế sai lạc ra đời. Tôi cho rằng, sự hoán chuyển này không phải là sự lựa chọn tâm lý một cách tùy tiện, mà là kết quả của việc tuân theo một quy tắc nhất định. Nói cách khác, những danh từ thay thế này có quan hệ trực tiếp với danh từ bị lãng quên. Để chứng minh được điều này, tôi chú ý tới nguyên nhân căn bản dẫn đến việc quên danh từ riêng.

Trong bài viết năm 1898, tên người mà tôi dùng làm dẫn chứng để phân tích sự "lãng quên" là tên một nhà nghệ thuật, ông vẽ cho nhà thờ Orvieto một bức hoạ "Bốn việc cuối cùng" ⁽¹⁾. Tôi muốn nhớ lại tên của nhà nghệ thuật này - Signorelli, nhưng tôi lại nhớ ra tên của hai nhà nghệ thuật khác - Botticelli và Boltraffio. Và, khi nhớ tới tên của hai nhà nghệ thuật này, tôi lập tức biết rằng tôi nhớ sai. Khi tôi biết chính xác tên của người khác thì tôi nhận ra người ấy. Sau khi nghiên cứu tại sao trí nhớ hoán chuyển từ Signorelli sang Botticelli và Boltraffio, ở đó có gì là quan hệ nhân quả hoặc là mạch liên tưởng, tôi rút ra kết luận như sau:

1. Sở dĩ cái tên Signorelli bị quên không phải vì bản thân cái tên ấy có điểm gì đặc biệt, cũng không phải cái tên ấy được giới thiệu có đặc trưng đặc thù nào đó về mặt tâm lý. Tôi quen thuộc cái tên bị quên ấy như cái tên Botticelli, một cái tên thay thế, thậm chí còn quen thuộc hơn rất nhiều so với cái tên thay thế khác là Botraffio. Đối với người sau tôi chỉ biết ông ta là nhà nghệ thuật thuộc trường phái Milan. Ngoài ra, việc quên một cái tên ấy hầu như chẳng có hại gì đối với tôi, cũng chẳng có gợi dẫn gì cho tôi. Bấy giờ, tôi cùng một người không quen biết đang ngồi xe ngựa từ thành phố Ragusa vùng Dalmatia đi Herzegovina, câu chuyện giữa chúng tôi chuyển sang

⁽¹⁾ "Bốn việc cuối cùng" là: chết, xét xử, địa ngục và thiên đường.

đề tài đi du lịch Italia, tôi hỏi người bạn đồng hành rằng ông đã tới Orvieto chưa? Đã thấy các bức hoạ nổi tiếng của... ở đó chưa?

2. Mãi tới lúc tôi nhớ ra đề tài câu chuyện trước khi tôi quên cái tên kia tôi mới biết sở dĩ tôi quên cái tên ấy là do "đề tài mới bị đề tài trước đó át đi". Trước lúc tôi hỏi ông bạn đồng hành đã tới Orvieto chưa, hai chúng tôi nói với nhau về phong tục của người Thổ Nhĩ Kỳ ở Bosnia và Herzegovina. Tôi nói rằng, một đồng sự của tôi làm việc ở đó nói rằng người ở đó có thói quen rất tin thầy thuốc, và có thái độ tuân theo số phận. Nếu thầy thuốc buộc phải nói với mọi người rằng con bệnh đã hết đường cứu chữa, thì họ sẽ nói: "Thưa ngài (tiếng Đức là Herr), chúng tôi còn gì để nói nữa kia chứ? Chúng tôi biết nếu cứu được thì ngài đã cứu từ lâu rồi". Trong những câu nói ấy, lần đầu tiên chúng tôi nghe thấy cái tên Bosnia Herzegovina và từ Herr, chúng có tác dụng bắc cầu giữa những cái tên có liên quan đến với nhau là Signorelli và Botticelli - Boltraffio.

3. Tôi cho rằng, mạch suy nghĩ về phong tục của người Thổ Nhĩ Kỳ ở Bosnia có thể có ảnh hưởng tới luồng suy nghĩ sau đó. Vì trước lúc kết thúc luồng suy nghĩ sau, sự chú ý của tôi đã bị mạch suy nghĩ kia hoán chuyển. Trong thực tế, tôi nhớ tới một lời đồn rằng: Những người Thổ Nhĩ Kỳ ở đó coi

tính dục là việc có giá trị nhất, khi không hoà hợp về tính dục họ rất thất vọng, đây là điều nổi bật nếu đem so sánh với thái độ khuất phục số phận của họ. Một người bệnh được một đồng sự của tôi điều trị nói với ông ta rằng: "Thưa ngài (Herr), ngài biết đấy, nếu cái ấy chấm dứt thì cuộc đời chẳng còn giá trị gì nữa". Bấy giờ tôi kiềm chế không nói ra cái ý đặc sắc của lời đồn này. Vì tôi không muốn bàn về đề tài này với người không quen biết ⁽¹⁾. Nhưng tôi vẫn tiếp tục nói chuyện với người bạn đồng hành này, tôi chuyển chú ý sang đề tài có liên quan với "cái chết và tính dục". Khi ấy tôi vẫn đang chịu tác động bởi một tin tức tôi nghe được từ mấy tuần trước đó khi tạm nghỉ ở Trajoi ⁽²⁾. Tin này nói rằng: một người bệnh mà tôi đã dốc sức cứu chữa vì không hợp với cái tính dục bất trị mà đã chấm dứt cuộc đời. Tôi rất biết rằng, cái việc không vui này và mọi việc có liên quan với nó không tự dừng ập vào đầu tôi khi tôi đang trên đường đi du lịch Herzegovina. Do Trajio và Botraffio hơi giống nhau, khiến tôi không thể không thừa nhận việc nhớ lại này có tác dụng thật sự trong cuộc chuyện trò ấy, mặc dầu tôi có ý muốn tránh việc nhớ lại ấy.

4. Tôi không thể tiếp tục coi việc quên tên của Signorelli là việc ngẫu nhiên nữa, phải tìm ra ảnh

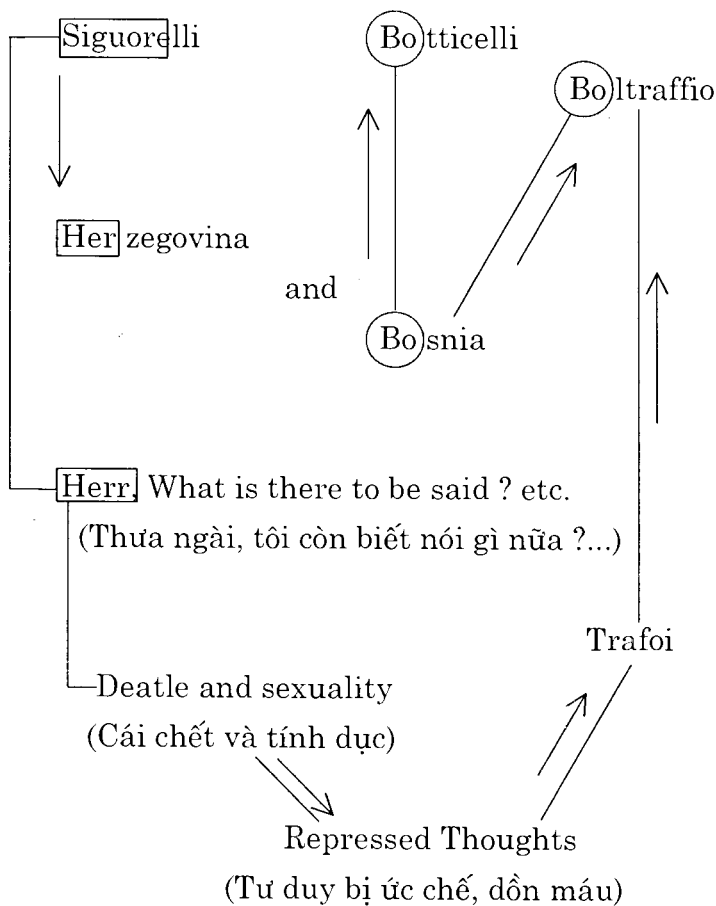
⁽¹⁾ Trong cái bản in từ năm 1924 trở về trước đều in là "đề tài nhạy cảm"

⁽²⁾ Trajoi là tên một làng nhỏ ở Tyrol.

hưởng mang tính động cơ của quá trình ấy. Đúng là nhân tố động cơ làm đứt mạch suy nghĩ của tôi (về phong tục của người Thổ Nhĩ Kỳ...) sau đó tác động vào đầu tôi, làm tôi ngừng suy nghĩ những điều có liên quan, gọi lại cái tin ở Trajoi, có nghĩa là tôi bị ức chế, tức là quên. Thực ra là, cái mà tôi muốn quên không phải là tên của nhà nghệ thuật vẽ bức tranh ở nhà thờ Orvieto, mà là những việc khác kia. Nhưng những việc này lại có liên quan với cái tên của ông ta, thế là hành vi ý chí của tôi đã nhầm sai đối tượng, khiến cho tôi khi muốn quên cái gì đó thì lại quên cái việc khác mà tôi không muốn quên. Tôi muốn nhớ ra một việc tôi muốn nhớ, nhưng không được, lại nhớ ra một việc khác. Nếu cái mà tôi không muốn nhớ và cái mà tôi không nhớ ra được là cùng một đối tượng thì sự việc đơn giản hơn nhiều. Tôi không còn cho rằng việc xuất hiện cái tên thay thế có cái gì đó khó hiểu nữa. Vì rằng, thông qua hình tượng trung gian, chúng không những nhắc nhở tôi cái mà tôi muốn nhớ là cái gì, cái mà tôi muốn quên là cái gì, hơn nữa, còn báo cho tôi biết rằng, mục đích của tôi trong việc muốn quên cái gì đó không hoàn toàn thành công, cũng không hoàn toàn thất bại.

5. Quan hệ giữa cái tên bị quên và đề tài bị ức chế (về đề tài "cái chết và tính dục", thế rồi xuất hiện những cái tên Bosnia, Herzegovina và Trajoi) rất đáng chú ý. Bản in 1898 sử dụng sơ đồ dưới đây nhằm làm rõ quan hệ ấy.

SƠ ĐỒ



Cái tên Signorelli bị tách làm hai bộ phận, trong đó bộ phận âm tiết elli xuất hiện nguyên xi trong tên thay thế - Botticelli còn bộ phận âm tiết Signor được giải thích thành Herr trong tiếng Đức, có quan hệ với đề tài bị ức chế, nhưng cũng do đó mà biến mất trong quá trình tái hiện. Signor trong cái tên thay thế hoán chuyển theo Herzegovina và Bosnia ⁽¹⁾ ra đời vì có liên quan với Signor, nhưng không tính tới ý nghĩa của nó. Như vậy, quan hệ giữa những danh từ này được diễn giải như trong sơ đồ, tựa như câu đố về một chuỗi chữ. Không có bất kỳ tín hiệu nào cho thấy toàn bộ quá trình cái tên Signorelli được thay thế bằng cái tên thay thế, cơ hồ ngay từ đầu không hề thấy giữa Signorelli và chủ đề bị ức chế có quan hệ gì với nhau, ngoài cái sự tương đồng về bộ phận âm tiết hoặc chữ cái.

Sẽ không là thừa khi nói rằng, phương pháp lý giải kể trên của tôi không mâu thuẫn với lý luận về tái hiện trí nhớ và sự lãng quên trong tâm lý học.

Việc làm trên của tôi chỉ là cộng thêm nhân tố động cơ vào nhân tố tâm lý khi nói về tên gọi bị lãng quên, ngoài ra, cũng nói về cơ chế nhớ sai. Cần phải làm rõ yếu tố bị ức chế, không chế luôn cả tên gọi mà chúng ta muốn nói khiến nó cũng bị ức chế. Điều đó có thể được. Trong lời giải thích của chúng

⁽¹⁾ Trước kia Đế quốc Áo Hung thường gộp hai nơi này làm một, tựa như một chữ.

ta cũng không thể thiếu lý luận về sự lãng quên mà các nhà tâm lý học nói. Có lẽ tình hình này không xảy ra đối với những tên gọi khác tương đối dễ tái hiện hơn. Vì trong quá trình tái hiện tên gọi này, yếu tố bị ức chế luôn luôn tìm cơ hội thể hiện mình, nó chỉ có thể thực hiện ức chế trong trường hợp thích hợp, mà những trường hợp ấy thì có nhiều khả năng xảy ra. Còn có một điều nữa là hiện tượng ức chế diễn ra một cách hoàn hảo mà không gây ra bất kỳ một sự nhiễu loạn nào về công năng tâm lý, nói một cách sát thực là, điều đó không hề có bất kỳ biểu hiện nào.

Có thể tóm tắt mấy điểm như sau về điều kiện tên gọi bị quên và sự nhớ sai xảy ra theo sự lãng quên ấy:

1) Có khuynh hướng quên tên nào đó.

2) Trước đó không lâu mới phát sinh tác động ức chế.

3) Có khả năng tạo ra mối quan hệ bên ngoài giữa cái tên bị quên và yếu tố bị ức chế trước đó.

Việc thực hiện điều kiện cuối cùng này không khó lắm. Vì, trong nhiều trường hợp chỉ cần có một chút liên quan với nhau đó đã có thể có khả năng ấy. Còn như quan hệ bên ngoài này có khiến cho yếu tố bị ức chế có tác động đối với việc nhớ lại tên bị quên hay không, và quan hệ ấy có cần chặt chẽ hơn hay không, thì đây là những vấn đề sâu kín, không dễ trả lời.

Xét từ bề ngoài thì quan hệ này không cần chặt chẽ hơn vì nội dung của chúng hoàn toàn khác nhau, chỉ cần chúng có quan hệ tạm thời, sơ qua là được rồi. Tuy nhiên, nghiên cứu một cách nghiêm túc thì thấy rằng, giữa hai yếu tố: yếu tố bị ức chế, và yếu tố mới xuất hiện, thường không chỉ có quan hệ bề ngoài, mà còn có quan hệ với nội dung. Thực tế điều này trong dẫn chứng về Signorelli ⁽¹⁾ đã thể hiện rất rõ ràng.

Về vấn đề giá trị lý luận trong dẫn chứng Signorelli nhiều hay ít, rõ ràng là phải xem dẫn chứng ấy có tính chất điển hình hay chỉ có giá trị cá biệt. Tôi cam đoan rằng, hiện tượng quên tên và việc nhớ sai xảy ra theo sau sự lãng quên ấy thường diễn ra theo phương thức trong dẫn chứng Signorelli. Hầu như trong mọi dẫn chứng mà tôi đưa ra về hiện tượng quên, tôi đều có thể dùng phương pháp miêu tả như trên - quên do bị ức chế - để phân tích rõ ràng hiện tượng quên ấy. Tôi thấy cần phải nêu ra quan điểm của tôi khi phân tích và cho rằng những dẫn chứng mà tôi đưa ra đều có tính điển hình. Tôi cho rằng, sẽ là không thoả đáng nếu tách bạch ở góc độ lý luận giữa sự quên tên và sự nhớ sai xảy ra sau khi quên tên với việc tên thay thế sai không hiện lên trong đầu ⁽²⁾. Loại tên thay thế này khi thì hiện lên rất tự nhiên, khi thì chỉ

⁽¹⁾ Xem chú dẫn 1 trang 27

⁽²⁾ Sẽ nói ở chương sau.

hiện lên nếu tập trung chú ý, mà khi đã hiện lên thì như những tên thay thế hiện lên một cách tự nhiên, chúng có quan hệ giống với quan hệ giữa yếu tố bị ức chế và tên bị quên. Sự hiện lên của tên thay thế có liên quan với hai nhân tố: một là sức chú ý; hai là phụ thuộc vào điều kiện nội tại về tâm lý. Chúng ta rất dễ tìm ra nhân tố thứ hai và thông qua nhân tố này để tạo ra mối quan hệ bên ngoài cần thiết giữa yếu tố bị ức chế và tên bị quên. Cũng giống như trường hợp hình thành tên thay thế, trường hợp quên tên mà không xảy ra nhớ sai có thể được giải thích theo cơ chế được dùng trong dẫn chứng về Signorelli. Nhưng tôi không dám nói một cách mạo muội rằng mọi hiện tượng quên tên đều thuộc cùng một loại. Chắc chắn sẽ có một số trường hợp quên tên xảy ra đơn giản hơn nhiều. Song, chúng ta có thể nói một cách thận trọng ⁽³⁾ rằng: ngoài trường hợp quên tên một cách đơn giản ra, loại hình lãng quên khác là do bị ức chế gây ra.

⁽³⁾ Chỉ trong bản in năm 1901 mới thay từ "chuẩn xác" bằng từ "thận trọng". Trong thư gửi Fliess ngày 22 tháng 9 năm 1899, Freud có nói tới bốn cách xảy ra trường hợp quên tên Signorelli, tức là xảy ra trên đường ông từ Dalmatia đi Vienna.

CHƯƠNG II

QUÊN CHỮ NƯỚC NGOÀI

Trong trường hợp bình thường, chữ thường dùng của tiếng mẹ đẻ rất khó bị quên ⁽¹⁾, nhưng chữ nước ngoài thì hoàn toàn khác. Khuynh hướng quên chữ nước ngoài diễn ra đối với mọi bộ phận chữ. Tình hình sức khoẻ và mức độ mệt nhọc của chúng ta trước hết thể hiện ở chỗ nhiều loạn công năng, tức là biểu hiện ở chỗ mất độ nhạy bén trong việc sử dụng chữ nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, việc quên chữ nước ngoài có cơ chế giống như

⁽¹⁾ Trong bản in năm 1901 và 1904, ở đây có một chú thích như sau: "Tôi hoài nghi quan điểm cho rằng chữ thường dùng không bị quên. Quan sát nhiều trường hợp tôi thấy rằng, cũng giống như danh từ riêng (như họ, chẳng hạn) tên cũng dễ bị quên". Về điểm này có thể thấy ở dẫn chứng 4 trong chương III (Freud quên tên của em một bệnh nhân nữ). Chú thích ghi tiếp: "Nếu thường xuyên so sánh mình với người khác thì sẽ sinh ra cách nghĩ úc chế đối với mình hoặc người nhà mình, dẫn tới việc quên tên (xem trường hợp 5 trong chương III). Trường hợp ngạc nhiên nhất là trường hợp do Lederer đưa ra...". Trường hợp này là trường hợp 5 trong chương III. Trong bản in năm 1907 mới bổ sung thêm chương tiết mới về tên và trật tự chữ, tức chương III trong sách này. Hai trường hợp này, cũng theo đó được đưa vào chương III, nhưng không thấy chú thích.

trường hợp Signorelli đã phân tích ở trên. Để chứng thực điều này, tôi nêu ra một trường hợp đặc sắc, đó là đối tượng bị quên là một chữ không phải là danh từ trong chữ Latin. Tôi sẽ giải thích hết sức rõ ràng một việc nhỏ dưới đây.

Mùa hè năm ngoái, trên đường đi nghỉ, tôi lại một lần nữa gặp một người quen cũ. Đó là một vị có mác học viện, còn trẻ. Tôi phát hiện ngay ông ta khá hiểu biết một số tác phẩm tâm lý học của tôi. Câu chuyện giữa chúng tôi chuyển sang vấn đề địa vị xã hội của dân tộc chúng tôi. Là người có hoài bão lớn, ông tỏ ra tiếc nuối cho thế hệ của mình. Như ông ta nói, họ chỉ còn biết ngồi chờ cho đời khô héo, không thi thố được tài ba, nhu cầu không được thoả mãn. "Ông dùng" câu thơ nổi tiếng "Exoriar..." của Virgil để kết thúc lời diễn giảng khẳng khái hùng hồn của mình. Trong câu thơ này Dido căn dặn thế hệ sau của bà phải vì bà mà trả thù Aeneas. Cần nói cho xác thực hơn là "ông muốn dùng". Vì ông không hiểu đoạn trích dẫn ấy, ông muốn dùng phương thức thay đổi trật tự chữ mà ông ghi nhớ được để che dấu sự sơ hở ở trong đó. Đây là điều sơ hở ấy. Exoriar (2) exnostris ossibus ultor. Thế rồi ông nổi câu.

- Chớ nhìn tôi với thái độ chế riễu như thế, hình như là thấy tôi lúng túng thì ông vỗ tay reo mừng. Sao không giúp tôi đi ? Câu thơ này thiếu chữ, cả câu là thế nào nhỉ ?

- Tôi rất rất vui lòng giúp ông - tôi trả lời, sau đó đọc đủ câu trích dẫn: Exoriar e ALIQUIS nostris ex issibus ultor.

- Sao ngu xuẩn thế! Ngay đến một chữ như thế mà cũng quên. Tiện đây tôi hỏi ông, có phải ông nói rằng quên lãng thì tất phải có nguyên nhân? Tôi rất tò mò, muốn biết tại sao tôi lại quên mất cái chữ ALIQUIS.

Tôi nghĩ rằng phân tích điều này thì có ích cho công việc thu thập dẫn chứng của mình nên đã vui lòng chấp nhận thách thức này. Tôi nói:

- Tôi yêu cầu ông không nghĩ về điều gì khác, tập trung toàn bộ sức chú ý vào chữ bị quên ấy, sau đó nói thật với tôi, không phê phán, mọi cái hiện lên trong đầu ông.

- Được! Tôi vừa nảy ra một ý, đó là muốn tách chữ ấy ra làm đôi: a (vô) và liquis (dịch).

- Nghĩa là gì vậy?

- Tôi không biết.

- Vậy tiếp đó ông lại nghĩ gì?

- Tôi nghĩ tới: Reli quien (di tích) - Li quefying (hoá lỏng) - Fluidity (tính lưu động) - Fluid (thể lỏng). Tới lúc này ông có phát hiện cái gì không?

- Không, ông cứ tiếp tục đi- Tôi giục.

- Bây giờ - Ông ta tiếp tục nói với giọng mỉa

mai - Tôi nghĩ tới Simon ở Trent. Hai năm trước tôi nhìn thấy di vật của ông ta ở nhà thờ Trent. Tôi vừa nghĩ tới cuộc đàn áp đẫm máu những kẻ chống người Do Thái lại sẽ xảy ra, nghĩ tới tác phẩm của Kleipaul, trong tác phẩm ấy Kleinpaul coi những người hy sinh ấy là hiện thân của Chúa cứu thế.

- Ý nghĩ này của ông không phải không có chút quan hệ nào với chủ đề mà chúng ta bàn bạc trước khi ông quên cái chữ latin kia.

- Đúng vậy. Tiếp đó tôi nghĩ tới một bài mà gần đây tôi đọc được trên báo chí Italia. Tôi nhớ tên bài ấy là "SA. Augustine nói về đàn bà". Theo ông thì điều đó có hàm ý gì?

- Tôi đang nghe ông nói tiếp.

- Điều mà tôi đang nghĩ tới không hề có chút quan hệ nào với chủ đề mà chúng ta bàn tới.

- Chớ nhìn nhận điều ấy với con mắt phê phán, hãy tiếp tục đi!

- Được, tôi biết. Tôi nhớ tới một thân sĩ già phong thái tự nhiên mà tuần trước tôi gặp trên đường đi du lịch. Ông ta có chút phong thái của cổ nhân, trông giống như một con mãnh thú. Nếu ông muốn biết tên ông ta thì tôi nói cho ông biết tên ông ta là Benedict.

- Dẫu sao thì ông đã nói tới các bậc thánh, mục sư, như St.Simon, St. Augustine và St.Benedict. Tôi nhớ rằng vẫn còn một vị mục sư họ Origen nữa.

Tên ba người mà ông nói tới đều là họ của họ, giống như Paul trong Kleipaul vậy.

- Bây giờ tôi nhớ tới St.Januarius và chuyện lạ về máu của ông ta. Tôi cảm thấy bây giờ ý chí của tôi không kiểm soát được suy nghĩ của tôi nữa.

- Xin hãy đợi cho một chút. St.Januarius và St. Augustine đều có liên quan tới tên hàng tháng trong lịch thời gian hàng năm. Ông có thể nói cho tôi biết câu chuyện lạ về máu kia không?

- Ông không biết thật à? Người ta cho máu của St. Januarius vào một cái chai rồi đưa tới bảo quản tại nhà thờ Naples. Mỗi khi tới ngày lễ nào đó, máu này lại hoá lỏng một cách kỳ lạ. Mọi người rất quan tâm tới chuyện lạ này. Nếu chuyện này diễn ra chậm thì người ta hết sức bồn chồn, giống như tình hình khi quân Pháp chiếm thành này vậy. Viên thống soái quân Pháp bấy giờ tên là Garibaldi - Tôi nhớ sai rồi chăng? - Gọi mục sư nhà thờ tới, nói rằng y muốn cái chuyện lạ kia lập tức diễn ra, và quả là chuyện lạ đã diễn ra...

- Kìa, nói tiếp đi, có sao dừng lại như vậy?

- Lại có một số việc hiện lên trong đầu tôi... nhưng có liên quan tới việc riêng, khó nói ra... và lại tôi thấy chẳng có can hệ gì, cũng thấy chẳng cần nói ra.

- Có can hệ hay không thì để tôi xem xét. Đành

rằng tôi không thể ép ông nói ra những việc ông không vui, nhưng nếu như vậy thì tôi không thể nói cho ông biết tại sao ông quên chữ Aliquis.

- Thật vậy sao? Thật sự ông cho như vậy sao? Thôi được. Tôi bỗng nghĩ tới một bà, mà qua bà ta, chúng ta biết được một tin làm chúng ta rất lúng túng.

- Có phải là tin bà ta đã tắt kinh?

- Ông làm thế nào mà đoán ra được?

- Đoán ra điều đó không khó. Ông chẳng đang chuẩn bị để chúng ta giải đáp đó sao! Nghĩ tới các bậc thánh có tên trùng với tên tháng, tới một ngày lễ nào đó máu đông hoá lỏng, gây ảnh hưởng làm cho chuyện lạ diễn ra, ... thực ra ông đã hoán chuyển chuyện lạ về St. Januarins thành một sự sai lạc có liên quan tới kỳ kinh nguyệt của đàn bà.

- Căn bản tôi không nghĩ tới điều đó. Có phải ông cho rằng do tâm lý trông đợi bồn chồn khiến tôi không nói ra được cái chữ Aliquis chẳng có gì quan trọng ấy không?

- Đối với tôi, điều đó hoàn toàn đúng. Ông tách "Aliquis" làm hai, liên tưởng tới Relics (di vật) - Liquefying (hoá lỏng) - Fluid (thể lỏng). Ông muốn tôi nói cho ông biết St. Simon hiện lên trong đầu ông bằng cách nào à? Ông từ cái chủ đề Relis (di vật) liên tưởng tới St. Simon, và khi hy sinh vẫn chỉ là một chú bé.

- Xin đừng nói nữa. Dẫu thật sự tôi có nghĩ như thế thì cũng mong ông không nên quá coi trọng suy nghĩ ấy. Dẫu sao thì tôi cũng thừa nhận với ông rằng, người đàn bà ấy là người Italia, tôi và bà ta cùng đi Naples. Nhưng lẽ nào đó không phải là một cuộc kỳ ngộ?

- Rốt cuộc, ông có thể lấy cuộc kỳ ngộ để giải thích mọi sự liên quan kia hay không thì để ông tự xem xét. Nhưng tôi xin được nhắc nhở ông rằng mỗi trường hợp tương tự như thế, chỉ cần ông phân tích cẩn thận thì sẽ có cuộc kỳ ngộ khiến mọi người lưu tâm như thế ⁽¹⁾.

Đoạn phân tích ngắn này có ý nghĩa lớn đối với tôi, do đó tôi rất cảm ơn người bạn đồng hành này của tôi. Lý do là: vì trong trường hợp này tôi được sử dụng tư liệu mà bình thường tôi không có. Trong tập sách này, phần lớn những dẫn chứng về sự nhiễu loạn công năng tâm lý trong đời sống hàng ngày tôi đều phải lấy từ sự tự quan sát của chính mình. Tôi cố gắng tránh dùng những tư liệu, tuy rất phong phú, do bệnh nhân thần kinh của tôi cung cấp, vì tôi rất sợ người khác đưa ra ý kiến

⁽¹⁾ Chú thích này do Freud thêm vào trong lần xuất bản năm 1924: sự phân tích này đã được nhiều người chú ý và gây ra một cuộc tranh luận sôi nổi. Từ đó, Bleuler đã thử dùng toán học để chứng minh độ tin cậy của phép phân tích tình thần và rút ra kết luận rằng, nó càng có nhiều khả năng hơn so với hàng ngàn hàng vạn "chân lý" y học chưa bị công kích. Sở dĩ nó ở vào địa vị bất lợi là do chúng ta chưa quen dùng con mắt khoa học để giải quyết vấn đề khả năng của tâm lý học.

phản bác, cho rằng hiện tượng nhiễu loạn công năng tâm lý chỉ là kết quả và biểu hiện của bệnh thần kinh ⁽¹⁾. Do đó, khi có một người không quen biết không mắc bệnh thần kinh chấp nhận sự phân tích tâm lý này thì tôi cảm thấy điều đó quả là rất có giá trị và có ý nghĩa đặc biệt. Ngoài ra, tầm quan trọng của sự phân tích này còn biểu hiện ở chỗ: nó giải thích việc quên chữ đơn không có hiện tượng nhớ sai, do đó đã chứng minh nguyên tắc nói ở chương trên (trang 16 - 17): không có gì khác biệt trong việc nhớ sai có xảy ra hay không? ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Trong lời tựa tác phẩm "Phân tích giấc mơ" xuất bản lần đầu, Freud cũng có ý kiến tương tự trong việc chọn tài liệu phân tích giấc mơ.

⁽²⁾ Quan sát kỹ hơn thì sẽ thấy sự khác nhau về nhớ sai khi phân tích tâm lý trong hai trường hợp "Signorelli" và "Aliquis" giảm đi. Trong trường hợp sau, hầu như cũng có hình thành hiện tượng nhớ sai. Sau này, khi tôi hỏi người bạn đồng hành rằng ông có nghĩ tới cái gì khác trong khi ông cố nhớ lại chữ đã quên không, ông ta nói rằng, lúc đầu ông ta muốn thêm "ab" vào câu thơ (rất có thể "ab" là "a" sau khi tách khỏi "aliquis") - nostri ab ossibus (từ xương thịt của ta). Tiếp đó, với giọng điệu hoài nghi, ông ta nói: sẽ đi nhớ chữ exoriare rõ như thế, lâu như thế rõ ràng là vì nó là chữ đầu tiên trong câu thơ. Khi tôi bảo ông ta tập trung mọi sự chú ý vào liên tưởng tới exoriare, ông ta bèn nghĩ tới exorcism (đuổi tà). Do đó tôi rất tin rằng, do nhấn mạnh khi được nhớ tới exoriare đã có giá trị thay thế. Rất có thể sự thay thế này được thực hiện là do tên của các bậc thánh được nối nhau bằng chữ exorcism. Nhưng điều đó không quan trọng (hai câu dưới được bổ sung khi xuất bản năm 1924), Mặt khác, năm 1922 Wilson nhấn mạnh rằng, việc nhấn mạnh exoriare có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc lý giải trường hợp này. Vì rằng, bằng cách đề non đề bỏ đi đưa trẻ mà mình không thích, cái suy nghĩ bị ức chế này là tín hiệu thay thế tốt nhất trong trường hợp này. Tôi rất xúc động đối với quan điểm này, nó không làm giảm hiệu quả phân tích của tôi.

Do dấu hiệu cố định - mặc dù có khả năng là dấu hiệu đặc sắc và giấu tích chất gợi mở - bị ức chế mà sinh ra sự quên lãng có chủ định. Thậm chí có khả năng sự thay thế không lộ ra ở tên thay thế sai lạc, mà biểu hiện ra ở sự nhấn mạnh một bộ phận có liên quan chặt chẽ với cái tên bị quên. Thí

Nhưng giá trị chủ yếu của dẫn chứng về "Aliquis" này là ở chỗ nó khác với dẫn chứng về Signorlli". Trong dẫn chứng về "Signorelli", việc nhớ lại danh từ bị kết quả về sau của luồng suy nghĩ trước đó không lâu làm nhiễu loạn, bị chấm dứt. Nhưng, nội dung của nó lại không có quan hệ rõ ràng với đề tài mới với cái tên "Signorelli" này. Giữa chủ đề bị ức chế và danh từ bị quên chỉ có quan hệ gần gũi, nhưng điều đó cũng đủ để tạo ra quan hệ bên ngoài, giữa hai chủ đề này ⁽¹⁾. Mặt khác, trong dẫn chứng "Aliquis", chúng ta không thấy chủ đề bị ức chế độc lập này, trước đó không lâu nó vẫn ở trong trạng thái là ý thức của con người, sau khi bị ức chế thì xuất hiện dưới dạng nhiễu loạn. Sự nhiễu loạn trí nhớ trong dẫn chứng "Aliquis" bắt nguồn từ đề tài trong lời dẫn, vì sự đối lập trong tiềm thức khiến đề tài này bị ức chế. Có thể giải thích tình hình này như sau. Người nói đang đau buồn vì quyền lợi của thế hệ họ bị tước

dụ, trong trường hợp "Signorelli", tuy tôi vẫn không nhớ cái tên của nhà nghệ thuật ấy, nhưng vẫn nhớ như in những bức vẽ của ông và bức ảnh chân dung của ông treo ở cạnh những bức vẽ ấy, thậm chí còn nhớ rõ hơn lúc bình thường. Trong một trường hợp khác, tức trong bài viết được công bố năm 1898, viết về cuộc viếng thăm mà tôi không thích tại một thị trấn hẻo lánh, tôi không sao nhớ ra được tên phố, nhưng lại nhớ được số nhà, nhưng cũng rất nực cười, cái số nhà rõ là thế, nhưng lúc bình thường tôi rất khó nhớ ra nó.

⁽¹⁾ Freud không hoàn toàn tin giữa hai chủ đề trong dẫn chứng "Signorelli" không có quan hệ nội tại. Tìm hiểu kỹ cái chủ đề bị ức chế "Cái chết và đời sống tình dục" thì chúng ta có thể thấy suy nghĩ rất gần gũi đề tài bức họa ở Orvieto. Trong tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ", Freud viết: "Dr. Richard Karpe cho rằng quan hệ ở đây có liên quan với việc thăm viếng mộ Etruscan ở gần Orvieto."

đoạt. Họ giống như Dido, dự đoán thế hệ sau sẽ vì họ mà trả thù kẻ áp bức bóc lột. Họ thổ lộ kỳ vọng của mình đối với đời sau như thế. Giữa khi ấy, họ bị suy nghĩ trái ngược ngăn lại: "Người thật sự mong mỗi đời sau làm như thế sao? Không! Nếu người vừa nhận được tin nói rằng người đã có một thế hệ sau, nay người đang ở vào thế bí! Thực ra người không muốn có thế hệ sau - mặc dầu chúng ta rất cần có họ để báo thù". Suy nghĩ trái ngược này, giống như trong dẫn chứng "Signorelli" vậy, được hình thành thông qua quan hệ bên ngoài giữa hai thành phần quan niệm đương thời và kỳ vọng bị ức chế. Nhưng, lần này nó được nguy trang bộc lộ ra bằng phương thức vòng vo, tùy tiện. Điểm chung quan trọng khác cùng với dẫn chứng về "Signorelli" là ở chỗ mâu thuẫn bắt nguồn từ chủ đề bị ức chế và làm cho sức chú ý bị chuyển dịch.

Trong hai dẫn chứng về quên tên này có nhiều điểm khác nhau về bề ngoài và điểm liên quan với nhau về nội dung ⁽¹⁾. Chúng ta đã biết được cơ chế thứ hai của sự quên lãng - mâu thuẫn nội tại phát sinh do bị ức chế gây ra nhiều loạn về tư tưởng. Tôi cho là cả hai cơ chế quên lãng đều dễ nhận ra. Trong các cuộc thảo luận sau đây chúng ta sẽ vẫn gặp lại nó.

⁽¹⁾ Freud viết "quên danh từ" thành "quên tên". Có khả năng lỗi này do sơ suất mà ra.

CHƯƠNG III

QUÊN DANH TỪ VÀ THỨ TỰ CHỮ ⁽¹⁾

Sau khi khảo sát xong cơ chế quên chữ nước ngoài ở chương II, có lẽ chúng ta có cảm hứng với một vấn đề khác, đó là, phải chăng cần có phương pháp giải thích khác đối với việc quên chữ quốc ngữ? Thông thường chúng ta không lấy làm lạ đối với hiện tượng như sau: Ta đã thuộc lâu một công thức hoặc một bài thơ nào đó, nhưng không lâu sau, khi nhớ lại thì lại nhớ sau hoặc bị sót. Song, việc quên lãng này không có ảnh hưởng thống nhất tới toàn bộ cái mới học. Việc quên lãng này chỉ là quên một bộ phận cụ thể nào đó, do vậy có thể dùng vài dẫn chứng để khảo sát, phân tích.

Một lần, người đồng sự trẻ nói với tôi rằng, rất có khả năng việc quên một câu thơ bằng tiếng mẹ đẻ và việc quên một thành phần đơn lẻ trong chữ

⁽¹⁾ Chương này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

nước ngoài có nguyên nhân tương tự nhau. Bấy giờ ông tiến hành thực nghiệm về điều này. Tôi hỏi ông lấy câu thơ nào để thực nghiệm, ông nói ông lấy bài thơ mà ông rất thích và ít nhất có thể đọc thuộc mấy đoạn, đó là bài "Die Braut von Korinth" ⁽¹⁾ (cô dâu Korinth). Vừa bắt đầu nhớ lại, ông không hiểu vì sao bị nghẽn lại. Ông hỏi tôi: "Tuyến du lịch bắt đầu từ Athens tới. Corinth hay là từ Corinth tới Athens?". Tôi hơi lưỡng lự, tới khi để ý thấy bài thơ này không đề cập tới tuyến du lịch thì tôi cười sảng sặc. Sau đó, ông nhớ lại đoạn I của bài thơ một cách dễ dàng, không sai chỗ nào. Người đồng sự của tôi nghĩ một hồi lâu câu đầu đoạn II, sau đó tiếp tục đọc: "Nhưng, ông ta có thật sự vui lòng tiếp thu? Vì ông và thân thích là người khác đạo, họ là tín đồ Cơ Đốc và đã làm lễ rửa tội" ⁽²⁾.

Trước lúc ông đọc hết câu cuối cùng, tôi đã có phân hoài nghi. Sau khi ông đọc xong, hai chúng tôi đều cảm thấy có mấy câu bị đọc sai. Nhưng do chúng tôi lập tức tới giá sách lấy tập thơ của Goethe ra xem thì cả hai đều ngạc nhiên, phát hiện ông bạn đồng sự của tôi bỏ sót toàn bộ câu thứ hai đoạn một, và thay vào đó một câu không có trong bài thơ ấy, câu thơ chính xác phải là: "Nhưng, liệu

⁽¹⁾ Thơ của Goethe.

⁽²⁾ Câu hai sẽ thảo luận ở đoạn sau, câu 3,4 bị nhớ sai. Đúng ra phải là: "Ông vẫn là người dị giáo, còn những người thân thích thì đều đã làm lễ rửa tội và trở thành tín đồ Cơ Đốc."

ông ta có thật sự vui lòng tiếp thu, nếu ông ta không thật lòng dối lấy ơn huệ?".

"Getauft" (nhận lễ rửa tội) trong câu thứ tư và chữ "erkaufte" (dối lấy) trong câu thứ hai bắt vần với nhau. Điều đó khiến tôi phát hiện "người khác đạo" (heathen) "cloristiau" (tín đồ Cơ Đốc) và "baptised" (nhận lễ rửa tội) nhóm chữ có quan hệ với nhau này chẳng giúp gì vào việc nhớ toàn bộ bài thơ.

Tôi hỏi người đồng sự: "Ông hãy cho biết, ông tự cho rằng ông có thể đọc thuộc bài thơ ấy thế mà khi đọc ông lại bỏ sót cả một câu và ông lấy ở đâu một câu để thay vào đó!

Với vẻ rất không vui vẻ, ông giải thích: "Tôi rất thuộc cái câu "Mỗi ngày có một cái mới". Rõ ràng là cách đây không lâu tôi đã ngâm thuộc câu ấy - Ông biết đấy, tôi vô cùng hài lòng về tình hình tiến triển của việc ngâm thơ. Nhưng tại sao câu này lại xuất hiện ở đây? Tôi đã nhớ ra manh mối của việc này. Tôi không thích câu "nếu ông ta không thật lòng dối lấy ơn huệ". Điều này có liên quan tới sự vấp vấp trong mỗi tình đầu của tôi, mà bây giờ thì tôi vẫn muốn thử yêu một lần nữa. Tôi không nói nữa. Dầu nay tôi được chấp nhận thì việc kể lại quá trình thất bại kia, vẫn là việc chẳng vui vẻ gì".

Tôi rất hiểu điều này, và cũng thấy không cần thiết tìm hiểu tỉ mỉ hơn, nhưng tôi vẫn hỏi tiếp:

"Dẫu sao thì ông cũng nên cho biết ông và đời tư của ông có quan hệ gì với bài thơ này? Có phải là do khác nhau về tín ngưỡng? Như trong bài thơ ấy đã nói: Khi một tín ngưỡng mới ra đời, sự ái mộ và chân thành thường bị dẫm nát như cỏ dại".

Tôi đã đoán sai. Nhưng như vậy thì có lợi cho việc phát hiện câu hỏi của tôi có tác dụng khơi gợi ông như thế nào để ông có thể cung cấp cho tôi câu trả lời về những việc mà nhất thời ông nghĩ không ra. Ông ném vào tôi một cái nhìn không vui, thậm chí bức dọc, sau đó khẽ ngâm đoạn sau của bài thơ ấy: "Đắm đuối ngắm nhìn nàng. Ngày mai người sẽ trở nên già nua" ⁽¹⁾, và thêm một câu: "Nàng già hơn ta nhiều". Để ông bớt khó chịu, tôi không hỏi thêm nữa. Đối với tôi, sự giải thích của ông như thế là đã đủ rồi. Nhưng giật mình là, việc hồi tưởng thất bại đã qua không thể không động chạm tới vấn đề riêng tư, gây ra đau khổ.

Jung từng đưa ra một dẫn chứng khái về việc quên chữ trong câu thơ nổi tiếng. Nguyên văn của dẫn chứng này như sau:

"Có một người muốn ngâm bài thơ nổi tiếng

⁽¹⁾ Đồng sự của Freud lại sửa bài thơ này, không chỉ sửa chữ mà còn thay đích nhắm của chữ. Bà thánh nói với chú rể: "Ta cho người chiếc xuyên của ta, ta lấy tóc của người, đắm đuối ngắm nhìn mó tóc, ngày mai người trở nên già nua, còn nó thì trẻ mãi". Chữ "sie" trong câu ba (có hai hàm nghĩa: nó, chỉ vật; nàng, nhân cách hoá) chỉ mó tóc. Trong ngữ cảnh khác, câu thơ này có thể có ý: "đắm đuối ngắm nhìn nàng".

Ein Fichtenbaum steht einsam⁽¹⁾ (cây thông cô độc). Vừa bắt đầu ngâm câu đầu tiên "Nó đang ngủ yên..."⁽²⁾ thì tắc, hoàn toàn quên câu "quấn mảnh vải trắng. Người này quên cả một câu thơ đã thuộc lòng, tôi rất ngạc nhiên nên tôi để cho ông ta nhớ lại xem cái gì có liên quan với "mảnh vải trắng". Thế rồi ông ta nói ra một lô suy nghĩ liên tưởng như sau: "Mảnh vải trắng có thể khiến người ta nghĩ tới mảnh vải bó xác - mảnh vải phủ trên thi hài người chết - (ngừng một lát) - bây giờ tôi nghĩ tới một người bạn tốt - anh của anh ta mới chết một cách vô cùng đột ngột - ông này bị cho là chết vì bệnh tim - ông cũng rất béo - bạn tôi cũng rất béo, trước đây tôi cũng từng nghĩ rằng bạn tôi cũng sẽ vì thế mà chết - rất có khả năng là anh ta rất ít luyện tập - khi được tin anh ta chết tôi bỗng trở nên rất căng thẳng, sợ cũng có thể vì thế mà chết; vì trong dòng họ nhà tôi, mọi người đều có khuynh hướng béo, mà ông nội tôi thì cũng chết vì bệnh tim; tôi đã thấy tôi cũng quá béo, nên gần đây tôi đã thực hiện kế hoạch giảm béo".

Jung bình luận: "Như vậy, trong tiềm thức của mình, người này muốn trở thành cây thông được bọc vải trắng kia".

⁽¹⁾ "Cây thông cô độc" là bài thơ trữ tình của Heine.

⁽²⁾ Đoạn thơ này như sau: "Nó đang ngủ yên, quấn mảnh vải trắng, băng tuyết phủ đầy".

Có được dẫn chứng về quên chữ dưới đây ⁽¹⁾, tôi phải cảm ơn người bạn ⁽²⁾ của tôi, ông Saudor Ferenczi ở Budapest. Sự khác nhau giữa dẫn chứng này với dẫn chứng ở trên kia là ở chỗ câu chữ mới được tạo ra chứ không phải ở câu thơ của tác giả được trích dẫn. Nó cung cấp cho chúng ta một dẫn chứng rất khác thường. Sự quên lãng xảy ra do sự phân biệt theo ý muốn chủ quan trong chốc lát. Bởi vậy, sự sai lạc trở thành công năng hữu ích. Khi chúng ta lại một lần nữa bình tâm suy nghĩ thì sẽ thấy được tính chất đúng đắn của xu thế này, trước hết nó chỉ có thể bộc lộ ra thông qua thất bại về công năng, tức là quên lãng hoặc sự bất lực về tâm lý.

Trong một lần tụ họp gặp gỡ, có người dẫn ra câu nói "tout compareudre C'est pardemer" (hiểu hết thấy tức là tha thứ hết thấy). Tôi bình luận rằng câu nói này chỉ cần đoạn đầu là đủ rồi. "Pordoning" (tha thứ) là biểu hiện của sự ngạo mạn tự đại, từ này nên để cho thượng đế hay mục sư nói. Có người trong đám quan khách đánh bạo định nói - có lẽ do muốn được vị tốt bụng này khen - gần đây tôi có suy nghĩ hay hơn thế. Nhưng khi tôi định nói thì tôi phát hiện tôi không thể nhớ ra được. Tôi lập tức rời khỏi nơi này và ghi lại mọi sự liên tưởng (đặc biệt là chủ định thay thế) hiện lên trong đầu.

⁽¹⁾ Đoạn này và 4 đoạn dưới đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ Chỉ trong lần xuất bản năm 1910, từ "bạn" được thay bằng chữ "đồng sự".

Cái tôi nhớ ra đầu tiên là tên một người bạn và tên một đường phố ở Budapest, ông ta có thể chứng thực tôi đang lục tìm sự nảy sinh suy nghĩ ấy, sau đó là nhớ ra tên một người bạn khác, Max, tôi thường gọi là Maxi. Thế là tôi nhớ ra cái chữ "cách ngôn" Maxim và nhớ ra suy nghĩ mà tôi đang lục tìm, vốn là do tôi muốn sửa một câu cách ngôn nổi tiếng: God creted man in His own image (thượng đế sáng tạo ra nhân loại theo hình ảnh của người). Suy nghĩ tương tự đảo lộn trật tự câu thành: Man created God in his (nhân loại sáng tạo ra Thượng đế theo hình ảnh của mình). Sau đó, tôi đã nhớ ra hồi ức mà tôi khổ công lục tìm. Lúc bấy giờ, ở Andrasoy Street (phố Andrassy), bạn tôi nói với tôi rằng: "Nothing lumon is foreign to you" (những cái của con người chẳng cái nào không liên quan với tôi). Dựa vào kinh nghiệm phân tích tinh thần, tôi nói với ông ta: "Ông nên thừa nhận thêm Nothing animal is foreign to you" (những cái của động vật chẳng cái nào không liên quan tới tôi)".

Nhưng sau khi tôi nhớ ra suy nghĩ mà tôi muốn nhớ tôi vẫn không thể nói rõ trong cuộc tụ họp đó. Vì cô vợ trẻ măng của ông bạn mà trong tiềm thức tôi cho là có tính cách động vật cũng là một vị khách trong cuộc họp mặt này, tôi để ý thấy nàng ta không sẵn sàng chấp nhận cái chân lý chẳng lấy gì làm vui này. Sự quên lãng đã giúp tôi

tránh được nhiều câu hỏi khó chịu mà nàng có thể sẽ nêu ra và những cuộc tranh cãi vô nghĩa. Đó là động cơ "quên tạm thời" (temporary amnesia)".

Điều thú vị là: trong một loạt liên tưởng có một câu nói "sự phát minh việc thượng đế bị hạ thấp làm người", còn câu bị quên thì lại là gán tính chất động vật cho con người. Đủ thấy "capitis diminutio" (hạ thấp địa vị) là thành phần chung trong hai câu. Rất rõ ràng, toàn bộ sự kiện này chẳng qua là do cuộc tranh cãi ấy khuấy lên, tức là kéo dài sự liên tưởng về hiểu biết và tha thứ.

"Trong trường hợp này, sở dĩ suy nghĩ mà tôi lục tìm được tìm ra nhanh như vậy, có khả năng là do tôi nhanh chóng nấp vào căn phòng không người, lánh xa cuộc tụ họp đang theo dõi nó".

Sau đó ⁽¹⁾, tôi lại phân tích nhiều dẫn chứng khác về quên và nhớ sai. Kết quả giống nhau của những phân tích này khiến tôi cho rằng cơ chế quên lãng trong hai dẫn chứng "aliquis" và "cô dâu Korinth" có tính chất phổ biến. Nói chung, mô tả những phân tích này đều có điều bất tiện, vì như trên đã nói, nó thường động chạm tới việc riêng tư, đương sự chẳng lấy gì làm thích thú. Do vậy tôi không đưa ra thêm dẫn chứng nữa. Dẫu tư liệu là như thế nào chẳng nữa, sự thật chung trong mọi dẫn chứng ấy là tư liệu bị quên hoặc bị bóp méo có

⁽¹⁾ Từ đây tới trang 28 đều là nội dung trong lần xuất bản năm 1907.

thể kết nối với luồng suy nghĩ tiềm thức thông qua con đường liên tưởng - điều mà ảnh hưởng của luồng suy nghĩ này biểu hiện ra là sự quên lãng.

Bây giờ tôi trở lại vấn đề quên danh từ. Tôi đây chúng ta vẫn chưa nghiên cứu triệt để vấn đề tư liệu hoặc động cơ trong dẫn chứng "quên danh từ". Theo tôi, "quên danh từ" vẫn thường xuyên xảy ra, cho nên tôi không lo là không tìm ra dẫn chứng. Hiện nay tôi vẫn khổ sở vì cái chứng đau nửa đầu, mỗi lần, mấy giờ trước khi đau, đều có triệu chứng là quên danh từ, hơn nữa, khi đau dữ dội, tuy không đến nỗi phải bỏ công việc, nhưng đều xảy ra quên danh từ riêng. Lấy trường hợp của tôi làm dẫn chứng thì người ta kịch liệt phản đối. Lẽ nào thấy tình hình như thế mà lại không nhận định nguyên nhân quên lãng, nhất là quên tên, xem phải chăng do có trục trặc về tuần hoàn máu não hay trục trặc về công năng gây ra? Lẽ nào lại không bớt chút sức lực đi tìm lời giải thích những hiện tượng ấy ở góc độ tâm lý? Những ai nghĩ như vậy thì là đã lẫn lộn cơ chế của quá trình giống nhau trong mọi trường hợp quên với nhân tố gây ra quá trình dị biến, thứ yếu. Nhưng, tôi chưa nói về điều đó, mà chỉ đưa ra một dẫn chứng để so sánh.

Chúng ta hãy tưởng tượng: Một đêm, tôi đánh liều đi bách bộ trong một khu đất không một bóng người tại một thành phố nọ, hậu quả là bị trấn mất đồng hồ và ví tiền. Tôi báo với đồn cảnh sát gần

nhất, rằng: "Tôi tại phố..., sự hẻo lánh và đen tối đã cướp mất đồng hồ và ví tiền của tôi". Mặc dầu lời tôi nói không sai, nhưng xét theo mặt chữ thì rất có thể tôi bị cho là thần kinh không bình thường. Nói một cách chính xác thì chỉ có thể mô tả sự kiện này như sau: Vì ở vào nơi vắng vẻ, lại là đêm tối, tôi bị kẻ xấu cướp hết mọi thứ đáng tiền. Nếu nói như thế thì hiện tượng "quên danh từ" trong sự kiện này vị tất đã có chỗ nào bị diễn tả sai lạc. Do một mối, tuần hoàn máu bị trục và vì xúc động, một sức mạnh tâm lý thần bí đã cướp đi năng lực ghi nhớ danh từ riêng của tôi- sức mạnh tâm lý ấy cũng có thể làm cho năng lực ghi nhớ của người hoàn toàn khoẻ mạnh bị thất thường ⁽¹⁾.

Khi tự phân tích trường hợp quên danh từ của mình, tôi luôn luôn phát hiện, không ngoại trừ trường hợp nào, những danh từ bị quên đều có sự liên quan nào đó đối với tôi, đều gây cho tôi cảm xúc mạnh và không vui. Tôi cũng áp dụng phong cách đơn giản nhưng tuyệt diệu như Bleuler Jung và Riklin của trường phái Ziirich, tôi cũng trình bày vắn tắt sự thật này như sau: Tên bị quên có liên quan với phức cảm ⁽²⁾ cá nhân (personal complex) của tôi. Tôi không ngờ rằng tên bị quên có

⁽¹⁾ Trong chương III sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" Freud cũng vận dụng cách suy luận này.

⁽²⁾ Một năm trước khi công bố tác phẩm này, Freud nhiều lần sử dụng thuật ngữ của trường phái Ziirich.

quan hệ với cá nhân tôi, nó thường xuất hiện với quan hệ bề ngoài (thí dụ như một từ hai nghĩa hoặc hai từ đồng nghĩa và thường có đặc trưng là quan hệ gián tiếp. Về điểm này, tốt nhất là chứng minh bằng mấy dẫn chứng đơn giản sau đây:

Dẫn chứng 1: Có một bệnh nhân đề nghị tôi giới thiệu ông với một viện điều dưỡng ở Riviera. Tôi biết tên một đồng sự người Pháp từng làm việc ở đó, nhưng lại không nhớ tên viện điều dưỡng ấy, tuy tôi có trí nhớ rất lâu bền. Không nhớ ra ngay được tôi bảo người bệnh chờ một lát, sau đó tôi lập tức hỏi bà nhà tôi: "Bà có nhớ cái viện điều dưỡng ở gần Genova do bác sĩ... làm chủ quản, ông... đã điều trị ở đó rất lâu, tên là gì không?". Bà nhà tôi nói: "Lẽ nào ông mà cũng quên tên viện điều dưỡng ấy à? Đó là viện điều dưỡng Nervi (tên Latin là Thần kinh). Tôi thừa nhận rằng, về bệnh thần kinh thì tôi đã xử lý rất nhiều trường hợp rồi.

Dẫn chứng 2: Một bệnh nhân khác cùng tôi tán chuyện về khách sạn nghỉ mát ở lân cận, ông ta tuyên bố theo trí nhớ của ông ta thì ngoài hai khách sạn có tiếng ra, còn có một khách sạn thứ ba, nhưng ông chưa nói ngay cho tôi biết tên khách sạn ấy. Tôi tranh cãi với ông về vấn đề có cái khách sạn thứ ba ấy hay không và nói rằng tôi đã đi nghỉ ở đó 7 lần, nên chắc chắn biết rõ hơn ông ta. Nhưng trong khi tranh cãi, ông ta nói toạc cái tên của khách sạn ấy là

Hochwartner. Thế là tôi chỉ còn cách là chịu thua và phải thừa nhận trong 7 lần đi nghỉ tôi đều nghỉ ở gần cái khách sạn mà tôi khăng khăng phủ nhận sự tồn tại của nó. Tại sao tôi lại quên tên và phủ nhận sự tồn tại của khách sạn này? Tôi tin rằng tại vì khi đọc cái tên ấy nó giống cái tên của một đồng sự của tôi ở Wien. Thêm nữa là nó động chạm tới cái "phức cảm nghề nghiệp của tôi" (professional complex).

Dẫn chứng 3: Một lần khác, khi tôi mua vé tàu ở ga Reichenhall tôi quên tên ga xuống tàu. Tôi rất quen ga này, vì tôi thường xuyên đi qua. Tôi đành phải tra trên bảng thông báo. Tên ga ấy là Rosenheim. Sau đó, tôi biết tại sao tôi quên tên ga này. Nguyên là thế này, trước đó một giờ, tôi tới thăm cô em tôi ở gần Reichenhall. Do tên em tôi là Rasa. Rosenheim là Rose - home (nhà của Rosa), "phức cảm họ hàng" (family complex) làm tôi quên tên ga.

Dẫn chứng 4: Tôi có nhiều dẫn chứng có thể dùng để chứng minh sự quên lãng do "phức tâm họ hàng" gây ra.

Một hôm, em của một bệnh nhân tới phòng tư vấn của tôi ⁽¹⁾. Tôi từng gặp ông ta nhiều lần, thường gọi tên ông. Lần này, khi muốn nói chuyện với ông tôi phát hiện tôi đã quên mất tên ông ta (cái tên này

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1901 và 1904 dẫn chứng này ghi ở chú thích chương II. Trong lần xuất bản năm 1907, sau khi thêm chương III, dẫn chứng này được đưa về vị trí này.

rất bình thường), không sao nhớ ra được. Tôi đành phải chạy ra xem cái tên cửa hàng, vừa nhìn thấy tên cửa hàng tôi liền nhớ ngay ra tên ông ta. Sau khi phân tích cái "khúc nhạc đệm" này, tôi rõ ra rằng, tôi đã so sánh tên của em bệnh nhân với tên em tôi và đặt ra một câu hỏi: "Nếu ở vào trường hợp tương tự, em tôi sẽ làm như thế hay ngược lại?" ⁽¹⁾. Người ta rất có thể gặp may trong mối quan hệ bên ngoài giữa những suy nghĩ về gia đình mình và gia đình người khác. Mẹ của hai người này đều tên là Amalia. Sau này, khi nhớ lại tôi cũng biết cái tên thay thế Daniel và Frauz chẳng làm cho tôi khôn hơn. Những cái tên thay thế ấy và cả cái tên Amanlia đều có trong vở kịch "Kẻ cướp" (Die Rauber) của Schiller, hơn nữa đều có liên quan với câu chuyện khôi hài do người theo chủ nghĩa đi bộ ở Wien (Vienna Walker) tên là Daniel Spitzer ⁽²⁾ sáng tác.

Dẫn chứng 5: Có một dạo tôi không sao nhớ ra được tên một người bệnh có quan hệ nào đó với tôi từ trước kia. Phân tích vòng vo mãi tôi mới nhớ ra. Bệnh nhân này nói với tôi rằng ông ta sợ bị mù. Điều đó khiến tôi nhớ tới một thanh niên bị bắn

⁽¹⁾ Trong bản xuất bản năm 1901 và 1904 câu này như sau: "Nếu gặp trường hợp tương tự liệu em tôi có đối xử với người chị đang đau ốm của mình như thế không?"

⁽²⁾ Daniel Spitzer là một nhà du lịch nổi tiếng, ông viết theo định kỳ các bài về du lịch với tiêu đề "Đi khắp Viên" (Walles in Vienna). Trong một tập sách chuyện cười, Freud nhiều lần nói tới ông. Ở đây là lời đối thoại giữa Spitzer với một quả phụ phong tình lãng mạn.

mù, tiếp đó tôi lại nhớ ra một thanh niên dùng súng tự sát. Người sau trùng tên với người bệnh thứ nhất mặc dầu họ chẳng có quan hệ gì với nhau. Nhưng tới khi tôi nghĩ ra rằng tôi phải chuyển tâm lý bất an đối với hai anh thanh niên bị thương sang đối với người nào đó trong họ hàng nhà tôi thì tôi mới nhớ ra tên của người bệnh kia.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một loạt suy nghĩ "phức cảm cá nhân" của tôi. Những cái mà quên trong dẫn chứng này làm tôi phải chú ý. Tôi buộc phải so sánh những tin nghe được từ người khác ấy với bản thân tôi, nếu người khác làm tôi chú ý thì "phức cảm cá nhân" của tôi lập tức ở vào trạng thái cảnh giác. Điều này không phải chỉ xảy ra đối với riêng tôi. Chính nó cho biết bình thường chúng ta ghi nhớ sự vật xa lạ như thế nào. Tôi có lý do để tin rằng, về điều này, người khác cũng có kinh nghiệm như tôi.

Dẫn chứng tốt nhất về chuyện này là kinh nghiệm thiết thân của ngài Lederer truyền cho tôi.

Khi nghỉ tuần trăng mật ở Venezia, Lederer gặp một người hơi quen nhưng lại phải giới thiệu với vợ mình. Song ông lại quên mất tên người này, đành phải ậm ừ cho qua để không làm mọi người khó xử. Thế rồi ông lại gặp người này lần thứ hai ở Venezia, ông kéo người này ra một chỗ đề nghị người này cho biết tên vì chẳng may ông quên mất

rồi. Sự trả lời của người này cho thấy trình độ thông thạo phi phạm của loài người: "Tôi biết mà, ông không thể nhớ được tên tôi. Tên tôi giống như tên ông, Lederer" Khi ai đó gặp một người không quen biết mà lại giống tên mình thì thế nào cũng có cảm giác khó chịu. Gần đây, có một người tên là Freud tới đây để tôi tư vấn cho trong một giờ, tôi cũng thấy có cái cảm giác ấy (song, tôi cũng phải thừa nhận rằng, về điểm này, một người phê bình tôi, ông ta có cảm giác trái ngược với tôi) ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 6: Trong dẫn chứng do Jung đưa ra dưới đây, chúng ta cùng thấy tác động của "phức cảm cá nhân".

"Ngài Y yêu một cô gái, nhưng không được yêu lại. Không bao lâu, cô ta lấy ngài X. Mặc dầu ngài Y quen ngài X trong một thời gian dài, hơn nữa còn buôn đi bán lại với nhau, nhưng ngài hết lần này đến lần khác quên tên của ngài X, đến nỗi mấy lần ngài muốn gửi thư cho ngài X ngài đều phải hỏi người khác tên của ngài X.

So với dẫn chứng ở trên kia, sự liên quan của "phức cảm cá nhân" với sự quên lãng trong dẫn chứng này cơ hồ là do ngài Y không thích người tình địch số đỏ của ngài, ngài không muốn biết bất cứ điều gì có liên quan tới ngài X, "quyết không nhớ ra ngài".

⁽¹⁾ Câu này mới bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

Dẫn chứng 7: Nguyên nhân quên tên cũng có thể thuần túy do tâm trạng oán giận. Friinllein ở Budapest nêu ra một trường hợp như sau:

"Tôi từng đưa ra một lý luận. Tôi chú ý tới những người có thiên tài hội họa nhưng thường không biết âm nhạc, văn học. Một lần tôi và một người khác bàn luận về vấn đề này. Tôi nói: "Cho tới bây giờ, quan sát của tôi đều đúng, chỉ trừ một người. Khi nhớ ra người ấy thì tôi đã quên tên ông ta từ bao giờ ấy rồi, mà dẫu tôi biết người ấy là một trong những người bạn tốt của tôi. Vài hôm sau, một lần ngẫu nhiên, tôi nghe thấy ai đó nhắc tới tên người này, tôi lập tức nhớ ra chính ông ta là người phản đối lý luận của tôi. Sự oán giận ông ta từ trong tiềm thức khiến tôi quên tên ông ta, còn những cái khác thì tôi nhớ rất rõ".

Dẫn chứng 8: Dẫn chứng này do Ferencni đưa ra, cũng là sự lãng quên do "phức cảm cá nhân" gây ra. Việc phân tích sự lãng quên này rất có tác dụng gợi mở cho tôi. Vì phương pháp giải thích được sử dụng lần này là "phương thức liên tưởng thay thế" (giống như Botticelli và Boltraffio là tên thay thế của Signorelli vậy).

"Một phụ nữ nghe một số việc về phân tích tinh thần, nhưng lại không nhớ tên của nhà phân tích tinh thần ấy là Jung".

"Nhưng lại nhớ mấy cái tên sau đây: K1 (tên

một người), Wilde, Nietzsche, Hauptmann".

"Tôi không cho bà ta biết tên Jung, chỉ nghe bà ta tự do liên tưởng từng cái tên kia".

"Bắt đầu từ K1, bà ta lập tức nhớ ra Frau K1 (bà K1) - nhớ ra bà này, giới trang điểm, bà ta rất đẹp, không già đi. Còn ấn tượng đối với Wilde và Nietzsche thì bà ta nói là "điên rồ". Sau đó bà nói tiếp: "Những người thuộc trường phái Freud muốn tìm ra nguyên nhân điên rồ, rồi thì các ông cũng sẽ điên". Bà lại nói tiếp: "Tôi không thể chịu nổi cái ông Welde và Nietzsche. Tôi không hiểu họ. Tôi nghe nói họ đều là những người đồng tính luyến ái; Wilde đồng tính luyến ái với người trẻ tuổi (mặc dầu bà ta dùng tiếng Hungari gọi ra tên người này, nhưng ta không ý thức điều đó).

"Còn với Hauptmann, trước tiên bà ta nhớ ra Halbe ⁽¹⁾, sau đó nhớ ra cái chữ Jugend (thanh niên); khi tôi bảo bà ta chú ý cái chữ Jugend bà ta mới ý thức được rằng cái tên mà bà ta muốn tìm ra là Jung.

"Khi bà này 39 tuổi thì chồng chết, bà ta muốn đi bước nữa. Do đó, bà ta có đủ lý do tránh nghĩ tới các từ "youth" (thanh xuân) hoặc "age" (già lão). Rõ ràng rằng, suy nghĩ khi hồi tưởng lại tên đã quên hoàn toàn gắn với nội dung của tên ấy chứ không có quan hệ gì với việc phát âm cái tên ấy.

⁽¹⁾ Hauptmann và Halbe đều là nhà viết kịch người Đức nổi tiếng. Vô kịch nổi tiếng nhất của Halbe là "Thanh niên".

Dẫn chứng 9 ⁽¹⁾: Đây cũng là dẫn chứng về quên tên, có nguyên nhân khác và rất huyền diệu. Dưới đây là lời giải thích của bản thân đương sự.

"Một lần tôi tham dự thi vào lớp triết học nâng cao, chủ khảo hỏi tôi về học thuyết của Epicurus, sau đó lại hỏi tôi có biết mấy thế kỷ sau ai sẽ kế thừa học thuyết của ông. Tôi trả lời là Pierre Gassendi. Hai ngày trước đó, tại một quán cà phê, tôi nghe người ta nói ông này là em của Epiaurus. Khi được hỏi tôi quen biết Pierre Gassendi như thế nào, tôi hùng hồn trả lời rằng tôi thích ông ta từ rất lâu rồi. Do đó tôi được công nhận là học sinh xuất sắc. Nhưng điều chẳng may là, sau đó tôi quên mất tên của Gassendi. Cái tâm tình day dứt của tôi khiến tôi không sao nhớ ra tên ông. Do vậy, bấy giờ tôi không thể nói được rằng tôi rất hiểu ông".

Muốn hoàn toàn hiểu được nỗi lòng cay đắng của người cung cấp tư liệu này khi hồi tưởng khúc nhạc đệm thi cử thì bạn đọc phải biết rằng để theo đuổi cái học vị tiến sĩ ông đã phải trả giá lớn như thế đó.

Dẫn chứng 10 ⁽¹⁾: Ở đây tôi bổ sung thêm một dẫn chứng quên tên thành phố, có lẽ nó không được như những dẫn chứng trên, nhưng đối với những ai quen nghiên cứu về mặt này thì đây là dẫn chứng tin cậy và có giá trị. Tên của thành phố Italia này

⁽¹⁾ Dẫn chứng này ở trong bản xuất bản năm 1907.

⁽¹⁾ Dẫn chứng này bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

vì phát âm giống với tên của một phụ nữ có nhiều quan hệ về tình cảm mà bị quên. Ngài Saudor Ferenczi đã gặp trường hợp như thế, nên ngài phân tích ở góc độ là giấc mơ hoặc thần kinh quá mẫn cảm - trình độ phân tích khá hợp lý.

"Hôm nay tôi cùng trò chuyện với gia đình một người quen, câu chuyện chuyển sang những thành phố miền Bắc nước Italia. Có người cho rằng chúng vẫn giữ được dấu tích cũ của Áo, trong đó có một số thành phố họ vẫn nhớ tên. Tôi vốn cũng muốn nhắc tới một thành phố, nhưng không nhớ ra tên của thành phố ấy, tuy tôi đã từng nghỉ hai ngày rất thoải mái ở đó - đương nhiên, điều này không hoàn toàn phù hợp với học thuyết về sự lãng quên của Freud. Tôi đang lục trong đầu cái tên thành phố ấy thì bỗng loé lên mấy chữ có liên quan: Capua, Brescia và The Lion of Brescia (sư tử vùng Brescia).

"Hình ảnh con sư tử đá cẩm thạch hiện ra trước mắt tôi, nhưng tôi lập tức thấy nó không giống lắm với con sư tử do ở vùng Brescia (tôi chỉ thấy trong tranh), đem so với con sư tử bằng đá cẩm thạch nổi tiếng được tạc để kỷ niệm người cảnh vệ Thụy Sĩ Tuileries bị trói mà tôi nhìn thấy ở Lucerne thì tôi nhớ trên giá sách của tôi cũng có một con sư tử như thế được phục chế với kích thước nhỏ hơn. Thế rồi tôi nhớ ra cái tên của thành phố mà tôi đang lục trong đầu, đó là thành phố Verona".

"Đồng thời tôi cũng lập tức biết ai đã làm tôi quên như thế. Không ai khác chính là người hầu gái cũ mà tôi tới thăm bây giờ làm tôi quên tên thành phố ấy. Người hầu gái này tên là Veronika đọc theo âm Hungari thì là "Verona". Tôi rất ghét cô ta, vì cô ta có cái tướng mạo rất đáng ghét, cô ta tự cho rằng ở lâu rồi thì có quyền như thế. Đồng thời tôi cũng không chịu nổi cái lối hống hách với bọn trẻ nhà tôi. Tối lúc này tôi mới thấy ý nghĩa của những liên tưởng thay thế".

"Nhớ tới Capua tôi liền nhớ tới Caput morauum, tôi thường ví Veronika là xương đầu lâu. Chữ Hungari "Kapszi" (thần giữ của) càng tăng thêm nhân tố quyết định sự xuất hiện của liên tưởng thay thế. Tất nhiên, tôi cũng phát hiện hai chữ Capua và Verona càng có quan hệ trực tiếp về quan hệ địa lý về luật gieo vần của chữ Hungari.

"Đối với Brescia thì tình hình cũng giống như Capua, nhưng ở đây còn liên quan tới những suy nghĩ khác".

"Bấy giờ tôi ghét Veronika tới cực điểm, đến nỗi cứ thấy cô ta là tôi buồn rầu. Điều khiến tôi lấy làm lạ là thế mà vẫn có người yêu cô ta, làm tình với cô ta. Tôi nói: "Trời ạ, thì chắc chắn nôn thốc nôn tháo mà chết" ⁽¹⁾, và nó khiến người ta nhớ tới

⁽¹⁾ "Nausea" tương đương với "Brechreiz" (buồn nôn) trong tiếng Đức nửa trên của chữ "Brechreiz" phát âm tương tự với nửa đầu của chữ Brescia.

lính cảnh vệ Thụy Sĩ bị trói".

"Dấu sao thì ở Hungari khi người ta nhắc tới Brescia thì thường gắn với một loại động vật hoang dã khác chứ không phải với sư tử. Ở Hungari và miền Bắc Italia, cái tên mà người ta căm ghét nhất là tướng Haynau, người ta gọi là Hyaena of Brescia. Từ cái tên Haynau của tên bạo chúa bị căm ghét, dòng suy nghĩ đi từ Brescia tới thành Verona; còn một luồng suy nghĩ khác thì từ động vật đào mả có giọng kêu khàn khàn (điều này khiến tôi nghĩ tới những tấm bia mộ) liên tưởng tới xương đầu lâu, rồi lại nghĩ tới Veronika, cái tên khiến người ta buồn nôn. Bấy giờ Veronika đang ở nhà. Cô ta hống hách như tướng Haynau, người Hungari và Italia đấu tranh đòi tự do".

"Sở dĩ nghĩ tới Lucerne là vì mùa hè năm nọ Veronika cùng với gia đình chủ nhà sống ở gần thị trấn Lucerne. Còn như sở dĩ nghĩ tới lính cảnh vệ Thụy Sĩ thì hoàn toàn là vì nghĩ tới việc cô ta không những hống hách với trẻ nhỏ, mà đối với người lớn trong nhà chủ cũng thế, ra dáng là bà quản gia".

"Tôi cũng phải nói rằng sự căm ghét của tôi đối với Veronika dần dần nhạt đi. Và cũng bắt đầu từ khi đó, cái dáng vẻ bề ngoài và cả cử chỉ của cô ta cũng trở nên rất đẹp, rất tốt, và mỗi khi gặp lại cô ta tôi đều thực lòng chúc phúc cô ta, mặc dầu rất ít khi gặp cô. Tuy nhiên, vẫn như xưa, từ trong tiềm

thức của tôi, ấn tượng ghét trước kia đối với cô ta, không sao xoá sạch được.

"Còn Tuileries thì có ngầm ý rằng có liên quan với một người khác. Người này là một bà già người Pháp, thực tế thì bà "cai quản" đàn bà con gái trong cả nhà, già trẻ ai cũng tôn trọng bà đương nhiên, rõ ràng là cũng hơi sợ bà. Có một thời gian, tôi là élève (học trò) tiếng Pháp của bà. Cái chữ élève khiến tôi nhớ tới một sự kiện. Đó là khi tôi tới Bohemia thăm người em rể của chủ nhà, thấy người ở đó gọi học sinh trong trường lâm nghiệp là Lowen ⁽¹⁾ (sư tử) tôi phá lên cười.

"Có lẽ do nhớ lại cái sự kiện buồn cười ấy có chút liên quan tới quá trình sư tử thay thế linh cẩu (Hyaena)".

Dẫn chứng 11: Dẫn chúng dưới đây cho ta thấy phức cảm cá nhân chi phối cá nhân như thế nào, nó làm cho người ta chỉ vì việc nhỏ bé mà quên tên.

"Sáu tháng trước, hai người, một già một trẻ, từng cùng nhau đi du lịch Sicily, bây giờ họ đang bàn về những ngày vui tươi và đáng nhớ ấy. Người trẻ tuổi nói:

- Hãy nhớ lại xem, cái nơi mà chúng ta nghỉ đêm trước khi đi du lịch Selinunte gọi là gì? Có phải là Calatafini không?

⁽¹⁾ Âm tiết đầu của chữ Lowen phát theo tiếng địa phương thì giống như âm tiết thứ hai của chữ élève.

- Không phải - người nhiều tuổi phản đối - nhất định không phải. Mặc dầu tôi nhớ rất rõ từng chi tiết ở đó, nhưng lại quên tên nơi đó. Mỗi khi thấy người khác quên một cái tên nào đó, tôi cũng lập tức quên theo. Hãy để tôi nhớ lại xem sao! Không, tôi chỉ có thể nhớ ra cái tên Caltanissetta, nhưng không đúng!

- Vâng, không đúng. Cái tên ấy có chữ cái ở đầu là "W" kia, hoặc là trong đó có chữ "W" kia.

Người lớn tuổi bác lại:

- Trong chữ Italia không có chữ cái "W"

- Ý tôi nói là chữ cái "V" sở dĩ tôi nói thành "W" vì trong tiếng mẹ đẻ của tôi thường nói là "W".

Người lớn tuổi cũng phản đối chữ "V" ông nói:

- Tôi tin rằng tôi đã quên nhiều cái tên Sicily. Đây là một cơ hội tốt để làm thực nghiệm. Chẳng hạn, cái nơi mà thời cổ đại gọi là núi Enna nay gọi là gì? À tôi biết rồi, gọi là Castrogiovanni.

"Ngay sau đó người trẻ tuổi cũng nhớ ra cái địa danh bị quên, anh ta thốt lên: "Castelvetro" và đặc ý về việc anh ta chứng thực được chữ cái "V" mà anh ta đã đưa ra. Một lát sau, người lớn tuổi vẫn chưa thừa nhận, nhưng sau khi ông ta chấp nhận cái tên ấy, ông ta giải thích nguyên nhân quên lãng. Ông ta nói:

- Rất rõ ràng là vì phần sau của cái địa danh

này, "vetrano", nghe giống với "veteran" (già). Tôi biết tôi rất không muốn nghĩ tới vấn đề "già" mỗi khi ai đó nhắc tới vấn đề này tôi liền phản ứng rất mạnh, thí dụ: Gần đây tôi nhớ tới một người bạn đáng kính ⁽¹⁾, một lần ông ta nói với tôi với thái độ cực kỳ khiêm tốn, rằng: "Ông không còn trẻ nữa". Do đó tôi nghĩ rằng ông ta cũng "đã qua cái tuổi thanh xuân từ lâu rồi". Thế là tôi rất nhạy cảm với cái chuyện "già". Tôi mãi cảm là mãi cảm với bộ phận sau của Castelvetro, nhưng vẫn có thể chứng minh từ cái từ thay thế Cabtanissetta".

"Người trẻ tuổi hỏi:

- Vậy bản thân cái tên Caltanissetta ấy là thế nào?

- "Đối với tôi, nó tựa như một cách gọi thân mật đối với một thiếu phụ - người lớn tuổi đáp, và bổ sung: Tất nhiên, cái tên Enna cũng là tên thay thế. Thôi tôi, cái tên Castrogiovanni xuất hiện là có nguyên cớ của nó, giống như Castelvetro có ngầm ý là "Veteran" (già) nó có ngầm ý là giovane (trẻ)".

"Người nhiều tuổi thì tin tưởng rằng ông ta quên tên như vậy, còn nguyên nhân quên tên ở người trẻ tuổi là gì thì chưa tìm hiểu kỹ".

Không chỉ nguyên nhân quên tên mà cả cơ chế của nó cũng được chúng ta chú ý ⁽²⁾. Trong nhiều

⁽¹⁾ Người bạn này tên là Putnam. Khi Freud dịch một bài viết của Putnam, ông có bình luận trong lời chú thích.

⁽²⁾ Từ đoạn này và dẫn chứng 12 đến dẫn chứng 17 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

dẫn chứng, tên bị quên không phải do bản thân tên gọi gây ra mà do sự tương tự về phát âm với tên khác (từ giai âm) gây ra. Nếu những nhân tố quyết định ấy được giản đơn hoá như thế thì rõ ràng hiện tượng quên ấy càng dễ xảy ra. Điều này có thể thấy qua những dẫn chứng sau.

Dẫn chứng 12: Dẫn chứng này do Edward Hitchman cung cấp.

"Ông N muốn nói cho một người nào đó tên 2 công ty Gilhofer và Ranschburg ở Wien. Nhưng vất nát óc ông chỉ nhớ ra được cái tên Ranschburg, tuy ông rất quen thuộc công ty mà ông quên kia. Ông buồn bực đi về nhà, gọi người em đang ngủ dậy để hỏi xem nửa đầu của cái tên công ty ấy là gì. Em ông vừa nhắc tới cái tên Gilhofer, ông N lập tức nhớ ra cái tên Galhof. Galhof là nơi mấy tháng trước ông từng sánh vai với một cô gái trẻ đẹp, cô gái này tặng ông một vật làm kỷ niệm, trên vật kỷ niệm ấy có ghi "Giờ phút vui sướng của Galhof". Mấy ngày trước khi quên cái tên này, ông N kéo ngăn kéo bàn quá mạnh làm vỡ mất cái vật kỷ niệm ấy. Ông rất ân hận, vì ông biết cái điềm gở ấy có ý gì. Bấy giờ cảm tình của ông đối với cô gái này hơi mâu thuẫn, vì ông rất yêu cô, nhưng khi ngỏ lời thì cô lại do dự".

Dẫn chứng 13: Dẫn chứng này do Hanns Sachs cung cấp.

"Có một người trẻ tuổi khi bàn về Genova và

vùng lân cận ông ta muốn nhắc tới cái tên Pegli nhưng vất óc mãi mới nhớ ra. Trên đường về nhà ông ta rất buồn vì nghĩ rằng một cái tên quen thuộc như thế mà quên. Quên Pegli là vì phát âm tương tự với "Peli". "Peli" là tên một hòn đảo ở biển Nam, cư dân trên đảo vẫn giữ những phong tục rất kỳ lạ. Gần đây ông đọc thấy những phong tục ấy trong một tác phẩm về nhân chủng học. Bấy giờ, ông quyết định dùng những tư liệu ấy để bảo vệ giả thuyết của mình. Sau đó ông lại phát hiện "Peli" cũng là một địa điểm được dùng làm bối cảnh câu chuyện trong tiểu thuyết mà ông rất thích đọc. Tiểu thuyết này tên là "Van Zanten's gliicklichste zeit" (Giờ phút hạnh phúc của Van Zanten). Hôm ấy một bức thư hiện lên trong đầu ông, bức thư ấy do người bạn gái gửi cho ông, ông nhận được ngay trong ngày hôm ấy. Trong bức thư này, cô gái bảo ông rằng hoãn cuộc hẹn hò. Suốt ngày hôm ấy tâm tư ông rối bời. Tối, sau khi ra khỏi nhà, ông tự nhủ không để cái tin buồn ấy giày vò nữa, thế rồi ông đi tới một nơi hội họp. Ở đây, ông gắng bình tâm trở lại. Rõ ràng rằng, quyết định trên đã làm nhiều loạn trí nhớ cái từ "Pegli", vì phát âm từ này rất giống với phát âm từ "Peli". Do ông yêu thích nhân chủng học nên cái từ "Peli" có quan hệ với ông. Cái từ này không chỉ đại biểu cho Van Zanteu, mà còn là giờ phút hạnh phúc của bản thân ông. Do đó, mà ông có tâm tình buồn phiền suốt cả ngày. Mãi tới

khi ông nhận được thư của cô bạn gái giải thích lý do huỷ bỏ cuộc hẹn họ lần trước ông mới hết lo buồn, khắp khối chờ gặp nàng".

Từ đó cho thấy, sự quên lãng trong dẫn chứng này giống với sự quên lãng tên viện điều dưỡng Nervi trong dẫn chứng trên kia. Như vậy chúng ta đã rõ, sự giống nhau về phát âm của hai từ cũng tạo ra hiệu quả giống như một từ có hai hàm nghĩa.

Dẫn chứng 14: Năm 1915, khi ở Italia nổ ra chiến tranh, tôi phát hiện tôi quên nhiều địa danh ở Italia mà bình thường tôi rất quen thuộc. Giống như những người Đức khác, tôi cũng quen đi nghỉ ở Italia một thời gian. Rõ ràng, sở dĩ tôi bỗng quên nhiều địa danh ở Italia như thế là do hai nước Đức và Italia ở vào trạng thái đối đầu. Ngoài nguyên nhân trực tiếp gây ra sự quên tên này ra, nhân tố gián tiếp cũng gây ra tác động tương tự. Tôi có khuynh hướng quên địa danh Italia. Khi phân tích nguyên nhân quên hàng loạt địa danh Italia lần này tôi phát hiện với mức độ nào đó, âm của những địa danh này không giống âm tiếng Italia lắm. Do đó, một lần tôi định nhớ lại trên thị trấn Moravian ở Bisenz, nhưng không sao nhớ ra được. Cuối cùng, khi tôi nhớ ra thì tôi lập tức phát hiện cái tên bị quên này có liên quan với nơi tôi đi du lịch bấy giờ là Palazzo Bisenzi ở Orvieto. Thời gian đi du lịch Orvieto, tôi sống ở trong toà nhà nghệ thuật

toạ lạc ở Palazzo ⁽¹⁾. Trí nhớ lần này cũng vì có thay đổi về tình cảm mà bị quên.

Dẫn chứng dưới đây cũng cho chúng ta thấy có nhiều nguyên nhân gây ra hiện tượng quên tên.

Dẫn chứng 15: Dẫn chứng này do Storfer đưa ra.

"Một sáng tinh mơ, một bà ở Basle nhận được một tin nói rằng: Một người bạn thời trẻ của bà ở Berlin - Selna, đang nghỉ tuần trăng mật, sẽ đi qua Basle, nhưng chỉ lưu lại ở đó một ngày. Bà ta vội vàng tới khách sạn mà bạn bà ta đang nghỉ ở đó. Khi chia tay, họ hẹn trưa lại gặp nhau.

"Trưa, người đàn bà ở Basle quên hẹn. Tôi không biết tại sao bà ta quên hẹn, nhưng trong trường hợp đặc biệt (tức gặp bạn nữ mới cưới), người bạn nào cũng có thể sẽ không muốn gặp lại nữa. Điều khiến người ta chú ý là ở nguyên nhân sâu xa hơn trong dẫn chứng này, nó đại biểu cho sự tự bảo vệ trong tiềm thức. Sau khi gặp người bạn từ Berlin tới, người đàn bà Basle đi hội họp ở một nơi khác. Khi đang tán gẫu bà ta nghe nói diễn viên ca kịch giọng nữ cao ở Wien là Kurz ⁽²⁾ sắp cưới chồng, bà ta liền đưa ra quan điểm có tính chất phê phán. Nhưng, khi định nói tên của diễn viên này thì bà ta rất lúng túng, vì không nhớ ra tên của diễn viên

⁽¹⁾ Dẫn chứng này Freud nêu ra trong chương IV tác phẩm "Các bài giảng về phân tích tinh thần".

⁽²⁾ Kurz là diễn viên ca kịch giọng nữ cao rất nổi tiếng.

này. Bà ta rất buồn vì cái trí nhớ tồi tệ của mình khi ấy, mặc dầu bình thường bà ta vẫn nhớ tên diễn viên này. Trước lúc người khác nhắc tới cái tên Kurz ấy, câu chuyện được chuyển sang đề tài khác.

"Đêm hôm ấy, người đàn bà Basle lại gặp gỡ những người đã gặp gỡ trưa hôm ấy. Rõ khéo, câu chuyện lại xoay quanh cái tin lấy chồng của nữ diễn viên thành Wien. Lần này thì người đàn bà Basle dễ dàng nói ra cái tên Selna Kurz. "Trời ạ - bà kêu ré lên - tôi quên là trưa nay gặp lại bạn Selna của tôi". Bà ta cũng sức nhớ ra rằng giờ này thì bạn bà ta đã rời khỏi đó từ lâu rồi".

Có lẽ chúng ta chưa hiểu hết mọi khía cạnh trong dẫn chứng này. Dẫn chứng dưới đây càng đơn giản hơn. Mặc dầu đây không phải là dẫn chứng về quên tên mà là về quên chữ nước ngoài (như chúng ta đã biết, dấu là quên danh từ riêng, quên tên, quên chữ nước ngoài hay quên thứ tự chữ, quá trình quên đều như nhau). Dưới đây là trường hợp một người trẻ tuổi quên cái tiếng Anh "Gold" (vàng), thế rồi anh ta lợi dụng cơ hội ấy để thực hiện nguyện vọng của mình.

Dẫn chứng 16: Dẫn chứng này do Hanns Sachs cung cấp.

"Một thanh niên quen một cô gái người Anh trong một chung cư. Đêm đầu tiên họ quen nhau, chàng và nàng nói chuyện với nhau bằng tiếng mẹ

để của nàng. Chàng định xử dụng cái từ "Gold" trong tiếng Anh, nhưng chàng nghĩ nát óc vẫn không nghĩ ra. Ngược lại, cái từ "or" trong tiếng Pháp, Hy Lạp lại hiện lên trong đầu chàng làm từ thay thế, mặc dầu chàng biết rất rõ rằng chúng chẳng có liên quan gì tới cái từ tiếng Anh mà chàng đang tìm. Cuối cùng chàng tìm ra một biện pháp duy nhất giúp nàng làm cho nàng hiểu ý chàng đó là sờ nắn vào cái nhẫn vàng của nàng. Khi qua nàng mà chàng biết cái từ mà chàng quên giống như từ "Gold" trong tiếng Đức thì chàng vô cùng ngượng ngùng. Việc quên từ "Gold" đã cho anh ta có cơ để sờ nắn. Mà ý nghĩa của sự sờ nắn không chỉ ở chỗ nó là sự bày tỏ vui sướng và hài lòng của mình đối với người yêu, mà còn ở chỗ nó giúp đương sự bày tỏ tình yêu của mình. Trong tiềm thức của mình, cô gái cho rằng động cơ quên của chàng là tỏ tình, tuy biểu hiện bề ngoài thì chàng tỏ ra rất thờ ngây. Nhất là, nếu trong tiềm thức của mình nàng đồng cảm với chàng thanh niên đang trò chuyện với nàng thì nàng sẽ càng nghĩ như thế. Nàng chấp nhận động cơ sờ nắn của chàng, tuy đó chỉ là tiềm thức của hai người, nhưng lại có nghĩa là sự bắt đầu của một mối tình đôi lứa.

Dẫn chứng 17: Starcke cung cấp cho chúng ta một dẫn chứng có liên quan tới sự lãng quên danh từ riêng và sau đó được nhớ lại. Dẫn chứng này rất

nổi tiếng, cũng giống như dẫn chứng về "Cô dâu Korinth" ở trên kia, cũng là dẫn sai trật tự chữ trong một bài thơ.

"Ông Z là nhà luật học và ngôn ngữ học đã có tuổi. Trong một lần hội họp ông nói về một học sinh hết sức ngu xuẩn mà ông quen biết khi ông là học sinh ở Đức, ông kể ra một loạt chuyện về sự ngu xuẩn của học sinh này. Nhưng ông không nhớ ra tên của học sinh ấy. Ông nhớ là tên của học sinh này có chữ "W" ở đầu, nhưng sau đó bản thân ông lại tự phủ định điều ấy. Ông cũng nhớ rằng sau này học sinh ấy trở thành một chủ cửa hàng rượu. Sau đó ông lại nói về chuyện ngu xuẩn khác của học sinh ấy, điều khiến người lấy làm lạ là ông vẫn không nhớ ra tên của học sinh này. Tiếp đó ông nói:

"Anh ta ngu tới mức tôi không biết làm thế nào mới nhét được chữ latin và đầu anh ta". Sau đó một lát ông lại nghĩ rằng cái tên mà ngài muốn nhớ ra ấy có cái đuôi là "man". Lúc này tôi hỏi ông có còn nhớ ra được cái tên nào có cái đuôi là "man" nữa không. Ông nói có cái tên "Erdmann" (dịch chữ là người trái đất). Tôi hỏi ông rằng đó là ai vậy? Ông nói rằng là một học sinh khác khi xưa. Con gái ông nhớ rằng còn có một giáo sư tên "Erdmann". Mấu chốt của vấn đề đã bộc lộ ra. Tức là, vị giáo sư "Erdmann" này là biên tập viên của một tờ tạp chí, gần đây đã trả lại một bản thảo của ông Z, vì vị biên tập viên này không

đồng ý với quan điểm của ông Z. Vì thế mà ông Z buồn rười rượi (ngoài ra sau này tôi cũng phát hiện, mấy năm trước, ông Z cũng muốn có được cái vị trí mà hiện nay ông "Erdmann" đang giữ rịt lấy. Rất có khả năng đây cũng là một nguyên nhân làm cho cái tên này ở vào vị trí nhạy cảm như thế".

"Lúc này, ông Z bỗng nhớ ra tên của học sinh ngu xuẩn kia: "Lindeman" (dịch chữ là người bồ đề). Do ông Z đã nhớ ra cái tên mà cuối tên có chữ "man" kia, nên "Linde" (cây bồ đề) bị ức chế rất lâu. Được hỏi trước khi nhớ ra "Linde" cái gì hiện lên trong đầu, ông Z nói: "Tuyệt đối không có".

Khi tôi nhấn mạnh rằng ông Z có khẳng định có những cái gì đó gắn với từ này xuất hiện trong đầu ông ta, ông ta ngửa mặt nhìn lên trời, ngoáy ngón tay trên không một cái rồi nói: "Cây bồ đề - ừ, cây bồ đề". Không có suy nghĩ gì khác nữa xuất hiện trong đầu ông. Không ai nói gì nữa, người nào tiếp tục việc đọc sách của người ấy hoặc làm các hoạt động khác. Lát sau ông Z mới nói với giọng như nằm mơ một đoạn thơ: "Nếu anh đứng dưới đất bằng ống xương rắn chắc thì thậm chí cây bồ đề và cây nho cũng không sánh nổi".

"Tôi hoan hô và nói: "Ở đây có chữ Erdmann, ở đây có một "người đứng ở dưới đất" (Erdmann). Đó là Eardhman hoặc Erdmann ("người đứng ở dưới đất"), thậm chí ngay cả cây bồ đề (người bồ đề) và

cây nho (của hàng rượu) cũng không sánh kịp. Nói cách khác, Lindeman của chúng ta, tức người học trò ngu xuẩn, sau này trở thành chủ của hàng rượu, đành rằng rất ngu, nhưng Erdmann của chúng ta càng ngu hơn, thậm chí ngay cả vị Lindeman này cũng không bằng. Những lời nhạo báng hoặc chửi rủa từ trong tiềm thức như thế này rất phổ biến, nên mới nói rằng rất có khả năng tôi đã phát hiện nguyên nhân chủ yếu khiến ông Z quên tên.

"Tôi hỏi ông Z trích đoạn thơ ấy trong bài thơ nào. Ông ấy nói đó là thơ của Goethe, ông nói ông nhớ bài thơ ấy bắt đầu như sau: "Hãy để cho mọi người đều trở nên cao quý, có ích và lương thiện", tiếp đó là: "Nếu anh ta có thể nhắc mình lên, thì gió sẽ làm bạn với anh ta". Hôm sau tôi tra bài thơ ấy của Goethe thì thấy những câu thơ được dẫn ra trong dẫn chứng này đặc sắc hơn (mặc dầu cũng phức tạp hơn) như nó vốn có.

"1. Câu thứ nhất vốn là: "Nếu anh ta và ống xương rắn chắc...", "ống xương cong queo" (pliaud bones) là một tổ hợp vô cùng đặc biệt, nhưng ở đây tôi không phân tích sâu hơn nữa".

"2. Những câu tiếp theo của bài thơ này là:

"Trên mảnh đất có nền vĩnh cửu, rắn chắc, thậm chí ngay cả cây cao su và rượu nho cũng không sánh kịp".

"Từ đó ta thấy, toàn bộ bài thơ không hề nhắc tới Linden (cây bồ đề). Từ trong tiềm thức ông Z đổi oak (cây cao su) thành Linden (cây bồ đề) là có ý nhằm tạo ra khả năng hình thành quan hệ giữa "earth-Linden - Wine" (đất - cây bồ đề - cây nho)".

"3. Tên của bài thơ này là "Tính hữu hạn của con người" có ý so sánh sức mạnh nhỏ bé của con người với thượng đế toàn năng. Nhưng bài thơ mở đầu bằng câu "Hãy để cho mọi người đều trở nên cao quý, có ích, lương thiện" lại để ở mấy trang sau, có tên là "Tính thần thánh" cùng là chủ đề liên quan tới thần thánh và con người. Do dẫn chứng này không đi sâu phân tích thêm nữa, nên nhiều lắm tôi cũng chỉ có thể nêu ra ý kiến sau: chủ đề có liên quan tới sự sống và cái chết, tạm thời và vĩnh hằng sinh mệnh mềm yếu của con người và cái chết sắp tới cũng đều đóng vai trò nhất định trong việc tạo ra sự ra đời của dẫn chứng này.

Mọi quan điểm của môn phân tích tâm lý đều được vận dụng để giải thích nguyên nhân quên tên. Nếu ai muốn hiểu biết nhiều hơn về mặt này thì xin mời đọc bài của Ernest Jones ở London, bài này đã được dịch ra tiếng Đức ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 18: Ferenzi có chú ý tới khả năng việc quên tên có thể do chứng hysteria gây ra.

⁽¹⁾ Đoạn này bổ sung trong lần xuất bản năm 1912; dẫn chứng dưới đây bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

Trong trường hợp này, sự quên tên diễn ra theo một cơ chế rất khác. Điều này được Ferenczi phân tích như sau:

"Bấy giờ tôi chữa bệnh cho một cô gái chưa chồng, cô ta đang già đi, dầu là những danh từ riêng nổi tiếng nhất, cô ta quen thuộc nhất, cô ta cũng không nhớ ra, mặc dầu trí nhớ của cô rất tốt. Khi phân tích thì thấy rất rõ căn bệnh của cô ta là sự dốt nát của cô ta. Sự dốt nát của cô phản ánh trong việc cô ta trách móc cha mẹ không cho cô ta học cao lên nữa, cô ta bị dằn vặt, sinh ra suy nghĩ: các người đã biến ta thành con ỏ".

Nếu tôi muốn nói rõ mọi quan điểm sau này sẽ thảo luận tới thì tôi có thể dẫn ra nhiều hơn nữa dẫn chứng quên tên, do đó mà kéo dài chương này ra rất nhiều. Song, tôi muốn khái quát ngắn gọn kết luận của những phân tích này bằng mấy câu dưới đây.

Cơ chế quên tên (hoặc nói chính xác hơn, cơ chế không nhớ ra tên, tạm quên tên) là suy nghĩ khác trong tiềm thức khi ấy làm nhiều loạn sự tái hiện tên một cách có ý thức. Giữa tên bị nhiều loạn và phức cảm làm nhiều loạn tên ngay từ đầu đã có sự liên quan với nhau, hoặc sự liên quan được hình thành thông qua quan hệ bên ngoài - có lẽ là có tính chất nhân tạo.

Trong những phức cảm làm nhiều loạn tên thì

phức cảm cá nhân (như phức cảm về họ hàng, phức cảm nghề nghiệp) được chứng minh là có tác động lớn nhất.

Mỗi cái tên có nhiều nghĩa, do đó có quan hệ với nhiều loại phức cảm, nó và quan hệ của một loạt tư tưởng thường bị phức cảm khác khác mạnh hơn làm nhiễu loạn.

Trong những nguyên nhân gây ra nhiễu loạn thì nguyên nhân vì tránh thức tỉnh trí nhớ để khỏi gây ra đau khổ là nguyên nhân thường thấy.

Nói chung, có thể chia sự quên tên làm hai loại: Một loại là bản thân tên có liên quan với sự đau khổ; một loại nữa là tên này có liên quan với tên khác, và tên khác ấy lại có liên quan với sự việc đau khổ nào đó. Như vậy, tên gọi có thể do bản thân nó, cũng có thể do việc có liên quan hoặc xa hoặc gần với nó mà bị quên.

Tổng hợp những điều này chúng ta được biết tại sao quên chữ tạm thời lại là hiện tượng thường thấy nhất về công năng tâm lý của chúng ta.

Dẫn chứng 19: Tuy nhiên, còn lâu chúng ta mới mô tả hết được mọi đặc điểm của hiện tượng này. Mong rằng mọi người hãy chú ý một sự thật là việc quên tên có tính chất truyền nhiễm. Khi hai người nói chuyện với nhau, trong đó một người nói rằng họ quên cái tên này hoặc cái tên nọ, thế là người kia liền thấy trí nhớ của mình

cũng trực trặc như thế. Song, sự lãng quên lây nhiễm này sẽ mau chóng qua đi, cái tên bị quên rất dễ được nhớ lại. Nói một cách chặt chẽ, sự lãng quên có tính chất quần thể này là hiện tượng tâm lý nhóm, chưa được xem là đối tượng nghiên cứu của tâm lý học. Trong dẫn chứng duy nhất và rất tốt dưới đây, Reik đã giải thích rất hay hiện tượng kỳ lạ này.

"Trong một cuộc họp nho nhỏ ở trường đại học, hai nữ sinh viên khoa triết thảo luận nhiều vấn đề có liên quan tới sự ra đời của đạo Cơ Đốc và lịch sử nền văn minh. Trong đó một cô nói gần đây cô đọc một cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Anh, trong đó có một bức vẽ minh họa rất hay, nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo đã lầm lẫn niên đại của tập sách này. Cô còn nói thêm rằng, tập tiểu thuyết này mô tả cuộc đời của Kitô, từ khi ông ta được sinh ra tới lúc ông ta chết. Nhưng cô không nhớ ra tên tập tiểu thuyết này (bìa và kiểu chữ cái tên sách cô ta vẫn rất nhớ). Ba nam sinh viên có mặt cùng nói họ biết tập tiểu thuyết ấy, nhưng điều kỳ lạ là họ cũng không nói ra được tên tập tiểu thuyết này.

Cô nữ sinh viên ấy là người duy nhất tự tiến hành phân tích để tìm ra nguyên nhân quên tên tiểu thuyết. Tên tập sách này là "Ben Hur" do Lews Wallace sáng tác. Những suy nghĩ về tên thay thế mà có nghĩ tới là: "Ecce homo" - "Homo

sum" - "Quo vadis?" (Hãy xem kìa, người này - tôi là người - đi đâu?). Nữ sinh viên ấy tự ích thức được sở dĩ cô quên cái tên ấy là vì: Nó có một từ mà cô và bất kỳ cô gái nào cũng thích sử dụng - nhất là trong trường hợp có cái chàng trai trẻ?. Sự phân tích hết sức lý thú này là lời giải thích rất có ý nghĩa. Trong lời văn có ám chỉ này "homo" (người) cũng có ý không được hay lắm. Reik kết luận như sau: "Mặc dầu cô nữ sinh viên nọ đã nói ra cái tiêu đề không xác định trước mặt các chàng trai trẻ, nhưng cô vẫn thừa nhận cô từng có những nguyện vọng mà ngay cô cũng không chấp nhận. Điều chủ yếu hơn là, khi nói cái từ "Ber Hur" thì trong tiềm thức của cô "chúng" đồng nghĩa với sự cung cấp tình dục ⁽¹⁾. Do đó, ở cô, sự lãng quên có nghĩa là từ trong tiềm thức tránh sự cảm dỗ của tình dục. Chúng ta có lý do để cho rằng, tiềm thức tương tự gây ra sự quên lãng ở các chàng trai. Từ trong tiềm thức của mình họ hiểu cái gì thật sự trong sự quên lãng của nữ sinh viên ấy. Sự quên lãng của các chàng trai là tôn trọng sự đoan trang ấy của cô nữ sinh viên... sự đột ngột lãng quên của cô nữ sinh viên đang nói chuyện với họ là tín hiệu rõ ràng, về điều này, từ trong tiềm thức của mình các chàng trai biết hết sức rõ ràng.

Cũng có trường hợp liên tục quên tên, một loạt

⁽¹⁾ "Ber Hur" khi nghe giống như "bin Hure" (tôi là gái nhảy) trong tiếng Đức.

tên biến khỏi trí nhớ ⁽¹⁾. Nếu trong khi tích cực lục tìm tên bị quên mà tìm thấy tên khác có quan hệ với cái tên bị quên ấy thì thường cũng quên luôn những cái tên mới nghĩ ra này. Thế là từ chỗ quên tên này chuyển sang quên tên khác, tựa như đang có một trở ngại khó vượt qua vậy.

⁽¹⁾ Đoạn này bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

CHƯƠNG IV

HỒI ỨC THỜI THƠ ẤU VÀ KÝ ỨC - MÀN CHẨN

Trong bài thứ 2 đăng trên "Nguyệt san bệnh học tinh thần và bệnh học thần kinh", tôi từng đưa ra một quan điểm bất ngờ chứng minh rằng sự ghi nhớ của chúng ta thường có chủ định. Tôi bắt đầu phân tích từ sự thật đáng quan tâm là hồi ức của mỗi người ở thời kỳ thơ ấu sớm nhất thường giữ lại những cái rất vụn vặt, không quan trọng, còn những việc quan trọng, có ấn tượng sâu sắc, thú vị thì lại không để lại chút vết tích nào tới thời trưởng thành. Chúng ta như mọi người đều biết, có thể lựa chọn ấn tượng từ trong ký ức - về điểm này có thể giả định tiêu chuẩn lựa chọn của thời kỳ thơ ấu và thời tâm lý trưởng thành hoàn toàn như nhau. Nhưng, nghiên cứu kỹ thì thấy rằng sự giả định ấy là điều không cần thiết. Sự tồn tại của ký ức vụn vặt là do "tác dụng hoán chuyển". Chúng là vật

thay thế khi hồi tưởng những ấn tượng quan trọng khác. Với phương pháp phân tích tinh thần, sự ghi nhớ về những ấn tượng quan trọng này có thể hiện lên từ những ấn tượng vụn vặt. Nhưng do bị "che chắn" chúng không được nhớ ra một cách trực tiếp. Sở dĩ ký ức vụn vặt được giữ lại không phải do bản thân nội dung của chúng quan trọng mà do nội dung của chúng có quan hệ liên đới với một suy nghĩ khác bị ức chế, chúng được gọi là ký ức - màn chắn. Tôi cũng dùng danh từ này để mô tả ký ức vụn vặt ấy.

Trong bài viết mà tôi đã nhắc tới ở trên, tôi mới chỉ phân tích qua loa, chứ chưa phân tích kỹ các quan hệ và ý nghĩa các quan hệ của ký ức màn chắn. Trong bài viết ấy tôi đã đưa ra một dẫn chứng ⁽¹⁾, trong đó tôi đặc biệt nhấn mạnh đặc điểm về trật tự thời gian giữa ký ức - màn chắn và ký ức bị che chắn. Trong dẫn chứng này, nội dung của ký ức - màn chắn là ký ức trong những năm đầu tiên của thời kỳ thơ ấu, còn kinh nghiệm tâm lý thì được nó thay thế và nảy sinh tác động từ trong tiềm thức trong đời sống sau đó. Tôi gọi tác động chuyển dịch ấy là tác động chuyển dịch "ngược chiều" hoặc tác động chuyển dịch "thoái lui". Có lẽ quan hệ trái ngược là quan hệ thường thấy hơn: Ấn tượng vụn

⁽¹⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng cuối cùng của chương này là các trường hợp Freud đích thân trải qua.

vật gần nhất được nhớ lại với tư cách là ký ức - màn chắn, nó có cái đặc quyền này chỉ là vì nó có liên quan với kinh nghiệm trước kia, còn kinh nghiệm này thì do bị nhiễu loạn mà không thể được nhớ ra một cách trực tiếp. Những ký ức trước khi được thay thế ấy hoặc ký ức tương lai đều là ký ức - màn chắn. Ở đó, có những việc chủ yếu được ghi nhớ sớm hơn về mặt thời gian so với ký ức - màn chắn.

Cuối cùng, chúng ta còn thấy khả năng thứ ba, giữa ký ức - màn chắn và ký ức bị nó che chắn chẳng những có quan hệ với nhau về nội dung mà thời gian nảy sinh quan hệ cũng rất gần. Có thể gọi ký ức loại này là ký ức - màn chắn đồng thời hoặc ký ức - màn chắn gần kề.

Rốt cuộc trong ký ức của chúng ta có ngần nào có thể được xem là ký ức - màn chắn và nó đóng vai trò gì trong quá trình suy nghĩ của những người mắc bệnh thần kinh? Trong bài viết trước kia tôi chưa nghiên cứu vấn đề này, và tôi cũng không muốn nghiên cứu ở đây. Điều tôi quan tâm chỉ là giữa sự quên danh từ riêng, sự nhớ sai và ký ức - màn chắn có điểm khá giống nhau.

Thoạt nhìn, sự khác nhau giữa hai hiện tượng này được người ta chú ý hơn là sự giống nhau của chúng. Hiện tượng trên có liên quan với danh từ riêng; hiện tượng dưới có liên quan với toàn bộ ấn tượng hoặc sự việc đã xảy ra trong thực tế hoặc

trong tư tưởng. Cái trước nghiên cứu sự thất bại rõ ràng của công năng ký ức, cái sau nghiên cứu hành vi ký ức xem ra có vẻ kỳ lạ. Cái trước là dẫn chứng có liên quan tới sự nhiễu loạn - cái tên vừa mới bị quên mà trước đó được nhớ tới một cách chuẩn xác hàng trăm lần có khả năng ngày mai lại được nhớ lại; cái sau có liên quan tới sự ghi nhớ liên tục, vì ký ức vụn vặt thời thơ ấu phần nhiều đọng lại suốt cuộc đời người, không bao giờ quên nữa. Trọng điểm của hai dẫn chứng này rất khác nhau. Cái trước là sự quên lãng, cái sau là sự ghi nhớ, đều có khả năng khơi dậy ở chúng ta sự ham mê học thuật. Những nghiên cứu có liên quan cho thấy, tuy hai loại hiện tượng này ít nhiều có khác nhau về tư liệu tâm lý và độ dài thời gian, nhưng điểm giống nhau của chúng thì quan trọng hơn. Cả hai trường hợp đều là xử lý việc nhớ sai: Cái được nhớ ra trong trí nhớ không phải là cái vốn phải nhớ ra một cách chính xác, mà là cái khác dùng làm vật thay thế. Trong dẫn chứng về quên tên, hành vi ghi nhớ có diễn ra, mặc dầu cái được nhớ ra là tên thay thế; trong dẫn chứng về sự hình thành ký ức - màn chắn, việc quên ấn tượng khác quan trọng hơn được dùng làm cơ sở. Suy nghĩ về hai dẫn chứng này, chúng ta cảm thấy có lực lượng gây nhiễu loạn nào đó đang tác động, chỉ khác về hình thức nhiễu loạn mà thôi. Trong việc quên danh từ, chúng ta biết rõ rằng danh từ thay thế nó không đúng: Trong ký ức

- màn chắn, chúng ta ngỡ vực ký ức vụn vặt của mình. Cho nên, nếu việc phân tích tâm lý học chứng minh được rằng sự hình thành vật thay thế trong hai dẫn chứng ấy cùng bắt nguồn từ một phương thức, dựa vào quan hệ tiềm ẩn để gây ra tác động chuyển dịch thì càng làm tăng lòng tin của chúng ta đối với sự khác nhau giữa hai hiện tượng ấy về tư liệu ban đầu, độ dài thời gian và về trọng điểm, tức là tin rằng chúng ta đã phát hiện ra cái có giá trị quan trọng và phổ biến. Tính chất phổ biến này cho thấy khi ký ức gây ra sự ngưng trệ hoặc sai lạc thì chúng ta không thể tưởng tượng nổi hậu quả nhiễu loạn do nhân tố lệch lạc gây ra, tức là do mục đích nào đó người ta chỉ nhớ cái này hoặc quên cái kia ⁽¹⁾.

Theo tôi, đề tài "hồi ức thời thơ ấu" là đề tài quan trọng và thú vị, khiến tôi muốn nói ít lời vượt ra ngoài phạm vi tập sách này.

Chúng ta có thể hồi tưởng ký ức thời thơ ấu tới khi nào? Tôi có biết một số nghiên cứu về vấn đề này, như công trình nghiên cứu của V. Aud C. Henri và Potwin. Họ chỉ ra rằng, sự khác nhau về cá nhân giữa những người được điều tra rất lớn; có những người có thể hồi tưởng ký ức lui về tới khi 6 tháng tuổi, nhưng có những người lại quên sạch mọi điều từ 6 thậm chí 8 tuổi về trước. Nhưng sự khác nhau

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1904, chương này đến đây thì hết.

ấy về hồi ức thời thơ ấu có gì quan trọng và tại sao? Rõ ràng, kết quả điều tra trả lời bằng giấy về vấn đề này mà họ tiến hành chẳng thu được tư liệu gì quan trọng. Những cuộc nghiên cứu này phải do những người cung cấp tư liệu đích thân tham dự thì mới đạt được kết quả có ý nghĩa.

Tôi cho rằng, chúng ta quên thời kỳ còn bé ngủa - không nhớ ra được năm đầu tiên trong lịch sử cuộc đời - việc này chẳng có gì lạ. Chúng ta quên rằng đứa trẻ 4 tuổi, tâm trí, tình cảm đã phức tạp. Chúng ta biết rằng, hoạt động tâm lý ấy khó bị phai nhạt, mà in sâu trong lịch sử phát triển của mỗi cá nhân, mãi mãi ảnh hưởng tới tương lai của mỗi người. Chúng ta thật sự lấy làm lạ tại sao chúng lại không được giữ lại trong ký ức người đã lớn tuổi, những sự kiện có ảnh hưởng sâu xa ấy lại bị quên! Điều đó ám chỉ rằng tất phải có điều kiện đặc thù nào đó của ký ức mà đến nay chúng ta chưa nhận ra. Theo kết quả nghiên cứu mới nhất của chúng tôi, nghiên cứu sự lãng quên thời thơ ấu sẽ giúp chúng ta càng hiểu rõ nguyên nhân quên do bệnh thần kinh gây ra ⁽¹⁾.

Trong những hồi ức mừng lung về thời kỳ thơ ấu, có những việc xem ra tương đối hợp lý, nhưng cũng có những điều kỳ lạ không thể hiểu nổi. Hai

⁽¹⁾ Trong thư gửi Fliess ngày 10-3-1898, Freud đã đề cập tới sự liên quan giữa sự lãng quên thời thơ ấu với bệnh thần kinh. Bài viết thứ hai trong "Ba bài bản về tình dục" ông đã nói về vấn đề này.

điều này đều rất có thể là sai, uốn nắn không khó. Nếu dùng phương pháp phân tích để trắc nghiệm ký ức của ai đó thì chúng ta có thể mau chóng thấy rằng không ai có thể giữ được tính chính xác của ký ức ấy. Một số hình ảnh trong ký ức rõ ràng là giả, hoặc chấp vá, hoặc bị thay đổi về không gian, thời gian. Những ai tham dự trắc nghiệm mà tuyên bố rằng họ có thể hồi tưởng ký ức thời kỳ khoảng hai tuổi thì rõ ràng càng khó tin. Hơn nữa, chúng ta cũng mau chóng phát hiện ra động cơ làm biến dạng và thay đổi kinh nghiệm này. Đồng thời nó cũng chứng tỏ nhớ sai không phải chỉ do ký ức không đáng tin cậy gây ra. Cái xung lực mạnh sau thời kỳ thơ ấu luôn luôn tạo ra dung lượng ký ức về kinh nghiệm thời thơ ấu của chúng ta - có khả năng cũng chính tác động của xung lực này làm cho chúng ta không hiểu được những năm tháng thời thơ ấu của mình.

Như mọi người đều biết, khi nhớ lại, người lớn tuổi sử dụng tư liệu tâm lý khác nhau. Có người thông qua hình ảnh thị giác cho nên ký ức của họ có đặc trưng là thị giác; có người không thể nhớ ra được bóng dáng của hình ảnh thị giác mà họ đã từng thấy. Charcot gọi loại người này là *auditifs* (thính giác nhân) và *moteurs* (vận động giác nhân) để phân biệt với *visiels* (thị giác nhân). Sự phân biệt này tiêu tan trong giấc mơ: mọi giấc mơ của

chúng ta đều lấy thị giác làm chính. Trường hợp hồi ức thời thơ ấu cũng như thế: Chúng là hình ảnh thị giác có thể nhào nặn được ⁽¹⁾, thậm chí ở những người mà ký ức sau này bị mất đặc trưng hiện tượng thì thời thơ ấu cũng thế. Do đó, ký ức hình ảnh thị giác có màu sắc hồi ức thời thơ ấu. Tôi lấy mình làm ví dụ, chỉ có ký ức thời thơ ấu sớm nhất mới có đặc trưng hình ảnh thị giác: Chúng nhào nặn ra cái hình ảnh, giống như ảnh chụp khi biểu diễn nghệ thuật vậy. Trong những hình ảnh thời thơ ấu, dường như thật là chúng bị chứng minh là thật hay là giả, chúng ta vẫn thường thấy thể hình của mình và quần áo mặc trên người thời thơ ấu.

Tình hình này khiến người ta lấy làm lạ: Khi hồi tưởng những việc diễn ra thời kỳ sau này của mình, hình ảnh thị giác của người lớn tuổi không còn thấy bản thân mình nữa ⁽²⁾. Hơn nữa, theo tôi được biết, chúng ta cũng không thể tin sự chú ý của trẻ em chỉ nhằm vào mình chứ không nhằm vào ấn tượng bên ngoài. Những luận cứ này buộc tôi suy nghĩ: Cái gọi là hồi ức thời thơ ấu không thật sự là dấu vết ký ức, mà là sản phẩm đã được sửa sang lại. sự sửa sang này chịu nhiều ảnh hưởng của tâm trí sau này. Bởi vậy cái hồi ức thời thơ ấu "mù mờ" không chỉ mở rộng

⁽¹⁾ Trong nguyên bản: súc tính, tức tính chất mềm dẻo, chúng tôi tạm dịch - (N.D).

⁽²⁾ Quan điểm này được xác định trên cơ sở hàng loạt cuộc điều tra của Freud.

thêm ý nghĩa của "hồi ức- màn chắn, mà còn có điểm giống với thần thoại, truyền thuyết.

Ai cũng vậy, nếu dùng phương pháp phân tích tinh thần để phân tích tâm lý một số người thì có thể có được dẫn chứng thực về ký ức - màn chắn. Nhưng, giữa hồi ức thời thơ ấu mờ mờ và cuộc sống về sau cũng có quan hệ như trên. Báo cáo bằng dẫn chứng thực như thế dần dần trở nên rất khó khăn.

Muốn chứng tỏ hồi ức thời thơ ấu là ký ức - màn chắn thì e rằng phải báo cáo được toàn bộ lịch sử đời sống của cá nhân ấy. Chỉ trong tình hình hãn hữu như trong dẫn chứng dưới đây, tôi mới có thể báo cáo về ký ức thời thơ ấu của một người.

Một thanh niên 24 tuổi vẫn nhớ được một cảnh như sau khi anh ta 5 tuổi. Tại vườn hoa trong trại nghỉ mát, anh ta ngồi trên một chiếc ghế cạnh cô mình nghe bà dạy chữ cái. Anh ta cảm thấy khó phân biệt chữ m và n, bèn bảo bà cô nói cho mình biết hai chữ này khác nhau ở chỗ nào. Cô anh ta nói rằng chữ m nhiều hơn chữ n một nét, tức là có 3 nét. Tính chính xác của hồi ức thời thơ ấu này không có gì đáng ngờ. Nhưng sau này khi cảnh này tỏ ra là tiêu biểu có tính chất tượng trưng tính tò mò của trẻ nhỏ chúng ta mới hiểu được hàm ý của nó. Vì rằng, giống như bây giờ anh ta muốn phân biệt hai chữ cái m và n vậy, sau đó anh ta muốn biết con trai và con gái khác nhau ở chỗ nào và rất

muốn cô anh ta bảo cho biết! Nhưng anh ta đã phát hiện hai sự khác nhau này rất giống nhau - con trai nhiều hơn con gái cái bộ phận ấy. Khi này anh ta nhớ mãi cái tính tò mò thời thơ ấu.

Ở đây tôi xin đưa ra một dẫn chứng nữa về ký ức cuối thời thơ ấu ⁽¹⁾. Một người đàn ông cầm dục lâu ngày, nay ông ta đã 40 tuổi, là anh cả trong 9 anh em. Người em út của ông ta được sinh ra khi ông ta đã 15 tuổi, nhưng anh ta khẳng khẳng nói rằng anh ta chưa bao giờ chú ý tới mẹ anh ta ở cũ. Khi tôi tỏ ra nghi ngờ thì ông ta nói ra một hồi ức của mình như sau: Khi ông ta mười một, mười hai tuổi, một lần anh ta thấy mẹ mình vội vàng tụt quần, đứng trước gương soi. Anh ta lại bổ sung: Bà đi chợ về tỏ ra rất mệt mỏi. Tụt (Aufbinder) quần là ký ức - màn chắn của sự ở cũ (Entbindung). Tôi sẽ đưa ra một dẫn chứng về cách dùng "câu ngôn ngữ" này ⁽²⁾.

Tôi rất muốn đưa ra một dẫn chứng để nói lên rằng, bằng việc phân tích chúng ta có thể rút ra

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

⁽²⁾ Tìm trong bản xuất bản năm 1904, chúng ta thấy có dẫn chứng như sau: Tại hội nghị phân tích tâm lý họp ở Wien, tiến sĩ B chỉ ra rằng: "Chuyện thần tiên thường được dùng làm ký ức - màn chắn, giống như vỏ ốc được dùng làm chỗ trú thân cho cua vậy. Nhưng người ta không ai biết nguyên nhân tại sao chuyện thần tiên lại được ưa thích như thế" - "giấc mơ của ông P cho thấy, thực tế thì bằng tượng trưng cho sự ức chế dương vật cương lên, tức là khi lạnh đậm đối với tính dục thì dương vật như bị tê liệt, khác với khi hưng phấn tình dục. Chết thì cơ thể khô cứng, do đó hai khái niệm đối lập nhau, chết vì tính dục, thường gắn với nhau. Một người trong anh em nhà Henry từng đưa ra dẫn chứng để làm rõ việc lấy một khối băng làm ký ức - màn chắn về cái chết của bà nội họ".

được ý nghĩa từ ký ức thời thơ ấu trước đó tưởng chừng chẳng có ý nghĩa gì cả. Khi tôi 43 tuổi tôi bắt đầu thích thú với ký ức thời thơ ấu của mình, tôi thấy lâu nay có một hình ảnh cứ luôn luôn hiện lên trong đầu mình. Tôi có đủ chứng cứ để nói hình ảnh này diễn ra trước khi tôi ba tuổi ⁽¹⁾. Tôi thấy mình đứng trước giá treo áo (Kasten), khóc đòi cái gì đó, còn người anh cùng bố khác mẹ lớn hơn tôi 20 tuổi thì mở cửa tủ. Bỗng người mẹ xinh đẹp tinh tế của tôi bước vào phòng, hình như bà vừa đi chợ về. Đây là lời tôi mô tả khung cảnh ấy và lấy nó để nhào nặn ở trong đầu tôi một hình vẽ sinh động, nhưng tôi không biết cái gì đã thúc đẩy tôi ghi nhớ nó. Tôi không biết anh tôi định đóng hay định mở tủ áo - Trong bức vẽ này, điều tôi muốn làm rõ trước tiên là cái tủ áo này, tôi gọi nó là Schrauk ("buồng cất quần áo") - Tại sao tôi khóc và khi mẹ tôi tới thì bà xử lý việc này thế nào, những điều ấy tôi đều không rõ. Tôi rất muốn tự giải thích cho mình rằng: Ký ức này cho thấy anh tôi trêu tức tôi, nhưng bị mẹ tôi ngăn lại. Sự hiểu lầm hình ảnh thời thơ ấu ở trong ký ức như thế là điều rất thường thấy: Tôi nhớ ra một cảnh tượng, nhưng không nhớ trọng tâm ở đâu, cũng không nhớ về mặt tâm lý thì bộ phận nào mới là nơi

⁽¹⁾ Trong dẫn chứng Freud sự phân tích, ông nói khi gửi thư cho Fliess ông có nói tới việc ký ức - màn chắn đóng vai trò quan trọng. Thư viết từ ngày 3 - 10 - 1897, khi Freud 42 tuổi. Câu chuyện về người bảo mẫu chúng ta có thể tham khảo trong sách "Giải phẫu giấc mơ".

đặt trọng điểm. Cố gắng phân tích bức vẽ ấy tôi có được một đáp án bất ngờ. Tôi không tìm thấy mẹ tôi, lúc đầu tôi nghi ngờ bà bị nhốt trong nhà cất quần áo hoặc trong tủ, nên tôi khẳng định đòi anh tôi mở tủ ra cho tôi xem. Khi anh thoả mãn đòi hỏi của tôi và tôi tin chắc mẹ tôi không có trong tủ, tôi mới bắt đầu khóc, ngay sau đó, mẹ tôi có mặt, an ủi tôi. Vậy thì tại sao trẻ con lại tìm mẹ chúng ở trong tủ? Ngay trong ngày tôi phân tích ký ức ấy tôi mơ màng mơ thấy bà vú nuôi mà tôi còn nhớ lơ mơ.

Tôi còn nhớ bà thường chỉ mặt bắt tôi đưa cho bà những đồng tiền lẻ mà người khác cho tôi - có lẽ chi tiết này là ký ức - màn chắn đối với những vật sau này. Lần ấy tôi muốn nhanh chóng có được lời giải đáp cho vấn đề này. Thế là tôi quyết định đi mời người mẹ già nua của tôi nói về bà vú nuôi. Té ra là, bà vú nuôi gian xảo bất trung ấy nhân khi mẹ tôi ốm nặng lấy trộm nhiều thứ của nhà tôi. Anh cùng cha khác mẹ của tôi mang bà đi kiện. Nghe xong tôi bỗng phát hiện chiếc chìa khoá giải mã hình ảnh thời thơ ấu. Sự lảng lạng ra đi của bà vú nuôi có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi: Có lẽ do tôi cũng biết sơ sơ anh tôi có liên quan với việc này nên tôi mới hỏi anh ấy bà vú nuôi ở đâu; anh tôi xưa nay là người nhanh trí, hay khôi hài, thích dùng lối chơi cường, anh bảo rằng vú nuôi bị nhốt lại rồi (eingekastet). Còn nhỏ, tôi chỉ hiểu được ý nổi của

câu nói ấy, cũng không hỏi thêm nữa. Không lâu sau, mẹ tôi tạm ra ngoài một lát, tôi nghi anh tôi "đem lòng bất lương", nhốt mẹ tôi lại như nhốt bà vú nuôi vậy, nên tôi đòi anh tôi mở tủ áo (kasten) ra. Tôi cũng hiểu tại sao khi giải thích các hiện tượng trong ký ức thời thơ ấu tôi lại nhấn mạnh sự gầy yếu của mẹ tôi như thế: Sự hồi phục sức khỏe của bà khiến tôi rất ngạc nhiên. Bây giờ, cô em gái kém tôi hai mươi tuổi rưỡi mới ra đời. Còn khi tôi ba tuổi thì người anh cùng cha khác mẹ của tôi không sống chung với tôi nữa ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chú thích này được bổ xung trong lần xuất bản năm 1924: bất kỳ người nào có hứng thú đối với đời sống tâm trí của trẻ lên ba đều rất dễ đoán ra nhân tố quyết định sâu xa hơn trong đời hỏi đối với người anh là gì. Trẻ chưa đầy ba tuổi đã biết cô em gái sắp sinh đang lớn lên trong bụng mẹ nó. Nó rất không muốn có thành viên mới này, do đó nó tỏ ra rất hoài nghi và lo sợ không biết trong bụng mẹ nó có còn ẩn giấu đứa trẻ nào khác nữa không. Đối với nó, phòng cất quần áo hoặc tủ áo tượng trưng cho cái bụng của mẹ nó. Cho nên nó kiên quyết đòi xem cái tủ áo ấy, bắt anh nó phải chứng thực. Từ các tư liệu khác có thể thấy rất rõ người anh thay thế vị trí của người cha và bị em coi là địch thủ. Ngoài việc nghi ngờ anh nó nhốt mẹ nó, nó còn nghi ngờ anh nó dẫn đứa trẻ sắp sinh vào bụng mẹ nó. Khi thấy trong tủ áo không có mẹ nó, nó giả vờ thất vọng. Sự giả vờ thất vọng này bắt nguồn từ động cơ bề ngoài của đời hỏi của trẻ con. Ngược lại, nó rất hài lòng khi mẹ nó trở về với thân hình gầy yếu. Xét từ động cơ ở cấp độ sâu hơn, có thể lý giải được điều này.

CHƯƠNG V

LỖ LỜI

Trong việc dùng từ chọn câu tiếng mẹ đẻ tuy chúng ta hiếm khi quên, nhưng rất thường thấy hiện tượng nhiễu loạn ở dạng khác, đó là hiện tượng "lỗ lời". Chúng ta thường cảm thấy có sự giống nhau giữa sự "lỗ lời" ở những người bình thường và "tật nói sai" ở những người có bệnh ⁽¹⁾.

Đọc tác phẩm về mặt này của những người đi trước, tôi rất lấy làm lạ. Năm 1895, Meringer và Mayer xuất bản tác phẩm "Những sai lạc khi nói và đọc". Quan điểm của họ rất khác với quan điểm của tôi. Một trong hai tác giả là nhà triết học, nhưng ông rất thích ngôn ngữ học, ông muốn tìm ra cái chung của những sai lạc. Ông hy vọng từ những cái

⁽¹⁾ Trong các tác phẩm có liên quan tới "hành vi sai lạc" Freud quy "sai lạc" là biểu hiện về dấu óc rối loạn. Nhưng ông cũng chỉ ra rằng, những biểu hiện sai lạc trong các trạng thái dưới đây thì rất khó phân biệt là sử dụng từ sai hay là bóp méo câu chữ: người khoẻ mạnh bị mệt mỏi, sức chú ý bị phân tán, bị ảnh hưởng bởi việc phiền phức.

chung ấy có thể suy ra "cơ chế tâm lý xác định" trong đó âm hưởng của mỗi chữ mỗi câu và giữa chữ với chữ tất phải có quan hệ với nhau theo phương thức hết sức đặc biệt ⁽¹⁾.

Các tác giả của tập sách nói trên đã thu thập được nhiều dẫn chứng về lỗi lời, hoàn toàn phân loại theo lối mô tả, trong đó có các dạng chủ yếu là nói lộn ngược, đặt từ sai vị trí, thay từ này bằng chữ khác. Ngoài ra còn số dạng không quan trọng (nói cách khác là không có ý nghĩa đối với mục đích của chúng ta). Trong các dạng nói trên, tác giả không phân biệt âm hưởng hoặc âm tiết của một chữ, hoặc những chữ nào đó trong cả câu.

Để giải thích các dạng lỗi lời mà mình đã quan sát thấy, Meringer đưa ra giả thiết cho rằng ngữ âm khác nhau có giá trị tâm lý khác nhau. Chẳng hạn, khi chúng ta nói thì âm hưởng đầu tiên của một chữ hoặc một chữ đầu tiên trong cả một câu lập tức vang động tới âm tiết sau đó hoặc chữ sau đó. Nhưng ý nghĩa này hầu như nảy sinh đồng thời, nên chúng thường tác động lẫn nhau, biến đổi đối phương. Lúc này, về tâm lý, âm hưởng mạnh hơn kích thích tiếng vang có trước hoặc sau đó vẫn để lại dư âm, do đó làm nhiều loạn sự nảy sinh ý nghĩ không quan trọng. Vì vậy, vấn đề là

⁽¹⁾ Nếu không có lời chú cụ thể, sách tham khảo của chương này đều là sách của Meringer và Mayer.

tìm ra trong một chữ thì âm hưởng nào có giá trị quan trọng nhất. Meringer cho rằng: "Nếu chúng ta muốn biết trong một chữ âm hưởng nào mạnh nhất thì khi cố gắng tìm chữ bị quên, như một danh từ chẳng hạn, chúng ta phải tự xem xét mình một cách cẩn thận. Bất kể âm hưởng nào hiện về sớm nhất trong ý thức, trước khi quên, âm hưởng ấy bao giờ cũng là âm hưởng mạnh nhất". "Âm hưởng quan trọng nhất trong một chữ thường là âm tiết chính, hoặc âm đầu tiên của chữ ấy hoặc là nguyên âm có trọng âm".

Tôi đây thì tôi không thể không lớn tiếng phản đối. Bất kể là âm đầu tiên của một danh từ có phải là bộ phận quan trọng nhất của chữ ấy hay không, sau khi quên một chữ, âm hiện về đầu tiên trong ý thức chưa hẳn là âm đầu tiên. Vậy thì quy tắc nói trên còn có ý nghĩa gì? Quả vậy, khi chúng ta cố gắng lục tìm danh từ bị quên, chúng ta thường buộc mình nói ra chữ cái đầu tiên của danh từ ấy. Có khả năng chúng ta đoán đúng, cũng có khả năng chúng ta đoán sai chữ cái ấy. Tôi thậm chí có thể giải quyết rằng, trong đa số trường hợp, cái âm tiết đầu tiên mà chúng ta cố nghĩ ra thường không đúng. Thí dụ, như Sigacoreeli mà chúng tôi nói ở chương I, danh từ thay thế của nó bị mất âm tiết đầu, âm tiết chính cũng chẳng thấy đâu, nhưng cái âm tiết -elli- chẳng quan trọng gì thì lại hiện về

trong ký ức ⁽¹⁾, tạo ra danh từ Botticelli.

Có thể đưa ra dẫn chứng dưới đây để làm rõ, quan điểm cho rằng âm đầu của danh từ thay thế không nhất thiết là âm đầu của danh từ bị quên ⁽²⁾.

Một hôm, tôi không nhớ ra tên của một nước nhỏ có thủ đô là Monte Carlo. Tên thay thế liên tiếp hiện lên trong đầu tôi là: Piedmont (một tỉnh ở vùng Tây Bắc Italia), Abbania, Montevideo, Colico. Cái tên Albania mau chóng bị cái tên Montenegro (vùng Tây Nam Nam Tư giáp với phía Nam Albania) thay thế. Tôi bỗng nhớ ra rằng, ngoài Colicora các danh từ thay thế khác đều có âm tiết Mont. Thế rồi gờ cái tên Prince Ablbert tôi lập tức nhớ ra cái tên bị quên là Monaco. Chữ Colico hầu như mô phỏng toàn bộ trật tự âm tiết và luật ghép vần của chữ Monoco ⁽³⁾.

Nếu chúng ta nghĩ rằng cơ chế nảy sinh hiện tượng rõ lời có điểm rất giống với hiện tượng quên danh từ đã nói ở trên kia thì chúng ta đã tiến thêm được một bước nữa trong việc hiểu biết về rõ lời. Trước hết, sự nhiễu loạn về rõ lời có khả năng bắt

⁽¹⁾ Trong các lần xuất bản từ năm 1924 về trước, chỗ này đều dùng từ "ý thức".

⁽²⁾ Đoạn này và đoạn dưới đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽³⁾ Sau này, Freud dùng dẫn chứng này ở chương VI sách "các bài giảng về phân tích tinh thần". Ở đây ông giải thích đoạn này có hơi khác, nói một cách rõ hơn, súc là lấy Montenegro thay thế Albania rất có khả năng là do so sánh trắng với đen. Suy nghĩ này có liên quan với Munich - Monaco tiếng Italia khiến ông quên tên Monaco.

nguồn từ tác động của bộ phận khác trong cùng một câu - do dịch âm lên phía trước hoặc xuống phía sau - hoặc do sự nhiễu loạn của từ câu hoặc hàm nghĩa của nó trong bộ phận khác của cùng một câu, do đó mà xảy ra lỗi. Dẫn chứng trên vay mượn từ dẫn chứng của Meringer và Mayer. Nhưng mặt khác, sự nhiễu loạn cũng có thể bắt nguồn từ bản thân câu chữ, giống như trong chữ "Signorelli" vậy, hoàn toàn không liên quan gì với hàm nghĩa của toàn bộ câu nói, những điều mà chúng ta không tuyệt đối không định nói ra, chỉ vì câu nói bị nhiễu loạn, chúng ta mới đột nhiên phát hiện mình nói nhầm. Chỗ giống nhau của hai nguồn gốc lỗi khác nhau là ở chỗ ý nghĩ đều cùng đồng thời xuất hiện với từ ngữ ban đầu, còn điểm khác nhau giữa chúng là ở chỗ một cái thì nằm ở trong từ ngữ hoặc hàm nghĩa của nó, một cái thì nằm ở ngoài. Chợt nghĩ chúng ta cảm thấy chúng khác nhau chẳng là bao, nhưng một khi chúng ta lần ra được đầu mối của tất cả lỗi thì chúng ta sẽ dần dần thay đổi suy nghĩ ấy. Rõ ràng chỉ có ở trường hợp trước chúng ta mới có thể nói rằng sự tác động lẫn nhau giữa các thanh âm hoặc phát âm biểu hiện thành sự nhiễu loạn - đây là kết luận mà các nhà ngôn ngữ học muốn rút ra từ việc nghiên cứu hiện tượng nhiễu loạn. Khi ảnh hưởng của sự nhiễu loạn bắt nguồn từ bên ngoài từ ngữ và hàm nghĩa của nó, thì việc quan trọng hàng đầu là phải nhận thức đúng thành phần của sự nhiễu loạn ấy - sau đó mới có thể đặt vấn đề

rằng việc tìm hiểu cơ chế nhiễu loạn này phải chăng cũng có thể giúp chúng ta tìm hiểu sâu hơn nữa quy tắc hình thành ngôn ngữ.

Meringer và Mayer không phải không biết rằng, sự nhiễu loạn về ngôn ngữ có khả năng bắt nguồn từ "ảnh hưởng tâm lý phức tạp" có khi không thể tìm thấy nguyên nhân từ bản thân câu chữ. Quả là họ cũng biết rằng, lý luận về mức độ nhiễu hay ít của giá trị tâm lý của âm hưởng chỉ có thể dùng để giải thích sự nhiễu loạn của âm hưởng, chuyển dịch âm lên phía trước hoặc phía sau. Khi không thể đơn giản hoá sự nhiễu loạn của câu chữ là sự nhiễu loạn âm hưởng (thí dụ: thay đổi hoặc hỗn hợp câu chữ) họ kiên quyết tìm nguyên nhân sai lạc ở bên ngoài nguyên lý của câu nói - hơn nữa còn đưa ra dẫn chứng thoả đáng để chứng minh điều này. Tôi trích ra đây một số đoạn như sau:

"Ông Ru đang nói, ông muốn nói *"schweine-reien"* (buồn nôn, hàm ý ở mặt chữ là "như lợn"). Ông muốn nói một cách êm tai, nên ông bắt đầu như sau: "Nhưng sự thực thì *Vorochwein* ⁽¹⁾...". Khi ấy Mayer và tôi đều có mặt. Ông Ru kiên quyết nói rằng ông đã nghĩ tới từ *"Schweinereien"*. Nhưng sự thực thì các chữ nghĩ tới ấy lại đã được thay bằng từ *"Vorschweien"*, đây là dùng tính chất tương tự của

⁽¹⁾ Đáng lý ông Ru phải nói: *"Vorschein"* (như mọi người đều biết) thì ông lại nói: *"Vorschwein"*. Chữ này chẳng có ý nghĩa gì cả.

âm chữ để giải thích sự xuất hiện của từ thay thế".

"Tâm trạng của người nói làm cho vai trò thay thế rõ hơn là vai trò hỗn hợp. Tuy ở trạng thái vô thức, nhưng chúng vẫn tác động và dễ dàng thông qua đối thoại mà thể hiện mình với vai trò tương tự. Đó chính là nguyên nhân chúng có thể tách khỏi trật tự chữ cũ".

"Khi một chữ tương tự khác ở vào trạng thái vô thức thì tính chất tương tự ấy cũng có thể gây ra một dạng tách rời. Đó chính là dẫn chứng về sự thay thế - Tôi hy vọng khi thí nghiệm quan điểm này của tôi sẽ được chứng thực. Ngoài điểm này ra, còn cần phải chỉ ra rằng nếu người nói là người khác thì chúng ta phải có khái niệm rõ ràng về tư tưởng của người nói. Ở đây có một dẫn chứng rất có ý nghĩa. Ông Lee là thầy giáo, sau khi chúng tôi tới ông nói: "Cái bà ấy khiến tôi rất... ⁽¹⁾". Tôi giật mình. Vì "L" tôi khó lý giải, tôi hỏi ông tại sao lại thay đổi như thế. Ông Lee nói: "Vì tôi nghĩ: Tôi không nên ở vào vị trí ấy, vv..".

"Một dẫn chứng khác: Tôi hỏi ông R con ngựa ốm của ông thế nào rồi. Ông trả lời: Có lẽ còn có thể "draut" ⁽²⁾ vài tháng nữa. Tôi không rõ "draut" là gì, vì trong đó một âm uốn lưỡi "r", còn "r" trong chữ

⁽¹⁾ Ông Lee muốn nói rằng: "Cái bà ấy khiến tôi rất kinh hãi". Nhưng ông ta nói từ "einjagen" thành "eilagen".

⁽²⁾ Ông R, vốn định nói: "Có lẽ nó còn sống được vài tháng nữa", nhưng lại dùng chữ "draut" vô nghĩa thay cho từ "drauert".

"dauert" thì không thể phát âm là âm nổ như thế. Bởi vậy, khi ông tiếp tục giải thích rằng đó là một câu truyện "traurige" (đau buồn) thì tôi nghĩ rằng, trong đầu ông Lee này có hai suy nghĩ đan xen nhau do đó mà sinh ra sự thay đổi như thế.

Rõ ràng là, suy nghĩ tách khỏi tâm trạng của người nói ở vào trạng thái vô thức, không muốn nói ra, còn mọi tin ở trong đầu người nói thì trình tự của chúng gần như sự phân tích của chúng ta. Chúng ta cùng đang lục tìm tư liệu trong tiềm thức, chúng ta cũng đi theo con đường tương tự, ngoài việc người lỡ lời đã phát hiện ra nhân tố gây nhiễu loạn ra, thậm chí chúng ta đi càng xa hơn bằng những liên tưởng phức tạp hơn.

Tôi muốn bàn kỹ hơn về một lịch trình thú vị khác. Điều này đã được chứng minh trong dẫn chứng của Meringer. Ông cho rằng giữa chữ muốn nói ra và chữ không muốn nói ra có sự tương tự ở dạng nào đó, điều đó làm cho chữ không muốn nói ra thông qua sự biến dạng, hợp thành chữ cái, xuất hiện trong ý thức dưới hình thức chiết trung.

Jagen dauert vorschein

lagen traurigschwein

Trong tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ", tôi đã nói rằng, khi ý tiềm ẩn trong giấc mơ biến thành ý rõ ràng thì sự cô đọng là lực lượng rất quan trọng. Bất kỳ điểm giống nhau nào về đối tượng hoặc về văn

tự giữa hai loại tư liệu tiềm thức đều tự tạo thành cái thứ ba, đó là ý niệm hợp thành hoặc chiết trung. Về mặt ý rõ ràng của giấc mộng nó đồng thời đại biểu cho cả hai, cũng vì như thế nó khó tránh khỏi nhân quả phức tạp, tự mâu thuẫn. Cũng vậy, khi lỡ lời, trong sự hình thành tác dụng thay thế hay hỗn hợp có sẵn biểu hiện đầu tiên của sự cô đọng, còn trong việc xây dựng giấc mơ thì sự cô đọng giữ vị trí khá quan trọng ⁽¹⁾.

Trong một bài viết ngắn, Meringer đưa ra một quan điểm lý luận hết sức quan trọng và phù hợp với thực tế, đủ để làm rõ sự thay đổi một chữ - nhất là trường hợp một chữ được thay thế bằng một chữ khác có ý nghĩa hoàn toàn trái ngược. Ông nói: "Hẳn các bạn còn nhớ, khi đọc diễn văn khai mạc, chủ tịch Hạ nghị viện Áo nói: "Thưa các vị, tôi thấy số người dự hội nghị đã đủ theo luật định, bây giờ tôi tuyên bố "bế mạc" hội nghị". Cả phòng họp cười ồ lên, ông chủ tịch biết mình lỡ lời, vội vàng sửa lại" ⁽²⁾. Điều giải thích thuyết phục nhất trong dẫn chứng này là, vị chủ tịch cảm thấy hội nghị này chẳng đem lại lợi ích gì đặc biệt cho bản thân ông, nên vốn ông muốn hội nghị kết thúc sớm. Suy nghĩ này chỉ ít đã bộc lộ ra một chút ít - đây là trường

⁽¹⁾ Xem phần A chương VI tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ".

⁽²⁾ Sau này, trong chương II tác phẩm "Các bài giảng về phân tích tinh thần", Freud đã đưa ra dẫn chứng này và trong tác phẩm "Giáo trình cơ sở phân tích tâm lý" xuất bản năm 1938 ông cũng lại đưa ra dẫn chứng này.

hợp rất thường thấy - khiến ông nói nhầm "khai mạc" thành "bế mạc". Kinh nghiệm quan sát nhiều năm khiến tôi tin rằng chúng ta thường dùng nhầm từ ngữ có nghĩa trái ngược. Trong lời nói có ý thức của chúng ta, chúng có quan hệ với nhau, vị trí của chúng khá gần nhau, rất dễ bị nói sai ⁽¹⁾.

Không phải mọi dẫn chứng đều đơn giản như dẫn chứng về trường hợp ông chủ tịch Hạ nghị viện Áo có thể lập tức dùng mâu thuẫn nội tâm để giải thích tại sao nói lỡ lời bằng từ trái nghĩa. Chúng ta đã phân tích dẫn chứng "aliquis" (có người) cơ chế của nó cũng tương tự. Mâu thuẫn nội tâm khiến chúng ta quên một chữ và thay vào đó bằng một chữ khác trái nghĩa với chữ bị quên. Những cũng có điểm không giống: chữ "aliquis" không có từ tương phản nghĩa hoàn toàn như chữ "đóng" và "mở" hơn nữa chữ "mở" là chữ thường dùng hàng ngày, khó có thể quên được.

Nếu nói rằng trong dẫn chứng trên, Meringer và Mayer đã bảo chúng ta rằng, sự nhiễu loạn về ngôn ngữ một mặt có thể là do nói nhầm chữ nọ với chữ kia và do ảnh hưởng của chữ khác trong cùng một câu, mặt khác cũng có khả năng do tác động của câu chữ không liên quan gì tới nguyên lý của câu muốn nói, mà tác động này lại thường rất khó nhận ra. Vậy điều chúng ta muốn biết trước tiên là:

⁽¹⁾ Xem "Ý nghĩa tương phản của tự vựng chủ yếu" của Freud.

Liệu có thể phân biệt hai dạng lỗi lầm khác nhau này hay không và làm thế nào để phân biệt chúng thuộc dạng nào. Nhưng trước khi đi vào vấn đề này chúng ta hãy nghe Wundt nói. Trong một tác phẩm mới xuất bản gần đây của mình có liên quan tới quy tắc phát triển ngôn ngữ, ông có nói tới những biểu hiện của sự lỗi lầm.

Theo ngài Wundt, hiện tượng ở dạng này, chắc chắn chịu tác động của nhân tố tâm lý. "Trước tiên, âm thanh đã nói ra có thể gây ra một chuỗi liên tưởng thanh âm với chữ, từ đó là nguyên nhân quan trọng nhất gây ra lỗi lầm.

Ngoài ra, bình thường trong lòng chúng ta sức mạnh ý chí vốn có dồn nén luồng liên tưởng này, một khi sức mạnh ý chí này yếu đi thì dễ xảy ra lỗi lầm. Nếu sức chú ý chuyên chú vào một mặt nào đó, có khi cũng dễ xảy ra lỗi lầm. Biểu hiện của tác động liên tưởng này có lẽ mỗi lúc một khác, có khi những âm thanh không nên phát ra thì lại bị phát ra, có khi âm thanh đã phát ra lại được lặp lại, có khi có âm thanh thường nghe thấy bỗng đứng chen vào giữa câu, có nhiều khi chữ thay thế và chữ bị thay thế chẳng hề giống nhau tý nào về mặt phát âm - những nguyên nhân trên chỉ khác nhau về phương hướng, hoặc nhiều nhất cũng chỉ khác nhau về phạm vi liên tưởng, còn tính chất căn bản của chúng thì vẫn như nhau.

Có những trường hợp có khả năng khiến bạn khó quyết định phân loại như thế nào, chẳng thà giải thích bằng nhiều nguyên nhân, nói rằng nó "phức tạp tính phức tạp về nguyên nhân" thì cũng thích hợp.

Tôi cho rằng kiến giải của Wundt rất có ý nghĩa gợi mở và hợp lý. Có lẽ chúng ta có thể nhấn mạnh một cái sát thực hơn kết luận của Wundt, tức là cho rằng thông thường nhân tố chính diện (mạch liên tưởng chưa bị ức chế) và nhân tố phản diện (sức dồn nén giảm đi) cùng tác động gây ra lỗi, hai nhân tố này vốn chỉ là hai nguyên nhân khác nhau cùng một chặng đường mà thôi. Theo đà giảm đi của lực lượng dồn nén - hoặc nói một cách rõ ràng hơn, với sự giảm đi này, mạch liên tưởng không bị ức chế dần dần nảy sinh tác động.

Trong những dẫn chứng đã thu thập được về lỗi tôi rất khó tìm ra được dẫn chứng nào có thể chứng minh rằng nguyên nhân nhiễu loạn chỉ do hoặc hoàn toàn do "hiệu quả tiếp xúc thanh âm" gây ra như Wundt nói. Hầu như không có ngoại lệ, ngoài điều đó ra, tôi còn có thể tìm ra ảnh hưởng nào đó ngoài nguyên ý của câu nói: Sự nhiễu loạn có khả năng bắt nguồn từ một tư tưởng tiềm thức nào đó thể hiện trong sự lỗi, chỉ có tích cực phân tích thì mới có thể thấy được, hoặc cũng có thể bắt nguồn từ động cơ tâm lý tồn tại một cách phổ biến

hơn nhưng lại trái ngược với toàn bộ câu nói.

Dẫn chứng 1: Thấy cô con gái nhăn mày nhăn mặt cắn quả táo, tôi muốn dùng câu thơ sau để trêu nó: "Khi con khỉ cắn quả táo về mặt nó rất khôi hài". Nhưng vừa mở miệng tôi đã nói "Affe" (con khỉ) thành "Apfe" (một chữ không có trong thực tế). Điều đó cơ hồ đã lẫn lộn "Affe" (con khỉ) với "Apfel" (quả táo, do chiết trung mà ra) hoặc cũng có thể nói là lỡ lời theo kiểu nói chữ nọ giây ra chữ kia, chữ "Apfel" đã chuẩn bị sẵn ở trong đầu. Nhưng chân tướng của sự việc như sau: lúc đầu tôi đã đọc một lần lời dẫn, không đọc sai. Nhưng khi đọc lại tôi đã đọc sai. Đọc lại là cần thiết, vì con gái tôi bị việc khác làm phân tán sự chú ý, không nghe thấy tôi nói gì. Tôi nghĩ, sẽ khó chịu, khi đọc lại, mong đợi cho mau xong, đó là nguyên nhân lỡ lời lần này, nó thể hiện ở sự cô đọng.

Dẫn chứng 2: Con gái tôi nói: "Con đang viết thư cho bà Schresinger". Nhưng tên của bà này là Schlesinger kia. Có thể giải thích sự lỡ lời này bằng nguyên nhân dễ phát âm. Vì "l" khó phát âm hơn "r". Song tôi xin được nói rõ, sự sai lạc này của con gái tôi xảy ra không lâu sau khi tôi lỡ lời từ "Affe". Tính lây lan của sự lỡ lời rất mạnh, giống như quên tên vậy - Meringer và Mayer cũng đã chú ý tới điều này. Tôi cũng không biết giải thích tính lây lan về tâm lý này như thế nào.

Dẫn chứng 3: Vừa mới bắt đầu khám bệnh, nữ bệnh nhân nói: "Tôi cảm thấy mình giống *Tassenmescher* (Không có từ này trong thực tế) - ý của tôi là đã gấp lại như *Taschenmesser* (dao nhíp gấp lười lại được)". Lại một trường hợp nữa có thể quy nguyên nhân thay thế âm hưởng này là do khó phát âm (thí dụ: "*Wiener weiber wascherinnen waschen weisse wasche*" - cái áo trắng do nữ công nhân giặt quần áo ở Wien cũng trúc trắc như *Fischflosse* cái bong bóng cá). Nhưng khi tôi nhắc bà ta cần chú ý đối với sự lờ lờ này, bà ta lập tức đáp rằng: "Vâng, đó là vì hôm nay ông nói cái từ "Ernscht" ". Đúng như vậy, khi tiếp bà ta tôi nói: "Hôm nay chúng ta nên nói Ernst (thẳng thắn)" (vì đây là lần trao đổi cuối cùng trước khi chúng tôi kết thúc kỳ nghỉ), tôi trêu đùa, nói Ernst thành Ernscht ⁽¹⁾. Trong một giờ đồng hồ ấy, bà ta luôn lờ lờ.

Tôi phát hiện không phải bà ta nhại tôi, mà là vì do một nguyên nhân nào đó, trong tiềm thức của mình, bà ta hết sức lưu luyến cái từ Ernst" ⁽²⁾.

Dẫn chứng 4: Một lần khác một bệnh nhân

⁽¹⁾ Đây là cách phát âm của người vô văn hoá.

⁽²⁾ Sự thực thì khi ấy bà ta đang suy nghĩ từ trong tiềm thức về sự có thai và tránh thai. Bà ta nói "giống như con dao nhíp gấp lười lại được" là nói giọng oán trách một cách có ý thức. kỳ thực bà ta muốn miêu tả vị trí cái thai trong tử cung. Tôi nói cái chữ "Ernst" khiến bà ta nhớ ra cái tên của công ty nổi tiếng S.Ernst, công ty này chuyên quảng cáo dụng cụ tránh thai.

nói: "Tôi bị cảm nặng, không thể dùng Ase natnreu - Tôi nói Nase atnreu (mũi của tôi) - để thở" ⁽¹⁾. Bà ta lập tức biết mình nói sai. "Hàng ngày tôi đi xe điện từ phố Hasenauer. Sáng sớm hôm nay, khi tôi đứng chờ xe điện, nghe nói rằng từ Hasenauer tiếng Pháp nói là Asenauer, vì trong tiếng Pháp, người ta không phát âm chữ h đứng đầu chữ, tôi rất ngạc nhiên". Sau đó bà ta bắt đầu nhớ lại một loạt người Pháp mà bà ta quen biết, và nhớ lại vở diễn "Kurmarker and Picarde" ⁽³⁾ mà bà ta thủ một vai khi bà ta mới 14 tuổi. Một vị khách từ Paris tới thăm làm bà ta nhớ lại một loạt hồi ức này. Sự đan xen cái thanh âm bắt nguồn từ sự nhiễu loạn từ trong tiềm thức đối với những lời văn hoàn toàn khác nhau.

Dẫn chứng 5: Sự lẫn lộn của một bệnh nhân khác cũng có cơ chế tương tự. Khi cố nhớ lại tình hình thời thơ ấu đã bị quên từ lâu, bà ta không nhớ ra cái bộ phận trên thân thể bà ta bị một tay dâm đang chộp được là bộ phận nào. Sau đó không lâu bà ta đi thăm một người bạn nói về nơi nghỉ mát. Khi người bạn hỏi ngôi nhà nhỏ ở M tọa lạc ở chỗ nào, đáng lẽ bà ta nói Berglchue (đốc núi) thì bà ta lại nói Bergleude (sườn núi).

⁽¹⁾ Bà ta muốn nói: "Tôi không thể thở bằng mũi được" nhưng lại nói hai chữ cuối cùng thành Ase natnreu, hai chữ này chẳng có nghĩa gì.

⁽³⁾ Đây là vở ca kịch, do Louis Schneider, nhà sáng tác kịch bản ở Berlin sáng tác.

Dẫn chứng 6: Đây là sự việc xảy ra ở một bệnh nhân khác: sau khi cuộc trao đổi của chúng tôi kết thúc, tôi hỏi bà tình hình ông bác của bà có khá không, bà ta đáp: "Tôi không biết, hôm nay tôi chỉ đi thăm ông ta "in flagranti" (một cách ác ý). Hôm sau bà ta nói: "Tôi thật sự cảm thấy mất mặt về lời nói ngu xuẩn hôm qua. Tôi thường lẫn lộn lung tung những chữ nước ngoài, chắc hẳn ông cho tôi là người vô văn hoá! Thực tế là tôi định nói "en passant" (một cách ngẫu nhiên)" Khi ấy chúng tôi vẫn không hiểu tại sao bà ta dùng sai chữ nước ngoài. Nhưng ngay trong cuộc trao đổi ngày hôm ấy, nhân tiện nói về một đề tài mà ngày hôm trước chưa trao đổi xong, bà ta nói về một sự hồi tưởng, trong đó chủ yếu đều là các vai in flagranti (ác ý). Từ đó ta thấy, sự lỗ lòi trong ngày hôm trước chính là tiếng vang ⁽¹⁾ của cái ký ức mà khi ấy chưa thấm qua ý thức.

Dẫn chứng 7: Một lần, khi phân tích cho một bệnh nhân nữ khác nghe, tôi bảo với bà ta rằng tôi hoài nghi khi nói chuyện bà ta tỏ ý cảm thấy xấu hổ vì gia đình, tỏ ý trách móc cha bà ta, tuy tôi không biết bà ta trách móc cụ thể như thế nào. Bà ta không nhớ là có việc ấy và cảm thấy ngượng ngịu. Song, khi tiếp tục nói về gia đình mình, bà ta nói: " Có một điều cần phải khẳng định, họ rất

⁽¹⁾ Trong nguyên bản: tiền dịch. Chúng tôi tạm dịch.

"Geiz" (tham lam) - tôi nói là "Geist" (thông minh). Sự thực thì đây là lời trách móc bị dồn nén trong ký ức của bà ta. Ý nghĩ bị ức chế thì nó sẽ bị buộc miệng nói ra dưới hình thức lời lẽ những trường hợp như thế thường xuyên xảy ra. Chúng ta so sánh dẫn chứng này với dẫn chứng về "Zum Vorschwein gekommen" của Meringer thì có thể thấy điều khác duy nhất là: người nói chuyện với Meringer muốn tìm chế suy nghĩ trong ý thức của mình, còn bệnh nhân của tôi thì không biết mình có suy nghĩ nào bị ức chế.

Dẫn chứng 8:⁽¹⁾ Dẫn chứng dưới đây cũng là dẫn chứng về suy nghĩ bị ức chế một cách có ý.

Một lần tôi gặp hai người đàn bà ở Dolomites, họ ăn mặc như khách du lịch và đang đi bách bộ. Tôi cùng đi với họ một đoạn và trao đổi về cái thú của việc đi bách bộ. Một bà thừa nhận rằng đi bộ cả ngày thì rất chán. Bà ta nói: "Nếu một ngày đi lại dưới ánh nắng mặt trời thì mồ hôi sẽ thấm ướt hết áo ngắn và váy ngắn. Như vậy thì chẳng còn gì là thú vị nữa". Nói đến đây bà ta ngập ngừng, rồi lại nói tiếp: "Nhưng phải thay quần lót (hose)...". Tôi nghĩ rằng chẳng cần ngắt lời bà ta cũng có thể giải thích được sự lơ lửng của bà ta. Rõ ràng bà ta định kể la liệt những quần áo bà ta đang mặc trên người: áo

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ xung trong lần xuất bản năm 1917, lúc đầu để ở chương IX sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần" của Freud.

ngắn, váy ngắn, quần lót (hose). Phép lịch sự buộc bà ta kìm chế không nói ra cái vật thứ ba. Nhưng tới câu sau, do là chủ đề khác, nên cái chữ bị kìm nén ấy (nach Hause - về đến nhà) lại buột ra dưới hình thức biến dạng là nach Hose (thay quần lót).

Dẫn chứng 9: Một phụ nữ nói với tôi rằng: "Nếu ông muốn mua thảm thì tới Kaufmanu (danh từ riêng, cũng có ý là thương nhân) ở phố Matthaugasse (Matthew), tôi sẽ giới thiệu ông tới đó". Tôi nhắc lại rằng đó là Matthaus. Câu nói của bà ta khiến tôi chuyển chú ý sang một việc quan trọng hơn cái thảm. Khi chưa cưới tôi, vợ tôi sống ở phố Matthaugasse. Ở ngã tư phố này lối rẽ vào một phố khác, nhưng tôi không nhớ ra tên của đường phố đó. Cái tên "Matthaus" mà tôi nhớ mãi không quên ấy thực ra là tên thay thế cái tên phố mà tôi quên ấy. "Matthaus" là tên người, chứ không phải là "Kaufmanu". Tên phố bị quên cũng là tên người, là Radetzkg. Do vậy, so với "Kaufmanu", "Matthaus" đúng với tên của thương nhân kia hơn.

Dẫn chứng 10: Dẫn chứng này để ở chương X, chương "Sai lầm", sở dĩ tôi dẫn ra đây là vì quan hệ ngữ âm của nó rất rõ.

Một bệnh nhân nữ nói với tôi bà ta nằm mơ như sau: Một đứa bé quyết định cho rắn độc cắn, để tự tử. Bà ta thấy đứa bé quần quai vì đau đớn. Bây giờ bà ta phát hiện ấn tượng trong ngày hôm trước

gây ra giấc mơ này. Bà ta lập tức hồi tưởng lại những điều mà tối hôm trước bà ta nghe được tại buổi toạ đàm về cách xử lý khi bị rắn độc cắn. Tại buổi toạ đàm có ý kiến nói rằng nếu một người lớn và một đứa trẻ bị rắn độc cắn cùng một lúc thì cứu đứa trẻ trước. Bà ta cũng nhớ đơn thuốc mà người có ý kiến này kê đơn. Người này nói rằng tùy theo loại rắn độc nào cắn mà kê đơn cho thích hợp. Khi ấy, tôi cắt ngang và hỏi bà ta: "Ông ta có nói ở vùng ta đây có những loại rắn nào và loại nào nguy hiểm nhất hay không?". Bà ta nói: "Có, ông ta đặc biệt nói tới loại rắn Klapperscheauge (rắn đuôi kền)". Tôi bật cười, khiến bà ta hiểu ra là bà ta nói sai. Bà ta không cải chính tên loài rắn, nhưng thừa nhận rằng: "Đành rằng ở vùng chúng ta đây không thấy có rắn đuôi kền. Ông ta đang nói về rắn độc thì tôi sao có thể nhớ được rắn đuôi kền?". Tôi nghĩ rằng sở dĩ có hiện tượng này là do bà ta bị nhiễu loạn bởi suy nghĩ ẩn dấu đằng sau giấc mơ của bà ta. Cái mà phương thức tự sát bằng rắn độc ám chỉ là Klespatra xinh đẹp. Hai chữ này phát âm rất giống nhau, đều có "Kl...p...r" và thứ tự của những chữ cái của hai chữ ấy cũng như nhau, đều nhấn mạnh "a". Đây là điều rất rõ ràng. Sự giống nhau giữa "Klapperschlauge" và "Klespatra" khiến bà ta cho rằng điều mà người phát biểu tại buổi tọa đàm ấy nói là cách xử lý khi bị rắn đuôi kền cắn. Cũng như tôi, bà ta biết rằng ở nước chúng tôi không có loại

rắn đuôi kêu. Tôi không thể trách bà ta đã nói không hề đắn đo rằng ở Ai Cập có rắn đuôi kêu.

Vì chúng tôi cũng thường lẫn lộn những thứ quý, lạ của châu Phi và châu Âu với nhau. Bản thân tôi cũng đắn đo một hồi lâu mới dám khẳng định rắn đuôi kêu có ở châu Mỹ.

Tiếp tục phân tích, chân tướng của hiện tượng này ngày càng lộ rõ. Té ra là, trước đó một ngày người nằm mơ này lần đầu tiên đi tham quan bia kỷ niệm Mark Autony ⁽¹⁾, bức tượng này dựng ở gần nhà bà. Đây là nguyên nhân thứ hai gây hưng phấn cho giấc mơ của bà (nguyên nhân thứ nhất là buổi tọa đàm về rắn độc cắn). Trong giấc mơ, việc tiếp theo là bà ta đỡ cho đứa trẻ ngủ. Bối cảnh này khiến bà ta nhớ tới Gretcheu (trong tác phẩm "Faust" của Goethe), tiếp đó bà ta lại nhớ tới vở "Arria và Messalina", một vở bi kịch do Adoef Wlbroudt sáng tác. Từ việc xuất hiện của nhiều tên vở kịch trong giấc mơ của bà, chúng ta có thể suy luận rằng, từ nhỏ bà ta đã ước mơ làm diễn viên chuyên nghiệp. Giấc mơ vừa bắt đầu đã là "một đứa trẻ quyết định cho rắn độc cắn để tự tử" - sự thực thì có nghĩa là khi còn là một đứa trẻ bà ta đã quyết tâm có ngày trở thành một diễn viên nổi tiếng. Cuối cùng, cái tên Massalina dẫn bà ta đi

⁽¹⁾ Tượng đồng xanh do nhà điêu khắc người Áo Artur Strasser điêu khắc kỷ niệm Mark Autony chiến thắng trở về.

vào nội dung chủ yếu của giấc mơ. Một sự kiện cụ thể nào đó vào thời gian gần đó khiến bà ta lo ngay ngáy, đó là em trai duy nhất của bà lấy vợ không phải là người Aryau ⁽¹⁾. Bà ta cho rằng cuộc hôn nhân này không hợp thời hợp lẽ.

Dẫn chứng 11 ⁽²⁾: Tôi còn nhớ có một trường hợp rất đơn giản (có thể nói rằng nếu sử dụng lý luận động cơ thì không làm rõ được), vì nó phơi bày cơ chế rất rõ ràng.

Một người Đức đang đi du lịch ở Italia cần một chiếc dây da để buộc chặt cái va ly bị rách. "Dây da" (Riemen) tiếng Italia "Coreggia". Ông ta cho rằng cái tiếng Italia này rất dễ nhớ, chỉ cần nhớ ra tên họa sĩ Correggio là nhớ ra cái tiếng ấy. Sau đó, ông ta vào cửa hiệu mua una ribera ⁽³⁾.

Rõ ràng ông ta không thể dùng tiếng Italia thay cho tiếng Đức, nhưng cố gắng thì cũng không phải hoàn toàn không thành công. Ông ta biết rằng ông nhớ tên một họa sĩ, nhưng sau đó ông ta nói ra tên một họa sĩ giống với tiếng Đức là "Riemen" chứ không phải tên nhà họa sĩ giống với tiếng Italia kia. Tất nhiên, nếu tôi dùng dẫn chứng này để chứng minh sự quên tên thì thích hợp hơn là chứng minh sự lơ lửng.

⁽¹⁾ Tên gọi chung của các tộc người thuộc ngữ hệ Ấn Âu thế kỷ XIX-ND.

⁽²⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng 12 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽³⁾ Ribera là họa sĩ Tây Ban Nha nổi tiếng thế kỷ thứ XVII.

Khi tôi thu thập dẫn chứng về lỗi lầm cho lần xuất bản đầu tiên tập sách này, tôi phân tích những dẫn chứng mà tôi quan sát thấy, do đó mà có cả những dẫn chứng không có sức thuyết phục lắm này. Do sau này nhiều người đều thu thập và phân tích những dẫn chứng về lỗi lầm, nên tôi đã có thể chọn một số trong những tư liệu phong phú ấy làm dẫn chứng cho lý luận của tôi.

Dẫn chứng 12: Một thanh niên nói với chị mình rằng: "Em đã hoàn toàn cắt đứt quan hệ với nhà D rồi, giữa em với họ chẳng còn tình nghĩa gì nữa". Chị anh ta nói:

"Thật thế ư? Họ là "Loppochaft (không hề có cái chữ này) rất tốt kia mà!" Chị anh thanh niên vốn định nói "Sippschaft" (gia đình), nhưng do lỗi lầm nên thành ra có hai ý: em chị ta từng tán tỉnh con gái nhà ấy, nghe nói gần đây con gái nhà ấy đã tỏ tình (liebschaft) với người khác.

Dẫn chứng 13 ⁽¹⁾: Một thanh niên nói với một cô gái: "Thưa tiểu thư, tôi rất muốn begleitet-digen tiểu thư, nếu tiểu thư cho phép". Rõ ràng anh ta muốn nói rằng anh ta rất muốn cùng đi (begleiteu) với cô gái, nhưng lại sợ yêu cầu của mình làm nhục cô ta. Hai tâm tư mâu thuẫn nhau này khiến anh ta thổ lộ bằng một chữ dưới hình thức lỗi lầm - Điều

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912. Tại chương 2,3 sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" Freud cũng sử dụng dẫn chứng này.

này đủ chứng tỏ động cơ chân chính của anh thanh niên rất không đơn giản. Nhưng khi anh ta muốn che giấu suy nghĩ ấy thì tiềm thức của anh ta lại phản anh ta, đùa bỡn với anh ta. Mặt khác, anh ta cũng lượng định được rằng chắc chắn cô gái sẽ trả đũa: "Thật à? Anh dám làm gì tôi nào? Anh dám làm nhục tôi!" (dẫn chứng này do Lanke cung cấp).

Dưới đây tôi dẫn ra mấy dẫn chứng trong bài "Biểu hiện của vô thức" của Stekel ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 14: Trong tiềm thức của mình tôi cho rằng những ý nghĩ khiến người ta không vui có thể được nhận ra từ dẫn chứng dưới đây. Là thầy thuốc, tôi không tính toán tiền thù lao, chỉ quan tâm tới sự vui vẻ của bệnh nhân. Được tôi chạy chữa, sau một trận ốm nặng, một bệnh nhân nữ đang ở trong thời kỳ phục hồi sức khỏe. Chúng tôi đã trải qua bao ngày đêm gian nan vất vả. Tôi vô cùng vui mừng khi thấy bệnh tình của bà ta có chuyển biến tốt. Tôi vẽ một bức tranh mô tả giờ phút vui vẻ của bà ta ở Blbazia, sau đó tôi nói: "Tôi hy vọng bà sẽ vẫn nằm trên giường bệnh...". Rõ ràng, trong tiềm thức của mình, động cơ của chủ nghĩa cái tôi của tôi là muốn tiếp tục chăm sóc bệnh nhân nữ lẩm tiển này - cái nguyện vọng này lại hoàn toàn đi ngược lại ý thức của tôi và phủ định ý thức ấy.

⁽¹⁾ Từ dẫn chứng 14-20 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

Dẫn chứng 15: Vợ tôi thuê một gia sư dạy tiếng Pháp, khi hết hạn hợp đồng bà ấy ngỏ lời cảm ơn. Vị gia sư dạy tiếng Pháp này không dám nhận lời cảm ơn, vì cả buổi chiều vị ta đi tìm việc ⁽¹⁾. Rất rõ ràng, từ lâu vị ta đã có ý đi nơi khác, hoặc muốn tìm được việc dạy học ở nơi thích hợp - thực tế thì vị ta đã làm như thế.

Dẫn chứng 16: Tôi buộc phải tiến hành một cuộc trao đổi ý kiến chặt vật với một bà chủ gia đình: Làm theo yêu cầu của chồng bà ta, chồng bà ta đứng ở ngoài cửa nghe lỏm nội dung trao đổi của chúng tôi. Cuộc trao đổi kết thúc với kết quả rất lớn, tôi buột miệng nói: "Xin chào ngài, hẹn gặp lại". Đối với người thông minh thì tôi làm như thế là tự phản lại mình, vì rất có thể vì thế mà bà ta biết là tôi nói cho chồng bà ta nghe thấy, và nhận tiền thuê của chồng bà ta.

Dẫn chứng 17: Stakel nói rằng có lần ông điều trị cho hai bệnh nhân từ Trieste tới, ông thường xuyên gọi sai tên của họ. Khi chào Askoli ông ta nói: "Xin chào ngài Peloni". Còn khi chào Peloni ông ta nói: "Xin chào ngài Askoli". Lui đầu ông cho rằng việc lẫn lộn này chẳng có nguyên nhân gì sâu xa cả, nên giải thích rằng vì họ giống nhau quá.

⁽¹⁾ Vị gia sư này nói một câu rằng: Je cherche encore pour les après-midis, pardon, pour les avant-mi-dis (cả buổi chiều tôi đi tìm việc - xin lỗi, tôi muốn nói là "buổi sáng").

Nhưng rồi ông mau chóng hiểu ra rằng sự lẫn lộn này bắt nguồn từ một lần khoác lác: Ông muốn dựa vào đó để cho mỗi bệnh nhân người Italia này hiểu rằng không phải chỉ có bệnh nhân ở Trieste tới nhờ ông khám chữa bệnh.

Dẫn chứng 18: Stekel nói rằng, trong một cuộc tranh luận gay gắt, đáng lẽ ông phải nói:

"Bây giờ chúng ta chuyển sang mục 4 của chương trình nghị sự", nhưng ông lại nói: "Bây giờ chúng ta bắt đầu streiten (tranh cãi)".

Dẫn chứng 19: Khi phát biểu nhậm chức, một vị giáo sư nói: "Tôi không geneigt (muốn) - đáng lẽ phải nói geeignet (không có tư cách) đánh giá thành tích của vì tiền nhiệm đáng kính của chúng ta" ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 20: Stekel nói với một phụ nữ mà ông nghi tâm tư bị dồn nén rằng: "Kropf (tuyến giáp trạng) của bà to hơn của em bà" (trong khi đó vốn ông muốn nói rằng: "Bà cao hơn em bà một cái Kopf (đầu)").

Dẫn chứng 21⁽²⁾: Stekel nói: "Có một người muốn hình dung quan hệ giữa hai người bạn và nói rằng trong đó một người là người Do Thái. Ông nói: Họ sống với nhau như Caston và Pollak ⁽³⁾". Rõ ràng

⁽¹⁾ Tại chương II trong sách "Những bài giảng phân tích tinh thần" Freud đã dẫn ra dẫn chứng này.

⁽²⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng 22 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽³⁾ Castor và Pollux là anh em sinh đôi tại Thiên Quốc trong chuyện thần thoại Hy Lạp. Pollak là tên người Do Thái ở Wien.

đây không phải là nói đùa, tới lúc tôi nhắc nhở người nói câu nói này mới để ý là mình nói sai".

Dẫn chứng 22: Một phụ nữ trẻ mặc quần soóc nói với tôi rằng vì chồng ốm nên chị ta tìm thầy thuốc hỏi xem chồng chị ta phải kiêng ăn gì để giữ sức khỏe. Nhưng thầy thuốc lại bảo kiêng ăn chỉ là thứ yếu. Chị ta làm thêm một câu: "Anh ấy có thể ăn uống theo ý tôi" ⁽¹⁾.

Dưới đây là hai dẫn chứng do Reik cung cấp ⁽²⁾.

Dẫn chứng 23: Một vị đang an ủi một bà có chồng mới chết và bổ sung: "Nếu bà toàn tâm toàn ý Widmen (nuôi dưỡng) các con bà thì bà sẽ được an ủi". Nhưng ông ta lại nói Widmen thành WidWen ⁽³⁾. Điều mà suy nghĩ bị dồn nén nhấn tới là một sự an ủi khác: Bà quả phụ Witwe trẻ đẹp sẽ mau chóng được hưởng khoái cảm tính dục mới.

Dẫn chứng 24: Trong một buổi dạ hội một vị giống với cái vị ở dẫn chứng trên bàn luận với một phụ nữ về việc chuẩn bị các hoạt động quy mô lớn ở Berlin trong ngày lễ phục sinh, ông ta hỏi: "Hôm nay bà đã xem Auslage (triển lãm) ở Wertheim (một cửa hàng rất nổi tiếng) chưa". Ông ta không

⁽¹⁾ Tại chương II sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần" Freud cũng dẫn ra dẫn chứng này.

⁽²⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng 22 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽³⁾ Không có từ này.

dám tỏ lời thích cái bờ vai và bộ ngực để hở của chị phụ nữ ấy, nhưng cái từ Auslage (triển lãm) lại ngầm chứa hai ý ấy.

Dẫn chứng 25: Hans Sachs đưa ra một dẫn chứng như sau:

"Một chị phụ nữ kể với tôi về việc của một anh bạn chị. Chị ta nói rằng, lần cuối cùng khi chị gặp anh bạn ấy thì thấy anh ta ăn mặc rất bảnh bao, đặc biệt là đôi dép Halbschuhe màu nâu rất đẹp. Tôi hỏi chỉ gặp anh ta ở đâu thì được trả lời: "Anh ta bấm chuông cửa nhà tôi, tôi nhìn qua "mắt thần" thấy anh ta. Nhưng tôi không mở cửa, vì tôi không muốn anh ta biết tôi đã về". Nghe tới đây tôi có cảm giác chị ta giấu tôi điều gì đó. Rất có khả năng lý do không mở cửa là do không phải chỉ có một mình chị ta ở nhà, không tiện tiếp anh bạn kia. Tôi hỏi với vẻ châm biếm: "Sở dĩ chị thích đôi dép Hausschule (dép đi trong nhà - tôi có ý nói dép Halbschuhe - do nhìn qua "mắt thần" nó biến dạng chẳng?". Khi tôi nói "Hausschube" (dép đi trong nhà) tôi nghĩ tới "Hausschube" áo ngủ phụ nữ - nhưng tôi không nói ra. Mặt khác, tôi không nói "Halb" (một nửa) là vì cái từ này có khả năng có ý như sau: "Bạn chỉ nói với tôi một nửa sự thật, sự thật thì chị ăn mặc một nửa khoả thân". Sự lờ lờ bắt nguồn từ đời sống hôn nhân của anh bạn kia của chị ta, có liên quan tới hạnh phúc gia đình Hauslich của anh ta, do đó mà

có cái việc thay âm tiết Haus vào. Cuối cùng tôi thừa nhận tôi cũng thích chàng trai bảnh bao đi dép Hausschuhe trên phố. Gần đây tôi cũng mua một đôi Halbschube, khi ấy mới không còn cho rằng nó đẹp nữa.

Những hiện tượng lỗi lầm xảy ra trong thời kỳ chiến tranh không khó lý giải.

Dẫn chứng 26: Người ta hỏi một bà: "Con bà thuộc binh đoàn nào?" Bà này đáp: "Morder (kẻ mưu sát) 42". Vốn bà ta định nói: "Morser" (đoàn pháo binh)

Dẫn chứng 27 ⁽¹⁾: Thượng úy Henrik Haimau gửi thư từ mặt trận về, trong thư ông viết: "Khi tôi đang đọc một cuốn sách rất hay thì bỗng nhận được lệnh đi kiểm tra đường dây điện thoại. Khi có điện thoại từ doanh trại đoàn pháo binh gọi tới báo tôi báo cáo kết quả kiểm tra, tôi trả lời: "Công việc kiểm tra diễn ra thuận lợi, mọi việc bình thường, Rube ⁽²⁾ (yên lặng)". Theo quy tắc thì câu này phải được báo cáo như sau: "Công việc kiểm tra diễn ra thuận lợi, mọi việc bình thường, Schluss (hết)!". Có thể giải thích sơ dĩ có hiện tượng tâm lý không bình thường này do rất buồn bực vì bị ngừng đọc sách.

Dẫn chứng 28 ⁽³⁾: Một trung sĩ yêu cầu các binh

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ "Rube" thường được dùng ở dạng mệnh lệnh thức.

⁽³⁾ Dẫn chứng 28, 30, 31 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920; dẫn chứng 29 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

sĩ dưới quyền ghi rõ và chính xác địa chỉ thông tin với gia đình để tránh gửi Gespeckstiiche ⁽¹⁾ sai.

Dẫn chứng 29: Xét với bối cảnh xấu nhất của nó, dẫn chứng dưới đây vẫn rất có ý nghĩa, nó bắt nguồn từ sự quan sát và phân tích của CZeszer khi ông đóng quân ở nước trung lập Thụy Sĩ trong thời kỳ chiến tranh. Ngoài vài câu chữ không quan trọng ra, tôi dẫn ra đây từng chữ trong thư do ông viết.

"Tôi kể cho bạn nghe về sự lờ lờ của giáo sư M.N của trường đại học O tại một cuộc toạ đàm về tâm lý học tình cảm. Trước hết tôi phải nói rõ cuộc toạ đàm này được tổ chức ở trường đại học Aula, đối tượng toạ đàm vừa tù binh người Pháp, vừa có học sinh của trường này, trong học sinh tuyệt đại đa số là người Pháp mang Quốc tịch Thụy Sĩ, họ hết sức đồng tình với hiệp ước do ba nước Anh, Pháp, Nga ký kết. Tại thành phố O này, cái chữ Pháp "boche" là cách gọi công khai đối với người Đức. Nhưng trong các thông báo, trong các buổi toạ đàm và trong các trường hợp tương tự, do là nước trung lập, các viên chức quan trọng, các giáo sư và những người khác đều tránh sử dụng cái chữ chẳng lành này.

"Khi giảng giải ý nghĩa thực tế về "tác động" giáo sư N muốn đưa ra một dẫn chứng để chứng

⁽¹⁾ Viên trung sĩ lẽ ra phải nói "Gepackstiicke" (bưu phẩm). Không có chữ "Gespeckstiiche" còn chữ "Speckstiicke" thì có nghĩa là thịt miếng hun khói. Nguyên âm ở sau "p" dù là "e" hay là "a" phát âm giống nhau.

minh "tác động" là sử dụng sự vận động của cơ bắp để truyền dẫn tình cảm vui sướng và làm cho tình cảm ấy càng mạnh lên. Do đó, ông đã kể - tất nhiên ông kể bằng tiếng Pháp - một câu chuyện. Ông nhớ câu chuyện này được đăng tải trên một tờ báo Đức, nói về việc một vị hiệu trưởng ở Đức cho học sinh lao động ở vườn hoa. Để động viên học sinh tích cực lao động, ông ta bảo học sinh tưởng tượng rằng cứ đào cuốc được một cục đất là đập vỡ một cái sọ người Pháp. Tất nhiên là mỗi khi nói tới một từ "người Đức" vị hiệu trưởng lại nói một cách hết sức chính xác một tiếng Pháp "allemond" chứ không nói "boche". Nhưng khi dẫn lời ông hiệu trưởng, vị giáo sư lại nói: *"Imaginez-vous qu'en chaque moche vous écrasez le crane d'un Francais"* (hãy tưởng tượng mỗi kẻ xấu đều sẽ đập vỡ một cái sọ người Pháp)". Có nghĩa là, ông ta dùng từ "moché" (kẻ xấu) thay cho từ "motte" (đất).

"Rất rõ ràng, ngay từ khi bắt đầu kể, vị giáo sư này đã hết sức thận trọng, tránh nói những lời mà luật pháp nước Đức cấm nói. Từ đầu chí cuối ông ta đều nói rất chuẩn từ "instituteur allemand" (hiệu trưởng người Đức), nhưng do tâm lý bị dồn ép nên một từ phát âm na ná với từ "motte" (đất) đã tuột khỏi mồm ông, tức là ông ta đã lỡ lời.

"Giáo sư N không để ý rằng ông ta đã lỡ lời: Ít nhất là ông ta không cải chính. Mặt khác, thánh giả

chủ yếu là người Pháp, rất vui lòng chấp nhận sự lỗi lầm này của ông ta (bản thân tôi cũng vui lòng chấp nhận như các thánh giả khác). Mặc dầu tôi đã buộc phải hỏi giáo sư một số câu không phải bằng phương pháp tâm lý, nhưng tôi đã lấy sự lỗi lầm của ông để làm dẫn chứng cho lý luận của bạn".

Dẫn chứng 30: Dẫn chứng về lỗi lầm này do một vị thượng úy T người Áo cung cấp. Trên đường về nhà, những ấn tượng buồn phiền trong thời kỳ chiến tranh đã khiến thượng úy T lỗi lầm.

"Tôi đã cùng hơn 200 sĩ quan sống nhiều tháng tại một làng nhỏ ở Áo với tư cách là tù binh chiến tranh. Trong thời gian ấy, một người trong chúng tôi đã chết vì bệnh cúm. Điều này đã để lại trong chúng tôi ấn tượng vô cùng sâu sắc, vì chúng tôi sống trong cảnh ngộ không có thầy thuốc, không có thuốc chữa bệnh, không biết kêu ai, bệnh dịch có thể xảy ra bất kỳ lúc nào - chúng tôi bỏ xác chết vào một phòng ở tầng hầm. Tối, sau khi đi bách bộ, tôi và một người bạn muốn tới thăm người chết. Vừa bước vào tầng hầm, tôi giật mình (tôi đi trước) trước cảnh tượng bày ra trước mắt, vì tôi không nghĩ rằng quan tài đặt gần cửa đến thế, cũng không nghĩ rằng những ngọn lửa nến đựng đĩa làm cho cái mặt người chết trông như đang ngọ nguậy. Cảnh tượng này in sâu trong tâm trí chúng tôi, chúng tôi vẫn tiếp tục đi bách bộ quanh tầng hầm này. Chúng tôi tới một chỗ mà từ đó nhìn ra thì

thấy toàn bộ công viên tắm mình trong ánh trăng giữa thánh, cỏ cây óng ánh, những giọt sương đọng trên mặt lá trông như những viên ngọc phát sáng lung linh. Cảnh ấy khiến tôi cảm thấy như một đám ma quỷ đang nhảy múa dưới bóng những cây thông quanh đó.

"Chiều ngày hôm sau, chúng tôi mai táng đồng đội đã chết. Đoạn đường từ nơi giam giữ tới nghĩa trang ở làng bên khiến chúng tôi cảm thấy rất nhục nhã: Một nhóm trẻ đã lớn chế diễu chúng tôi, những người dân quê mùa, thô lỗ lợi dụng dịp này để phát tiết thứ tình cảm phức tạp vừa hiểu kỳ vừa thù ghét của họ. Tôi cảm thấy dẫu có ở điều kiện họ không hề phòng bị gì thì chúng tôi cũng không thể thoát ra khỏi sự tủ nhục. Tôi chán ghét sự thô lỗ, cảm giác này kéo dài tới đêm. Vào giờ phút trùng với ngày hôm trước, cũng với tâm tư như thế, tôi lại đi bách bộ trên con đường rải đá lớn nhón quanh tầng hầm. Khi chúng tôi đi qua ở cửa sổ tầng hầm đặt xác chết, tôi bỗng nghĩ tới cảnh tượng vẫn còn đọng lại trong ký ức của mình. Đứng dưới ánh trăng ở cái nơi có thể nhìn thấy công viên ấy, tôi nói với các bạn của mình rằng: "Hãy ngồi vào trong Grab (mộ) - Gras (lùm cỏ), rồi sinkeu (nằm xuống) trong tiếng tiếu dạ khúc". Mãi tới khi lỡ lời lần thứ hai tôi mới để ý. Trước đó tôi đã sửa lại một cách vô ý thức sự lỡ lời lần thứ nhất. Bây giờ tôi bắt đầu nghĩ về hai lần lỡ lời ấy và gộp chúng lại thành:

"Nằm vào trong mộ!" . Những cảnh tượng như sau thoáng hiện trong đầu tôi: Những con yêu quái nhảy múa dưới ánh trăng; những đồng đội nằm trong quan tài ngộ nguỵ; những cảnh tượng trong buổi tang lễ, những ý nghĩ chán ghét sự quấy rối tôi hôm nào; những buổi nói chuyện về bệnh truyền nhiễm; những dự đoán của mấy vị quan chức. Tiếp đó tôi nhớ ra ngay cha tôi qua đời. Nghĩ về cái tật tôi nhớ sai ngày tháng, tất cả những điều đó khiến tôi kinh ngạc".

"Sau đó tôi nghĩ tới sự giống nhau trong hai đêm; thời gian giống nhau, điều kiện ánh sáng giống nhau và cùng địa điểm ấy, cũng những đồng bạn ấy. Mãi tôi mới nhớ ra cuộc tranh luận về khả năng lây lan bệnh cúm, đồng thời cũng nhớ lại là tự tôi buộc mình không được sợ hãi, tôi cũng ý thức được ý nghĩa của thứ tự các từ "chúng ta có thể - nằm xuống - mô" ⁽¹⁾. Việc sửa "mô" thành "lùm cỏ" lúc đầu là việc hoàn toàn tự phát, nó chỉ là điều kiện diễn ra sự lỗi lầm thứ hai, và để bộc lộ triệt để tâm tình phức tạp, bị dồn nén của tôi.

"Tôi bổ sung một điểm: Tôi còn trải qua một giấc ác mộng về người bạn hết sức gần gũi của mình. Tôi thường xuyên thấy cô ta ốm, có một lần đã chết thật rồi. Trước khi tôi bị bắt, tôi được tin

⁽¹⁾ "Chúng ta có thể nằm xuống mô". Trong tiếng Anh và tiếng Đức, trật tự chữ của câu này không như nhau.

nơi cô đang sống có dịch cúm. Tôi nói với cô về sự sợ hãi bệnh cúm. Từ đó về sau hai chúng tôi mất liên lạc với nhau. Mấy tháng sau, hai tuần lễ trước khi tôi mô tả cảnh tượng ma quỷ, cô cũng trở thành người bị hại trong một trận dịch bệnh.

Dẫn chứng 31: Dẫn chứng về sự lỗ lòi dưới đây cho thấy sự xung đột nội tâm đau khổ của một thầy thuốc.

Một người mắc bệnh, tuy chưa chẩn đoán chính xác hoàn toàn, nhưng rất có khả năng là bệnh hiểm nghèo. Ông ta tới Wien cầu cứu một bác sĩ nội khoa quen biết nhau từ thời còn trẻ, nay rất có tiếng. Người bạn bác sĩ này lưỡng lự, nhưng cuối cùng đã miễn cưỡng nhận lời. Theo kế hoạch, người bệnh phải lưu lại viện điều dưỡng tư nhân, bác sĩ đề nghị ông ta tới viện điều dưỡng Hera.

- Nhưng - bệnh nhân phản đối - đó là nơi dành riêng cho sản phụ.

- Không phải, - bác sĩ bác lại - bệnh viện Hera umbringen (giết chết) - đáng lẽ phải nói unterbringen (tiếp nhận) - mọi loại bệnh nhân.

Sau đó, bác sĩ biện hộ một cách thô bạo sự lỗ lòi của mình.

- Anh cho rằng tôi thù ghét anh?

Một lát sau, khi bác sĩ cùng hộ lý ra đi, bệnh nhân nói:

- Thế là ta tìm chẳng được người cần tìm, ta

chẳng tin ai nữa, nếu đã đến nước này thì ta thà kiếm một liều thuốc phiện cực mạnh cho xong.

Thế là sự cố đã xảy ra. Bạn của bệnh nhân cho bệnh nhân uống một liều thuốc từng đã có tác dụng đối với ông. Vậy là viên bác sĩ kia đã thật sự đích thân kết liễu mạng sống của bạn mình.

Dẫn chứng 32 ⁽¹⁾: Sự lơ lửng trong dẫn chứng này rất có ý nghĩa, tôi không muốn bỏ qua, tuy theo nhận định của tôi nó đã có lịch sử hơn 20 năm rồi.

"Tại một cuộc hội họp, một bà phụ nữ bày tỏ kiến giải như sau (những lời này toát lên nhiệt tình của người nói và cho thấy sức ép nội tại thần bí ở nơi bà ta): "Vâng, nếu muốn được đàn ông thích thì đàn bà phải đẹp. Đàn ông thì dễ hơn nhiều, chỉ cần anh ta còn nguyên "jiinf gerade" (ngũ chi), chẳng thiếu cái nào"".

Dẫn chứng này đã phơi bày rất rõ cơ chế nội tại của sự lơ lửng - bắt nguồn từ sự cô đọng hoặc lẫn lộn. Rất khác khả năng là do hai ý bày tỏ gần nghĩa nhau bị lẫn lộn làm một: "Chỉ cần anh ta còn nguyên tứ chi", "chỉ cần anh ta có đủ ngũ quan", hoặc chữ gerade (đầy đủ) có điểm chung với hai ý muốn bày tỏ: "Chỉ cần anh ta còn nguyên vẹn cơ thể", "xem 5 là ngẫu số" (Alle fünf gerade sein lassen) ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ Tiếng Đức "gerade" vừa có nghĩa là đầy đủ, vừa có nghĩa là ngẫu số. Xét từ mặt chữ, ý của câu này là "Đối với sự vật không hợp với lẽ thường, chỉ nhìn mà không thấy.

"Thực tế thì không có gì ngăn cản chúng ta xác định hai đặc điểm của sự lừa dối này, một là "ngũ quan", một nữa là "ngẫu số 5", tách hai bộ phận khác nhau này ra, trước hết là chữ số, sau đó là con số 5 thần bí chứ không phải là số 4 đơn giản, đưa vào trong câu có liên quan tới cơ thể cường tráng. Nhưng, nếu bản thân sự hỗn hợp được thực hiện dưới hình thức lừa dối này không có ý hay thì người ta sẽ không thực hiện sự hỗn hợp ấy - ý này thể hiện một sự bối rối, tất nhiên là có che giấu, được nói ra từ mồm một phụ nữ - cuối cùng, chúng ta chớ quên một sự thật là lời bình phẩm này của chị phụ nữ này là sự lừa dối chủ yếu được truyền đi ở góc độ là sự đùa bỡn. Lời nói của chị ta là có ý hay vô ý thì vẫn còn là một vấn đề chưa được khẳng định. Trong dẫn chứng này, tất nhiên là người nói không nhằm mục đích có chủ định mà chỉ là bông đùa".

Khoảng cách giữa lừa dối và sự bông đùa bao xa⁽¹⁾, điều này ta hãy rút ra từ dẫn chứng dưới đây. Dẫn chứng này do Rauk nêu ra năm 1913. Trong dẫn chứng này, phụ nữ là người chủ yếu gây ra sự lừa dối, nhưng cuối cùng đã dùng hình thức bông đùa để chấm dứt sai lầm ấy.

Dẫn chứng 33: "Một chàng trai mới cưới vợ, vợ anh ta rất chú ý giữ gìn vẻ đẹp như thời con gái, không muốn thường xuyên ngủ chung với chồng.

⁽¹⁾ Đoạn này và dẫn chứng 33 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

Chàng ta kể cho tôi nghe một chuyện mà vợ chồng không nhị được cười. Sau một đêm anh ta lại một lần nữa vi phạm lệnh cấm dục của vợ, sáng ra, chàng ta ngồi trong phòng ngủ cạo râu, còn vợ thì vẫn nằm ngủ. Như mọi ngày, để đỡ phiền phức, chàng ta lại dùng hộp phấn trên bàn phấn cạnh giường của vợ. Cô vợ rất chú ý bảo vệ da, nhiều lần bảo chồng không được làm như thế, nay lại thấy chồng chúng nào vẫn giữ tật ấy bèn gắt: "Anh lại mò vào rồi, thế thì lấy phấn (deiner) của anh thoa (mics) cho em đi!". Thấy chồng phì cười nàng ta mới nhận ra mình đã lỡ lời (vốn nàng ta định nói: "Anh lại lấy phấn (meiner) của em để thoa (dich) cho anh rồi"). Nàng ta cũng phì cười. Ở Wien, ai cũng biết rằng, từ "thoa" (phấn) còn có nghĩa là "giao cấu" còn từ "deiner" có nghĩa tượng trưng cho "cái ấy" của đàn bà.

Dẫn chứng 34 ⁽¹⁾: Dẫn chứng này do Storfer cung cấp - cũng được coi là trò đùa.

Bà B rất buồn vì mãi không đẻ con được, nhiều người khuyên bà nhờ bác sĩ xxx làm tư vấn tâm lý. Bà không nghe, cho rằng điều trị bằng cách này chỉ tổ để cho bác sĩ hỏi về cái sự tính dục, chứ chẳng có giá trị gì. Nhưng, một hôm bỗng bà ta đồng ý nhờ bác sĩ tư vấn, bà ta hỏi: "Num gut, Wann "ordinart" also dieser Dr. X?". (Vốn bà ta định hỏi "khi nào thì bác sĩ x làm việc", muốn hỏi như thế thì phải dùng

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924.

từ "ordiniert", chứ không có cái từ "ordinart" như bà ta đã dùng.

Dẫn chứng 35⁽²⁾

Trong nhiều dẫn chứng, quan hệ giữa sự đùa bỡn và sự lỗ lòi cho thấy lỗ lòi chỉ là một dạng cô đọng ngôn ngữ.

Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, một học sinh nữ chạy theo một thời thượng, chọn ngành được học, sau vài học kỳ, cô lại chuyển sang hoá học. Mấy năm sau, cô nói về nguyên nhân thay đổi bấy giờ, rằng: "Tôi không có phản ứng thần kinh đối với giải phẫu học, nhưng có một lần khi tôi bóc toàn bộ móng tay của thi thể, tôi hoàn toàn không có hứng thú đối với hoá học (chemistry)".

Dẫn chứng 36⁽¹⁾

Về điểm này tôi muốn đưa một dẫn chứng về lỗ lòi mà không cần giải thích gì thêm.

Tại một buổi học về giải phẫu học, giáo sư giảng về xoang mũi. Khi giáo sư hỏi học sinh có hiểu không, đại bộ phận học sinh trả lời hiểu. Do đó, giáo sư tự cho mình thanh cao này nói: "Ta khó tin tất thấy, trong mấy triệu người sống ở Viên, số người hiểu biết về khoang mũi "on one finger" (chỉ

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

⁽¹⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng 37 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912. Trong "Những bài giảng về phân tích tính thần" Freud có đưa vào hai dẫn chứng này.

có một ngón tay)". Vị ta định nói "*on the fingers of one hand* (chỉ bằng 10 ngón tay trên một bàn tay).

Dẫn chứng 37: Trong một trường hợp khác, một vị giáo sư khác nói: "Tuyển sinh dục của phụ nữ tuy có *versuchmgen* (hấp dẫn) - xin thứ lỗi, *vermche* (thí nghiệm)..."

Dẫn chứng 38 ⁽¹⁾: Tôi rất cảm kích trước việc ngài Alfred Robitsek ở Wien đã cung cấp cho tôi hai dẫn chứng về lỗi lời của một nhà văn Pháp.

Trong sách "*Vies des Dames galantes*" (cuộc sống của người phụ nữ lịch sử", Braujome (1527-1614) đưa ra hai dẫn chứng: "Tôi quen biết một phụ nữ đẹp và lương thiện. Trong thời kỳ đất nước rối loạn, tại toà án bà trao đổi với một vị quân tử về vấn đề chiến tranh, bà ta nói: "Tôi nghe nói quốc vương cho phá huỷ tất thấy ở vùng ấy...". Ý bà ta muốn nói là phá huỷ "Pont" (cầu, bắt vắn với từ bị quên). Mọi người hãy thử tưởng tượng xem, khi bà ta đang sống với chồng hoặc khi nhớ người tình mà bà ta thỏ thẻ cái từ giống như cái từ khiến tay quân tử kia bốc lửa tình với bà ta thì sự việc sẽ diễn ra như thế nào?

"Một phụ nữ khác mà tôi quen biết đang khoản đãi một phụ nữ khác có địa vị cao hơn mình. Bà ta khen vẻ đẹp của đối phương, rằng: "Không,

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

thưa bà, tôi không nói adultérer (pha trộn thật giả, còn có nghĩa là "thông dâm"). Vốn bà ta muốn nói từ "adulater" (nịnh nọt), nhưng bà ta lại dùng từ mà người nghe có thể hiểu là bà ta đang muốn thông dâm".

Dẫn chứng 39 ⁽¹⁾: Kể lại tiết đầu tiên nghe giảng bài ngôn ngữ, bà F nói: "Bài ấy rất thú vị. Thầy giáo là một người Anh còn trẻ, rất tốt. Ngay trong tiết đầu tiên ông đã làm cho tôi hiểu durch die Bluse (thông qua áo ngoài) - tôi muốn nói là "thông qua hoa" tức là "gián tiếp" (durch die Blume) ông càng muốn dạy riêng mình tôi (dẫn chứng này do Storfer cung cấp).

Khi thực hiện liệu pháp tinh thần, tôi thường dùng liệu pháp này để loại bỏ và xử lý các triệu chứng tâm lý và thường dựa vào các cuộc nói chuyện, trao đổi với bệnh nhân một cách tự nhiên để phát hiện nội dung tư tưởng bị che giấu nhưng thường bộc lộ ra một vô ý. Sự lơ lờ có tác dụng rất lớn trong việc này. Ở đây tôi đưa ra mấy dẫn chứng. Thí dụ, khi nói về một người cô, một bệnh nhân luôn miệng gọi cô là "mẹ" mà không để ý rằng mình đã lỡ mồm; một người khác khi nói về chồng mình gọi chồng là "anh". Tôi để ý thấy họ đồng hoá những người này với người khác - ngầm tỏ ý có những người cùng loại xuất hiện trong đời sống tình cảm của họ.

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924.

Một dẫn chứng khác ⁽¹⁾: có một thanh niên khi thuê người làm tư vấn đã tự giới thiệu mình như sau: "Tôi là cha ông X tới đây điều trị. Xin lượng thứ, tôi muốn nói rằng tôi là em ông ta, ông ta lớn hơn tôi 4 tuổi". Qua sự lỗ lòi của anh ta, tôi hiểu anh ta muốn nói rằng: Cũng như anh của anh ta, anh ta ồm là do sai lầm của cha anh ta; cũng như anh anh ta, anh ta cũng muốn được chữa khỏi, nhưng cha anh ta mới là người cần được điều trị nhất. - Trong nhiều trường hợp, chữ và câu bị sắp đặt hơi bị khác đi, khi nói về mặt lúc buồn lúc vui thì sinh chuyện "ý ở ngoài lời".

Do vậy, tôi thấy nhiều trường hợp, sự hỗn loạn về ngôn từ và sự sai lạc nhỏ bị chụp cho cái mũ "lỗ lòi" không phải do bị ảnh hưởng từ "tác động của quan hệ âm tiết" mà do bị ảnh hưởng của tư duy gây ra sự lỗ lòi tiềm ẩn ở vỏ ngoài cuộc trao đổi, nói chuyện. Tôi không nghi ngờ tính chuẩn xác của quy tắc ngữ pháp, nhưng theo tôi, bản thân những quy tắc ấy không có tác động đặc biệt trong việc làm nhiều loạn cuộc trao đổi, trò chuyện. Trong những dẫn chứng tìm hiểu, nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, tuy những quy tắc này không phải là nhân tố chính có ảnh hưởng trong lĩnh vực ngữ âm, nhưng chúng là phương tiện để diễn đạt động cơ tâm lý. Trong hàng loạt dạng thay thế bắt nguồn từ sự lỗ lòi, quy tắc ngữ âm hoàn toàn bị bỏ qua. Về mặt này tôi

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924.

hoàn toàn đồng ý với ý kiến của Wundt, tôi và ông đều cho rằng nguyên nhân lỗi lầm rất phức tạp, vượt ra ngoài mối liên hệ với âm tiết rất xa.

Wundt cũng từng nói tới "những ảnh hưởng tâm lý xa hơn này", đó là điều mà tôi tin. Song điều đó không hề cản trở tôi đồng thời thừa nhận rằng, khi chúng ta vội nói hết một câu, cộng vào đó là lại bị phân tâm với mức độ nào đó thì rất có khả năng sự ăn nói sai lạc sẽ diễn ra theo quy tắc Meringer và Mayer đã chỉ ra. Nhưng, trong đa số những dẫn chứng do hai vị này đưa ra khó phát hiện thấy đáp án phức tạp hơn. Chẳng hạn: "Es war mir auf der Schwest... Brustso schwer" (nó đè nặng trên ngực tôi). Thông qua âm vang mà "schwe" khiến "Bru" đứng ở phía sau, có đúng như thế không?

Chớ quên rằng do quan hệ đặc thù mà âm tiết "schwe" bị ghép vào. Đó chỉ là quan hệ schwester (em) - Bruder (anh). Hẳn là Brust der schwester (bộ ngực của em) có thể khiến người ta muốn đi nơi khác. Cái ở đằng sau cảnh tượng này có thể lợi dụng cái nghĩa đơn thuần của schwe để gây ra sai lầm về mặt diễn đạt.

Còn có những sự lỗi lầm mà nguyên nhân của chúng được nhận định là do có sự giống nhau nào đó về mặt âm tiết với những câu dâm ô. Đối với những ý nghĩ theo tục, tác dụng duy nhất của sự nói chệch nói lái là ở chỗ ngầm nói điều cấm kỵ ở nơi trang nghiêm, trịnh trọng. Loại ngữ âm đùa cợt

này rất phổ biến, dấu không lường trước, trái ý ai đó thì cũng chẳng có gì ghê gớm. Những dẫn chứng dưới đây thuộc loại này: "Eischeissweibchen" (thay thế "Eiweissweibchen") ⁽¹⁾; "Apopos Fritz" (thay thế à Propos) ⁽²⁾; "Lokuskapital" (thay thế "Lotuskapital") ⁽³⁾ vv... có lẽ còn có trường hợp Alabüsterbachse ⁽⁴⁾ (thay thế Alabasterbüchse) ⁽⁵⁾ của Mary Magdalen -

⁽¹⁾ Chữ "Eischeissweibchen" là chữ vô nghĩa, lý giải theo mặt chữ thì là: "Cục phân - nước dái - đàn bà", còn "Eiweissweibchen" thì là "lòng trắng trứng".

⁽²⁾ Chữ "Apopos" không có, còn "popo" là tiếng của trẻ nhỏ gọi cái "cánh tay".

⁽³⁾ Chữ "Lokuskapital" không có nghĩa, giải thích theo mặt chữ thì là "tiền vốn làm phòng rửa tay". Thực tế thì chữ "Lotuskapital" có nghĩa là "liên hoa trụ tỉnh" một thuật ngữ kiến trúc.

⁽⁴⁾ Tật lờ lỏi của một bệnh nhân nữ của Freud là cái tật đùa cợt của bà ta thời thơ ấu: chuyên dùng chữ "urinieren" (đái) thay chữ "Nuimieren" (huỷ diệt) - (ghi chú được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924) lợi dụng sự lờ lỏi để tuý tiện dùng những từ vựng bị cấm kỵ, dùng từ vựng không đúng. Điều này tạo cơ sở cho Abraham quan sát thấy hành vi sai lạc "kèm theo mục đích bổ sung tạm thời". Do nói lắp, một bệnh nhân nữ thường nói lấy âm tiết đầu những tên riêng. Do bà ta thường nói "Alexander" thành "A-alexander" do đó cũng nói "Protagoras" thành "Protragoras". Kết quả điều tra cho thấy, thời thơ ấu, bà ta rất thích những câu đùa cợt thô tục lặp lại âm tiết đầu là "a", "po". Cái kiểu đùa bỡn này thường làm cho trẻ mắc tật nói lắp (ở Đức, tiếng "A-a" và "popo" của trẻ nhỏ có ý là "cứt dái" và "lỗ dít"). Để nhắc tới chữ "Protagoras" là bà ta nghĩ rằng có thể bỏ "r" trong âm tiết đầu, đọc thành "Po-Potagras". Để tránh sai lầm này, bà ta nhớ rất kỹ chữ cái "r" và thêm nó vào âm tiết thứ hai. Trong một số trường hợp khác, bà ta cũng dùng cách ấy, bà ta làm biến dạng âm chữ "parterre" (nền nhà), "kon-dolenz" (phúng viếng) để dễ phòng nói thành chữ gần giống nhau "pater" (cha) và "kondom" (dụng cụ tránh thai). Một bệnh nhân khác của Abraham chuyên nói "angina" (đau họng) thành "Angora". Rất có thể do bà ta sơ dùng chữ "vagina" (âm đạo) thay thế chữ "angina" (đau họng). Lờ lờ như thế là để có được thể có lợi, tránh bị lúng túng. Abraham chỉ chú ý tới sự giống nhau giữa hình thức và quá trình xảy ra triệu chứng chức năng thần kinh bị dồn ép.

⁽⁵⁾ Chữ "Alabiüsterbachse" không có (tuy "biiste" ở giữa có nghĩa là "lòng ngực" thực tế có chữ Alabasterbüchse) nghĩa là "hộp thạch cao hoa tuyết" (ngớ in sai, có lẽ là "hộp kem bôi mặt" - N. D.

Ichfordere Sie auf, auf das Wohl unsires Chefs aufzustossen" (Tôi nói cho anh biết rằng "nác" có lợi cho sức khoẻ của hiệu trưởng) chỉ là mô phỏng một cách vô ý hành vi có tính chất khuynh hướng. Nếu tôi là một vị hiệu trưởng được kính trọng về mặt nghi thức, mà người nói lại lỗ lòi như thế, thì tôi phải nghĩ tới trí thông minh của người La Mã - họ cho phép sau một trận đại thắng các binh sĩ của một vị tướng có thể chế nhạo người được tôn kính một cách sâu cay. Meringer cung cấp cho chúng ta một dẫn chứng như sau: Có một người là viên chức cao tuổi nhất trong công ty, mọi người tôn ông là "senexl" hoặc "altes senexl" (bố già), Meringer từng nói với ông ta một câu, rằng: "Prost, senex altesl!" Bản thân Meringer cũng giật thót mình về sự lỗ lòi này, vì rằng "Altesl" rất gần với từ "alter Esel" (Con lừa già). Đó là một sự xúc phạm nặng nề nhất đối với người già vốn phải được kính trọng.

Những dẫn chứng do tôi thu thập và phân tích làm rõ này đã đưa tôi đi đến quan điểm nói trên, mong rằng bạn đọc không đến nỗi cho rằng chẳng có gì đáng nghe theo, hạ thấp giá trị của nó. Tôi cho rằng, dẫu là sự lỗ lòi đơn giản nhất cũng có thể tìm ra từ bên ngoài hàm nghĩa của chúng sự nhiễu loạn của suy nghĩ bị ức chế. Sở dĩ tôi quan niệm như thế là nhờ ở sự quan sát của Meringer. Ông chỉ ra rằng, điều rất kỳ lạ là chẳng ai muốn thừa nhận mình nói sai. Không ít người thông thái, thành thực hẳn bị

ai bảo rằng họ nó sai họ liền nổi đóa lên. Meringer nói rằng "chẳng có ai" (No one), tôi không muốn cực đoan như ông. Nhưng, quả thực là cái tình cảm khi bị vạch ra điều sai, cái tâm tình ngưỡng quá hoá khùng ấy rất nghiêm trọng. Khi không nhớ ra được một danh từ bị quên, chúng ta thường bực mình. Khi một ký ức mà bề ngoài có vẻ không có gì sâu sắc nhưng nó lại cho thấy không phải như thế, chúng ta rất ngạc nhiên. Những tình cảm ấy đều cho thấy nhất thiết là có nguyên nhân gây nhiễu nào nó đang tác động. Cố ý nói sai tên ai đó thì chẳng khác nào nhục mạ người ấy. Dẫu là lỡ lời vô ý, phần lớn cũng có màu sắc ấy. Mayer từng nói rằng, có một người sau khi đọc cái tên Breuer không lâu, đọc Freud thành Freuder, lại còn có một lần nói "Freuer - Breudiau' method", rất có thể người này là một đồng sự - không sót sảng với phương pháp của chúng ta. Trong chương "viết sai" dưới đây, tôi sẽ đưa ra một dẫn chứng có dùng cách nào cũng không thể giải thích được sự viết sai - viết sai tên ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chú thích này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907. Chú thích viết: Chúng tôi thường thấy những người trong tầng lớp quý tộc rất hay đọc sai tên thầy thuốc. Điều này cho thấy, bề ngoài họ tỏ ra rất lịch sự đối với thầy thuốc, nhưng trong bụng thì chẳng coi ra gì. Dưới đây tôi dẫn ra (bổ sung trong lần xuất bản năm 1912) ghi chép về một con bệnh điển hình do bác sĩ Jones ghi bằng tiếng Anh.

"Khi chúng ta bị người khác quên tên, ít người không cảm thấy bối rối và không vui. Nhất là khi chúng ta đang rất hy vọng người ấy nhớ tên ta thì càng như thế. Khi bị người khác quên tên, thì tự nhiên ta phải nghĩ rằng, nếu không vì trước đây khi chung sống không gây cho đối phương ấn tượng đủ sâu sắc thì đối phương sẽ không quên tên ta, vì tên gọi là một

Trong những dẫn chứng này, thành phần nhiều loạn bắt nguồn từ thái độ phê phán của bản thân người nói, mà thái độ ấy bản thân người nói không muốn để lộ ra lúc bấy giờ.

Ngược lại ⁽¹⁾, dùng tên gọi này thay cho tên gọi khác, lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia, được xác nhận dưới hình thức lỗ lòi, có nghĩa là cảm giác xúc động, thì dấu sao vẫn là còn nhớ được một điểm. Saudor Ferenczi cung cấp cho chúng ta một dẫn chứng lấy từ đời sống của học sinh của ông.

"Khi học trung học cơ sở, lần đầu tiên trong đời tôi đọc thuộc lòng một bài thơ trước mặt cả lớp. Tôi

bộ phận không thể thiếu trong nhân cách. Cũng vậy, khi được một nhân vật lớn bất ngờ gọi ra tên mình thì ta sẽ vui lắm lắm. Cũng giống như mọi ví nhân khác, Napoleon rất hiểu cái lẽ này. Năm 1914, trong chiến dịch France gian khổ, ông ta đã bộc lộ cái tư chất ghê gớm của mình. Tại một thị trấn nhỏ ở gần Craonne, ông ta phát hiện ra thị trưởng De Bussy là đồng sự cũ 20 năm trước khi ở Lê Fère. Napoleon gọi đúng tên De Bussy. De Bussy vui sướng không gì tả xiết và làm việc thực mạng để đền ơn tri ngộ. Ngược lại, nếu muốn tỏ ra coi thường người khác nào đó thì giả vờ quên tên người ấy. Như thế thì có nghĩa là ngầm bảo người ấy rằng cái tên của ông ta chẳng đáng để bạn nhớ. Trong văn học người ta thường dùng cách này. Trong tập tiểu thuyết "Smoke" ("khói") của Turgenev có một đoạn như sau: "Vây là ông vẫn cảm thấy cái vùng Baden kia rất hay - chà, M'sieu Litvinov". Khi Ratmio gọi Litvinov, ông cứ ngập ngừng, như là ông đã quên cái tên ấy rồi, không nhớ ra ngay được. Dùng cách này cộng với thái độ cao ngạo vẫy mũ chào, mục đích của Ratmirov là hạ uy thế của đối phương. Trong tiểu thuyết "Fathers and sons" ("Cha và con" của mình, cũng tác giả này viết: "Tỉnh trưởng Kirsavov và Bazarov bước vào phòng và ngồi xuống. Mấy phút sau, ông ta lại mời họ, coi họ như anh em, lại gọi họ là Kirsanov". Ở đây, việc quên lời vừa nói, gọi sai tên, và việc không phân biệt được hai thanh niên này thể hiện sự khinh thường. Cũng giống như sự quên lãng, gọi sai tên là bước cuối cùng tiến tới quên hẳn.

⁽¹⁾ Bốn đoạn dưới đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

chuẩn bị rất tốt, nhưng bị tiếng cười của cả lớp cắt đứt, làm tôi ử ê. Thầy giáo cho tôi biết tại sao xảy ra như vậy. Thì ra tuy tôi nói tên bài thơ rất chính xác, bài "Aus der Ferne" (Từ phương xa), nhưng khi nói tên tác giả đáng lẽ tôi phải đọc là Alexander thì tôi lại đọc tên tôi. Tên nhà thơ, đọc theo tiếng Huufari là Sanedor. Thay tên là do chúng tôi cùng họ. Nhưng nguyên nhân thật sự là do tôi tưởng tượng mình là nhà thơ anh hùng nổi tiếng ấy. Thậm chí tôi yêu và kính trọng ông gần như là sùng bái. Toàn bộ phức tâm có xen thêm tham vọng là nguồn gốc gây ra sự lỗ lờ này".

Tôi còn được nghe nói về một dẫn chứng tương tự: Một bác sĩ trẻ tuổi được dẫn tới trước mặt nhà bệnh lý học nổi tiếng Virchow (1821 - 1902), anh ta phấp phỏng lo sợ, tự giới thiệu: "Tôi là bác sĩ Or. Vrichow". Giáo sư bệnh lý học ngạc nhiên, trố mắt nhìn anh ta hỏi: "Anh cũng là Virchow?" Đáng tiếc tôi không biết tay bác sĩ trẻ có tham vọng ghê gớm này giải thích sự lỗ lờ này như thế nào. Phải chăng anh ta sẽ đưa ra lời thoái thác êm tai rằng, đứng trước nhân vật vĩ đại như thế anh ta tự thấy hổ thẹn, ngay cả tên mình cũng vì sợ mà chạy biến đâu mất, hay là anh ta dũng cảm thừa nhận rằng anh ta ước mong sẽ có ngày cũng vĩ đại như Virchow, càng mong giáo sư chớ quá coi thường anh ta. Một trong hai - hoặc cả hai - điều này đều có thể làm cho tay bác sĩ trẻ này lẩn lộn khi tự giới thiệu tên mình.

Vì lý do cá nhân, tôi không muốn nói dẫn chứng dưới đây có giải thích như thế được không.

Năm 1907, lý luận về chứng bệnh ictêri của tôi được thảo luận rộng rãi tại hội nghị quốc tế ở Amsterdam ⁽¹⁾. Trong số người kịch liệt phản đối lý luận của tôi, có một người khi công kích tôi một cách ác ý đã nói sai mấy lần, chủ yếu là do tự coi mình là tôi, hoặc chiếm dụng tên tôi. Chẳng hạn, ông ta nói: "Như mọi người đều biết, Breuer và tôi (Breuer and I) đã chứng minh rằng...". Lý ra ông ta phải nói Breuer và Freud. Tên ông ta và tên tôi chẳng có chỗ nào giống nhau. Những dẫn chứng như thế này nhiều đếm không xuể, khiến tôi tin rằng lỗi lầm không hẳn là do sự giống nhau về âm thanh gây ra, chỉ cần có sự liên quan ẩn ý về nội dung là đã có thể xảy ra lỗi lầm rồi.

Có những dẫn chứng khác ⁽²⁾ càng có ý nghĩa. Chúng toát ra sự tự phê bình. Có khi những mâu thuẫn bên trong lời nói lại làm cho người ta nói điều ngược lại. Có không ít trường hợp người ta nói ra những điều trái ngược với điều định nói, sự lỗi lầm ấy bộc lộ sự không thật lòng của người nói ⁽³⁾. Ở đây,

⁽¹⁾ Hội nghị quốc tế về "Bệnh học tinh thần và bệnh học thần kinh" họp vào tháng 7/1907 tại Amsterdam. Đối thủ của tôi là tschaffenburg.

⁽²⁾ Từ đầu đoạn này tới "mô hình diễn đạt mô phỏng" là nội dung trong lần xuất bản năm 1907. Hai câu rưỡi tiếp đó được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907. Bộ phận cuối (từ "hoặc xem dẫn chứng dưới") được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

⁽³⁾ Sự lỗi lầm diễn hình này từng được nhà biên kịch ở Wien Anzenberger dùng trong một vở kịch của ông, vạch trần tính cách giả dối của kẻ mưu cướp di sản.

sự lờ lỏi này trở thành mô hình diễn đạt mô phỏng - thường được dùng để thể hiện lời của ai đó không muốn nói ra: Nó là một kiểu tự dối mình. Chẳng hạn, một người đàn ông nọ không thích thường xuyên sinh hoạt tình dục với một người đàn bà nọ. Một lần, khi trêu ghẹo một cô gái, ông ta nói: "Nếu bà ta muốn sống với tôi thì bà ta phải vứt bỏ "koettiereu" (không có chữ này) đi". Rõ ràng, chữ ông ta muốn nói là chữ "koittiereu" (giao hợp) kia, chữ này có quan hệ nhất định đối với sự sinh ra biến thể của chữ "kokettieren" (trêu ghẹo) - Hoặc xem dẫn chứng dưới đây: "Tôi có một ông chú, do nhiều tháng tôi không tới thăm ông được, ông ấy rất giận. Sau khi ông chuyển nhà, chúng tôi tới thăm ông rất lâu, thấy chúng tôi tới ông mừng lắm. Khi chúng tôi ra về, ông nói với tình cảm tràn trề rằng: "Chú mong từ giờ về sau ít được các cháu tới thăm hơn trước".

Khi lời nói được người nghe vui thích ⁽¹⁾ thì thường xảy ra lờ lỏi với nghĩa là hiệu quả mặt trái, hoặc gây ra chuyện cười với hiệu quả đầy kịch tính. Dưới đây là dẫn chứng do bác sĩ Reit quan sát được và cung cấp.

"Một phụ nữ nói với người khác với vẻ thích cái mũ mà người này đang đội trên đầu: "Chiếc mũ mới này, tôi đoán do chính tay bà "Anfgepatzt" (thay thế

⁽¹⁾ Đoạn này và đoạn sau được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

chữ *aufgeputzt* - sửa sang). Bà ta chẳng cần phải khen thêm nữa, vì trong lời đánh giá của mình bà ta đã nói sự "*hutaufputz*" (sửa sang) chiếc mũ thành *Patzerei* (sửa chữa tồi). So với sự khen ngợi thông thường thì sự lỗ lòi này khá không hữu nghị ⁽¹⁾.

Dẫn chứng dưới đây ⁽²⁾ hàm chứa sự phê bình ôn hoà, nhưng không hàm bồ.

Một phụ nữ đi thăm một người quen, trò chuyện được một lát thì bà ta phát ngán, không chịu đựng nổi những lời vòng vo, dài dòng của người quen kia. Bà ta tìm ra được cách tự cứu mình, định đứng dậy ra về, nhưng lập tức bị những lời thao thao bất tuyệt mới của người bạn ấy cầm chân. Người bạn vốn đã tiễn bà ta ra tới hành lang, nhưng lại giữ bà ta lại, thế là chị phụ nữ này buộc phải đứng ở ngoài cửa nghe chị bạn kia nói. Cuối cùng chị ta ngắt lời chị chủ nhà hỏi: "Tại nhà này, chị sống ở ngoài hành lang (*vorzimme*) này?". Khi thấy bà chủ nhà tỏ ra ngạc nhiên bà ta mới biết mình đã nói sai. Do đứng lâu ở ngoài hành lang,

⁽¹⁾ Freud đã đưa ra dẫn chứng này trong chương II sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần". Trong lần xuất bản năm 1910 và 1912 còn có một đoạn như sau:

Dẫn chứng dưới đây do bác sĩ Dr. Fercuezi cung cấp.

"*Nào, geschminkt*" (hoà trang) - thay cho chữ *geschwind* (nhANH lên một chút) - bệnh nhân nữ người Hungari của tôi nói với bà mẹ chồng nói tiếng Đức. Bằng sự lỗ lòi này, bà ta bộc lộ ý mà bà ta muốn giấu, đó là bà ta tức giận đối với tính hám hư vinh của bà già này.

Người không nói tiếng mẹ đẻ lạm dụng sự vụng về trong việc nói tiếng nước ngoài, tạo ra sự lỗ lòi. Những trường hợp này không hiếm.

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

phát chán mà bà ta lỡ lời.

Vốn bà ta muốn hỏi: "Buổi sáng "Vormittag) chị có nhà không?". Sự lỡ lời của chị phụ nữ này bộc lộ tâm tình chán ngán đối với việc bị tiếp tục giữ chân lại này.

Dẫn chứng dưới đây ⁽¹⁾ do bác sĩ Max Graf đích thân mục kích, ông đưa ra để nhắc mọi người lưu tâm.

Tại đại hội Hội nhà báo, một phóng viên trẻ phát biểu với thái độ công kích rất mạnh. Anh ta nói về "Vorschussmitglieder" (thành viên cho vay) (thay thế "Vorstandsnaitglieder" - uỷ viên hội đồng giám đốc). Người dưới là người có quyền chuẩn y cho vay, còn người phát biểu là người xin vay".

Ở dẫn chứng về "Vorschowein" chúng ta đã thấy khi tích cực ức chế lời lẽ có tính chất nhục mạ thì thường xảy ra lỡ lời. Một người như thế đã từng bộc lộ tình cảm của họ như dẫn chứng sau.

Từ lâu một thợ nhiếp ảnh đã quyết định không mắng nhiếc người làm thuê dân dộn của mình bằng những lời ví vối súc vật. Lần này khi thấy một đồ đệ đem rác đi đổ lại đánh đổ nửa thùng ra sàn nhà ông ta không nén giận được bèn nói vài câu: "Hü, anh bạn, anh hãy "Schopsen" ⁽²⁾ (chữ này chẳng có

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907, sau này Freud từng dùng ở chương III trong sách "Những bài giảng về phân tích tình thần".

⁽²⁾ Ông ta vốn muốn nói "đổ", do vậy đáng lẽ phải nói "shopfen sie", nhưng lại nói "schopsen sie", cái chữ chẳng có nghĩa gì. Còn chữ "schips" thì lại có nghĩa là "con cừu" hoặc là "thằng ngốc".

nghĩa gì) từng ít một". Sau đó không lâu, một cô giúp việc vô ý làm bắn một tá phim, ông nổi giận, nhieếc móc cô này một thoi một hồi, rằng: "Sao mày" leornvbranut" thế... ? ⁽¹⁾.

Dẫn chứng dưới đây (1) cho thấy lỗi lầm khiến cho mình trở thành người tự phản lại mình như thế nào. Để bạn đọc tường tận vấn đề, tôi trích nguyên văn dẫn chứng này từ nguyên tác của bác sĩ Dr.Brill.

"Một buổi chiều tà, tôi cùng bác sĩ Dr. Frink vừa đi bách bộ vừa trao đổi về một số việc của Hội Phân tâm học. Đang đi, đang trao đổi thì may sao gặp một đồng sự cũ, đó là bác sĩ R, đã nhiều năm không gặp nhau, tôi không biết tình hình gần đây của ông như thế nào. Cái cuộc không hẹn mà gặp này khiến chúng tôi rất vui mừng, tôi mời ông cùng chúng tôi vào một quán cà phê, thế là ngồi với nhau một lèo hai tiếng đồng hồ. Tựa hồ ông ta hiểu rất rõ về tôi. Vì sau khi hàn huyên, ông ta hỏi thăm tình hình bọn trẻ nhà tôi, nói rằng ông ta thường nhận được tin tức về tôi qua một người bạn, rằng sau khi đọc một bài tôi đăng trên tạp chí y học, ông ta cũng rất thích công việc của tôi. Tôi hỏi ông ta lấy vợ chưa thì ông trả lời là chưa và nói thêm: "Người

⁽¹⁾ Ông ta vốn muốn nói "hirnverbranut" (ngu xuẩn), ý trên mặt chữ là "cái đầu mày bị cháy rồi". Nhưng lại dùng từ (hornverbranut), một từ không có trong đời sống thực tế, có lẽ với ý là "cái mũi của mày bị sút rồi. Từ "hornvieh" nghĩa trên mặt chữ là "con trâu (bò) đã bắt (xổ) mũi", ý là "ngu ngốc".

như tôi hà tất phải lấy vợ ⁽¹⁾".

"Lúc sắp rời quán cà phê, ông ta bỗng hỏi tôi: "Tôi rất muốn biết nếu anh ở vào trường hợp này thì anh xử lý như thế nào: Tôi quen biết một y tá, cùng là một bị cáo trong một vụ án ly hôn.

Khi vợ tố cáo chồng không chung tình, đòi ly hôn, nói ra cái tên của bị cáo này, như thế người chồng mới được ly hôn" ⁽²⁾. Tôi ngắt lời ông ta, hỏi: "Ý của ông là người vợ kia được ly hôn?". Ông lập tức cải chính: "À, vâng, tất nhiên, bà ta được ly hôn". Sau đó ông ta tiếp tục nói, rằng quá trình xử lý vụ án này làm cho y tá nọ bị một đòn nặng, bồn chồn không yên, suốt ngày uống rượu, v.v... Ông ta muốn đề nghị tôi cho biết nên điều trị cho người phụ nữ này thế nào.

"Uốn nắn xong sự lỗ lòi của ông tôi liền giải thích cho ông ta rõ nguyên nhân lỗ lòi, nhưng tôi rất ngạc nhiên khi ông ta nói: Lẽ nào mọi người đều không có quyền lỗ lòi? Chỉ là ngẫu nhiên thôi mà, chẳng có nguyên nhân sâu xa nào cả. Tôi giải thích rằng mọi sai lầm đều có nguyên nhân của nó, nếu ông ta không nói ông ta chưa lấy vợ thì tôi sẽ nói vai chính trong vụ án ly hôn ấy là ông ta, và từ lời lỗ miệng của ông ta chúng ta có thể thấy được rằng, người muốn được ly hôn là ông ta chứ không phải là

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

⁽²⁾ Trong bài viết bằng (tiếng Đức của Brill có một chú thích như sau: "Theo luật định, chỉ khi một bên ngoại tình mới được ly hôn. Thực tế thì ly hôn chỉ là ly hôn đối với người vô tội.

vợ ông ta, vì như thế thì ông ta không phải cấp tiền nuôi dưỡng, và còn có thể lấy vợ ở bang New York. Ông ta hoàn toàn bác lại lời phân tích của tôi, nhưng sắc mặt đã thay đổi hẳn, luôn mồm cười khẩy, điều đó làm tôi càng nghi. Tôi yêu cầu vì khoa học ông ta phải nói thật. Ông ta nói: "Ngoại trừ ông cho là tôi nói dối, nếu không ông hãy tin tôi chưa có vợ, nên phương pháp phân tích tinh thần của ông bất khả thi rồi". Ông ta còn nói tiếp rằng sống với người chuyên bói móc thói xấu của người khác quả là rất nguy hiểm. Sau đó ông ta nhớ ra một cuộc hẹn khác bên vội vàng chia tay chúng tôi.

"Bác sĩ Dr. Frink và tôi đều tin tôi đã giải thích đúng sự lỗ lờ này của ông ta, thế rồi quyết định tiếp tục tìm hiểu để tìm ra đáp án chính xác. Mấy ngày sau tôi tới thăm một người vừa là láng giềng vừa là bạn cũ của bác sĩ R, ông ta chứng thực từng điều tôi phỏng đoán. Phán quyết của toà án đối với yêu cầu ly hôn vợ của ông ta đã có hiệu lực từ mấy tuần trước, trong bản án này bà y tá là bị cáo bị kết tội là ngoại tình. Bây giờ thì bác sĩ R đã tâm phục khẩu phục lý luận của Freud".

Trong dẫn chứng dưới đây sự tự phản lại mình thể hiện khá rõ ràng ⁽¹⁾, do Otto Rowk cung cấp.

"Một ông bố không hề có tình cảm yêu nước đòi

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

hỏi các con mình không nên quá hăng hái và phê phán chúng đã tham gia biểu tình yêu nước. Bọn trẻ con ông bác lại rằng chú của chúng cũng tham gia. Ông ta nói: "Chú ấy là người các con không nên gần gũi, chú ấy là idit (thằng ngốc). Thấy các con trở mặt ngạc nhiên, ông ta biết mình đã nói sai, bèn cải chính: "Bố muốn nói rằng chú là patriot (người yêu nước)".

Dẫn chứng dưới đây ⁽¹⁾ là sự lỗi lầm bị người nghe cho là sự tự phản lại mình, do Starche cung cấp, ông đã nhận định một cách nghiêm túc, vượt ra ngoài phạm vi giải thích sự lỗi lầm.

"Một chị bác sĩ nha khoa nhận lời khám korrtakt (ý là khám xem kẽ răng hàm có khít hay không), rằng hàm cho cô em gái. Em gái chưa trách chị ta để cô phải chờ quá lâu, cố nói đùa: "Rất có khả năng là chị ấy tiếp đồng sự để em cứ phải chờ hoài". Cuối cùng thì chị bác sĩ nha khoa cũng khám rằng cho cô em, phát hiện một chiếc răng hàm có một lỗ nhỏ, nói: "Chị cho rằng chưa sao cả - chị nghĩ rằng em chưa "kontant" (chưa đủ tiền) - chị muốn nói là không "korrtakt" (khít) lắm". "Thấy chưa, - em gái chị ta cười, nói - lòng tham của chị là nguyên nhân duy nhất bắt em phải chờ lâu hơn những bệnh nhân phải trả tiền khám!".

⁽¹⁾ Dẫn chứng này và hai dẫn chứng sau đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

Thế đấy, tôi chẳng cần đưa ra lời bình luận hay kết luận nào nữa. Nhưng khi được biết về sự lỗ lời này, điều mà tôi nghĩ tới ngay là hai cô gái trẻ vui tươi và thông minh này chưa có chồng, và ít tiếp xúc với nam thanh niên. Tôi tự hỏi: Nếu họ có đủ "kotant" (tiền) thì liệu họ có "korrtakt" (tiếp xúc) nhiều hơn với nam thanh niên không?

Dưới đây cũng là dẫn chứng về sự lỗ lời tự phản lại mình, do Reik cung cấp.

"Một cô gái đính hôn với một thanh niên mà cô ta không thích. Để cho quan hệ giữa hai cô cậu thêm thân mật, bố mẹ họ bố trí cho họ gặp nhau. Cô gái trẻ có đủ sức kìm chế không để cho chàng thanh niên ngày càng gần gũi và biết rằng cô có ác cảm với chàng ta. Nhưng khi mẹ cô ta hỏi cô ta thích chàng thanh niên kia tới mức nào, cô ta lễ phép trả lời: "Thích lắm, anh ta rất đáng buộc phải yêu (Liebeuswidrig)!" ⁽¹⁾.

Dưới đây cũng là dẫn chứng về sự lỗ lời tự phản lại mình, "một sự lỗ lời nhanh nhậy" do Rank hình dung ra.

"Một phụ nữ đã có chồng thích nghe chuyện tán dóc; nghe nói chị ta không có ác cảm với chuyện ngoại tình nếu có thể nhận được nhiều quà tặng. Một thanh niên khao khát được chị ta ưa thích kể

⁽¹⁾ Cô gái định nói "Leibenuswiirdig" (bình dị dễ gần nghĩa theo mặt chữ là "đáng được yêu"). Nhưng cô ta lại nói "Liebeuswidrig", nghĩa mặt chữ là "buộc phải yêu".

cho chị ta nghe một câu chuyện cổ xưa, câu chuyện này không phải do anh ta bịa ra: Có hai người là bạn của nhau, một người muốn được người vợ giả vờ đứng đắn của người bạn kia ưa thích. Người vợ của người bạn kia đồng ý trao đổi bằng 1000 đồng⁽²⁾ quà tặng. Do đó, khi chồng chị ta khởi hành đi du lịch, bạn anh ta tới vay 1000 đồng và hứa hôm sau sẽ hoàn trả cho vợ anh ta. Sau đó, anh bạn này mang 1000 đồng tới cho vợ bạn mình với ngầm ý là trả thù lao cho sự ưa thích của chị ta. Khi chồng chị ta đi du lịch về hỏi tới 1000 đồng này, chị ta tưởng rằng sự việc đã bị bại lộ, chị ta vừa cảm thấy đau xót và cảm thấy nhục nhã. Khi chồng chị ta hỏi người bạn gian dân với vợ mình thì người bạn này nói: "Mai tôi sẽ mang tiền tới trả (repay) cho vợ anh". Một chị hàng xóm có mặt tại đó ngắt lời kẻ gian dân, nói: "Chẳng phải là anh đã cho (repaid) - xin lỗi - tôi muốn nói là anh đã bao⁽¹⁾ cho tôi rồi sao?". Thế là ẩn ý của chị này đã rõ mười mươi, chẳng cần nói thêm gì nữa, chị ta đã tỏ ý cũng muốn bán mình như thế".

Tausk cung cấp một dẫn chứng tuyệt diệt sự tự phản lại mình kiểu này và không gây ra hậu quả nghiêm trọng⁽²⁾. Tiêu đề của dẫn chứng này là "Tín ngưỡng của đời cha".

⁽²⁾ Tương đương 80 bảng Anh hoặc 400 đô la Mỹ.

⁽¹⁾ Trong tiếng Đức, "trả" và "bao" không có gì giống nhau.

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

"Ông A nói: "Vợ chưa cưới của tôi là tín đồ đạo Cơ Đốc giáo, không tin đạo Do Thái. Để cưới được cô ta tôi đành phải bỏ đạo Do Thái quy y đạo Cơ Đốc. Chẳng phải là tôi thay đổi tín ngưỡng tôn giáo mà không hề phải đấu tranh tư tưởng, nhưng tôi cảm thấy cái mục đích ở trong đó là chính xác, chỉ là vứt bỏ cái hình thức bề ngoài của đạo Do Thái mà thôi, chứ không phải vứt bỏ tín ngưỡng tôn giáo. Mặc dầu vậy, tôi vẫn thừa nhận cái sự thật là tôi là người Do Thái, rất ít người biết tôi đã làm lễ rửa tội. Tôi muốn sau khi hai đứa con trai lớn lên tôi sẽ bảo cho chúng biết cái bối cảnh Do Thái của chúng để chúng khỏi bị ảnh hưởng của phong trào chống Do Thái trong nhà trường và vì cái nguyên nhân bề ngoài kia mà không hài lòng đối với cha chúng. Mấy năm trước, tôi và hai đứa con trai đang học tiểu học đi nghỉ mát ở thị trấn D, tại đó chúng tôi ở chung với gia đình một thầy giáo. Một hôm, chúng tôi đang cùng mấy người nhà gia chủ ngồi uống trà, bà chủ nhà không hay biết rằng chúng tôi theo đạo Do Thái, dấy lên một cuộc công kích gay gắt người Do Thái. Đáng lẽ tôi phải dũng cảm nói lên sự thật để gây dựng cho các bọn trẻ "dũng khí bảo vệ tín ngưỡng của mình". Nhưng tôi ngại rằng làm như thế là công khai "lạy ông tôi ở bụi này" không thể không rời khỏi cái nhà trọ tốt này, làm hỏng kỳ nghỉ ngắn ngủi của chúng tôi. Bởi vì, nếu biết chúng tôi là người Do Thái, chắc chắn bà ta sẽ thay

đổi thái độ đối với chúng tôi. Dẫu tôi có biết bao lý do để mong các con tôi bày tỏ một cách thẳng thắn nhất thành thật nhất thái độ đối với sự kiện quan trọng này, nhưng tôi vẫn phải bảo chúng ra vườn hoa mà chơi. Tôi nói: "Hãy ra vườn hoa đi, những người Judeu (người Do Thái)", nhưng tôi đã lập tức cải chính thành "Jungen" (người trẻ tuổi). Vậy là cái sự "dũng khí" của tôi đã bị đứng trước một mâu thuẫn. Người khác không phát hiện ra bất kỳ sự thật nào trong sự dối trá của tôi, vì họ không để ý. Nhưng tôi biết rằng, nếu là con, hơn nữa kể cả con của mình nữa, không thể phủ nhận một cách trắng tráo "tín ngưỡng của người cha".

Sự dối trá dưới đây ⁽¹⁾ tôi chưa từng đưa ra, là dẫn chứng rút ra từ quá trình xử án ở một địa phương. Trong dẫn chứng này cho thấy nếu không chú ý tới lời dối miêng thì sự dối trá không gây ra ảnh hưởng gì.

Khi đối chứng, binh sĩ bị tố cáo phá cửa vào nhà nói: "Tôi giờ phút này tôi chưa bao giờ rời bỏ Diebststellung (chức ăn cắp) ⁽²⁾, mà luôn luôn ở trong quân đội".

Khi thầy thuốc trao đổi với bệnh nhân, nếu sự dối trá giúp thầy thuốc chẩn đoán bệnh chính xác thì

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

⁽²⁾ Anh ta định nói "Dienststellung" (Chức vị trong quân đội) nhưng lại nói là "Diebststellung" (chức ăn cắp).

sự lỗ lòi sẽ có hiệu quả làm phẩn chấn lòng người ⁽¹⁾. Tôi đã từng giải thích giấc mơ của một bệnh nhân. Cái tên Jauner đã từng xuất hiện, người nằm mơ quen biết một người nào đó có cái tên ấy, nhưng không rõ nguyên nhân nằm mơ thấy người ấy. Vì thế tôi mạo muội đoán có khả năng đó là tên của bản thân ông ta, nghe như mắng Gauner (tên lừa đảo). Bệnh nhân của tôi giãy nảy lên phản đối. Nhưng, trong khi phản đối, sự lỗ lòi của ông ta đã chứng thực cho sự suy đoán của tôi, vì ông ta lại một lần nữa lẫn lộn chữ ấy. Tôi trả lời: "Điều đó đối với tôi mà nói cơ hồ quá "Jewagt" (thay thế chữ "geragt" - khiên cưỡng ⁽²⁾). Khi tôi nhắc ông ta hãy lưu ý tới sự lỗ lòi của mình, ông ta thừa nhận sự giải thích của tôi.

Trong một cuộc bàn luận nghiêm túc, nếu lỗ lòi, mà sự lỗ lòi ấy lại chứng thực quan điểm của đối phương thì người lỗ lòi sẽ lập tức rơi vào thế bất lợi, rất ít khi đối phương không lợi dụng dịp quá tốt ấy.

Rõ ràng rằng ⁽¹⁾, dẫu người ta phản đối quan điểm lý luận của tôi, dẫu họ không muốn áp dụng vào bản thân họ, vứt bỏ những điều có lợi đằng sau sự sai lạc, họ đều vẫn giải thích sự lỗ lòi và hành vi

⁽¹⁾ Đoạn này và đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽²⁾ Trong cuộc nói chuyện thông thường, đơn từ có phụ âm đầu "g" thì thường giống chữ "J" trong tiếng Đức, nhất là miền bắc nước Đức (như chữ "y" trong tiếng Anh), chứ không giống như chữ cái "g" trong tiếng Anh.

⁽¹⁾ Đoạn này và đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

sai lạc như trong sách của tôi. Sự diễu cợt, nhạo báng nghiêm túc ẩn dấu đằng sau sự lỗ lòi là chúng cứ chống lại chủ trương cho rằng sự sai lạc trong lời nói không có ý nghĩa tâm lý. Không ai như thủ tướng đế quốc Đức ý chí, thân vương Biilow, kịch liệt phản đối ý kiến này và cố sức sửa sự sai lạc. Một lần, khi biện hộ hoàng đế (tháng 11/1907) ông lỗ lòi, nói trái với ý mình muốn nói: "Hiện nay, hoàng đế Wilhelm II là kỷ nguyên mới của Đế quốc, tôi nhắc lại lời tôi đã nói một năm trước, đó là "cố vấn bên cạnh hoàng đế là cố vấn có trách nhiệm, không công bằng, không đúng đắn... (câu này lẽ ra phải nói "vô trách nhiệm")... vô trách nhiệm. Xin thứ lỗi tôi nói nhầm". (Có tiếng cười).

Trong trường hợp này, xét ở kết quả của tác động phụ thì câu nói của thân vương Biilow có chút mơ hồ. Do thông cảm với ông, hiểu được cái ngôi vị khó khăn ấy của ông, người ta không lợi dụng sự lỗ lòi ấy để chống ông ta. Một năm sau, một người diễn giảng khác không được may mắn như thế. Ông ta muốn bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn đối với Hoàng đế, nhưng do sự lỗ lòi chết người mà bị cảnh cáo rằng có lòng dạ khác.

Lattman (đảng Dân tộc của Đức) nói: "Trong vấn đề nói năng, chúng ta phải dựa theo nền nếp lâu nay của Quốc hội Đức. Theo nền nếp này thì Quốc hội có quyền phát biểu về Hoàng đế. Chúng ta

tin rằng, tư tưởng và nguyện vọng của nhân dân Đức là đoàn kết để có được tuyên bố chung. Nếu chúng ta không gác tình cảm đối với Hoàng đế sang hẳn một bên, thì chúng ta sẽ "không có dũng khí" (riickgratlos) làm như thế" (tiếng cười vang lên mấy phút). "Thưa các vị, tôi không định nói "Riickgratlos" (không có dũng khí) mà định nói "riickbaflos" (hoàn toàn) - có tiếng cười - vào giờ phút khó khăn, ngay cả hoàng đế cũng nên chấp nhận sự ủng hộ của nhân dân - không hề bảo lưu - hoàn toàn - đúng như chúng ta thấy vậy" ⁽¹⁾.

Báo chí của Đảng Dân chủ xã hội chớp ngay dịp may này, ngày 12/11/1908 họ vạch ra ý nghĩa tâm lý ẩn giấu đằng sau sự lỗ lòi này: "Xưa nay chưa có một nghị sĩ nào dùng cách tự trách mình như thế để bày tỏ lập trường của mình, cũng chưa có hội nghị Quốc hội nào mà đa số thành viên một đảng chống Hoàng đế chẳng khác nào chống người Do Thái như Đảng Dân tộc Đức. Trong cuộc tranh luận ngày thứ hai về tình cảm thiêng liêng, họ cùng với những người bạn của họ bày tỏ một cách "không có dũng khí" quan điểm của mình đối với Hoàng đế. Tiếng cười lớn của các đảng phái đã chôn vùi dư âm tiếng nói của con người không được hoan nghênh này, con người này cho rằng cần phải giải thích

⁽¹⁾ Trong chương IV sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" Freud cũng có ám chỉ sự lỗ lòi này.

ngay tức khắc rằng ta định nói từ "hoàn toàn" ⁽¹⁾.

Tôi bổ sung thêm một dẫn chứng khác nữa, sự lẫn lộn trong dẫn chứng này thể hiện đầy đủ màu sắc thần bí của lời dự báo.

Năm 1923, trong giới tài chính xảy ra một sự kiện lớn, gây ồn ào khắp nơi. Đó là, ông X một chủ ngân hàng còn rất trẻ - có lẽ là một trong những quý tộc mới giàu nhất thành phố W, đầu xết ở khía cạnh nào cũng là người giàu nhất, trẻ nhất trong số nhà giàu ở đây - sau khi tiến hành, một cuộc đấu tranh nho nhỏ với một cổ đông chủ yếu của ngân hàng, ông ta giành được quyền sở hữu ngân hàng ấy. Trong một cuộc bầu bán giữa các nhà tài chính cũ, chủ tịch hội đồng quản trị cũ được tái cử chức cũ của ngân hàng, ông X trai trẻ được bầu là giám đốc ngân hàng. Tại hội nghị bàn giao, tiến sĩ Y, uỷ viên hội đồng quản trị, đánh giá cao giám đốc cũ. Nhiều người để ý tới một sự lẫn lộn đau buồn lại tái diễn, ông ta luôn miệng gọi giám đốc cũ là "expiring" (đã quá cổ) chứ không gọi là "outgoing" (tiên nhiệm). Mấy ngày sau ông giám đốc cũ qua đời thật. Nhưng ông ta sống đến 80 tuổi (dẫn chứng này do Storfer cung cấp).

Có một trường hợp lẫn lộn ⁽²⁾ được phát hiện trong màn 1 và màn 5 vở "Walleustein" của

⁽¹⁾ Chữ "Rückhaltlos" dịch sang tiếng Hán là "vô bảo lưu", nghĩa là "không bảo lưu điều gì, chúng tôi tạm dịch là "hoàn toàn".

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

Schillea. Khi phát biểu trước khán giả nhà hát kịch ông không hoàn toàn phản lại mình. Sự lỗ lờ này cho chúng ta thấy nhà biên kịch này rất hiểu công năng và ý nghĩa của ngôn ngữ, ông ta triệt để sử dụng công cụ này. Ở màn 1, Max Piccolomini nhiệt tình ủng hộ công tước (tức Wacleustein), nhiệt tình mô tả sự quý giá của hoà bình. Điều này thể hiện khi ông ta hộ tống con gái công tước về dinh thự của ông. Khi anh ta rời vũ đài, cha anh ta là Octavio, và phái viên của cung đình là Questenberg đều rất lo sợ. Tiếp sau, màn 5;

Questenberg:

- Kia, cứ chịu đựng như thế sao? Hỡi ông bạn tốt! Chúng ta để cho hắn đi sao? Trong cuộc lừa bịp này - để cho hắn nghênh ngang ra đi sao? Không gọi hắn về ngay, để cho hắn mở mắt ra mà thấy sự thật sao?

Octavio (đang chìm trong suy nghĩ, bồng bềnh tỉnh):

- Hắn đã làm tôi sáng mắt ra, những điều tôi thấy chỉ làm cho tôi cảm thấy vui.

Questenberg:

- Là cái gì vậy?

Octavio:

- Nguyên rủa chuyến du lịch này.

Questenberg:

- Tại sao phải như vậy? Tại sao?

Octavio:

- Đi, cùng đi, anh bạn! Nhất định tôi phải bám theo triệu chứng không rõ này. Mất tôi đã mở ra rồi, tôi phải sử dụng chúng. Nào đi! (Kéo Questenbegr cùng đi).

Questenberg:

- Lại là chuyện gì vậy?

Otavio:

- Đến chỗ cô ta.

Questenberg.

- Đi

Otavio (sửa lại):

- Tới chỗ công tước. Đi, đi theo tôi.

"Đi tới chỗ cô ấy" chứ không phải "tới chỗ ông ấy", sự lỗ lòi này cho tôi thấy người cha này đã biết tổng động cơ ủng hộ công tước của con mình, thế mà vị lộng thần nọ vẫn cứ luôn miệng phàn nàn "ông ta bị bùng bít" ⁽¹⁾.

Sự lỗ lòi dưới đây cũng được nhà biên kịch sử dụng. Điều này Otto Rank phát hiện trong tác phẩm của Shakespeare. Tôi dẫn lời của Rank.

⁽¹⁾ Otavio ý thức được rằng con trai mình đã bắt đầu yêu con gái công tước. Dẫn chứng này và dẫn chứng sau đã được Freud sử dụng trong chương II sách "Các bài giảng về phân tích tinh thần".

Sự lỗ lờ trong vở "Merchuat of Venice" (Thương nhân Venice) của Shakespeare, cũng giống như sự lỗ lờ mà Fread phát hiện trong vở "Wallensteiu" nó cho thấy các nhà văn rất biết cơ chế hình thành và ý nghĩa của sự lỗ lờ ở dạng này, hơn nữa còn nhận định rằng thánh giả cũng hoàn toàn biết rõ điều này. Căn cứ vào ý nguyện của cha mình, Portia rút thăm chọn chồng, tối nay nàng đã may mắn thoát khỏi người cầu hôn mà nàng không thích. Cuối cùng, nàng đã nhận ra Bassanio là người cầu hôn mà mình thích, do đó nàng lo ngại chàng rút nhầm hộp. Nàng rất muốn nói cho chàng biết rằng chàng có thể tin vào tình yêu của nàng. Nhưng sợ vì đã thề thốt, nên nàng không dám làm như thế. Trong khi nàng bị xung đột nội tâm, nhà thơ để cho nàng thổ lộ với người cầu hôn sự ưa thích của mình:

*Em cầu mong anh lưu lại;
Một hoặc hai ngày.
Trước khi chàng mạo hiểm.
Bởi vì, nếu chàng chọn sai,
Thì em sẽ mất người bạn tình,
Do vậy, xin chàng hãy đợi.
Có cái gì đó báo với em (không phải tình yêu)
Em sẽ không thể mất chàng...
... Em sẽ bảo chàng,
Chọn thế nào thì trúng.*

*Nhưng như vậy là bội thề,
Nên em không làm như thế.
Thế thì có thể chàng sẽ bỏ qua em.
Nếu chàng bỏ qua cho em,
Chàng sẽ khiến em thành người có tội.
Em đã bội thề.
Nguyên rửa đôi mắt của chàng,
Chúng đem em làm trò ma thuật,
Đem em chia làm đôi,
Một nửa là của chàng.
Nửa kia cũng là của chàng.
Không, là của bản thân em.
Nhưng nếu của em là của chàng
Thì toàn bộ em thuộc về chàng.*

"Nàng chỉ muốn nói ra ám hiệu cho chàng thôi, vì nàng phải hoàn toàn giấu mình. Ám hiệu đó là sau khi chàng quyết định thì nàng hoàn toàn thuộc về chàng, yêu chàng - điều này rất quan trọng, nhà thơ có độ mẫn cảm tâm lý cao, phân tích tâm trạng nàng thông qua sự lờ lờ của nàng. Bằng phương pháp nghệ thuật này, ông vạch ra rằng người đang yêu không thể nín chịu được tình trạng không xác định ấy, vạch ra sự thấp thỏm của mọi người đối với sự lựa chọn của người cầu hôn ⁽¹⁾".

Được nhà văn hoá lớn ủng hộ lý luận về sự lờ

⁽¹⁾ Trong chương II sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần", Freud có đưa ra lời bình luận.

lời của chúng tôi, tôi cảm thấy cần phải đưa ra dẫn chứng thứ 3. Dẫn chứng này cho Jones cung cấp ⁽¹⁾.

"Trong một bài viết mới công bố, Otto Rank đề ý Shakespeare đã để cho Portia, một nhân vật của ông, lợi dụng sự lỗ lờ như thế nào để thổ lộ tình cảm kín đáo của mình đối với một người vừa ý nhất trong số những người cầu hôn. Tôi tìm được một dẫn chứng giống như thế trong tác phẩm nổi tiếng "The Egoist" (Kẻ vị kỷ) của nhà viết tiểu thuyết vĩ đại nhất nước Anh George Meredith. Tình tiết vẫn tắt trong tiểu thuyết như sau: Huân tước Willoughby Patterne là nhà quý tộc rất được tôn sùng ở địa phương ông, đã đính hôn với tiểu thư Coustantia Durham. Nàng phát hiện vị Huân tước này vô cùng tự tử, điều này người ngoài không biết. Để trốn tránh cuộc hôn nhân này đi theo thượng úy Captain Oxford. Mấy năm sau Patterne đính hôn với tiểu thư Clara Middletou. Trong sách, tác giả cũng mô tả sự xung đột nội tâm của tiểu thư này khi phát hiện ông Patterne tự tử. Hoàn cảnh khách quan và quan niệm của nàng về vinh dự khiến nàng trung thành với lời hứa hôn, nhưng trong con mắt của nàng, Patterne ngày càng trở thành kẻ vô xỉ. Với mức độ nhất định nàng tín nhiệm người em họ và viên thư ký Vernou Whitford, người này về sau trở thành chồng nàng. Nhưng con người này

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được thêm vào trong lần xuất bản năm 1912 - trong bản tiếng Đức, ở đây trích từ nguyên bản tiếng Anh.

chẳng nghĩ gì đến lòng trung thành. Khi đau buồn, Clara tự nói với mình rằng: "Nếu có vị quân tử nào đó hiểu ta thì sẽ giúp ta mà không hổ thẹn! Nào, hãy cứu ta ra khỏi hoàn cảnh gai góc, đầy độc quần quanh mình này, ta không thể chịu đựng nổi nữa rồi. Ta là kẻ nhát gan, chỉ một tin hiệu cũng có thể thay đổi được ta, ta tin như vậy. Ta đau buồn, gào thét bay tới một chí sĩ... tiểu thư Côngstantin đã gặp một chiến sĩ. Có lẽ nàng đã cầu nguyện và đã được đền đáp. Chắc chắn nàng đã làm rồi. Nhưng, chao ôi, ta yêu chàng biết bao! Tên chàng là Harry Oxford... Nàng không dao động, thoát ra khỏi sự trói buộc, sự quyết định việc riêng của cả đời mình. Chà, cô gái dũng cảm. Nàng đánh giá ta thế nào? Nhưng ta không có Harry Whitford, ta có độc một mình..." Bỗng nàng ý thức được rằng nàng đã dùng một tên khác thay thế cái tên Oxford, nàng đỏ mặt.

"Hai cái tên này đều có cái đuôi "ford", nhiều người cho rằng đó là lý do khiến hai cái tên này dễ bị lẫn lộn với nhau, nhưng tác giả cho rằng đó chỉ là nguyên nhân tiềm tàng. Ở chỗ khác cũng đã xảy ra sự lỗi lầm tương tự, sự do dự và sự chuyển đổi chủ đề một cách đột ngột cũng diễn ra theo sau đó. Điều này rất thường thấy khi phân tích tinh thần, cũng rất thường thấy trong các thực nghiệm về "bản ý thức" của Jung. Willoughby nghiêm sắc mặt nói với Whitford: "Sự nhắc nhở từ những sai lầm. Ông Vernon không đủ khả năng làm bất cứ việc gì

không quen". Clara nói: "Nhưng nếu ngài Oxford - Whitford.... con thiên nga của ông đang bơi đi bơi lại trên mặt hồ, khi chúng tức giận, chúng mới đẹp làm sao? Tôi hỏi ông, khi đàn ông chính mắt thấy được sự sùng kính của người khác thì họ có chán ngán thất vọng không?" Huân tước Willoghby bỗng hiểu ra, ngây người.

Ở một chỗ khác trong bài viết, sự lơ lửng khác của Clara cũng để lộ ra nguyện vọng thầm kín của nàng, đó là muốn quan hệ với Vernon Whitford càng khăng khít hơn.

Quan điểm được nêu ra ở đây về sự lơ lửng là dấu cho trường hợp lơ lửng vụn vặt nhất cũng có thể làm rõ được. Tôi nhắc lại một lần nữa và có thể chứng minh rằng, sự lơ lửng không quan trọng và sự lơ lửng rõ rệt nhất trong khi nói đều có hàm ý của nó, đều có thể giải thích được. Một bệnh nhân nữ khăng khăng phản đối kế hoạch đi Budapest ngắn ngày của tôi, bà ta muốn đi theo cách của mình. Bà ta muốn bảo tôi rằng bà ta chỉ đi ba ngày, nhưng bà ta lơ mồm nói thành "3 tuần lễ". Do đó mà để lộ ra một sự thật - thật ra bà ta gây khó dễ cho tôi, muốn đi cùng tôi, mà tôi thì cho là không thích hợp, 3 tuần chứ không phải 3 ngày - Một buổi tối, tôi muốn kiếm có để không đi đón vợ từ rạp hát về, tôi nói "10 giờ 10 phút anh sẽ tới rạp hát".

Vợ tôi lập tức sửa lại: "Anh nói là 10 giờ kém

10' có phải không?". Tất nhiên tôi muốn nói là 10 giờ kém 10, vì nếu 10 giờ 10' thì tôi không thể lấy đó làm cái có được. Tôi biết buổi biểu diễn kết thúc vào trước 10 giờ, khi tôi đến nơi thì rạp hát đã đóng cửa, trong rạp chẳng con ai. Thì ra buổi biểu diễn kết thúc sớm, vợ tôi không chờ tôi mà về nhà ngay, lúc bấy giờ mới là 10 giờ kém 5'. Tôi quyết định biện bạch nhà tôi nói rằng tôi tới rạp hát vào lúc 10 giờ kém 10'. Chẳng may là tôi nói lỗ miệng, làm hỏng kế hoạch của mình, để lộ ra là tôi nói dối, buộc phải giải thích nhiều hơn.

Điều đó càng gây ra sai lạc trong lời nói, sự sai lạc này không còn được gọi là lỗ lời nữa. Vì không chỉ sai lạc từ vựng đơn lẻ, mà sai lạc toàn bộ tiết tấu lời nói, làm ảnh hưởng tới toàn bộ hiệu quả của lời nói, chẳng hạn như nói do ngượng nghịu mà lắp. Nhưng ở đây cũng có vấn đề mâu thuẫn nội tại. Mâu thuẫn nội tại này bị bộc lộ ra do sai lạc khi nói. Tôi không cho rằng bất cứ ai, khi ông chủ của họ là người nghe, khi chính thức tỏ tình, hoặc khi bảo vệ danh dự của mình trước đoàn bồi thẩm - nói ngắn gọn, khi dấn thân vào việc, đều có khả năng sẽ lỗ miệng. Thậm chí, trong quá trình thưởng thức phong cách của tác giả, chúng ta cũng được dùng và quen dùng nguyên tắc giải thích như thế. Chúng ta không thể loại bỏ nguyên tắc này bằng cách truy tìm nguồn gốc sai lầm đơn lẻ. Tác phong sáng tác

rành mạch không hàm hồ cho chúng ta thấy tác giả dốc toàn tâm vào công việc. Khi chúng ta thấy cách diễn đạt nhiều tư tưởng một cách gò bó, tối nghĩa thì chúng ta có thể biết được rằng tác giả bị nhiều loạn bởi một suy nghĩ phức tạp, chưa hoàn toàn, hình thành, hoặc chúng ta có thể nghe thấy âm thanh tiềm ẩn sự tự phê bình của tác giả.

Tập sách này lúc đầu được dùng cho các bạn bè và đồng sự làm công việc về ngôn ngữ ⁽¹⁾, để họ tham khảo khi quan sát tình hình lơ lờ trong tiếng mẹ đẻ của họ. Quả vậy, họ đã phát hiện quy luật mâu thuẫn nội tại độc lập với cái vỏ vật chất là ngôn ngữ. Họ cũng giải thích như thế đối với sự lơ lờ trong tiếng Đức. Tôi chỉ đưa một trong vô vàn dẫn chứng họ đã nêu ra.

Năm 1909, Brill nói: "Một người bạn mô tả chúng đa sâu đa cảm của một bệnh nhân và hỏi tôi có giúp đỡ được không, tôi nói sau một thời gian có thể loại bỏ được mọi triệu chứng ấy, vì đó là bệnh "durable" (có thể kéo dài) - Tôi vốn định nói là "có thể chữa khỏi".

Để bạn đọc hiểu rõ hơn việc phân tích tinh thần, tôi nêu ra một dẫn chứng nữa ⁽²⁾. Dẫn chứng này do Jekel cung cấp năm 1913.

⁽¹⁾ Đoạn này và dẫn chứng dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

⁽²⁾ Phần còn lại dưới đây của chương này đều được thêm vào trong lần xuất bản năm 1917.

Ngày 11 tháng 12, một chị người quen gọi hỏi tôi với giọng khiêu khích, nạt nộ: "Tại sao hôm nay tôi nói tôi có 12 ngón tay?". Theo yêu cầu của tôi, chị ta nói cho tôi biết tình cảnh khi chị ta nói lời nói này. Vốn chị ta định cùng cô con gái đi thăm ai đó. Chị ta bảo con gái - có triệu chứng có bệnh thần kinh phân liệt đang ở vào thời kỳ lắng dịu - đi thay quần áo. Cô con gái vào phòng bên thay quần áo, sau đó quay ra thì thấy mẹ cô còn đang sửa móng tay, cô nói:

- Mẹ xem này, con đã chuẩn bị xong rồi, mà mẹ thì vẫn chưa xong!

- Ủ, nhưng mà con chỉ phải thay có mỗi chiếc áo khoác, còn mẹ thì phải sửa những 12 cái móng tay.

- Gì cơ ạ?

- Hừ - người mẹ nói với giọng khó chịu - tất nhiên. Thôi đủ rồi, mẹ có 12 cái móng tay, được chưa?

Một người bạn cũng có mặt khi ấy hỏi phải chăng con số "12" có ý nghĩa gì với chị ta. Chị bạn này cũng đáp ngay:

- Chẳng có hàm ý gì?

Về "ngón tay", chị ta lưỡng lự giây lát, sau đó nói ra sự liên tưởng của mình:

- Trong họ nhà chồng tôi, có một số người khi đẻ ra bàn tay đã có 6 ngón. Khi đẻ con chúng tôi cũng kiểm tra ngay xem chúng có như thế không.

Sáng hôm sau, đó là ngày 12 tháng 12, chị này lại tới tìm tôi với vẻ bồn chồn, nói: "Anh đoán xem sao! Hai chục năm trước, năm nào tôi cũng gửi thư mừng ngày sinh ông chú của chồng tôi - hôm nay là ngày sinh của ông. Năm nào tôi cũng viết thư vào ngày 11. Năm nay tôi quên, tôi phải đi gửi điện báo ngay bây giờ đây".

Tôi nhớ lại và nhắc chị ta rằng, tối qua, khi không thừa nhận tầm quan trọng của con số "12", thái độ của chị ta sao mà kiên quyết thế - sự thật thì con số "12" nhắc nhở chị về một ngày sinh nhật.

Thế rồi chị ta thừa nhận ông chú này là một nhà triệu phú, chị ta vẫn hy vọng được thừa kế một ít tài sản, nhất là trong hoàn cảnh túng thiếu hiện nay. Thí dụ, mấy ngày trước, người quen bốc thăm, dự đoán chị sẽ được một khoản tiền lớn. Thế là chị ta lập tức nhớ tới ông chú thậm chí nghĩ tới cái chết của ông. Vì chị ta nghĩ rằng ông chú là người duy nhất có khả năng cho chị ta tiền. Điều đó cũng nhắc nhở chị ta một sự thật: Vợ ông chú này từng hứa nhất định sẽ nhớ tới mấy đứa con của chị ta, nhưng khi bà thím này chết lại không để lại di chúc, phải chăng bà ta có dặn lại chồng thực hiện lời hứa giúp bà ta.

Di chúc của ông chú thì chắc chắn đã có, vì chị ta nói với người bạn đưa ra lời dự đoán trên rằng: "Ông hãy động viên mọi người tránh xa người khác". Bốn năm ngày sau khi có lời dự đoán và

trước sau ngày sinh của ông chú, ngày nào chị ta cũng đọc cột cáo phó trên báo chí địa phương của chú chồng chị ta. Chị ta mong chú chết như thế, nên chẳng có gì lạ, quên mất thói quen gửi thư chúc thọ hàng năm, hơn nữa câu hỏi của người đồng sự của tôi cũng chẳng có tác dụng gì đối với chị ta. Đó là vì chị ta đang mong cho chú chồng chị ta chết đi, nên cái việc chúc thọ bèn bị ức chế rất mạnh.

Nhưng, trong sự lỗ lòi "12 ngón tay", con số "12" bị ức chế này bỗng bật khỏi miệng, góp phần gây ra sự sai lạc về ăn nói. Tôi nói "góp phần gây ra" là vì sự liên quan của "ngón tay" khiến tôi nghi còn có nguyên nhân khác sâu xa hơn. Nó cũng giải thích vì sao con số "12" lại thay thế "10 ngón tay" vô tội. Liên tưởng của chị ta là: "Trong họ nhà chồng tôi có một số người khi để ra bàn tay đã có 6 ngón". 6 ngón là triệu chứng khác thường. Vì 6 ngón là một đứa trẻ dị dạng, còn "12 ngón" thì có nghĩa là có hai đứa trẻ dị dạng. Đó quả là sự thật. Chị này lấy chồng sớm. Người chồng quái dị chết sớm để lại cho chị ta một món tài sản duy nhất là hai đứa con dị dạng mà thầy thuốc nhiều lần kết luận là do nguyên nhân di truyền. Cô con gái đầu thì vừa trở về nhà do mắc chứng tâm trạng căng thẳng; không lâu sau, cô con gái thứ hai đang ở tuổi thanh xuân thì mắc chứng rối loạn công năng thần kinh.

Do đó, sự thật về sự dị dạng của các con và mong muốn chú chồng chết đi đã kết hợp với nhau và do đó nhân tố ức chế càng mạnh lên. Như vậy chúng ta có thể giả thiết rằng có nhân tố quyết định sự lơ lửng thứ hai, đó là: "Sự đối kháng giữa việc mong muốn chú chồng chết đi với sự dị dạng của con cái".

Nhưng, tầm quan trọng đặc biệt của việc mong chú chồng chết đi đã được ám chỉ ở con số "12" - Trong đầu chị ta, ngày sinh và cái chết của chú chồng đã gắn rất chặt với nhau. Vì chồng chị ta chết vào ngày 13 - tức là sau ngày sinh nhật của chú chồng một ngày. Vợ của chú chồng cũng đã nói với chị ta rằng: "Hôm qua anh ấy mới gửi thư chúc mừng, ấm áp nhường vậy, lòng tốt nhường vậy, thế mà hôm nay...".

Có lẽ tôi cần phải bổ sung một điểm, chị này cũng có đủ lý do để mong con mình chết đi, vì chúng chưa bao giờ mang lại niềm vui cho chị, chúng chỉ làm cho chị ta buồn khổ và hạn chế rất nhiều sự độc lập của chị ta, vì chúng mà chị ta phải vất bỏ tình yêu, hạnh phúc của mình. Trong tình hình ấy, thực tế chị ta chẳng muốn cùng con gái đi thăm bất kỳ ai với tâm trạng xấu như thế. Có thể tưởng tượng rằng, trong điều kiện tâm thần phân liệt nhẹ ấy, hơn nữa trong khi ấy lại ít nhiều bị tức giận thì người ta bị ức chế, khó mà yêu cầu người ta

kiên nhẫn được.

Do vậy, hàm nghĩa của sự sai lạc trong lời nói này là:

"Chú chồng phải chết, những đứa con dị dạng cũng nên chết đi (cả họ cũng vậy), ta phải nhận được tiền của họ".

Theo tôi, sự sai lạc trong lời nói này có kết cấu không bình thường, có mấy ngẫm ý sau:

1) Có hai nhân tố quyết định, cô đọng lại thành một nhân tố.

2) Hai nhân tố ấy phản ánh ở hai sự lỗi lời (12 cái móng tay, 12 ngón tay).

3) Điều rất quan trọng là, một hàm nghĩa của con số "12" là nói về 12 ngón tay dị dạng của các con, đại biểu cho hình thức biểu hiện không trực tiếp; Ở đây, sự khác thường về tâm lý được biểu ý bằng sự dị dạng của thân thể, tức là bộ phận thấp nhất của thân thể đại biểu cho bộ phận cao nhất của thân thể.

CHƯƠNG VI

ĐỌC SAI VÀ VIẾT SAI ⁽¹⁾

Khi chúng ta đọc sai và viết sai mà dùng phương pháp xử lý việc lỗi lời để xử lý việc đọc sai và viết sai thì cũng có hiệu quả tương tự. Điều đó không có gì lạ, vì quan hệ nội tại của những công năng này vốn rất chặt chẽ. Do đó, ở đây tôi chỉ đưa ra mấy dẫn chứng đã được phân tích kỹ, chứ không định làm chu toàn mọi mặt.

A. ĐỌC SAI

Dẫn chứng 1.

Tôi ngồi trong quán cà phê, tiện tay dở chồng báo ảnh "Leipziger Illutúrte" ra xem, dưới một bức tranh tôi thấy tiêu đề: "Hôn lễ được tổ chức ở Odyssee". Tôi giật mình, vội cầm tờ báo cho ngay ngắn để xem thật kỹ, thì ra là "Hôn lễ được tổ chức

⁽¹⁾ Chương này từ đây tới dẫn chứng 3 đều là nội dung có trong bản xuất bản trong năm 1901.

ở Ostsee". Tại sao lại xảy ra sự sai lạc vô duyên như vậy?

Tôi bỗng chuyển tư duy sang tập sách "Experimentalm Untersuchungen über Musikphantome" ⁽¹⁾.

(Nghiên cứu thực nghiệm về huyền tưởng âm nhạc). Gần đây tôi rất quan tâm tới tập sách này, vì nó động chạm tới vấn đề tâm lý mà tôi rất thích thú. Tác giả tập sách còn thông báo rằng không lâu nữa ông sẽ xuất bản tập "Analysis and Principles of Dream Phenomena" (Nguyên lý và phân tích hiện tượng giấc mơ). Mà tôi thì vừa mới xuất bản sách "Interpretation of Dreams" (Giải phẫu giấc mơ). Do đó có thể thấy tôi mong mỏi nhường nào sự ra đời của tập sách kia. Trong lời nói đầu của tập "Nghiên cứu thực nghiệm về huyền tưởng âm nhạc", tôi đọc thấy lời suy đoán, chứng minh rằng truyện thần thoại Hy Lạp cổ chủ yếu bắt nguồn từ những giấc mơ và từ những huyền tưởng khi nghe âm nhạc, bắt nguồn từ cõi mộng và sự mê cuồng. Tôi lập tức đọc toàn bộ tập sách này để xem phải chăng tác giả cũng đồng ý cho rằng màn kịch Odysseus hiện lên trước mặt công chúa Nausicaä bắt nguồn từ giấc mơ khổ thân mà mọi người thường mơ thấy. Có một người bạn nhắc tôi rằng, trong sách "Der Grüne

⁽¹⁾ Trong tập sách này, Rutbes cho rằng, huyền tưởng âm nhạc là một nhóm hiện tượng tinh thần. Khi người ta say sưa trong tiếng nhạc thì sẽ nảy ra những huyền tưởng này.

Heinrich" (Heinrich màu xanh) của nhà viết tiểu thuyết Gottfried Keller cũng có lời giải thích màn kịch này. Ông cho rằng Odysseus là đại biểu điển hình trong giấc mơ của một thủy thủ phiêu bạt nơi đất khách quê người. Còn tôi thì muốn chỉ ra rằng đoạn này có quan hệ chặt chẽ với giấc mơ khoa thân của kẻ thích loã lồ. Trong sách của Ruths tôi không thấy đề cập tới.

Trong trường hợp này, rất rõ ràng, sở dĩ tôi đọc sai chữ ở trong quán cà phê là vì tôi luôn luôn nghĩ tới vấn đề có liên quan đến Odysseus.

Dẫn chứng 2.

Một hôm, khi đọc báo, tôi đọc câu "Zu Fuss" (Đi bộ) xuyên qua châu Âu thành "Im Fass" (ngồi thùng) xuyên qua châu Âu.

Tại sao lại đọc như vậy? Câu hỏi này làm tôi lúng túng trong một thời gian dài. Đầu tiên tôi nghĩ rằng chắc chắn là do tôi luôn luôn nghĩ tới vấn đề cái thùng của Diogenes. Trước đây không lâu, tôi mới đọc lịch sử nghệ thuật thời đại Alexander, do đó rất dễ nhớ lại một câu rất nổi tiếng của Alexander, rằng: "Nếu tôi không là Alexander thì tôi nguyện làm Diogenes". Hơn nữa, tôi còn lơ mơ nhớ một việc rất thú vị, đó là việc có một người tên là Herman-Zetung ⁽¹⁾ ngồi trên va ly hành lý đi du

⁽¹⁾ Zetung là tên người, nhưng trong tiếng Đức còn có nghĩa "báo chí".

lịch. Nhưng bây giờ tôi không nghĩ gì hơn việc đó, hơn nữa cũng không tìm lại được từ trong lịch sử nghệ thuật câu danh ngôn khiến tôi chú ý nữa. Mãi mấy tháng sau, cái vấn đề đã được gác sang một bên này lại một lần nữa ập vào đầu tôi. Lần này tôi đã tìm ra lời giải.

Tôi đọc được một tin trên báo mô tả một cách lý thú việc người ta áp dụng phương thức du lịch (Beförderung) ⁽¹⁾ đặc biệt để đi Paris tham qua triển lãm quốc tế.

Một người chui vào trong thùng, cái thùng lăn đi Paris. Chẳng nói cũng rõ, những người này muốn thu hút sự chú ý của mọi người bằng hành vi ngu xuẩn. Thực tế thì Zeitung là người dẫn đầu áp dụng phương thức đó. Điều này khiến tôi nhớ một bệnh nhân. Ông ta khao khát đọc báo một cách bệnh hoạn. Thực tế thì điều đó có thể được giải thích là sự phản ứng của khát vọng có tính chất triệu chứng muốn được nhìn thấy, đọc thấy số phận của mình trên báo chí. Alexander ở Macedonia là một trong những nhân vật có hoài bão lớn nhất trong lịch sử. Thậm chí ông ta còn phàn nàn không tìm ra nhà thơ như Homer để ca tụng công lao của mình. Nhưng tôi không sao nhớ ra một Alexander ⁽²⁾ khác có quan hệ

⁽¹⁾ Beförderung (phương thức du lịch) trong tiếng Đức còn có nghĩa là "thăng chức".

⁽²⁾ Theo Jones, tên gọi Alexander là tên do Freud đặt, cho em ông dựa theo cái tên Alexander khẳng khái, có tài năng quân sự phi phạm trong lịch sử.

chặt chẽ với tôi. Vậy em tôi thì sao? Tôi bỗng phát hiện suy nghĩ của tôi về một Alexander khác bị úc chế, không hiểu vì sao bây giờ lại hiện lên trong đầu tôi. Em tôi là nhân vật quyền uy về vận tải (Beförderung) và thuế quan, dự đoán do có thành tích trong công tác dạy học ở học viện thương mại nên không lâu nữa sẽ được thăng chức giáo sư. Mấy năm trước, tôi cũng được trường đại học đề nghị thăng chức (Beförderung) như thế, nhưng sau đó không được chấp nhận ⁽¹⁾. Thấy đứa con bé trở thành giáo sư sớm hơn đứa con lớn, mẹ tôi rất ngạc nhiên. Đó là tình hình khi tôi không thể giải đáp được sự đọc sai kia. Về sau, em tôi gặp khó khăn. Cái chức giáo sư dự kiến không đến với chú ấy, địa vị còn thấp hơn tôi. Và khi đó việc giải đáp vấn đề đọc sai của tôi đã sáng sủa ra, cứ như là sự tắt ngấm hy vọng của em tôi đã dọn sạch đường cho tôi vậy.

Hãy tưởng tượng, bây giờ tôi còn tỏ ra như là đã tận mắt chứng kiến tình hình em tôi nhậm chức như báo chí đã đăng tải, và tự nói với mình rằng: "Vì một việc ngu xuẩn như thế mà có mặt trên báo chí, thật là nực cười!".

Về sau, khi đọc lịch sử nghệ thuật thời đại Alexander tôi thấy có đoạn nói về nghệ thuật Hy Lạp cổ. Điều đó khiến tôi tin chắc rằng trước đó tôi đã nhiều lần thấy đoạn ghi chép ấy, nhưng cứ như

⁽¹⁾ Trong sách "Giải phẫu giấc mơ" điều này được nhắc tới nhiều lần.

là bị một ảo giác tiêu cực chi phối, lần nào cũng bỏ qua câu danh ngôn ở đoạn ấy. Song, thực tế thì những câu này không có nội dung gì có thể gọi mở cho tôi, về điều tôi đã quên. Do đó tôi đoán rằng, sở dĩ trước đó tôi không thấy câu danh ngôn, ấy là do ý chí đã đưa tôi đi nhầm đường lạc lối. Khi gặp trở ngại trong công việc nghiên cứu, tức là đối với những quan niệm có liên quan tới Alexander ở Macedonia, tôi hy vọng tìm ra được một mạch tư duy liên tục. Làm như vậy thì có thể giúp tôi chuyển sự chú ý ra khỏi người em có cùng cái tên Alexander ấy. Thực tế thì việc chuyển chú ý ấy cũng hoàn toàn thành công, toàn bộ sức lực và tinh thần của tôi được dồn vào công việc một lần nữa tìm câu danh ngôn ấy trong lịch sử nghệ thuật, và cuối cùng cũng tìm ra được lời giải đáp câu hỏi kia.

Trong trường hợp này, nghĩa khác của từ *Beförderung* (vận tải, thăng chức) đã hình thành chiếc cầu kết hợp hai phức cảm ⁽¹⁾. Trong một bài không quan trọng lắm được đăng trên báo chí có một điều khá lý thú nhưng lại chẳng lấy gì làm vui hiện ra trước mắt tôi dưới hình thức gây rối việc đọc.

Từ trường hợp này chúng ta rất dễ nhận ra

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1901 và 1904, ở đây dùng từ *Circles of thought* (vòng tư duy); trong lần xuất bản năm 1907 thì thay bằng từ *complexes* (phức cảm). Điều này cho thấy Freud bắt đầu chịu ảnh hưởng của Jung. Họ rất giống nhau trong việc sử dụng từ ngữ, gắn cơ chế ngủ mơ, đùa bỡn, triệu chứng bệnh thần kinh với nhau

rằng: hành vi bất chợt giống như sự đọc sai này không phải bao giờ cũng dễ giải thích rõ ràng. Có khi thậm chí phải đợi tới thời gian thích hợp mới giải quyết được vấn đề. Nhưng, vấn đề càng khó giải quyết chúng ta càng có thể dự đoán: mạch suy nghĩ bị đứt quãng do bị gây rối rồi sẽ được tư tưởng có ý thức khác với nó, thậm chí mâu thuẫn với nó, làm rõ;

Dẫn chứng 3.

Một lần tôi nhận được thư của một người hàng xóm ở Wien. Trong thư ông ta nói cho tôi biết một tin vô cùng bất hạnh, đó là die ⁽¹⁾ arme Wilhelm M. (bà Wilhelm), đáng thương ốm nặng, các bác sĩ đều bó tay. Tôi vội gọi vợ tôi báo cho bà biết tin này. Có khả năng do xúc động mà giọng nói của tôi không bình thường khiến vợ tôi hoài nghi, khẳng định chắc chắn tin trong thư không được viết như tôi đã đọc, vì khi viết thư người ta không viết toàn bộ tên của chồng, hướng hồ người viết thư lại rất thuộc tên của bà vợ ông ta. Tôi cố cãi tôi đọc không sai, hơn nữa còn nói rằng, trong thiệp mời của mình, phụ nữ phải ghi toàn bộ tên chồng, vậy tại sao khi viết thư thì lại không được làm như thế? Cuối cùng, do không cãi nổi bà, tôi miễn cưỡng lấy thư ra đọc lại. Lúc này tôi mới phát hiện thư ghi "der" ⁽²⁾ arme W. M". (ngài

⁽¹⁾ "die" là từ dùng để chỉ phụ nữ.

⁽²⁾ "der" là từ dùng để chỉ đàn ông.

Wilhelm đáng thương). Thế là tôi đã đọc sai, bỏ qua từ "ngài". Việc đọc sai của tôi chứng tỏ tôi muốn đẩy cái tên xấu của người chồng cho người vợ. Tôi có ấn tượng là thư ghi tên vợ, mặc dầu sự thực thì không phải như thế, nên khi đọc tôi đã bỏ qua từ chỉ giới tính. Tôi đọc sai chẳng phải vì tôi thông cảm với người chồng hơn người vợ. Thực ra, số phận của người chồng này khiến tôi lo cho một người khác có quan hệ chặt chẽ với tôi, người này có căn bệnh giống căn bệnh của ông ta.

Dẫn chứng 4 ⁽¹⁾

Một dạng đọc sai nực cười khác cũng làm phiền lòng như thế thường xảy ra khi tôi rong chơi khắp chốn của thành phố mới lạ trong các kỳ đi nghỉ. Khi ấy, bất kỳ bảng, biển nào có dạng chữ và nghĩa chữ hơi giống nhau tôi đều coi là "đồ cổ". Điều đó cho thấy tinh thần sưu tầm không mệt mỏi của một người nghiện đồ cổ như tôi.

Dẫn chứng 5 ⁽²⁾

Trong một tác phẩm quan trọng của mình, "Affektivität, suggestibilitat, paranoia" ("tình cảm, ám thị và cuồng vọng"), Bleuler viết: "Một lần, khi đang đọc sách, tôi bỗng cảm thấy đọc thêm hai dòng nữa thì có tên tôi. Nhưng, khi tiếp tục đọc, tôi bỗng chỉ thấy từ Blutkörperchen (huyết cầu). Tôi

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

từng phân tích hàng nghìn trường hợp đọc sai, trong những trường hợp đó, có trường hợp đọc sai chữ ở giữa tầm mắt, có trường hợp đọc sai chữ ở bên lề tầm mắt. Nhưng không có trường hợp nào ly kỳ như trường hợp này. Vì, nói chung, chữ mà bạn đọc sai chắc chắn có chỗ giống với chữ gốc. Thí dụ, khi tôi đọc nhầm một chữ thành tên của tôi thì phần lớn chữ đọc nhầm ấy rất giống với tên tôi. Nhưng trường hợp này, từ Blutkörperchen (huyết cầu) và tên tôi Bleuler khác nhau một trời một vực, chẳng giống nhau tý nào. Nhưng không khó giải thích nguyên nhân gây ra sự ngộ nhận, cuồng vọng này. Tập sách tôi đọc chủ yếu là phê phán giọng văn vụng về trong tác phẩm khoa học. Về mặt này tôi cảm thấy chẳng thoải mái chút nào, nên càng không yên lòng, vì cảm thấy sắp sửa nhắc tới tên mình, lấy bài viết của tôi ra làm dẫn chứng".

Dẫn chứng 6 ⁽¹⁾.

Hanns Sachs từng đọc thấy một câu như sau: "Do steifleineuheit (cổ hủ) mà ông ta bỏ qua cái làm cho người khác cảm động". Sách nói: "Cái từ đầu tiên (từ "Steifleinenbeit", cổ hủ - N.D) trong câu này khiến tôi nghi nghi.

Đọc kỹ tôi phát hiện té ra là từ "stilfeinheit" (phong cách nhã nhặn). Kỳ thực, câu này tôi đọc thấy ở một bài bình luận. Tôi rất khâm phục tác giả

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

bài bình luận này. Nhưng do ông quá đề cao nhà sử học ấy nên tôi không đồng tình. Tôi cho rằng nhà sử học ấy quá đáng trong việc tỏ ra "có phong thái nghề nghiệp của người Đức". Đó là nguyên nhân vì sao tôi đọc nhầm từ *stilfeinheit* thành *steifleinen heit*".

Dẫn chứng 7 ⁽¹⁾.

Dr. Marcell Eibenschütz nói về trường hợp ông đọc sai khi ông nghiên cứu ngữ văn, rằng: "Tôi từng nghiên cứu vấn đề tiếp tục xuất bản "Sách kẻ tử vì đạo" (Book of Martyrs). "Sách kẻ tử vì đạo" là tập truyện truyền ký thời trung cổ viết bằng tiếng Đức do tôi biên tập trong "Giáo trình nước Đức thời Trung cổ" (German Mediaeval Texts) do Hội nghiên cứu khoa học Phổ (Prussian Akademie der Wissenschaften) xuất bản. Công việc này chưa xuất bản được tập sách nào, nên người ta biết rất ít. Hiện chỉ còn một bài ngắn của Joseph Haupt. Bài viết ngắn này không dựa vào bản chép tay cổ xưa, mà căn cứ vào bản sao chép lại. Bản sao này được chép lại bản chép tay C tư liệu gốc. Bản chép tay C là tư liệu tương đối với bây giờ (thế kỷ XIX), được cất giữ ở thư viện Đế quốc. Cuối bản sao này có một đoạn như sau ⁽²⁾: "Cuốn sách này do tôi và Hartman bắt đầu viết từ trước ngày lễ chúa Giê-xu gặp nạn, tới ngày lễ

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

⁽²⁾ Ý nói rằng, trong tình hình bình thường, đó là lời chú thích hoặc chữ ký của tác giả ở cuối bài.

phục sinh thì hoàn thành. Bấy giờ Hartman là tu sĩ ở Kloster neuburg". Trong bài viết ấy, Haupt dùng đoạn này để chứng minh bản sao mà ông sử dụng là bản sao C, hơn nữa còn dựa vào đó để đoán định nó được viết vào năm "1350" chứ không phải năm "1850". Quan điểm này cho thấy chữ số La Mã đã bị đọc sai là ra đời năm "1850". Điều đó cũng có nghĩa là, đầu đoạn văn này được chép kỹ đến đâu chẳng nữa, đầu bài viết được in cẩn thận đến đâu chẳng nữa, vẫn cứ xảy ra chuyện đọc sai.

"Phán đoán của Haupt gây phiền cho tôi rất nhiều. Là lính mới trong giới học thuật, lúc đầu tôi bị quyền uy của ông ta làm cho khiếp sợ. Sau này, thậm chí tựa như thật sự tôi đã nhìn thấy trên bản thảo bày ra trước mặt tôi ghi năm "1350" chứ không phải năm "1850", đúng như Haupt đã nói, rành rành ra đó, không hề có gì nghi vấn. Dù, trong bản sao C mà tôi đã sử dụng không tìm thấy bất kỳ vết tích nào của đoạn ghi chép kia thì sự thật cũng càng cho thấy: thế kỷ XIV, ở Kloster - neuburg không có tu sĩ nào tên là Harman. Nhưng tôi vẫn tin phán đoán của Haupt. Cuối cùng, khi chiếc mạng che quyền uy bị rũ bỏ thì chứng cứ đã chứng minh sự đoán định của tôi: đoạn ghi chép được thường xuyên nhắc tới ấy thực tế chỉ thấy ở trong tư liệu mà Haupt sử dụng. Rõ ràng là bản sao mà ông sử dụng là bản sao chép lại. Hartman là đội

trưởng đội ngâm thơ cổ điển ở Klostermeuburg, là tu sĩ ở nhà tu, ông chép lại bản chép tay C và ký tên mình ở cuối bản chép lại ấy theo phương thức cổ xưa. Cách dùng từ thời trung thế kỷ và cách ghép từ cổ xưa đã giúp Haupt phán đoán năm "1850" thành "1350". Haupt muốn gắng sức làm cho bạn đọc của ông chú ý tới đề tài mà ông thảo luận, chú ý tới niên đại của bản chép tay C. Đó là nguyên nhân bên trong gây ra sự đọc sai này.

Dẫn chứng 8 ⁽¹⁾.

Trong sách "Witzige und Satiriscleehe Einfälle" ("Tia lửa tư tưởng châm biếm khôi hài") của Lich - teuberg có một đoạn bình luận như sau: "Ông đã đọc rất nhiều thơ của Homeros, nên thường đọc angenommen (giả thiết) thành Agamenunou ⁽²⁾. Rõ ràng đoạn này là kết luận được rút ra từ kết quả quan sát, bao hàm toàn bộ nguyên lý về sự đọc sai.

Trong rất nhiều trường hợp, do bạn đọc có sự chuẩn bị tư tưởng từ trước nên mới thay đổi nội dung đọc, thêm vào giả thiết chuẩn bị sẵn từ trước hoặc quan niệm ngự trị sẵn từ trước ở trong đầu họ. Đối với sự đọc sai, nguyên văn đòi hỏi nó phải cung cấp được những câu chữ rất giống với câu chữ mà

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ Đoạn này từng được sử dụng trong tác phẩm bàn về đùa bỡn và ở cuối chương II sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" của Freud.

họ cần. Chỉ lướt qua nguyên văn, đặc biệt là lướt qua văn bản không chính xác lắm, khả năng nảy sinh ảo giác sẽ tăng lên rất nhiều. Nhưng, đó không phải là tiền đề tất yếu nảy sinh đọc sai.

Dẫn chứng 9.

Tôi nhớ không có hiện tượng đọc sai nào xảy ra do hoàn cảnh chiến tranh tác động mạnh mẽ như trường hợp đọc sai dưới đây.

Tác động của chiến tranh hết sức mạnh, nó thu hút dai dẳng sự chú ý của mọi người. Tôi từng quan sát nhiều trường hợp như thế, nhưng đáng tiếc là chỉ giữ lại được tư liệu ghi chép rất ít trường hợp.

Một hôm, tôi cầm một tờ báo (có lẽ là báo buổi chiều), bỗng thấy một hàng tít chữ to: "DIE FEINDE VON GÖRZ" (Hoà bình ở Görz). À, không đúng, phải là "DIE FEINDE VON GÖRZ" (tình hình địch ở Görz). Sự đọc sai này rất dễ xảy ra ở nơi có người thân tham chiến.

Còn có trường hợp một người đọc thấy trong bài viết nào đó có chữ Brotkarte (phiếu bánh mì), nhưng khi đọc kỹ lại thì thấy té ra là chữ Brokate (Gấm đoạn). Có thể giải thích hiện tượng đọc sai này như sau: Người này luôn luôn là vị khách được hoan nghênh của gia đình người bạn nào đó, ông ta luôn biểu bà chủ nhà Brotkarte (Phiếu bánh mì) để lấy lòng bà ta.

Một vị kỹ sư có chiếc máy làm việc trong đường hầm hay bị hỏng hóc. Thế là, rất lạ, anh ta đọc tờ quảng cáo ca tụng sản phẩm này có chữ "Chế tạo bằng Schundlerer (da chất lượng xấu); nhưng người bán thì không như thế, có khả năng ông ta đọc là "chế tạo bằng Seehundlerer (da báo biển)".

Từ đó ta thấy, nghề nghiệp của người đọc hoặc cảnh ngộ của họ khi ấy cũng là một trong những nguyên nhân đọc sai.

Một nhà triết học, nếu tác phẩm xuất sắc mới nhất của ông ta bị đồng nghiệp đem ra bàn cãi, thì có khả năng ông ta đọc chữ Schachstrategie (chiến thuật cờ tướng quốc tế) thành Sprachstrategie (chiến thuật ngôn ngữ). Một người đi trên đường phố xa lạ, bỗng thấy một tiểu tiện, khi ấy thậm chí ông ta đọc chữ trên bảng hiệu của hàng thành chữ closet - House (nhà vệ sinh), và giữa lúc đang mừng rơn anh ta còn sẽ lấy làm lạ: Sao lại xây nhà vệ sinh ở đây nhỉ? Khi cơn hứng khởi qua đi, anh ta mới nhận biết té ra là chữ Corset - House (Cửa hàng đồ dùng giành cho phụ nữ).

Dẫn chứng 10

Trong một loạt trường hợp tương tự, có nhiều trường hợp do nguyên văn gây ra đọc sai. Vì trong nguyên văn có những nội dung khiến người đọc dễ phòng những tin tức khiến họ lo ngại hoặc nói xấu họ. Để phủ định những tin tức ấy, hoặc để thực

hiện ý muốn nào đó, người đọc sửa lại nguyên văn bằng cách đọc chệch đi. Trong trường hợp ấy, chúng ta không thể không giả định: mặc dầu khi đọc lần đầu, người đọc không thu được bất kỳ tin tức gì, nhưng trước khi sửa nguyên văn họ đã nắm rất chắc nội dung ở trong đó và đưa ra phán đoán của mình.

Tôi còn có thể đưa ra một dẫn chứng điển hình hơn. Dẫn chứng này do ông Eitingon làm việc ở viện Quân y nói cho tôi biết. Ông nói: "Trong viện quân y của chúng tôi có một bệnh nhân là thượng úy phi công, ông mắc bệnh thần kinh ở dạng là vết thương chiến tranh. Một hôm ông ngâm thơ của Walter Heymann cho tôi nghe. Nhà thơ này chết trận khi còn rất trẻ. Bệnh nhân ngâm rất gọi cảm:

Lẽ nào đó là ý trời?

Giữ lại ta một mình cô độc.

Bạn bè đã chết cho ta được sống

Ta mới là người nên chết,

Tại sao người chết lại là họ?

Chỉ còn ta sống một mình đơn côi

Tại sao không (Warum denn ich)?⁽¹⁾

"Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, khiến viên thượng úy phi công chú ý, anh ta ngâm lại:

⁽¹⁾ Trích từ bài "Gửi những người ta đi" trong "Tập thơ chiến tranh và thư tiễn tuyến" của Walter Heymann.

Chỉ còn mình ta sống sót cô đơn.

Tại sao (Warum denn ich)?

"Tôi thấy cần phải phân tích yếu tố tâm lý đối với bệnh thần kinh ở khía cạnh là vết thương chiến tranh trong dân chúng này. Trong viện quân y thường xuyên có đông bệnh nhân, nhưng bác sĩ thì lại rất ít. Tình hình này khiến chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng tạm không nói về điều này, điều quan trọng là tiếng nổ thường được coi là nguyên nhân gây bệnh.

Nhưng tôi lại thấy được một điều ở đằng sau tiếng nổ. Chúng tôi thấy những người mắc bệnh trên thường ra rất dữ. Run rẩy là đặc trưng chung của những người mắc bệnh thần kinh với những triệu chứng rõ rệt. Đồng thời, người bệnh còn có những biểu hiện buồn lo, sợ hãi, chảy nước mắt, dễ tức giận, buồn nôn,...

"Nguồn gốc tâm lý đặc biệt của triệu chứng buồn nôn và tác động của nó khi phải phát bệnh được mọi người chú ý. Người ta thấy: những khi giám đốc bệnh viện tới các phòng bệnh thăm bệnh nhân hoặc khi ông gặp người quen trên đường mà ông ngỏ lời thăm hỏi: "ồ, trông anh đã khá rồi đấy", "thần sắc anh đã rất tốt rồi đấy", đều khiến cho bệnh nhân buồn nôn dữ dội.

""Về đơn vị làm việc đi thôi, tại sao? " những câu

ấy thường xuyên vang vọng trong đầu bệnh nhân".

Dẫn chứng 11 ⁽¹⁾.

Bác sĩ Hanns Sacho cũng đã kể một số trường hợp đọc sai do chiến tranh gây ra. Ông nói: "Một người bạn rất thân của tôi kể rằng, mỗi lần đến phiên ông, ông đều không sử dụng cái tư cách thượng sĩ có giấy chứng nhận của ông, ông bỏ qua mọi dịp có thể dựa vào tư cách này để giành cho mình công việc thích hợp. Ông muốn phục vụ trong quân đội. Nhưng trước ngày được gọi nhập ngũ không lâu, ông nói với tôi một cách đơn giản rằng ông đã nộp giấy chứng nhận tư cách thượng sĩ lên cấp trên và đã được chuẩn y không lâu nữa sẽ tới làm việc tại một công ty bưu chính. Hôm sau chúng tôi gặp nhau ở bưu cục ấy. Bấy giờ tôi đang đứng viết bên cạnh một chiếc bàn, ông ta bước tới, nhìn qua vai tôi, lát sau bỗng nói: "Ồi thôi, tôi đọc cái chữ Druckbogen (trang in) ở bên trên kia thành ra chữ Drückeberger (lính đảo ngũ) mất rồi".

Dẫn chứng 12

Một hôm, tôi đang ngồi trên xe điện, nhớ lại những người bạn thời còn trẻ, trước kia họ đều là những kẻ yếu đuối, nhát gan, thế mà bây giờ có thể chịu đựng được những khó khăn gian khổ mà tôi không chịu nổi. Nghĩ rồi lại nghĩ, vừa ngẩng đầu

⁽¹⁾ Từ dẫn chứng 11 đến dẫn chứng 13 đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

lên tôi chợt thấy ở ngoài xe có một chiếc biển của hàng đề chữ IRON CONSTITUTION (ý chỉ thép). Tôi lấy làm lạ, biển công ty sao lại viết như thế? Tôi quay đầu lại nhìn kỹ thì thấy té ra là chữ IRON CONSTRUTION (kết cấu thép).

Dẫn chứng 13.

Các báo buổi chiều đăng một tin của thông tấn xã nói rằng Hughes trúng cử tổng thống Mỹ. Sau đó tin này được xác nhận là tin vịt. Ngay dưới tin ấy tôi thấy có một bài viết ủng hộ tổng thống. Bài này nói Hughes tốt nghiệp trường đại học Bonn. Tôi lấy làm lạ, trước khi bầu tổng thống báo chí không nói gì về điều này. Tôi xem kỹ lại, té ra bài này viết là trường đại học Brown (ở Providence, thủ phủ bang Rhode Mỹ). Sở dĩ tôi đọc sai nguyên văn một tin sai lệch như thế tất nhiên là do tôi đọc vội, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do tôi mong rằng, để có cơ sở cho quan hệ hữu nghị trong tương lai, tổng thống mới ủng hộ các cường quốc châu Âu không chỉ xuất phát từ những tính toán về mặt chính trị, mà còn có động cơ cá nhân của ông.

B. VIẾT SAI

Dẫn chứng 1⁽¹⁾.

Tôi rất ngạc nhiên khi phát hiện trong cuốn

⁽¹⁾ Phần lớn dẫn chứng 1, 2 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907, chỉ có câu 2 tính từ dưới lên và câu cuối cùng được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907 và năm 1912.

sổ dùng để ghi vắn tắt công việc hàng ngày, ở trang dành cho tháng 9, tôi viết: "Ngày 20 tháng 10, thứ năm". Kỳ thực sự ghi sai này không khéo giải thích: Nó phản ánh một sự mong đợi nội tâm. Mấy ngày trước đó, tôi vừa đi nghỉ về, tâm tình sảng khoái, đã chuẩn bị tốt về tâm lý cho công việc sau đó. Nhưng đáng tiếc là bệnh nhân ít. Giữa lúc ấy có một bệnh nhân gửi thư tới nói rằng ngày 20/10 họ sẽ tới khám bệnh. Vào một ngày tháng 9 ấy, khi tôi viết nhật ký, chắc hẳn tôi nghĩ rằng: tại sao bà ta không đến sớm hơn? Bỏ phí mất tròn một tháng, rõ tiếc. Thế là với mạch suy nghĩ ấy, tôi lui ngày ấy lại một tháng.

Trong trường hợp này, không thể nói rằng tâm trạng bị nhiễu loạn gây ra sự không vui. Do vậy khi phát hiện viết sai tôi lập tức tìm ra nguyên nhân.

Mùa thu năm sau, tôi lại có một lần viết sai, nguyên nhân cũng hoàn toàn giống như vậy. Bác sĩ Dr. Jones đã nghiên cứu sâu việc viết sai ngày tháng như thế, ông thấy rằng đại đa số trường hợp viết sai này đều có thể tìm ra nguyên nhân.

Dẫn chứng 2

Trong bài 2 gửi cho "Jahresbericht für Neurologie and Psychiatria" ⁽¹⁾ (tạp chí hàng năm về bệnh học tinh thần và bệnh học thần kinh) tôi dẫn ra

⁽¹⁾ Freud từng gửi bài tóm tắt và lời bình mục "Liệt não ở trẻ sơ sinh" đăng ở số 3 tạp chí này. Ở đây, Freud nói về bài ấy.

nhiều tên người của các nước khác nhau. Nhưng tên gọi này rất khó phân biệt, công nhân xếp chữ rất dễ xếp sai. Do vậy, khi tôi nhận được bản in mẫu, tôi phải đối chiếu lại rất kỹ. Quả nhiên, rất nhiều tên người có âm đọc kỳ lạ bị xếp sai. Nhưng điều rất thú vị là, công nhân xếp chữ sửa cả chữ mà trong nguyên bản tôi viết sai, mà họ lại sửa hoàn toàn đúng mới lạ chứ. Tôi viết là Backrhard, họ sửa là Burckhand, hẳn là họ đoán như thế mới đúng, mà cũng đúng như họ đã đoán.

Burekhard là bác sĩ khoa sản. Trong bài của mình, tôi khen bài "ảnh hưởng của quá trình sinh đẻ đối với nguồn gốc của sự ngây dại ở trẻ sơ sinh"⁽¹⁾. Tôi không hề có ý ghét ông. Nhưng ở Wien có người giống tên ông, người này coi tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ" của tôi không đáng 1 xu. Tôi rất căm giận. Do vậy, khi viết bài khen bác sĩ khoa sản Burckhard tự nhiên cái tình căm căm ghét cái ông Burekhard kia bị dồn lên ngòi bút. Tại chương "Lỡ lời" ở trên kia tôi đã nói rằng: Xuyên tạc đến người thường có ý hạ thấp đối phương.

Dẫn chứng 3 ⁽²⁾

Kết quả tự quan sát của Storfer đã chứng thực một cách đầy đủ lời khẳng định này của tôi. Storfer được mọi người khen là thẳng thắn, ông nói thẳng

⁽¹⁾ Bài của Max Burkhard đăng trên "Tạp chí thời đại" số ra ngày 6 và 13 /1/1900.

Trong thư gửi Fliess đề ngày 8/1/1900 Freud có bình luận bài này.

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

động cơ thật sự của mình khi viết sai tên đối phương. Ông nói:

"Tháng 12/1910, tôi thấy trên giá sách của một hiệu sách ở Zürich có bày bán tác phẩm của tiến sĩ Eduard Hitschmann. Nội dung của tập sách nói về lý luận bệnh thần kinh của Freud. Bấy giờ, đề tài này vẫn là đề tài rất mới. Tôi cũng đang viết một bài giảng cho trường đại học về nguyên tắc cơ bản của tâm lý học của Freud. Trong lời nói đầu đã được viết xong, tôi nhắc tới lịch sử phát triển lý luận tâm lý học của Freud: đi từ tìm hiểu một cách nhọc nhằn trong lĩnh vực thực dụng, trải qua muôn vàn khó khăn trong việc mô tả tổng hợp những nguyên tắc cơ bản, rồi lại thuật lại một cách toàn diện hiện trạng mà thực tế chưa tới điểm dừng.

"Cái ngày lần đầu tiên phát hiện tập sách của Hitschmann ấy tôi không có ý định mua ngay. Nhưng, ít ngày sau, khi tôi muốn mua thì không còn nữa. Tôi hỏi người bán hàng và nói cho ông ta biết tác giả là Edward Hartmann. Người bán hàng sửa lại: "Tác giả mà ngài nói là ông Hitschmann chứ!", thế rồi tôi mua được sách.

"Nguyên nhân vô thức của hành vi sai lạc này rất rõ: vốn là, tôi muốn bằng cách diễn giải để giành danh tiếng và vinh dự cho công việc trình bày một cách tổng hợp của mình về những nguyên tắc cơ bản của lý luận phân tích tâm lý. Nhưng tập

sách của Hitschmann đã chia bớt danh dự của tôi. Điều đó làm tôi buồn giận, thế là nhớ sai tên của ông ta. Tôi tự bảo mình: Trong công tác nghiên cứu "bệnh lý học tinh thần trong đời sống hàng ngày", việc tôi viết sai tên Hitschmann là phản ứng của tâm lý căm giận vô thức. Bây giờ, tôi rất hài lòng đối với cách giải thích này.

"Mấy tuần sau, khi ghi lại quá trình xảy ra hành vi sai lạc này, tôi lại nêu ra một câu hỏi mới: tại sao tôi viết Edward Hitschmann thành Edward Hartmann? Có phải vì hai cái tên này giống nhau mà tôi ghi sai thành tên nhà triết học nổi tiếng kia không⁽¹⁾? Về vấn đề này, trước hết tôi nghĩ tới câu nói của Hugo Vorr Meltzl, người mà Schopenhauer sùng bái một cách cuồng nhiệt. Câu nói ấy là: "Edward Hartmann là người bắt chước Schopenhauer một cách vụng về, công việc của ông ta chỉ là làm rườm rà tư tưởng của Schopenhauer". Tôi nghĩ khi ấy chắc chắn tôi nghĩ: trong sách của Hitschmann chẳng có nội dung gì đáng nói, ông ta nghiên cứu Freud cũng giống như Hartmann nghiên cứu Schopenhauer vậy, chỉ là bắt chước một cách vụng về. Khuynh hướng tâm lý này khiến tôi sửa cái tên tôi quên thành Hartnann.

"Tôi lại ghi lấy kết quả phân tích lần này.

⁽¹⁾ Edward Von Hartmann, viết tác phẩm: "Triết học về vô thức" (Philosophie des Unbewussten).

"Sáu tháng sau, khi tôi may mắn thấy những ghi chép này, tôi lại sửa Hitschmann thành Hintchmann ⁽¹⁾".

Dẫn chứng 4 ⁽²⁾.

Dẫn chứng dưới đây là một lần viết sai có chút nghiêm trọng, cũng có thể coi là "hành vi sai lạc".

Một hôm, tôi muốn rút 300 đồng tiền bạc ⁽³⁾ ở quỹ tiết kiệm thuộc ngân hàng bưu chính gửi cho một người nhà ở xa để cho ông chữa bệnh. Nhưng khi ấy tôi phát hiện tiền gửi tiết kiệm của tôi còn tất cả 4380 đồng, nên tôi quyết định chỉ giữ lại 4000 đồng chẵn. Viết xong phiếu rút tiền, cắt một đoạn phiếu tương ứng với số tiền cần rút ⁽⁴⁾, tôi bỗng phát hiện, đoạn phiếu cắt đi tương ứng 438 đồng chứ không phải 380 đồng. Tôi giật mình vì sự bất tuân lệnh của hành vi của mình. Đành rằng đây không phải là việc quan trọng lắm, tôi cũng không thể mà nghèo đi. Nhưng tôi cũng cứ suy nghĩ một hồi lâu, sau đó mới biết cái đã thay đổi một cách vô thức ý hướng ban đầu của tôi là cái gì.

Lúc đầu, tôi sai về hướng suy nghĩ: tôi giảm từ 480 xuống còn 380, nhưng không tìm được cái gì

⁽¹⁾ "Hintch" là tiếng địa phương, có nghĩa là "bệnh xuyên", phần nhiều có nghĩa là "còn trùng có hại".

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1901.

⁽³⁾ Bảy giờ tương đương với 1210 bảng Anh, 62 đô la Mỹ.

⁽⁴⁾ Ở Áo bảy giờ, khi rút tiền ở quỹ tiết kiệm Bưu chính thì phải cắt bớt một đoạn giấy trên băng giấy in sẵn, đoạn giấy bị cắt tượng trưng cho số tiền muốn rút.

khác. Sau đó, động não tôi mới tìm ra được quan hệ chính xác: 438 chẳng phải là một phần mười của 4380 đó sao! Chẳng phải là tay buôn sách kia muốn chặt của ta một phần mười giá bán sách đó sao. Tôi nhớ lại, mấy hôm trước tôi đã chọn mấy tập sách thuốc mà tôi không còn thích nữa đem bán cho tay buôn sách, tôi đòi 300 đồng, lão ta chê đắt quá, nhưng vẫn nói rằng vài hôm nữa sẽ trả lời dứt khoát. Nếu lão ta đồng ý mua ngay với giá tôi đã đưa ra thì tôi đã có thể gửi số tiền ấy cho người thân đang ốm yếu. Quả là nếu mất đi khoản tiền ấy thì tôi rất tiếc. Xét từ một góc độ khác thì có lẽ dễ lý giải hơn: bối cảnh tình cảm gây ra sai lầm này có thể nói là do tôi sợ thối thảo thì sẽ nghèo. Tuy nhiên, dù là tiếc số tiền ấy, hay là sợ nghèo, điều đó đều hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Khi hứa giúp người khác khoản tiền ấy tôi không hề hối hận. Do vậy, tôi thấy giải thích như thế thì nực cười. Nếu tôi không quen công việc phân tích tinh thần từ lâu rồi, do đó mà biết thành phần tiềm ẩn trong đời sống tinh thần, nếu trước đó mấy ngày tôi không nằm mơ phải có phương pháp giống như thế thì mới giải thích được, thì hẳn là tôi không tin ở tôi có thứ tình cảm ấy ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong tập "On Dream" ("Bàn về giấc mơ"), Freud coi giấc mộng này là trường hợp lạ, phân tích đi phân tích lại nhiều lần. Tập sách này được xuất bản trước khi công bố cuộc thảo luận về hành vi sai lạc nói ở trên kia.

"Sáu tháng sau, khi tôi may mắn thấy những ghi chép này, tôi lại sửa Hitschmann thành Hintchmann ⁽¹⁾".

Dẫn chứng 4 ⁽²⁾.

Dẫn chứng dưới đây là một lần viết sai có chút nghiêm trọng, cũng có thể coi là "hành vi sai lạc".

Một hôm, tôi muốn rút 300 đồng tiền bạc ⁽³⁾ ở quỹ tiết kiệm thuộc ngân hàng bưu chính gửi cho một người nhà ở xa để cho ông chữa bệnh. Nhưng khi ấy tôi phát hiện tiền gửi tiết kiệm của tôi còn tất cả 4380 đồng, nên tôi quyết định chỉ giữ lại 4000 đồng chẵn. Viết xong phiếu rút tiền, cắt một đoạn phiếu tương ứng với số tiền cần rút ⁽⁴⁾, tôi bỗng phát hiện, đoạn phiếu cắt đi tương ứng 438 đồng chứ không phải 380 đồng. Tôi giật mình vì sự bất tuân lệnh của hành vi của mình. Đánh rằng đây không phải là việc quan trọng lắm, tôi cũng không thế mà nghèo đi. Nhưng tôi cũng cứ suy nghĩ một hồi lâu, sau đó mới biết cái đã thay đổi một cách vô thức ý hướng ban đầu của tôi là cái gì.

Lúc đầu, tôi sai về hướng suy nghĩ: tôi giảm từ 480 xuống còn 380, nhưng không tìm được cái gì

⁽¹⁾ "Hintch" là tiếng địa phương, có nghĩa là "bệnh xuyên", phần nhiều có nghĩa là "còn trùng có hại".

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1901.

⁽³⁾ Bấy giờ tương đương với 1210 bảng Anh, 62 đô la Mỹ.

⁽⁴⁾ Ở Áo bấy giờ, khi rút tiền ở quỹ tiết kiệm Bưu chính thì phải cắt bớt một đoạn giấy trên băng giấy in sẵn, đoạn giấy bị cắt tương trưng cho số tiền muốn rút.

khác. Sau đó, động não tôi mới tìm ra được quan hệ chính xác: 438 chẳng phải là một phần mười của 4380 đó sao! Chẳng phải là tay buôn sách kia muốn chặt của ta một phần mười giá bán sách đó sao. Tôi nhớ lại, mấy hôm trước tôi đã chọn mấy tập sách thuốc mà tôi không còn thích nữa đem bán cho tay buôn sách, tôi đòi 300 đồng, lão ta chê đắt quá, nhưng vẫn nói rằng vài hôm nữa sẽ trả lời dứt khoát. Nếu lão ta đồng ý mua ngay với giá tôi đã đưa ra thì tôi đã có thể gửi số tiền ấy cho người thân đang ốm yếu. Quả là nếu mất đi khoản tiền ấy thì tôi rất tiếc. Xét từ một góc độ khác thì có lẽ dễ lý giải hơn: bối cảnh tình cảm gây ra sai lầm này có thể nói là do tôi sợ thối tháo thì sẽ nghèo. Tuy nhiên, dù là tiếc số tiền ấy, hay là sợ nghèo, điều đó đều hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Khi hứa giúp người khác khoản tiền ấy tôi không hề hối hận. Do vậy, tôi thấy giải thích như thế thì nực cười. Nếu tôi không quen công việc phân tích tinh thần từ lâu rồi, do đó mà biết thành phần tiềm ẩn trong đời sống tinh thần, nếu trước đó mấy ngày tôi không nằm mơ phải có phương pháp giống như thế thì mới giải thích được, thì hẳn là tôi không tin ở tôi có thứ tình cảm ấy ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong tập "On Dream" ("Bàn về giấc mơ"), Freud coi giấc mộng này là trường hợp lạ, phân tích đi phân tích lại nhiều lần. Tập sách này được xuất bản trước khi công bố cuộc thảo luận về hành vi sai lạc nói ở trên kia.

Dẫn chứng 5 ⁽¹⁾.

Dẫn chứng này tôi lấy ở chỗ Wilhelm Stekel ⁽³⁾, tôi đảm bảo tính chân thực của nó.

Wilhelm Stekel nói:

"Trên một tập tạp chí có nhiều bạn đọc yêu thích đã có một sai lầm khó tin. Vốn là, có một số nghiệp chủ bị công kích công khai là "kẻ hám lời", do đó có một bài biện hộ họ với tình cảm tràn trề. Tổng biên tập tạp chí đã duyệt kỹ bài viết, nhưng không phát hiện điều gì sai; tác giả cũng đọc đi đọc lại mấy lần, lại còn đối chiếu với bản thảo, cũng không phát hiện có chỗ nào sai, mọi người đều rất hài lòng. Lúc này người sửa bài bước vào, chỉ ra một chỗ sai, cơ hồ chỗ sai này tránh được con mắt của mọi người, nhưng lại là sai khá nghiêm trọng. Bài có đoạn viết: "Vì sự phát triển của xã hội, mỗi chúng ta đều tích cực self - seeking ⁽³⁾ (vì), bạn đọc đã chứng minh cho sự thật này". Lẽ ra, nguyên văn phải được viết là unself - seeking ⁽⁴⁾ (không vì tư lợi). Nhưng, với sự trình bày một cách rất giàu tình cảm, tư tưởng chân thực của người ta đã bộc lộ ra".

Dẫn chứng 6.

Trên một tờ báo hàng ngày số ra ngày

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽³⁾ Bản in năm 1907 và 1910, đoạn này viết "đồng sự của tôi Wilhelm Stekel.

⁽³⁾ Trong chương IV sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" Fzeud đã có nhắc tới.

⁽⁴⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

11/10/1918, có đăng một bức điện báo gửi từ Wien tới, do vậy bạn đọc may mắn được thấy gần như là một sự "bộc lộ chân tình". Bức điện báo viết:

"Trong chiến tranh, giữa chúng ta và đồng minh của chúng ta hoàn toàn tin nhau. Mọi người đều mong muốn các nước trong liên minh thống nhất với nhau trong mọi lĩnh vực. Chúng ta không cần thiết phải nhấn mạnh rằng: giới ngoại giao của các nước trong liên minh đang tích cực và interrupted ⁽¹⁾ (ngừng) xây dựng quan hệ hợp tác".

Mấy tuần sau, do quan điểm về sự "tin nhau" đã trở thành hiện thực, nên người ta chẳng cần bày tỏ quan điểm của mình bằng cách giả vờ viết sai nữa.

Dẫn chứng 7 ⁽²⁾.

Một thanh niên châu Âu sống ở Mỹ vừa bức mình ra đi vì cãi nhau với vợ. Một ngày sau, anh ta bỗng thấy đã đến lúc có thể làm lành, anh ta gửi thư mời vợ vượt qua Đại Tây Dương để gặp mình. Thư viết: "Nếu em đi tàu Mauretania để tìm anh thì mọi việc sẽ đều tốt". Viết xong anh ta lại xóa đi, anh ta không muốn vợ viết anh ta sửa tên tàu, vì lúc đầu anh ta viết là tàu Lusiatania.

Nguyên nhân viết sai trong trường hợp này đã rõ, không cần giải thích. Nhưng, phải là việc vui thì mới cải thiện được quan hệ của hai người. Sau khi cô

⁽¹⁾ Lẽ ra bức điện báo phải viết uninterrupted (không ngừng).

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

em gái của mình qua đời không lâu, bà vợ này mới tới châu Âu lần đầu tiên. Nếu tôi nhớ không nhầm thì tàu Maunetania và tàu Lusiatania là tàu chị em, tàu Lusiatania thì đã bị chìm trong chiến tranh rồi.

Dẫn chứng 8 ⁽¹⁾.

Một bác sĩ vừa khám bệnh xong và kê đơn thuốc cho một đứa trẻ. Nhưng trong đơn thuốc lại có từ alcohol (cồn). Té ra sự việc là thế này: khi bác sĩ kê đơn thuốc thì mẹ đứa trẻ luôn mồm hỏi những câu hỏi ngu xuẩn và chẳng có gì quan trọng. Mặc dù bác sĩ đã cố nín nhịn, không nổi cáu, nhưng vẫn viết sai, viết achol ⁽²⁾ (chớ nổi giận) thành alcohol (cồn).

Dẫn chứng 9 ⁽³⁾.

Bác sĩ Ernest Jones nói về trường hợp của bác sĩ Brill ⁽⁴⁾ như sau: Tuy ông có thói quen hầu như không động tới một giọt rượu, nhưng một lần không cưỡng nổi sự ép uống của bạn bè, sợ mất lòng bạn bè, ông uống vài ly. Sáng sớm hôm sau, cái bệnh đau đầu do dùng mất quá độ gây ra càng đau dữ dội. Ông vô cùng hối hận về sự buông thả trong tối hôm trước. Trong khi ông suy nghĩ về sự kiện đó thì bất giác tâm trạng này được bộc lộ bằng ngòi bút: ông ghi lời của bệnh nhân, trong đó có một cháu gái

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ Tiếng Hy Lạp cổ.

⁽³⁾ Dẫn chứng này được thêm vào trong lần xuất bản năm 1912.

⁽⁴⁾ Phiên âm dựa theo tự điển "Thế giới nhân danh phiên dịch đại từ điển" do công ty xuất bản phiên dịch đối ngoại Trung Quốc xuất bản năm 1993 - N. D".

tên là Ethel, ông viết thành Ethyl ⁽¹⁾. Tại sao xảy ra việc viết sai như vậy? Vì cháu gái này rất thích rượu, vừa nghe thấy tên cháu gái như thế, bác sĩ Briel thấy lâm nhảm đau trong lòng.

Dẫn chứng 10 ⁽²⁾.

Nếu bác sĩ kê đơn thuốc mà viết sai thì sẽ có ảnh hưởng sâu xa hơn trường hợp viết sai bình thường. Dưới đây tôi giới thiệu tình hình phân tích những trường hợp bác sĩ viết sai khi kê đơn thuốc đã được công bố.

E. Hitschmanu kể một trường hợp như sau:

"Một đồng sự kể với tôi rằng, mấy năm trước, khi kê đơn thuốc cho một bà già, ông ta đã phạm phải sai sót lớn. Hai lần ông ta kê đơn thuốc gấp 10 lần bình thường, mãi sau mới bỗng nhận ra. Điều đó khiến ông ta lần nào cũng phải nhớ lại thật nhanh số thuốc đã kê đơn để tránh làm hại sức khoẻ của bệnh nhân. Hành vi đặc biệt này, cần được phân tích, làm rõ bằng những dẫn chứng xác thực.

"Trường hợp thứ nhất: một bác sĩ đáng thương kê đơn thuốc cho một bà già với lượng thuốc gấp 10 lần bình thường. Một giờ sau, ông ta rời phòng khám về tới nhà, vừa đọc báo vừa ăn cơm chiều. bỗng nhớ ra mình đã kê đơn thuốc sai, ông ta ngần

⁽¹⁾ Danh từ chuyên dùng trong hoá học, nghĩa là "cồn".

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

người ra, vội vàng chạy tới phòng khám tìm địa chỉ của bệnh nhân, rồi hộc tốc chạy tới nhà bệnh nhân. Còn may, bà lão chưa uống thuốc, ông ta thở phào nhẹ nhõm, quay về nhà mình. Về sự kiện này, ông ta kiểm cố rằng, khi ông ta kê đơn thuốc, cái người hay nói ở phòng khám nhìn đơn thuốc qua vai ông ta, khiến ông ta phân tán tư tưởng, vì thế ông ta mới kê sai lượng thuốc".

"Trường hợp thứ 2: Để khám bệnh cho một phụ nữ đã lớn tuổi, bác sĩ phải nói chuyện với một bệnh nhân giàu tình cảm, sau đó lại nhớ ra lời hẹn với người bạn nữ, nên ông vội vàng tới phòng khám. Thế rồi ông lên xe, chỉ mấy phút sau thì tới đích. Giống như trường hợp trên, chị phụ nữ nọ cũng cần được kê đơn thuốc, và bác sĩ lại một lần nữa kê sai lượng thuốc gấp nhiều lần. Bệnh nhân hỏi bác sĩ những vấn đề thú vị, nhưng không chú ý tới lượng thuốc bác sĩ kê trong đơn. Bác sĩ đã sốt ruột từ lâu rồi, ông ta cố kìm chế, cuối cùng lại vội vội vàng vàng chia tay chị phụ nữ ấy để đi tới chỗ hẹn khác".

"Mấy ngày sau, vào một buổi sáng, khoảng 7 giờ, bác sĩ chợt nhớ ra là mình đã viết sai đơn thuốc, ông lo lắng không yên, vội gửi thư cho bệnh nhân hỏi xem họ đã dùng thuốc chưa, nếu chưa thì gửi ngay đơn thuốc trả lại cho ông để ông sửa lại, nhưng bệnh nhân trả lời rằng họ đã dùng thuốc rồi. Còn may, dược sĩ bảo rằng ông đã giảm liều lượng

còn tương đương với lượng bình thường".

"Trường hợp thứ 3: bác sĩ kê cho dì ông một đơn thuốc ngâm rượu, sau đó sai con hầu mang đi ngâm. Sau khi con hầu ra khỏi phòng, ông ta bỗng nhớ ra thuốc ông ta kê trong đơn không phải thuốc để ngâm rượu (Aincture) mà là một loại cao (extract). Giữa lúc ấy được sĩ gọi điện hỏi, ông bác sĩ này vội cải chính, nhưng lại biện bạch vô lý rằng ông ta chưa kê xong đơn thì con hầu đã mang đi, điều đó hoàn toàn không phải lỗi ở ông ta".

"Ba trường hợp kê sai đơn thuốc này có những điểm chung nào đó. Trước tiên là, tối nay, sự viết sai chỉ xảy ra đối với một loại thuốc belladonna⁽¹⁾; hai là, mỗi lần viết sai đều có liên quan tới một phụ nữ có tuổi; ba là, lượng thuốc được kê trong đơn lần nào cũng nhiều kinh khủng. Sau khi phân tích tôi cho rằng, tình hình quan hệ giữa bác sĩ và mẹ ông ta có tác động rất lớn trong các trường hợp này. Có nghĩa là, bác sĩ thường xuyên nhớ lại những việc đã xảy ra giữa mình với mẹ mình. Ông ta đã từng kê đơn thuốc cho mẹ mình như thế. Tất nhiên mẹ ông ta chắc chắn là một bà già. Mặc dầu, bình thường ông ta kê lượng thuốc là 0,02, nhưng lần này lại kê những 0,03, ông ta nghĩ rằng như thế thì có hiệu quả rõ hơn. Nhưng mẹ ông ta lại không nghĩ như thế, bà ta đọc đơn thuốc, chau mày, lụng bụng mấy

⁽¹⁾ Belladonna: cây cà độc, còn có nghĩa là mỹ nữ. N.D.

câu, chê trách có tính chất như bông đùa rằng con bà kê lượng thuốc nhiều như thế là muốn hại bà mẹ già yếu đuối. Thực tế thì cũng có khả năng nhưng cũng còn có các tình tiết khác. Thí dụ, cha của bà mẹ này cũng là thầy thuốc, là đứa con gái làm thầy thuốc bà thường phản đối đứa con là bác sĩ kê lượng thuốc nhiều như thế cho bệnh nhân. Tóm lại, như thế thì có hại cho bệnh nhân".

"Bây giờ thì bạn đọc có thể hiểu được tình trạng quan hệ giữa mẹ con ông bác sĩ. Chắc chắn bác sĩ là người chỉ dựa vào cảm tính, nhưng lại quá cực đoan trong việc tôn trọng mẹ. Bác sĩ và người em kém ông ta một tuổi cùng sống với mẹ trong một nhà. Từ lâu, ông ta đã cảm thấy như thế thì trở ngại đối với đời sống tình dục tự do của mình (theo kinh nghiệm phân tích tâm lý, chúng ta được biết nguyên nhân này thường được lạm dụng làm cớ để yêu đương bừa bãi). Ông bác sĩ rất tán thành sự phân tích này, khá hài lòng với sự giải thích này, lớn tiếng cười, nói Belldonua cũng có hàm nghĩa tính dục, trước đây ông ta cũng đôi khi dùng loại thuốc này".

Theo phán đoán của tôi, những hành vi sai lạc trong các trường hợp trên có nguyên nhân giống với những sai lạc vô hại mà chúng ta thường nghiên cứu.

Dẫn chứng 11 ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng 12 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

Dưới đây là trường hợp tuyệt đối vô hại do Sándor Ferenczi cung cấp. Nó có thể được lý giải là hành vi bị dồn ép (act of con dersion) do tâm trạng nóng ruột gây ra, nếu phân tích kỹ thì có thể vạch ra được nhân tố gây rối mạnh hơn. Nhưng đây là quan điểm không thể đứng vững được.

Ferenczi nói: "Tôi nhớ rằng mình đã ghi vào sổ ghi chép từ Anestode ⁽¹⁾, mà thực tế là tôi muốn diễn đạt cái ý Anekdoté (chuyện đồn đại). Vì tôi nhớ lại một chuyện lý thú về một tên ăn cướp. Tên ăn cướp này bị xử treo cổ, nhưng đòi được tự mình chọn cây treo cổ. Tất nhiên, chọn mãi mà y không chọn được cây nào vừa ý".

Dẫn chứng 12

Mặt khác cũng có thể có trường hợp viết sai để gài ẩn ý ác hiểm. Dưới đây là câu chuyện về một người bạn không biết tên:

"Ở cuối thư tôi viết: "Xin cho phép tôi gửi tới vợ ngài và con bà lời thăm hỏi nhiệt tình nhất" ⁽²⁾. Trước khi cho thư vào phong bì tôi kiểm tra lại thì phát hiện tôi đã viết sai tôi vội sửa chữ "bà" thành chữ "ngài". Nhưng sau này, sau khi tới thăm gia đình này, trên đường về nhà mình tôi được bà vợ chủ nhà cho biết, con bà ta rất giống một người bạn

⁽¹⁾ Từ này không có, mấy chữ cái "Tode" ở đuôi từ có nghĩa là "chết".

⁽²⁾ Trong tiếng Đức "ihr" nếu chữ "i" được viết thường là "I" thì có ý chỉ "bà", nếu viết hoa là "I" thì có nghĩa là ngài.

thân thiết của gia đình bà, nhưng thực tế thì người bạn thân thiết ấy là bố chồng bà".

Dẫn chứng 13 ⁽¹⁾.

Một bà nọ đang viết thư chúc mừng em gái chuyển tới nhà mới. Một bà bạn ngồi ở bên cạnh thấy bà ta viết sai địa chỉ, không phải là địa chỉ em bà ta sắp chuyển tới, mà là địa chỉ nơi ở của em bà ta lúc mới cưới chồng. Bà bạn nhắc nhở thì bà ta nói:

- Ừ nhỉ. Nhưng tại sao tôi lại viết như thế cơ chứ?

- Tôi nghĩ, có lẽ vì bà ghen tức với em bà có nơi ở mới thoáng rộng như thế - bà bạn nói - mà bà thì vẫn phải ở cái nơi chật chội ngột ngạt như thế này. Nên bà muốn cô em bà trở về cái căn phòng đầu tiên ấy, ở đó chẳng hơn gì chỗ bà đây.

Suy nghĩ giây lát, bà ta thản nhiên thừa nhận và nói:

- Con người quả đáng thương thật, không sao thoát khỏi cái thói đê tiện ấy.

Dẫn chứng 14 ⁽²⁾.

Đây là dẫn chứng mà bác sĩ Dr. Jones nói là do bác sĩ Brill cung cấp.

"Trong thư gửi bác sĩ Brill, bệnh nhân nói rằng sự lo nghĩ và bồn chồn về sự nghiệp trong thời kỳ khủng hoảng bông vải là nguyên nhân khiến ông

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ Dẫn chứng 14-16 được bổ sung lần xuất bản năm 1912.

mắc bệnh. Vốn ông ta định viết rằng "Mọi sự rắc rối của tôi đều do cuộc khủng hoảng ấy mà ra."

Cái đàn Frigid wave (lạnh lẽo ⁽¹⁾) chết tiệt ấy, thậm chí không tìm đâu ra bông giống. Nhưng ông ta viết là "mọi sự rắc rối của tôi đều do Frigid Wife (sự lãnh đạm) của vợ gây ra". Kỳ thực, trong thâm tâm ông ta rất muốn trách vợ thờ ơ, lãnh đạm với tính dục. Sự viết sai trong thư rất gần với chân tướng sự việc, nếu nghĩ sâu hơn thì ông ta sẽ phát hiện: sự cấm dục không theo ý muốn mới là nguyên nhân lớn nhất khiến ông mắc bệnh".

Dẫn chứng 15.

Đây là một việc thuộc về dĩ vãng của bác sĩ R.Wagner do ông nói ra.

"Khi đọc lại sổ nhật ký cũ tôi phát hiện một chỗ viết sai nhỏ, tôi nghĩ có khả năng do bấy giờ vội quá nên để sót không sửa lại. Tôi viết từ Epithel (biểu bì) thành Editbel. Nếu ông đọc lại âm tiết đầu thì sẽ thấy Editbel là tên gọi yêu của một bé gái. Phân tích hồi ức này ta có được lời đáp rất đơn giản. Khi ấy quan hệ giữa tôi và cô bé có cái tên Editbel này còn rất bình thường, còn lâu mới thân mật như sau này. Sự viết sai nhỏ nhỏ này cho thấy sự quý mến trong tiềm thức của tôi đối với cô bé, cũng chứng tỏ bấy giờ tôi muốn nhanh chóng vượt

⁽¹⁾ Cuộc khủng hoảng trên thị trường tiền tệ.

qua quan hệ bạn bè bình thường. Nhưng bây giờ tôi không tự biết điều đó. mà lại gọi cô bằng cái tên thân mật, có khả năng đó là sự bộc lộ tình cảm tự nhiên từ nơi sâu kín trong lòng tôi!".

Dẫn chứng 16.

Dẫn chứng này do bác sĩ Von Hug - Hellmuth cung cấp.

"Khi kê đơn thuốc, bác sĩ kê sai, đáng lý viết Levisicowasser (thuốc nước, một loại nước khoáng do viện điều dưỡng Levico ở Tyrol sản xuất) nhưng lại viết là Levicowasser (thuốc thánh). Song, nếu bạn chú ý tới nội dung tình cảm vô thức của bác sĩ và coi đó là hợp lý - mặc dầu có lẽ chúng chỉ là suy đoán chủ quan của người không quen biết bác sĩ ấy - thì bạn sẽ đối xử với sự kiện này bằng thái độ ôn hoà hơn.

"Vị bác sĩ này thường dùng những từ nghiêm khắc để trách mắng những bệnh nhân bạo ăn bạo uống, cũng có thể nói là mắng mỏ họ. Song, ngoài điểm ấy ra, vị bác sĩ này được mọi người rất ưa thích, nên phòng khám của ông lúc nào cũng chật ních người ngồi chờ đến lượt khám. Để có thể kết thúc công việc sớm đôi chút, bác sĩ mong những ai đã được khám xong thì nhanh chóng mặc lại quần áo, đi ra, để người khác vào ngay cho nhanh. Chắc hẳn, trong lòng ông thầm giục: "Vite! Vite". (Nhanh lên, nhanh lên - tiếng Pháp). Nếu tôi nhớ không nhầm thì vợ ông là người Pháp. Điều đó

qua quan hệ bạn bè bình thường. Nhưng bây giờ tôi không tự biết điều đó, mà lại gọi cô bằng cái tên thân mật, có khả năng đó là sự bộc lộ tình cảm tự nhiên từ nơi sâu kín trong lòng tôi!".

Dẫn chứng 16.

Dẫn chứng này do bác sĩ Von Hug - Hellmuth cung cấp.

"Khi kê đơn thuốc, bác sĩ kê sai, đáng lý viết Levisicowasser (thuốc nước, một loại nước khoáng do viện điều dưỡng Levico ở Tyrol sản xuất) nhưng lại viết là Levicowasser (thuốc thánh). Song, nếu bạn chú ý tới nội dung tình cảm vô thức của bác sĩ và coi đó là hợp lý - mặc dầu có lẽ chúng chỉ là suy đoán chủ quan của người không quen biết bác sĩ ấy - thì bạn sẽ đối xử với sự kiện này bằng thái độ ôn hoà hơn.

"Vị bác sĩ này thường dùng những từ nghiêm khắc để trách mắng những bệnh nhân bạo ăn bạo uống, cũng có thể nói là mắng mỏ họ. Song, ngoài điểm ấy ra, vị bác sĩ này được mọi người rất ưa thích, nên phòng khám của ông lúc nào cũng chật ních người ngồi chờ đến lượt khám. Để có thể kết thúc công việc sớm đôi chút, bác sĩ mong những ai đã được khám xong thì nhanh chóng mặc lại quần áo, đi ra, để người khác vào ngay cho nhanh. Chắc hẳn, trong lòng ông thầm giục: "Vite! Vite". (Nhanh lên, nhanh lên - tiếng Pháp). Nếu tôi nhớ không nhầm thì vợ ông là người Pháp. Điều đó

khiến tôi mạnh dạn đoán, chắc hẳn trong ý nghĩ của mình, ông dùng tiếng Pháp để thúc giục bệnh nhân. Vì rất nhiều người quen dùng ngoại ngữ để diễn đạt mong muốn của mình. Như cha tôi chẳng hạn, khi đi tản bộ, ông thường giục bọn trẻ *owanti gioventù* (theo nhanh lên - tiếng Italia) hoặc *marchez au pas* (đi nhanh lên một tý - tiếng Pháp). Hoặc chẳng hạn như một vị bác sĩ già cùng làm việc một chỗ với tôi, ông luôn chê tôi hấp tấp, luôn mồm: "*Piano! Piano!*" (nhẹ một tý, chậm một tí - tiếng Italia). Vì thế, tôi rất dễ tưởng tượng rằng vị bác sĩ ấy cũng có thói quen ấy, nên đã viết *Leviticowasser* (thuốc nước) thành *Levicowasser* (thuốc thánh)".

Dẫn chứng 17 ⁽¹⁾.

Tôi cảm ơn ngài J.G. đã cung cấp cho ta dẫn chứng về trường hợp viết sai dưới đây. Dẫn chứng này tôi đã nhắc tới ở trên kia ⁽²⁾. Tình tiết trong sự kiện này xem ra rất giống một sự bông đùa quá mức. Nhưng, trong điều kiện bấy giờ, không thể có có để bông đùa.

"Bấy giờ tôi mắc bệnh phổi, phải vào nằm viện điều dưỡng. Điều khiến tôi buồn là, một người bà con của tôi được chẩn đoán cũng mắc bệnh như tôi. Căn bệnh này gây nhiều phiền phức, để chữa khỏi

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

⁽²⁾ Dẫn chứng 10 ở chương X sách này cũng có một dẫn chứng khác tương tự.

tôi phải nhờ một tổ chức trợ giúp. Tôi gửi thư cho người bà con ấy, bảo ông tìm một giáo sư nổi tiếng, vị giáo sư này từng chữa bệnh cho tôi.

Tôi rất phục uy tín chữa bệnh của ông. Nhưng, trước đó không lâu, vị giáo sư này từ chối cấp giấy chứng nhận cho tôi, mà giấy chứng nhận này lại rất quan trọng đối với tôi. Nên tôi rất không hài lòng đối với hành vi thất lễ ấy của ông. Trong thư trả lời, người bà con nọ nhắc tôi chú ý một chỗ viết sai trong thư gửi ông. Tôi nhận ngay ra nguyên nhân viết sai, tôi cảm thấy rất nực cười. Trong thư gửi tôi ông viết: "Vẫn còn kịp, tôi khuyên bác lập tức insult (công kích) giáo sư x.". Đáng lẽ viết là consult (mời) tôi lại viết là insult (công kích). Tôi tin rằng trình độ tiếng Latin và tiếng Pháp của tôi không tồi, chắc chắn không phải vì dốt mà viết sai".

Dẫn chứng 18 ⁽¹⁾.

Viết sót cũng có thể được xem như viết sai.

Dattner kể về một "hành vi sai lạc có tính chất lịch sử" khó hiểu. Trong nghị định thư năm 1867 giữa Áo và Hunggari, ở phần điều luật giao ước về mậu dịch, bản tiếng Hungari thiếu chữ actual (hiện thực). Dattner cho rằng, từ trong tiềm thức của mình, người thảo nghị định thư của phía Hungari cho rằng, đối với nước mình, Áo không thể hưởng

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

lợi tức quá lớn, do vậy mà để sót như vậy. Xem ra quan điểm này có lý ⁽¹⁾.

Chúng ta có lý do để tin rằng ⁽²⁾, khi viết và chép lại, việc lặp đi lặp lại mãi một từ cũng có ý nghĩa trọng đại. Nếu tác giả lặp đi lặp lại mãi một từ trong tác phẩm của mình thì có khả năng điều đó chứng tỏ ông ta khó bỏ được từ ấy, vì vốn ông ta có thể trình bày nhiều hơn ở điểm này, nhưng ông ta lại không làm như thế, hoặc đã nảy sinh sự việc tương tự ở đó. Khi chép lại mà chép đi chép lại mãi một từ thì hầu như là thay cho cách nói "tôi cũng thế" (I 100). Tôi rút ra luận điểm y học như sau, trong văn bản đặc biệt quan trọng người chép để nảy sinh cái sự "cố thủ bất biến" này, tôi nghĩ, có thể giải thích như sau, người chép lại chán ghét cái vai trò không có cá tính độc lập, nên không thể không nguy trang như sau: "Đây là công việc của tôi", hoặc: "Nó và chúng ta như nhau".

Dẫn chứng 19 ⁽³⁾.

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể coi công nhân xếp chữ sai là viết sai và do nguyên nhân nào đó gây ra. Tôi chưa thu thập một cách có hệ thống tư liệu về hành vi sai lạc loại này, mà việc đó chắc

⁽¹⁾ Trong bài của mình, Dattner phân tích tỷ mỉ các cách viết sót cơ hồ làm thiệt hại toàn bộ phần quyền lợi tài chính của phía nước Áo.

⁽²⁾ Đoạn này và đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

⁽³⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920, xem bài viết năm 1924 của Silberer.

chấn sẽ rất thú vị và có ý nghĩa khơi gợi. Tôi đã nhiều lần dẫn tác phẩm của Jones, trong đó có một trường hợp là dẫn chứng về in sai.

Những sai sót trong các bức điện báo cũng có thể coi là viết sai. Trong một kỳ nghỉ hè tôi nhận được một bức điện báo của nhà xuất bản, bức điện làm tôi mê mẩn cả người. Bức điện được viết như sau: "Vorräte arthalteu, Einladung X. dringend (đã nhận được sách, mời X. gấp)". Từ cái chữ X trong bức điện báo lẫn ra được thực chất sự việc. X là tác giả một tập sách, còn tôi là người viết *Ainleitung* (lời tựa) cho tập sách ấy. Trong bức điện báo, chữ *Einleiting* (lời tựa) bị viết nhầm thành *Einladung* (mời). Thế rồi tôi nhớ ra rằng mấy ngày trước đó tôi đã gửi cho nhà xuất bản *Vorrede* (lời nói đầu) của một tập sách khác, nên bức điện báo này phải báo đã nhận được *Vorrede* (lời nói đầu) ấy. Như vậy, bức điện báo chính xác phải là: "*Vorrede erhalten, Einleitung X*". ("đã nhận được lời nói đầu, gửi gấp lời tựa sách của ông X"). Tôi có thể giả định, do người đánh điện báo "đói khát phức cảm", làm cho bức điện báo bị viết sai, phải sửa để hai phần của câu điện báo gắn chặt hơn với ý của người phát điện báo. Đồng thời, nó cũng là một dẫn chứng tốt về "sự đính chính phụ" (*secondary, revision*) cho nhiều giấc mơ ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Xem phần đầu chương "Sự vận hành của giấc mơ" trong sách "Giải phần giấc mơ".

Về khả năng "in sai có mục đích", Herberl silberer đã phân tích rồi.

Dẫn chứng 20 .

Thỉnh thoảng có tác giả chú ý tới việc không thể tùy tiện loại bỏ tính chất có mục đích của việc in sai. Chẳng hạn, như bài "Con quỷ ác chính trị trong sự in sai" của Storfer và đoạn văn tôi đã dẫn ra ở dưới đây:

"Trong báo" März" ("Tháng ba") số ra ngày 25/4 năm nay có một chỗ in sai có tính chất chính trị. Một tin từ Argyrokastron công bố bài nói của Zographos, người lãnh đạo của tổ chức chống chính phủ ở Albania (nếu muốn thì có thể gọi là tổng thống chính phủ độc lập Epirus). Trong đó có một đoạn như sau: "Hãy tin tôi, một nước Epirus "tự trị" (sich Stürzen) là lợi ích căn bản nhất của hoàng tử Wied, nhưng ông ta sẽ vì thế mà đổ" (sich stürzen in sai từ chữ sich stützen - tự giúp mình). Tất nhiên, không có sự in sai chết người này thì hoàng tử Albania cũng ý thức được rằng chấp nhận sự giúp đỡ (stütze) của quân Epirus thì có nghĩa là ông ta bị lật đổ (sturz)".

Dẫn chứng 21.

Gần đây tôi đọc trên báo hàng ngày ở Wien một bài có tí là: "The Bukoviana under rumanian Rule" (Bukoviana dưới sự thống trị của Rumanian). Có thể nói tí này đưa ra hơi sớm, vì bấy giờ Rumania chưa trưng ra bộ mặt là kẻ thù của

Bokoviana. Xét theo nội dung bài báo thì các tên Rumanian phải thay bằng tên Russian. Nhưng viên chức rà soát tin lại bỏ qua lỗi in ấn này.

Một tổ chức in ấn nổi tiếng của Kare Procheska ở Teschen đã để xảy ra một lỗi in ấn trong một thông báo mà chúng tôi nghĩ là lỗi in sai có tính chất chính trị ⁽¹⁾. Thông cáo này có đoạn như sau:

"Cơ quan quyền lực của khối nước ký hiệp ước ra lệnh chuyển mặt trận tới Olsa, chẳng những Silesia mà cả Taschen cũng bị chia làm hai, trong đó nửa "nhiều hơn" (Zuviel) ⁽²⁾ thuộc về Ba lan, nửa còn lại thuộc về Gzecho - Slovakia".

Theodor Fontane bị ép phải cầm bút thay cầm súng, dùng cách pha trò để phản đối việc in sai có thâm ý. Ngày 29/3/1860 ông gửi cho nhà xuất bản của Inlius Springer một bức thư như sau:

"Thưa ngài;

Tôi thấy nguyện vọng nhỏ nhoi của mình không được thực hiện, tôi rất lấy làm tiếc. Đọc bản in thử tôi gửi kèm đây ngài sẽ biết tôi muốn nói điều gì. Hơn nữa, tôi chỉ nhận được một bản in thử ⁽³⁾, do

⁽¹⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng kể dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924.

⁽²⁾ Từ "nhiều hơn" (too much) phát âm tương tự với từ "Zuviel", ý là "bị... chia". Công nhân xếp chữ người Đức, Áo phản đối chia cắt lãnh thổ của vương triều Hapsburg.

⁽³⁾ Tập sách nói ở đây có tên là "Beyond the Tweed: Sketches and Letters from Scotland" (truyện ngắn và thư từ gửi từ Scotland - trừ vài dạ kẻ), do công ty Julius Springer xuất bản năm 1860.

nguyên nhân tôi đã tuyên bố, tôi cần hai bản. Tôi đề nghị gửi trả lại tôi bản in thử thứ nhất để sửa từ tiếng Anh, nhưng vẫn không được đáp ứng. Tôi đã nhặt ra được nhiều chỗ sai.

Thí dụ, ở trang 27, đoạn đối thoại giữa John Knox và nữ hoàng, có một câu như sau, Marie hét to: "Tên lưu manh bỉ ổi" ⁽¹⁾. Thực tế thì đã là một sai sót cần phải phê phán nghiêm khắc, nếu đã được chia lại thì tôi trút được gánh nặng. Cái chữ "aas" thay cho "aus", làm hỏng hết cả, cứ như là trong bụng bà ta cứ quát ông ta như thế.

Kính chào ngài

Theodor Foutane"

Wimdt đã đưa ra lời giải thích ⁽²⁾ khiến chúng ta chú ý rằng chúng ta thích nói về viết sai hơn, ít nói về lỗi lời. Ông nói: "Trong khi nói năng bình thường, công năng phi tập quán của ý chí thường xuyên được điều chỉnh, khiến tư duy và ngôn ngữ thống nhất với nhau, ăn khớp nhau. Nếu công năng diễn đạt tùy thuộc vào tư tưởng do nguyên nhân cứng nhắc mà bị trục trặc, chẳng hạn, trong sách viết sự "kỳ vọng" như vậy... khiến họ xuất hiện với bộ mặt đặc biệt".

⁽¹⁾ "Marie hét to" là hét "Aas" (Gried Aas, nghĩa mặt chữ là "thịt thối", khẩu ngữ có nghĩa là "Tên lưu manh gian ác". Từ này vốn phải là "ausrief" dịch thẳng nghĩa là "hét".

⁽²⁾ Đoạn này và đoạn dưới đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1901.

Có thể có nhiều nghi vấn đối với việc quan sát các điều kiện xảy ra đọc sai, nhưng chúng ta không thể bỏ mặc công việc ấy, vì có khả năng chúng sẽ trở thành khởi điểm nghiên cứu có ý nghĩa lớn lao. Nhiều người biết rằng, khi người đọc cất tiếng đọc thì sức chú ý của họ sẽ tách khỏi văn bản hướng vào tư tưởng của họ. Nếu ngắt lời, hỏi họ để họ nói lại nội dung vừa đọc, thì vì quãng thời gian ấy sự chú ý của họ bị phân tán, nếu họ không nói được. Nhưng quả là anh ta đang đọc, tựa như là tự động, cũng hầu như chính xác ⁽¹⁾. Tôi cho rằng đọc sai trong điều kiện này chẳng chứng tỏ được lượng gia tăng đáng chú ý. Thực tế thì chúng ta quen cho rằng khi tự động vận hành (tức là hầu như không chú ý một cách có ý thức ⁽²⁾), toàn bộ hệ thống công năng vận hành khá chuẩn xác. Từ đó ta thấy, nhân tố sức chú ý khi lơ lửng, đọc sai, viết sai phải được phân tích theo cách khác nhau mà Wundt đã miêu tả (sức chú ý bị ngắt quãng hoặc bị giảm). Dẫn chứng mà chúng tôi phân tích không chứng minh được giả định có một lượng nhất định sức chú ý bị phân tán khi có những hành vi sai lạc nói trên. Chúng tôi phát hiện có khả năng tư tưởng bên

⁽¹⁾ Trong chuyên luận về chứng lỗ miệng (aphasia) Freud đã nhấn mạnh hiện tượng này. Đoạn văn này chúng ta còn thấy ở phụ lục C trong bài "vô thức".

⁽²⁾ Trong chuyên luận về chứng lỗ miệng (aphasia) Freud đã nhấn mạnh hiện tượng này. Đoạn văn này chúng ta còn thấy ở phụ lục C trong bài "vô thức".

ngoài gây rối sự chú ý đối với những sự việc khác nhau. Đây là điều cần nghiên cứu.

Chúng ta có thể xen một dẫn chứng về sự sai lạc ở khoảng giữa "viết sai" và "quên" ⁽¹⁾. Ai đó quên ký tên thì phiếu chi chưa ký tên chẳng khác gì quên kê phiếu chi. Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng của sự quên lãng ở dạng này, tôi dẫn ra đây một đoạn trong tiêu thuyết của Hanus Sachs và đã được ông đồng ý.

"Trong tiểu thuyết" *The Island Pharisees*"

("Kẻ giả danh trên đảo") của John Galsworthy có một trường hợp có tính chất gợi mở có thể dùng làm dẫn chứng để chứng minh một tác giả giàu sức tưởng tượng biết sách sử dụng cơ chế của hành vi sai lạc và của hành vi tượng trưng ở góc độ phân tích tâm lý. Câu chuyện này xoay quanh một người trẻ tuổi trong gia đình khá giả. Anh ta cứ loay quanh với tám lòng thông cảm, và thái độ sống của giai cấp trung sơn truyền thống. Tại chương 26 tác giả đã mô tả sự phản ứng của anh ta đối với bức thư của một người trẻ tuổi vô công rồi nghề, do bị thôi thúc bởi bản tính con người, anh ta từng giúp người này vài ba lần. Bức thư này không nói thẳng là xin tiền, nhưng lại kể lể về sự khốn khổ của người viết thư. Thử hỏi, ngoài tiền ra còn có cái gì

⁽¹⁾ Phần còn lại của chương này đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

có thể giải quyết được vấn đề này? Lúc đầu, người trẻ tuổi phản đối chi tiền vào việc chẳng có ý nghĩa, nên không ủng hộ tiền cho sự nghiệp từ thiện. "Chìa bàn tay giúp đỡ, dầu chỉ là một tý, không ai bắt buộc, nhưng là sự cứu giúp chân tình khi họ đang đói rét". Đó chỉ là những lời bịa đặt về tình cảm, hãy chấm dứt luận điệu ấy. Song, khi anh ta đưa ra kết luận ấy thì anh ta bị lương tâm lên án: "Đồ bịp, chỉ vì y không muốn bỏ tiền ra, chỉ thế mà thôi!".

"Do vậy, anh ta viết một bức thư trả lời rất thân thiện, cuối thư có câu:

"Gửi bạn một phiếu chi, Richard Shelton trung thực của bạn".

"Khi anh ta chưa điền vào phiếu chi thì một con bướm đêm bay lượn đi lượn lại quanh ngọn nến đang cháy, làm rối sự chú ý của anh ta, khi bắt và giết chết con bướm thì anh ta quên không bỏ phiếu chi vào phong bì thư, và cứ thế gửi đi.

"Quên không chỉ là phá vỡ ý đồ tự tư, còn có một nguyên nhân huyền bí hơn, đó là sự thắng lợi của tư tưởng không muốn cho tiền".

"Ngồi trong vườn của bố vợ tương lai, có người yêu tiếp đãi, còn có cả người nhà và khách của gia chủ, nhưng Shelton lại cảm thấy vô cùng cô đơn. Hành vi quên lãng của anh ta chứng tỏ anh ta chờ

đội người chịu ơn của mình. Vì người ấy là quá khứ của anh ta, đại biểu cho thái độ sống của anh ta, trở thành một sự đối sách nổi bật với nhóm người đang tuân theo truyền thống như nhau. Thực tế thì, anh ta, cái con người mà nếu không có sự giúp đỡ của người khác sẽ không thể bảo vệ được địa vị xã hội của mình, sau này rồi cũng hiểu tại sao đã hứa gửi cho phiếu chi mà lại không bỏ vào phong bì thư".

CHƯƠNG VII

QUÊN ẮN TƯỢNG VÀ QUYẾT TÂM ⁽¹⁾

Nếu có ai dám đánh giá cao sự hiểu biết của chúng ta đối với thế giới tinh thần của nhân loại thì chỉ cần bảo anh ta hãy nghĩ nhiều hơn về sự giải thích ký ức sẽ có thể làm cho anh ta trở nên khiêm tốn hơn. Cho tới nay, chưa có lý luận tâm lý học nào giải thích một cách thành công hiện tượng "nhớ" và "quên". Thực tế thì còn lâu mới phân tích được một cách hoàn chỉnh những hiện tượng quan sát được trong thực tế. Ngày nay, có khả năng "quên" đã khiến cho người ta cảm thấy lúng túng hơn là "nhớ". Đặc biệt là, sau khi nghiên cứu giấc mơ và bệnh tâm thần, nhiều người chúng ta cho rằng có những sự vật, sự việc đã quên từ lâu bỗng lại được nhớ lại ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Phần đầu chương này tôi dẫn chứng 4 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1901.

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1904, ở đây có kẹp một tờ lót, trong đó Freud viết: "Sự quên lãng thông thường do sự dồn ép (condensation) gây ra, với nghĩa

Đúng vậy, chúng tôi đã có một số quan điểm, mong được đồng cảm. Thí dụ, chúng tôi cho rằng quên là một quá trình tự phát sau một thời gian tương đối dài. Còn có một điểm cần nhấn mạnh: quên là hành vi có tính chất chọn lựa. Sự chọn lựa này liên quan tới ấn tượng trong đầu chúng ta và từng chi tiết của ấn tượng kinh nghiệm. Chúng ta biết rằng, có một số trường hợp có khả năng làm sống lại cái đã quên, làm cho cái đã quên lại hiện lên trong trí nhớ. Song, hiểu biết của chúng ta đối với muôn vàn trường hợp trong đời sống hàng ngày chưa đầy đủ, chưa chắc chắn. Lấy ví dụ, hai người sánh vai nhau cùng đi, cùng mắt thấy tai nghe như nhau. Sau chuyến đi ấy của họ, chúng ta nghe họ trao đổi với nhau thì không khỏi ngạc nhiên: một người nhớ rất kỹ những điều mắt thấy tai nghe ấy, còn một người thì hầu như chẳng giữ được ấy tượng gì? Dẫu không có chứng cứ chứng minh, nhưng sự thật thì quả là như thế này: tầm quan trọng của ấn tượng trong tâm trí của người ta không như nhau. Đã thấy, có nhiều nhân tố quyết định trí nhớ hay không, điều đó chúng ta chưa biết.

Để tăng thêm hiểu biết đối với nhân tố quyết

này, nó trở thành cơ sở của hình thức tồn tại của khái niệm. Cái tồn tại độc lập sẽ được bảo lưu rõ nét. Tác dụng của ức chế phải thông qua cơ chế dồn ép mới làm cho tin tức dễ bị lẫn lộn, nó còn có thể phát triển sang nơi khác, mang lại những tin tức không quan trọng, khiến chúng xảy ra sai lạc và méo mó". Xem chú thích 1 trang 282, ở đó tư tưởng này được phát triển hơn nữa.

định hiện tượng quên lãng, tôi tiến hành phân tích tâm lý đối với một số sự quên lãng của cá nhân tôi.

Tất nhiên tôi tập trung vào những trường hợp quên đáng kinh ngạc, những trường hợp tôi cho rằng không nên quên. Tôi cũng muốn nói rõ, tôi xưa nay tôi nhớ rất giỏi (đối với những việc đã trải qua chứ không phải đối với những điều đã học), thời niên thiếu tôi thường tỏ ra có trí nhớ hơn người.

Khi còn là học sinh, học thuộc lòng là việc rất dễ đối với tôi. Trước khi vào đại học, tôi có thể âm thầm ghi lại từng chữ bài giảng khoa học phổ thông vừa được nghe. Trong những ngày căng thẳng trước khi thi tốt nghiệp học viện y khoa, cái tư chất bẩm sinh này của tôi lại một lần nữa được phát huy triệt để, nhiều đề thi tôi không cần suy nghĩ mà vẫn trả lời được y như trong sách giáo khoa, mà kỳ thực những điều đó tôi mới chỉ đọc lướt qua một lượt mà thôi.

Từ đó về sau trí nhớ của tôi bắt đầu xuống dốc. Tuy nhiên, tới nay tôi vẫn tin chắc rằng chỉ cần sử dụng mẹo vặt tôi sẽ có thể nhớ kỹ nhiều việc hơn rất nhiều so với tưởng tượng của tôi. Chẳng hạn, khi tôi nhận lời đi khám bệnh, nếu bệnh nhân nói tôi đã từng gặp họ mà tôi lại không nhớ thời gian, địa điểm,... tôi sẽ thả lỏng suy nghĩ, suy đoán một hồi. Tức là tôi nhanh chóng nhớ lại một chuỗi niên hiệu, bắt đầu từ niên hiệu gần nhất, nhớ ngược lại những niên hiệu về trước. Thông thường, những tin

tức cụ thể nghe được từ miệng bệnh nhân có thể giúp tôi kiểm tra nội dung trong trí nhớ. Do vậy, độ chính xác của những suy đoán ấy khiến mọi người cảm thấy kỳ lạ. Thí dụ số năm mà bệnh nhân nhớ được là 10 năm về trước, thì tôi nhớ rất ít khi kém quá 6 tháng ⁽¹⁾. Cũng như thế, khi gặp một người hơi xa lạ, giữ phép lịch sự, tôi hỏi thăm tình hình con cái họ. Khi họ nói về tình hình con cái họ, tôi bèn suy đoán tuổi tác của họ. Tiếp theo, khi tôi hỏi họ tuổi chính xác của các con họ thì tôi thấy tôi suy đoán thường chỉ chênh một tháng, trẻ đã lớn thì cũng chỉ chênh vài ba tháng thôi. Vì sao suy đoán được đúng như vậy? Quả là tôi không giải thích được là vì sao. Cuối cùng tôi trở nên càng bạo miệng, thường đột nhiên nói ra suy đoán của mình, mặc dầu có thể do đó mà để lộ ra là tôi không quan tâm tới bọn trẻ khiến cho chúng khó chịu. Bằng phương pháp này mà tôi đã thức tỉnh được trí nhớ vô thức, do đó mở rộng được phạm vi trí nhớ có ý thức.

Tôi còn có thể đưa ra một số dẫn chứng thú vị về sự quên lãng, trong đó phần lớn trường hợp tôi đã đích thân từng trải.

Tôi chia sự quên lãng làm hai loại; một loại là quên ấn tượng và kinh nghiệm, tức là quên tri thức; một loại nữa là quên quyết tâm hoặc ý tưởng, tức là quên việc cần làm. Song, tổng hợp mọi kết quả

⁽¹⁾ Khi nhận khám lần sau, tình hình khi khám lần trước sẽ hiện lên trong đầu.

quan sát, tôi phát hiện một điều: "quên" đều có nguyên nhân, có thể tìm ra được, những nguyên nhân này thường đều là việc không vui.

A. QUÊN ẤN TƯỢNG VÀ TRI THỨC

Dẫn chứng 1.

Trong kỳ nghỉ hè, chỉ vì một sự việc to bằng cái móng tay mà bà xã làm tôi rất bức mình. Khi ấy chúng tôi đang ăn cơm trong một nhà ăn, ngồi đối diện với chúng tôi là một người sống ở Wien mà tôi nhận biết, rất rõ ràng là ông ta vẫn còn nhớ tôi.

Nhưng tôi có đủ lý do để không đi lại với ông ta nữa, nên lần này tôi cũng không bắt chuyện với ông ta. Nhưng bà xã nhà tôi, ngoài cái tên ngộ nghĩnh của ông ta ra, bà ta chẳng biết tý gì về ông ta, thế mà bà ta lại tỏ ra rất thích thú ông này, cứ xen vào câu chuyện giữa ông ta với bạn bè để hỏi hết chuyện này sang chuyện khác. Tôi bức quá chừng, không chịu được thế là nổi đoá với bà ta ⁽¹⁾. Mấy tuần sau, gặp một người bà con, tôi buột miệng chê trách bà xã nhà tôi ngờ nghệch. Nhưng khi nhắc tới việc này tôi lại không nhớ ra họ nói với nhau những gì. Tôi là người hay để bụng, khó quên chi tiết những việc làm tôi tức giận. Nên lần này sợ dĩ tôi quên là do sợ làm mất mặt bà xã.

⁽¹⁾ Đoạn này đã được nói tới trong mục nói về sự liên tưởng của giấc mơ ở sách "Bàn về giấc mơ". Giấc mơ này có đề cập tại chú thích 1 dẫn chứng 4 mục viết sai chương VI: đọc sai và viết sai.

Trước đây không lâu, tôi cũng gặp một trường hợp tương tự; bà xã nhà tôi nói một câu bông đùa. Mấy tiếng sau, một nhà văn tới thăm, chuyện vui như pháo ran, tôi định kể lại câu nói của bà xã để mua vui với khách, nhưng không ngờ chẳng nhớ ra chữ nào cả, đành phải bảo bà xã nói lại, nhờ vậy mà gỡ được thế bí cho tôi. Rõ ràng, động cơ tình cảm trong hai trường hợp trên tương tự như loại tâm tình vậy ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 2.

Có một bà khách từ xa tới thăm, nhân thể nhờ tôi mua hộ một chiếc két nhỏ để cất giữ tài liệu và tiền bạc. Tôi liền nghĩ tới một cửa hàng ở Trung tâm thành phố ⁽²⁾, chắc chắn tôi đã thấy ở đó có bán két sắt, nhưng lại không sao nhớ ra tên phố có cửa hàng ấy. Do nghĩ rằng, tôi đã từng đi quan cửa hàng ấy, cứ đi lảng quăng các phố, thế nào cũng tìm ra cửa hàng ấy, thế là tôi ra phố, nhưng đáng buồn cho tôi, đi khắp phố to ngõ nhỏ, không thấy cái cửa hàng bán két sắt. Tôi nghĩ, đành phải tra sổ tay chỉ nam thương mại để tìm ra công ty chế tạo két sắt, như vậy mới tìm ra được cửa hàng bán két sắt kia. Thực ra thì không cần cái cách làm cực đoan ấy, tìm trong các địa chỉ ghi trong sổ tay của mình tôi lập tức tìm ra cái phố tôi quên. Tôi khẳng

⁽¹⁾ Trong bản xuất bản năm 1901, câu này như sau: "Hai sự kiện trên rõ ràng là dẫn chứng cho loại tâm tình này".

⁽²⁾ Khu trung tâm thành Wien.

định tôi đã nhiều lần đi qua cửa hàng ấy. Vì mỗi lần đi thăm gia đình M tôi đều phải đi qua đó. Từ ngày tình thân với gia đình này không còn nữa, tôi luôn luôn tránh xa cái phố ấy. Chính vì thế mà khi đi hết phố to ngõ nhỏ để tìm cái cửa hàng bán kết sắt thì tôi lại bỏ sót cái phố cần tới ấy.

Từ trường hợp này có thể thấy: sự "quên đường" lần này cũng do nguyên nhân không vui. Nhưng có thể quên lần này không đơn giản như trước đây. Tôi có ác cảm không phải với người bán kết mà với một người khác mà tôi muốn quên. Chỉ vì một chút liên lụy bề ngoài mà xảy ra sự chuyển dịch tình cảm, gây ra sự quên lãng lần này. Cũng vậy, trong dẫn chứng do Bur chard đưa ra ở trên kia thì sự căm giận đối với người này gây ra sự quên tên đối với người khác cùng tên. Ở đó, sự giống nhau về tên gọi liên quan tới luồng suy nghĩ không có liên quan, sự liên quan này lại bắt nguồn từ sự gần nhau về vị trí và sự không thể tách bạch về môi trường. Cộng thêm sự xa lánh giữa tôi và gia đình M vì rắc rối về quan hệ tiền bạc, điều đó cũng có vai trò nhất định ⁽¹⁾ trong việc gây ra sự rắc rối giữa hai luồng suy nghĩ.

Dẫn chứng 3.

Một lần tôi được công ty B và R mời đi khám

⁽¹⁾ Trong các lần xuất bản năm 1901, 1904, 1907, câu này đều là: "giữ vai trò rất lớn".

bệnh cho một viên chức. Trên đường tôi cảm thấy mình rất quen nơi này, tựa như đã tới toà nhà của công ty này nhiều lần, khi tới nơi tôi đã chú ý tới tấm biển hiệu của công ty này. Nhưng, cuối cùng thì đã khám bệnh cho ai, trong phòng bấy biện ra sao, tôi đều không sao nhớ ra được. Mặc dầu việc này không có gì quan trọng, cũng không có tác hại gì, nhưng tôi vẫn tập trung suy nghĩ từng ly từng tý, thu thập mọi luồng suy nghĩ có liên quan cuối cùng đã tìm ra manh mối. Toà nhà của công ty ấy vốn là toà chung cư Fisher mà tôi thường tới khám bệnh. Khi nhớ ra được điều này thì hình thù toà nhà hiện lên môn một trong đầu tôi.

Nhưng, tôi vẫn cảm thấy ấn cái: Vậy thì nguyên nhân nào khiến tôi quên toà nhà này? Công ty này, hoặc toà chung cư Fisher, hoặc bệnh nhân của tôi ở trong toà chung cư ấy, đều không đem lại cho tôi manh mối nào. Thậm chí tôi nghĩ sự kiện này chẳng có nguyên nhân nào cả. Nếu có manh mối nào thì tôi đã quên rồi, ít có khả năng chỉ dựa vào sự cố gắng của bản thân mà tôi sẽ nhớ ra ngay được. Nhưng rồi tình hình có thay đổi. Khi tôi một lần nữa tới khám cho một bệnh nhân mới ở công ty này thì gặp một bệnh nhân cũ ở giữa đường, mãi tôi mới nhớ ra ông ta. Mấy tháng trước, bệnh tình của ông ta có lúc rất nghiêm trọng, tôi chẩn đoán là liệt tiến triển. Nhưng sau này tôi nghe nói ông ta đã

hoàn toàn khỏi. Điều đó chứng tỏ trước đó tôi chẩn đoán sai. Trừ trường hợp bệnh của ông ta có hiện tượng tạm dịu đi như chứng đần độn, nếu không sự chẩn đoán của tôi đã hoàn toàn thất bại. Đại khái là bệnh nhân này và sự chẩn đoán không đẹp mắt ấy mới làm cho tôi quên địa chỉ của công ty B và R! Giữa hai sự kiện này còn có mối liên hệ nội tại khác, một là sự giống nhau về địa vị: bệnh nhân đã khỏi bệnh một cách không ngờ cũng là viên chức của công ty thường giới thiệu bệnh nhân cho tôi; hai là giống nhau về tên gọi: vị bác sĩ cùng khám với tôi và cùng đồng ý chẩn đoán bệnh nhân ấy mắc bệnh liệt tiến triển mang họ Fisher, giống với tên của toà chung cư mà tôi quên.

Dẫn chứng 4.

Để đồ vật sai vị trí, hoặc quên nơi để đồ vật, đều là việc có ý nghĩa. Cũng giống như đa số người bạn bậu viết lách, tôi rất thuộc vị trí đồ đạc trên bàn của mình, nhắm mắt tôi cũng có thể dễ dàng lấy được thứ mình cần. Ở chỗ người khác thì đồ đạc để lung tung, còn ở chỗ tôi trật tự ngăn nắp đâu ra đó. Vì thế việc xảy ra sự kiện dưới đây là việc không bình thường: cách đây không lâu tôi nhận được một bản mục lục sách, tôi định tập "Uber die Sprache" ("Bàn về nói chuyện". Nhưng, sau đó không lâu tôi phát hiện hình như bản thư mục để sai vị trí, không thấy đâu cả. Tôi rất thích giọng văn sinh động hấp dẫn của tác giả tập sách ấy,

cũng rất thích năng lực quan sát nhạy bén về tâm lý học và sự hiểu biết sáng suốt về lịch sử văn minh nhân loại của tác giả. Vì vậy, mất bản mục lục tôi rất buồn. Nhưng cái nút của vấn đề cũng ở đây. Tôi thường cho các bạn mượn tác phẩm của tác giả này để thưởng thức. Mấy hôm trước có người đến trả sách, nói với tôi: "Giọng văn của ông ta rất giống giọng văn của anh, cả phương thức tư duy của ông ta cũng giống như của anh". Người nói câu này không biết những lời này của ông ta đã làm tôi cảm động biết nhường nào.

Nhiều năm về trước đây, khi tôi còn là một thanh niên bông bột, rất cần sự giúp đỡ và động viên từ bên ngoài, một đồng sự từng được tôi giới thiệu tác phẩm của một nhà y học nổi tiếng cũng nói với tôi những lời cơ hồ giống như thế, rằng: "Căn bản đó là phẩm chất và phong cách của anh!". Bấy giờ tôi rất cảm động, liền viết thư gửi nhà y học đó mong được giao lưu nhiều hơn. Nhưng bị cự tuyệt không thương tiếc, nên đành "an thân thủ phận". Song, sau khi đã nghĩ thông điều đó rồi mà vẫn chưa tìm thấy bản mục lục. Có lẽ từ trong vô thức, vẫn còn sự nểm trái thẳm thương nào hơn chưa được thổ lộ chăng! Song, dù sao thì tên sách và tên tác giả tôi đều đã biết, đặt mua chẳng có khó khăn gì. Nhưng tôi vẫn bị cái diêm dũ kia hăm dọa, nên đã bỏ ý định mua sách ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Freud cho rằng, đối với mọi sự kiện ngẫu nhiên xảy ra mà theo Dor vischer cho là "hành vi khác thường" đều có thể giải thích tương tự. Xem chú thích 1 trang 174 sách này.

Dẫn chứng 5 ⁽²⁾.

Trong dẫn chứng dưới đây, điều thú vị nhất ở chỗ đồ vật mất rồi lại được.

Một người trẻ tuổi nói với tôi một câu chuyện như sau" "Mấy năm trước, tôi và bà xã thường hay ngừng nghỉnh với nhau. Tuy tôi rất thích cái tính dịu dàng của bà ta, nhưng cũng rất ghét cái tính lạnh nhạt của bà ấy. Chúng tôi kính trọng nhau như "kính trọng khách tới nhà", chẳng mấy khi tỏ ra hoà thuận gần bó. Một hôm, bà ta đi bách bộ về, mang về cho tôi một tập sách mà tôi không ngờ, nói rằng sách này rất hợp với khẩu vị của tôi. Tôi niềm nở cảm ơn, hứa sẽ đọc cẩn thận. Nhưng rồi khi sách rời khỏi tay thì không thấy đâu nữa. Mấy tháng sau, đôi khi tôi có nhớ tới tập sách ấy, cũng lục lọi tìm kiếm, nhưng đều chẳng thấy bóng dáng nó ở đâu. Sau gần 6 tháng, mẹ tôi ốm, bà xã nhà tôi phải bỏ nhà tới chăm sóc. Mẹ tôi ốm ngày càng nặng, bà xã nhà tôi rất hiếu thảo, thể hiện mặt tốt nhất trong tính cách của bà ấy. Một buổi tối nghĩ tới sự hiếu thảo và vất vả của bà xã, tôi vừa hối hận, vừa cảm kích, tình yêu thương lại trỗi dậy. Tôi tới cạnh bàn làm việc, lơ đãng, chẳng có chủ định gì, nhưng dường như có "tính chuẩn xác của chứng mộng du", tôi mở một chiếc ngăn kéo, kìa, trong đó có tập sách đã giấu

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

mặt, im hơn lặng tiếng 6 tháng trời ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 6 ⁽²⁾.

Dẫn chứng này và dẫn chứng 5 có đặc điểm chung là: một khi phát hiện "để sai" thì tín hiệu xác thực đặc biệt về tìm thấy vật mất sẽ bộc lộ ra. Stareke kể một câu chuyện như sau:

"Khi may cổ áo, cô "thợ nhà" cắt hỏng vải, đành phải nhờ thợ may chuyên nghiệp sửa hộ. Sau khi thợ chuyên nghiệp tới, cô thợ nhà mở ngăn kéo để lấy cái cổ áo bị cắt hỏng, nhưng không thấy. Cô mở tất cả các ngăn kéo đều không thấy, cô ta bực mình ngồi phịch xuống, tự hỏi: sao bỗng nhiên không thấy cái cổ áo hỏng đâu cả? Nhưng rồi cô ta nghĩ ra: có khả năng do xấu hổ vì chỉ có cái cổ áo mà cũng cắt hỏng nên không muốn tìm. Nghĩ như vậy, cô ta nhẹ cả người, bèn bước tới một cái tủ nhỏ khác và tìm thấy ngay cái cổ áo bị cắt hỏng".

Dẫn chứng 7.

Đối với dẫn chứng về việc "đặt sai" dưới đây, các nhà phân tích tinh thần rất quen. Điều tôi muốn nhấn mạnh là, người đặt để đồ vật sai vị trí, sau đó sẽ tự tìm được cách giải quyết.

Một bệnh nhân vì sự phân tích bệnh tình của ông ta đang ở vào trạng thái bế tắc, mà sức khỏe

⁽¹⁾ Sau này, Freud lại dẫn ra trong Chương III sách "các bài giảng về phân tích tinh thần".

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

của ông cũng không tốt, nên đành phải ngừng việc phân tích tinh thần để đi nghỉ hè tránh nóng. Đêm trước ngày khởi hành, ông ta đem chìa khoá để vào chỗ hàng ngày vẫn để ổ đó (chỉ ít, thì cũng là ông ta tự nhận như thế). Sau đó ông ta muốn lấy một số thứ ở trong ngăn kéo, nhưng lại không tìm thấy chìa khoá, mà tiền cũng ở trong ngăn kéo. Trong số tiền đó có một phần cần chi dùng trong ngày đi du lịch thứ hai, phần còn lại dùng để chi trả tiền điều trị bệnh theo phương pháp tâm lý trị liệu lần sau.

Ông ta lập tức lục soát phòng ở của mình theo kiểu "càn quét", càng tìm càng vội, càng vội càng không thấy. Nhớ ra "vị trí để sai" là một hành vi có tính chất triệu chứng, cũng có nghĩa là ông ta đánh động người hầu tới giúp mình làm việc ấy. Vì người hầu không bị tình cảm bùng bít như ông ta "nhìn mà không thấy". Một tiếng trôi qua mà vẫn chưa tìm thấy. Ông ta đành thôi không lục tìm nữa, chịu nhận xúi quẩy. Sáng sớm hôm sau, ông ta tới xưởng sản xuất chiếc bàn ấy để đặt mua chìa khoá, trước khi ra về ông ta không quên dặn họ mau chóng mang tới cho mình. Về tới nhà, khi xuống xe, ông ta và hai người bạn cùng ngồi xe với ông đều nghe thấy tiếng kim loại rơi xuống đất chìa khoá từ trong túi ông ta rơi ra! Thì ra chúng bị kẹp giữa hai tập sách, trong đó một tập là tác phẩm của một học sinh của tôi, ông ta mượn mang đi làm thứ tiêu

khiển trên đường đi du lịch. Chìa khoá được cất kỹ như thế, không ai nhìn thấy. Sau này chúng tôi đề nghị ông thử lại một lần nữa, ông ta không sao làm được. Cái ý hướng của tinh thần vừa tinh vi vừa mãnh liệt trong tìm thức ấy khiến ông ta cất giữ đồ vật kỹ như vậy, giống như kẻ mộng du coi trời bằng vung, làm những việc khi tỉnh táo anh ta không dám làm 1. Quay trở lại việc làm rõ nguyên nhân của sự kiện này, tất nhiên đó là do không hài lòng đối với hai việc: một là phải ngừng điều trị; hai là bệnh ngày càng nặng, mà bác sĩ thì lại nhấn tâm lấy tiền điều trị đắt quá.

Dẫn chứng 8 ⁽¹⁾.

Brill nói về một trường hợp như sau: "Một ông bị vợ ép đi dự tiệc. Ông thực sự không thích nhưng do vợ thúc giục ráo riết nên đành phải đồng ý. Khi ông đang mở tủ để lấy quần áo ra thay thì bỗng nhớ ra chưa cạo râu. Nhưng khi ông cạo râu xong, quay ra tủ lấy quần áo thì tủ đã khoá rồi. Ông tìm chìa khoá tủ, nhưng tìm mãi không thấy. Tối sáng chủ nhật vẫn không mời được thợ khoá. Cực kỳ khó xử, ông bà đành phải gửi thư cáo lỗi. Hôm say, khi thợ khoá mở tủ ra thì thấy chìa khoá ở trong tủ. Thì ra khi đi cạo râu thì chồng ném chìa khoá vào trong tủ, nhưng lơ đãng thế nào lại khoá tủ vào. Ông bảo

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912 dẫn theo Brill. Freud có sửa lại đôi chỗ.

đảm rằng ông không cố ý làm như thế. Nhưng chúng ta biết rằng ông không thích đi dự tiệc, nên để chìa khoá sai vị trí, xem ra không phải không có nguyên nhân".

Jones phát hiện ra rằng mỗi khi ông hút thuốc quá nhiều, họng vị viêm, thì không hiểu sao bột thuốc lá biến đâu mất. Khi tìm thấy thì phát hiện bột được để ở nơi mà bình thường không thể để ở đó được.

Dẫn chứng 9 ⁽¹⁾.

Đây là trường hợp quên vô hại, nguyên nhân được thừa nhận, do Dora Miiller nói với tôi.

"Hai ngày trước lễ Nôen, bà Anna nói với tôi: "Ông có biết không, tối hôm qua, khi tôi lấy bánh bao từ lồng hấp ra ăn tôi bỗng nhớ ra rằng phải mang cho bà S vài cái (bà S là đồng sự của mẹ bà Anna), nên khi bà ấy tới chúc tôi ngủ ngon, mặc dầu trong lòng rất không muốn, tôi vẫn quyết định cho bà ấy vài cái. Nhưng khi tôi vào bếp lấy bánh thì cái lồng hấp bánh không còn ở trên bàn nữa. Tìm một thôi một hồi mới thấy, thì ra tôi để trong trạn bát đĩa, căn bản tôi không ngờ tôi lại để ở đó".

"Sự kiện này không cần phân tích, bà Anna biết rõ nguyên nhân rồi, bà muốn giữ toàn bộ bánh bao lại cho mình, nên bà đem giấu chúng đi. Mặc dầu sau đó bà đã sửa sai một cách có ý thức, nhưng hành vi trước

⁽¹⁾ Dẫn chứng này và dẫn chứng 10 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

đó thì là hành động tự động và vô thức".

Dẫn chứng 10.

Sách kể một câu chuyện về việc ông trốn tránh chức trách bằng cách "để sai". Ông nói: "Chiều chủ nhật trước, tôi lưỡng lự mãi không biết nên tiếp tục làm việc hay đi bách bộ, đi thăm bạn. Đấu tranh tư tưởng một hồi, tôi quyết định đi làm việc. Nhưng 1 tiếng sau tôi phát hiện hết giấy. Tôi biết ngăn kéo nào có giấy, vì tôi đã mua sẵn từ mấy năm trước mà. Nhưng lục tìm hết các ngăn kéo mà không thấy trang nào. Tôi lại lục lục tìm mọi xó mà tôi nghĩ có khả năng có - đóng sách cũ, phong bì cũ, ... nhưng vẫn không có. Cuối cùng tôi phải ngừng công việc để đi mua giấy. Tối đến tôi về nhà, trên chiếc sofa tôi ngồi đọc người ra suy nghĩ. Tôi nhìn chăm chăm vào tủ sách trước mặt, bỗng tôi chú ý tới một cái hộp, tôi nhớ ra là đã từ lâu chẳng sờ tới nó, bước tới, mở hộp ra, trong đó có một túi đựng tài liệu, trong túi có một tệp giấy chưa dùng, tôi lấy số giấy này ra bỏ vào ngăn kéo bàn làm việc. Bỗng tôi phát hiện đó là tệp giấy mà tôi đang tìm. Tôi cần phải giải thích đôi lời, tuy tôi không phải là người rất tiết kiệm, nhưng tôi rất quý giấy và các văn phòng phẩm khác vẫn còn giá trị sử dụng. Nên rõ ràng rằng, khi nguyên nhân "để sai" không còn nữa, hành vi quên ngẫu nhiên này của tôi lập tức được sửa lại.

"Nếu đã trải qua các trường hợp "đặt sai" thì đương nhiên sẽ tin rằng, con người sở dĩ như vậy là do ý hướng vô thức, ngoài ra không có cách giải thích nào khác" ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 12 ⁽²⁾.

Mùa hè năm 1901, khi thổ lộ những điều tâm đắc ⁽³⁾ trong công việc nghiên cứu gần nhất với một người bạn tốt thường trao đổi quan điểm học thuật với tôi, tôi nói: "Ban đầu, sự phát triển của mỗi một tâm hồn đều có khuynh hướng hai mặt. Chỉ có hoàn toàn thừa nhận giả thiết này chúng ta mới có thể giải thích được hiện tượng bệnh tâm thần". Bạn tôi nói: "Tôi đã nói câu này từ hai năm trước trong một buổi tối khi chúng ta đi bách bộ ở London Anh. Bấy giờ anh không hiểu".

Việc hiểu ra mình không phải là người sáng lập ra quan điểm là việc rất đau khổ. Chính vì thế mà tôi không thể nhớ ra một tý nào cuộc đối thoại lần ấy của chúng tôi và lời gợi ý của người bạn đó. Giữa hai chúng tôi tất phải có một người sai. Theo nguyên tắc "có lợi cho ai" ⁽⁴⁾ thì người đó tất là tôi.

⁽¹⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽²⁾ Trừ những chỗ có thuyết minh riêng, còn lại cho tới hết mục này đều mới thêm vào trong lần xuất bản năm 1091.

⁽³⁾ Trong lần xuất bản năm 1901 và 1904, đoạn này như sau: "Một ngày mùa hè năm nay, khi thổ lộ với Fl. một người bạn tốt thường trao đổi quan điểm học thuật với tôi, ..., người "bạn tốt" này là Willelm Fliess. Hai ông nói với nhau điều này vào năm 1900 chứ không phải năm 1901. Thực tế đây là lần trao đổi cuối cùng giữa hai ông.

⁽⁴⁾ "Có lợi cho ai" là vấn đề truyền thống, đáp án của câu hỏi này là có lợi cho người phạm sai lầm.

Quả nhiên, mấy tuần sau, lòng dạ tôi nở ra, tôi nhớ lại được toàn bộ quá trình ấy. Tôi cùng nhớ lại được lời đáp khi ấy của tôi là: "Việc nghiên cứu của tôi vẫn chưa đi xa tới mức ấy, bây giờ tôi vẫn chưa thể tiếp thu quan điểm của anh được". Sau đó, mỗi khi thấy trong các sách báo y học có đăng những quan điểm mà tôi có góp công, nhưng lại để sót tên tôi, thì tôi nhớ ngay tới sự kiện này, suy bụng ta ra bụng người, tôi có thể bình tâm lượng thứ cho người khác.

Hàng ngày, sự "quên lãng" diễn ra trước mắt chúng ta dưới mọi màu sắc, đếm không xuể. Nhưng, muốn giải thích hợp lý những hiện tượng ấy thì phải nghiên cứu các đề tài thuộc loại đau đớn như: vạch trần khuyết điểm của vợ mình, biến bạn tốt thành thù, sai lầm khi chẩn đoán bệnh, sự đổ kỵ giữa những người cùng nghề, hoặc biến quan điểm của người khác thành của mình một cách không tự giác, vv....

Theo tôi, đó không phải là điều ngẫu nhiên. Tôi rất muốn tin rằng: dẫu ai cũng vậy, nếu có hứng thú nghiên cứu nguyên nhân gây ra hiện tượng "quên lãng" ở bản thân mình thì sẽ thấy có nhiều trường hợp do tâm trạng không vui gây ra. Quên sự việc không vui là hiện tượng rất phổ biến. Tất nhiên, mức độ quên thì tùy từng người. Sự phủ nhận theo kiểu nói dối mà chúng ta thường thấy khi làm nghề y có khả năng cũng là một loại quên

sự việc không vui ⁽¹⁾. Theo chúng tôi, sự khác nhau

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1907, có thêm chú thích: khi chúng ta hỏi một người rằng 10 hoặc 15 năm trước họ có mắc bệnh về tính dục không, chúng ta thường bỏ qua trạng thái tâm lý của họ. Thái độ của họ đối với bệnh này hoàn toàn khác với thái độ đối với bệnh cảm sốt cấp tính - khi cha mẹ của một bé gái mắc bệnh tâm thần khai báo tình hình bệnh trước kia của cháu, bạn khó phân biệt chính xác những gì là quên, những gì là giấu giếm.

Vì bất cứ điều gì gây cho con gái họ sau này khó lấy chồng họ đều lược bỏ đi một cách có chủ ý, tức là bị im đi.

Trong lần xuất bản năm 1910 có thêm chú thích: Một người đàn ông có vợ mới chết kể với tôi một việc mà câu trả lời làm cho bác sĩ phạm sai lầm trong việc ấy chỉ có thể giải thích bằng lý luận về sự quên lãng. Ông ta nói: "Vợ tôi bị viêm màng phổi mấy tuần liền, không đỡ. Chúng tôi mời bác sĩ tới. Khi hỏi nhiều điều về bệnh tình, bác sĩ cũng có hỏi trong họ hàng bên vợ tôi có ai mắc bệnh phổi không. Vợ tôi bảo không có, bây giờ tôi cũng không nhớ ra đã có ai mắc bệnh phổi. Bác sĩ khám bệnh xong, chúng tôi liền tán chuyện về sự sướng khổ khi đi du lịch. Vợ tôi nói: "Phải rồi, khi mai táng ông anh xấu số của em, phải đi một đoạn đường khá dài". Ông anh này của vợ tôi chết từ 15 năm trước vì lao phổi lâu ngày. Vợ tôi rất thích anh ấy, thường nhắc tới luôn. Tôi còn nhớ khi được chẩn đoán là viêm màng phổi, bà ấy buồn rầu, nói: "Anh tôi chết vì bệnh phổi". Nhưng, hiện nay cái kỷ ức này bị dồn ép sao mà chặt đến thế, đến nỗi khi nhắc tới cuộc đi du lịch của ông anh, bà ấy vẫn không nghĩ ra rằng phải sửa lại tư liệu về bệnh sử của dòng họ nhà bà. Còn tôi, khi nghe nói về chuyến đi du lịch của ông anh vợ ấy, tôi bỗng sợ phát ngáy người ra.

Trong lần xuất bản năm 1917 có thêm chú thích: dưới đây là một dẫn chứng hoàn toàn tương tự, do Jones viết trong tác phẩm của ông. Tôi nhiều lần nhắc tới tác phẩm này. Trong đó ông viết: "Vợ một bác sĩ mắc một chứng bệnh kỳ lạ ở bụng, thỉnh thoảng lại giãy vò bà đặc biệt khổ sở. Chồng bà nói với bà rằng: "May mà nhà em không ai mắc bệnh lao". Vợ ngạc nhiên nhìn chồng: "Mình quên rồi, mẹ em chết vì bệnh lao. Em gái em cũng mắc bệnh này nhiều năm, bác sĩ đều bảo không chữa khỏi được thế mà lại khỏi, cứ như là chuyện thần kỳ vậy".

"Những ngày này, khi tôi đang viết những dòng này thì xảy ra một hiện tượng quên lãng thật là khó tin. Ngày đầu tiên của năm mới tôi sắp xếp lại giấy tờ nọ nần của năm trước để gửi giấy đi đòi nợ. Ở mục tháng 6, tôi thấy ghi tên một người là "M...L" (do viết ngoáy chỉ đọc được hai chữ cái đầu và đuôi), nhưng không nhớ ra là ai. Tôi phát hiện trong nhật ký ghi ông ta nằm ở viện điều dưỡng, mấy tuần liền chủ nhật nào tôi cũng tới thăm ông ta, tôi càng lấy làm lạ. Vì một bệnh nhân được chăm sóc như vậy tại sao chỉ sau 6 tháng mà đã bị quên. Tôi tự hỏi: phải chăng đây là

giữa hai hành vi quên (phủ nhận và quên) không chỉ dừng lại ở nhân tố tâm lý. Chúng còn là phương thức thể hiện khác nhau của cùng động cơ tâm lý.

Chúng tôi thu thập được nhiều dẫn chứng về việc người nhà bệnh nhân phủ nhận sự việc không vui, trong đó có một trường hợp để lại ấn tượng đặc biệt sâu sắc: có một bà mẹ nói với tôi về những năm thơ ấu của đứa con mắc bệnh tâm thần. Khi nói tới thời kỳ thanh xuân của con mình, bà cho biết anh ta cũng mắc bệnh đái dầm như anh chị em anh ta, tới khi lớn tuổi mới hết bệnh. Đây là triệu chứng rất có ý nghĩa trong bệnh sử của người mắc bệnh tâm thần. Mấy tuần sau, khi bà ta hỏi tôi về tình hình tiến triển trong việc điều trị bệnh cho con bà, tôi lấy việc đái dầm ra để lưu ý bà về cái thể chất yếu ớt bẩm sinh của con bà. Nhưng điều làm tôi giật mình là, bà ta lại nói rằng con bà không đái dầm bao giờ. Chẳng những thế, bà ta còn nói các con bà không có đứa nào thường xuyên đái dầm. Bà ta còn chất vấn

trường hợp một môi thông thường, không có gì có tính chất thách thức? Sau đó, xem hoá đơn tôi đã tóm được cái ký ức cố sức chạy trốn kia: M...L là một cháu gái 14 tuổi. Đây là một trường hợp bệnh gay gắt nhất trong mấy năm gần đó, kết cục của con bệnh này làm tôi đau khổ mãi. Đó quả là một bài học suốt đời không quên. Cháu gái này mắc bệnh icteri, được tôi chăm sóc, bệnh tình ngày càng đỡ. Sau đó cha mẹ cháu đưa cháu về nhà. Thì ra bệnh icteri cũng có triệu chứng đau bụng, sau này vẫn không thuyên giảm. Hai tháng sau, cháu chết vì ung thư tuyến lim pha vùng bụng. Rõ ràng, sự xuất hiện ung thư làm cho bệnh icteri phát sinh. Tôi bị mê hoặc suy nghĩ cho rằng bệnh icteri vô hại, không lưu tâm tới tín hiệu ung thư thời kỳ đầu ẩn giấu trong triệu chứng ấy?"

tôi lấy đầu ra cái tin đó. Tôi đành phải nói rằng chính bà ấy nói với tôi, nhưng đã quên mất.

Về hiện tượng chống lại việc không vui và ý nghĩ đau khổ, có thể tìm thấy vô số dẫn chứng ⁽¹⁾ ngay cả trong đám người khoẻ mạnh không có khuynh hướng mắc bệnh tâm thần. Nhưng, giá trị quan trọng của hiện tượng này chỉ bộc lộ ra khi điều trị tâm lý cho người mắc bệnh tâm thần. Người ta không thể không trọng dụng lực lượng phòng vệ căn bản là "chống đối" này để chọn giữ không cho cảm giác đau khổ bùng ra, giống như sự phản xạ có tính chất né tránh khi bị đâm đau thường thấy trong sinh lý học vậy. Mà lực lượng phòng vệ này thì lại là nền tảng sinh ra các chứng icteri. Bạn không nên vì người ta không thể xua đuổi được tình cảm ai, như sự đau khổ dai dẳng hoặc sự lên án của lương tâm v.v... mà phản đối giả thiết về sự tồn tại khuynh hướng phòng vệ ấy. Không có ai cho rằng khuynh hướng này có thể

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1910 có thêm một chú thích như sau: Gần đây A. Pick thu thập được nhiều đoạn trích dẫn. Tác giả của những đoạn được trích dẫn này phần lớn ảnh hưởng của nhân tố tình cảm đối với ký ức, hoặc người ít người nhiều ý thức được tác dụng của sự chống lại việc không vui đối với sự quên lãng. Nhưng chưa có ai làm được như Nietzsche là mô tả một cách sinh động, giàu hình tượng những hiện tượng này và cơ sở tâm lý của chúng. Ông nói: "Ký ức của tôi nói rằng: "Tôi đã từng làm việc ấy". Những lòng kiêu ngạo của tôi nói: Tôi chưa thể đã làm được việc ấy. Lòng kiêu ngạo của tôi kiên quyết không chịu nhượng, cuối cùng ký ức của tôi phải nhượng bộ". (Do dẫn chứng "Người chuột" mà Freud rất chú ý câu danh ngôn này. Bệnh sử "Người chuột" được ra mắt bạn đọc trước khi tập sách có chú giải này được xuất bản.

chiếm thế thượng phong trong mọi trường hợp. Trên xói vạt của lòng người, rất có khả năng nó sẽ chịu thua nhân tố tình cảm trái ngược bị kích thích bởi mục đích khác nào đó.

Kết cấu tâm hồn của loài người có thể chia ra làm mấy cấp độ khác nhau. Mỗi cấp độ đều được sắp đặt các vật liệu khác nhau. Rất có khả năng sự tích cực phòng vệ ấy thuộc về hiện tượng tâm lý cấp độ thấp, thường bị áp độ cao cấp đè nén. Nhưng dù sao chăng nữa, lịch trình tâm lý bị truy tìm ra dấu vết trong dẫn chứng của chúng tôi đã nói lên sự tồn tại của khuynh hướng phòng vệ này. Chúng ta biết rõ, có những sự việc vì nguyên nhân của bản thân nó mà bị quên - có những việc không quan trọng, vốn không có quan hệ gì, nhưng chẳng may vì có quan hệ liên tưởng với sự kiện không vui mà không được ghi nhớ.

Những hồi ức đau khổ rất dễ bị quên một cách có chủ định. Quan điểm này có thể áp dụng và nhiều mặt, nhưng cho đến nay vẫn chưa hề được coi trọng.

Theo tôi, khi chúng ta nghe lời làm chứng tại toà án, điều này chưa được nhấn mạnh đúng mức. Chúng ta quá coi trọng ảnh hưởng của lời thề, cho rằng khi tâm lý của người làm chứng bị xung đột dữ dội, nó có đủ năng lực tự làm sạch. Như mọi người đều biết, khi nói tới truyền thống và khởi nguồn lịch sử truyền kỳ của nhân loại thì nhất

thiết phải nghĩ tới việc gạt bỏ những tình cảm có khả năng khơi ra phức cảm đau khổ của quốc dân. Từ đó ta thấy, việc bảo tồn truyền thống dân tộc và hồi ức của người lớn tuổi đối với những sự kiện thừa thớ ấu có nhiều điểm tương tự. Chính Darwin ⁽¹⁾ vĩ đại rất hiểu nguyên nhân vì đau khổ mà quên nên mới định ra "luật vàng" trong công tác khoa học ⁽²⁾.

Giống như đối với sự quên tên, đối với sự quên ấn tượng con người cũng có kèm theo hồi tưởng sai lầm. Cái đó được gọi là nhớ sai. Trong trường hợp mắc chứng cuồng vọng, nhớ sai là một trong những nhân tố căn bản gây ra ý nghĩ viển vông. Có rất nhiều tài liệu viết về hiện tượng nhớ sai ở những người mắc bệnh tâm thần, nhưng hầu như không có tài liệu nào nói tới nguyên nhân của hiện tượng ấy. Điều đáng tiếc là, đề tài này đã mở rộng sang phạm vi biểu tượng của tâm lý học, ở đây không tiện nói nhiều. Song, tôi vẫn muốn nêu ra đây một thể nghiệm đặc biệt của tôi về nhớ sai, trong đó các bạn có thể thấy rõ những tư liệu trong tiềm thức,

⁽¹⁾ Câu này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

⁽²⁾ Bản xuất bản năm 1912 có câu chú thích rằng: ngài Jones rất coi trọng câu dưới đây trong tự truyện của Darwin ông cho rằng câu này phản ánh thái độ thành thật đối với khoa học và sự thấu hiểu tâm lý con người một cách nhanh nhạy của Darwin: "Nhiều năm qua, tôi luôn luôn tuân thủ một luật vàng, đó là, bất kỳ khi nào, hễ phát hiện có tư liệu mới, phát hiện mới và quan điểm mới không phù hợp với quan điểm của mình, tôi lập tức cầm bút ghi lại một cách trân trọng. Vì kinh nghiệm dạy tôi rằng, so với những điều tôi tỏ ra tán thành, những sự thật hoặc quan điểm ấy rất dễ trốn khỏi trí nhớ".

nguyên nhân do tiềm thức cung cấp và quan hệ giữa hai cái đó.

Khi tôi viết chương cuối cùng tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ", có một thời gian trong kỳ nghỉ hè, nơi tôi đang nghỉ không có thư viện, cũng không tìm đâu ra sách tham khảo. Do đó tôi buộc phải nặn từ trí nhớ ra tài liệu tham khảo và các câu trích dẫn để dùng tạm, hiệu đính sau. Khi viết chương về giấc mơ ban ngày, ông chủ hiệu sách trong "Le Nabab" (Quan lớn tổng đốc) của Alpheuse Daudet hiện lên rõ nét trong mắt tôi. Tôi muốn mượn mồm Daudet để diễn đạt giấc mơ ban ngày của mình.

Tôi vẫn còn nhớ một huyền tưởng của ông chủ hiệu sách nghèo khổ ấy, ông tên là ngài Jpcelyn. Trong huyền tưởng, Jocelyn chặn đứng được con ngựa đang hoảng hốt chạy lung tung trên đường phố, và khuất phục được nó. Lúc này, cửa chiếc xe ngựa được mở, một vị quan lớn bước ra bắt tay Jocelyn cảm kích nói: "Ông là ân nhân cứu mạng sống của tôi, là cha mẹ tái sinh ra tôi, tôi biết báo đáp sao đây?". Tôi tin chắc rằng, dấu vết trích dẫn đoạn huyền tưởng này có gì sai thì khi về nhà có thể tra ra và sửa lại ngay. Nhưng, khi về tới nhà, tôi giở tập "Quan lớn tổng đốc" ra tìm đi tìm lại mà chẳng thấy có đoạn mô tả về ông chủ hiệu sách. Tôi rất ngạc nhiên và áy náy - ngài Jocelyn căn bản không có huyền tưởng như thế. Chẳng những thế,

ngay cả tên ông ta tôi cũng nhớ sai, tên ông là Joyeuse chứ không phải là Jocelyn.

Tuy nhiên chìa khoá giải đáp sự sai lạc thứ nhất - nhớ sau - nằm ở trong sự sai lạc thứ hai. Nếu dịch cái họ Ereud của tôi sang tiếng Pháp thì xác đáng nhất là dịch thành Joyeux, thế mà cái từ này thì lại là dạng giống cái của Joyeuse. Vậy thì cái sự nhớ sai của tôi về ông Daudet bắt nguồn từ đâu? Nó chỉ có thể là kiệt tác của tôi. Cái giấc mơ ban ngày của tôi chưa bao giờ hiện lên trong ý thức của tôi, có lẽ đã có lúc nghĩ tới nhưng lại hoàn toàn quên ngay. Trước khi được thầy giáo Char cot ở Paris nể trọng, tôi thường bơ vơ một mình ở ngoài phố mong mỗi được người khác ủng hộ và giúp đỡ. Có lẽ vào khi ấy tôi sáng tạo ra giấc mơ ban ngày đó. Sau này, tại nhà thầy giáo Charcot, tôi thường được gặp tác giả tác phẩm "Quan lớn tổng đốc", thế là tôi gán giấc mơ ban ngày ấy cho Daudet ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong các lần xuất bản từ năm 1924 về trước, đoạn này được tiếp tục như sau: "Nhưng, điều cần suy nghĩ kỹ là, với tính cách của tôi, không có việc gì khiến tôi ghét hơn là việc nhờ người bảo hộ. Ở trong nước, mỗi khi thấy hiện tượng đó tôi đều cảm thấy rất nực cười. Tôi không phải là đứa trẻ được nuông chiều, tôi có ý chí tự lập tự cường rất mạnh. Tôi luôn luôn nghĩ rằng: "Ta phải trở thành kẻ mạnh". Nhưng không ngờ tôi lại hồi tưởng một giấc mơ ban ngày không bao giờ được thoả mãn như thế. Điều đó tựa như cũng chứng tỏ rằng: trong thực hiện, với chúng cuồng vọng, yếu tố bị dồn nén sẽ bùng ra một cách không biết kiêng nể là gì hết. Tất cả thấy cái đó trở buộc tính khách quan suy nghĩ của chúng ta.

Trong lần xuất bản năm 1924 có bổ sung thêm chú thích sau: một thời gian trước đây, một bạn đọc có gửi cho tôi một đoạn trích từ tác phẩm "Fugend. bibliothek" ("Thư viện thanh thiếu niên") của Frauz Hoffmann. Trong đó

Một hồi ức sai khác ⁽¹⁾ có thể được giải thích đầy đủ khiến người ta liên tưởng tới "cuộc lục soát giả" (fausse reconnaissance) sẽ nói ở dưới. Đó là: Tôi có một bệnh nhân có năng lực rất giỏi lại có hoài bão lớn. Có lần tôi nói với ông ta rằng, có một học sinh do viết tác phẩm "Der Kiinstler, Versuch liner sexu - lpsy chologie" ⁽²⁾ ("Nhà nghệ thuật thử bàn về tâm lý học giới tính") rất có ý nghĩa mà trở thành học trò của tôi. Một năm sau cuốn sách đó được xuất bản. Bệnh nhân này khẳng khái nói rằng khi tôi chưa nhắc tới tập sách ông ta đã thấy bài giới thiệu tập sách, này (đại khái là thấy ở quảng cáo tại hiệu sách). Ông ta nói ông ta có thể hồi tưởng lời giới thiệu ấy, ông ta còn nói rằng tác giả đã đổi tên sách đổi "Der Kiinstler, Versuch liner Sexualpsychologie" thành "Ausatze Zu liuer Sexualpouchologie"1 (Bàn về tâm lý học giới tính"). Sau khi hỏi tường tận về

có cảnh cứu giúp rất giống giấc mơ ban ngày của tôi. Sự giống nhau một cách ngạc nhiên của hai cảnh này khiến tôi nghĩ rằng, rất có thể khi còn nhỏ tuổi tôi đã đọc tập sách dành cho thiếu niên nhi đồng này. Khi 43 tuổi, tôi cho rằng giấc mơ ban ngày kia là câu chuyện huyền tưởng của người khác, nhưng sau đó lại có cảm giác là tác phẩm của mình khi 28 tuổi. Song vốn chỉ là ấn tượng đối với sách báo khi 11 - 13 tuổi mà thôi. Cái cảnh cứu giúp mà tôi gán cho ông chủ hiệu sách trong "Quan lớn tổng đốc" chẳng qua cũng là giấc mơ đẹp về việc tôi muốn trở thành người bảo vệ, giữ gìn lòng tự trọng mà thôi. Qua đó, mọi người dễ dàng thấy rằng, trong đời sống có ý thức, tôi không muốn núp dưới đôi cánh của người bảo vệ, cũng rất căm ghét hiện tượng như thế.

Abraham từng đi sâu nghiên cứu giấc mộng ban ngày có cảnh cứu giúp này và đã giải thích tường tận điều này.

⁽¹⁾ Phần còn lại ở dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907

⁽²⁾ Đây là tác phẩm đầu tay của Otto Rauk.

tác giả, so sánh tư liệu, tôi phát hiện không thể có cái việc trong hồi tưởng của bệnh nhân này. Tập sách mà tôi nói không có ở đâu giới thiệu trước khi nó được xuất bản, càng không thể biết trước ngày nó được xuất bản hơn một năm. Bấy giờ tôi không có thời gian để đi sâu nghiên cứu nguyên nhân nhớ sai này. Không ngờ sau này ông ta lại diễn lại trò cũ. Ông ta nói gần đây ông ta thấy ở hiệu sách bày bán tập sách về chứng sợ vu vơ, thế rồi mặc tôi khuyên can, ông ta đi khắp các hiệu sách để tìm trong các mục lục sách tên tập sách ấy. Tôi giải thích cho ông ta rõ vì sao ông ta dầy công lực tìm mà vẫn không thấy. Vì tập sách ấy chỉ có trong huyền tưởng của ông ta mà thôi - Trong tiềm thức của mình, ông ta muốn viết một tập sách như thế, nhưng thực tế không được như ý muốn. Tiềm thức thẩm thấu ra ngoài, hoà lẫn kỳ vọng với hiện thức. Ông ta muốn đua tranh với chàng học sinh trẻ tuổi kia, cậy nhờ vào thành tích khoa học để trở thành học trò của tôi. Nguyên vọng bị dồn ép gây ra hai lần hồi tưởng hư cấu của ông ta. Trên tờ quảng cáo ở hiệu sách hư cấu ấy của ông ta còn một quyển sách có tên là "Genesis, das Gesetz der Feuguug" ("Sáng tạo - định luật ra đời") cũng là cái thứ ở trong quốc gia hư vô. Song, trong những huyền tưởng ấy cũng có chút ít do tôi gây ra - mỗi khi nói tới tập sách ấy tôi đều đọc sai "thủ bàn" thành ra "bàn".

B. QUÊN Ý HƯỚNG ⁽¹⁾

Nếu muốn chứng minh rằng nhớ sai không chỉ do không cẩn thận thì tốt nhất phải khảo sát sự quên lãng ý tưởng. Nghĩa của ý hướng là ý muốn làm việc gì đó. Bao giờ cũng vậy, ý muốn thì đã có, nhưng việc thực hiện thì phải chờ tới thời cơ thích hợp. Có khi, trong thời gian ấy, có khả năng có sự thay đổi nguyên nhân, động cơ, điều đó khiến cho ý hướng không được thực hiện. Nhưng khi ấy nó vẫn chưa bị quên, mà chỉ bị thay đổi hoặc loại bỏ.

Hàng ngày, trong mọi trường hợp, đều có khả năng xảy ra quên ý hướng. Nhưng chúng tôi không cho rằng trong bất kỳ trường hợp nào cũng có thể giải thích quên ý hướng là do nguyên nhân động cơ thay đổi hoặc không thích hợp. Thường chúng ta không giải thích hiện tượng ấy, hoặc giải thích ở góc độ tâm lý học, tức là giải thích rằng khi phải thực hiện ý muốn thì sự chú ý cần cho việc thực hiện ý muốn ấy đã chuyển sang việc khác rồi. Kết quả quan sát tỷ mỉ hành vi hàng ngày khiến chúng tôi tin rằng giải thích tùy tiện như thế là ấu trĩ. Nếu sáng sớm tôi quyết ý chấp tối phải làm việc gì đó thì trong ngày hôm ấy tất tôi sẽ luôn luôn ngầm tự nhắc nhở mình, ý thức không cần tham dự vào suốt ngày. Chỉ khi gần tới

⁽¹⁾ Trừ những chỗ có ghi chú riêng, còn lại đều là nội dung được xuất bản năm 1901.

thời gian thực hiện ý hướng thì ý thức mới chỗi lên khiến chúng ta kịp chuẩn bị. Thí dụ, tôi đi bách bộ và định tiện thể đi bỏ một lá thư ⁽¹⁾. Là người bình thường, tôi không cần phải cầm lá thư trên tay, vừa đi vừa nhìn ngược nhìn xuôi tìm thùng thư. Chỉ khi tới trước thùng thư tôi mới thản nhiên lấy thư từ túi ra bỏ vào thùng thư. Biểu hiện bình thường sau khi có ý hướng này giống với "Ám thị sau khi thôi miên". Khi thôi miên, người bệnh được lệnh làm một việc nào đó vào lúc nào đó, khi tỉnh lại họ không hay biết gì về mệnh lệnh ấy, nhưng khi tới thời hạn họ tự làm việc ấy mà không biết nguyên nhân. Chúng ta thường dùng phương thức sau để mô tả hiện tượng này: ý hướng bị ám thị lảng lạng giấu mình ⁽²⁾, khi tới thời hạn thực hiện nó bỗng bừng tỉnh, thúc giục hành động.

Có hai trường hợp đầu là người ngoại đạo cũng sẽ chú ý tới sự quên lãng này. Hai trường hợp này tuyệt nhiên không chỉ là vấn đề quên lãng, chắc hẳn còn có nguyên nhân chưa được biết. Hai trường hợp này là tình yêu cả quân dịch. Khi yêu đương nếu bên nam quên lời hẹn với bạn gái thì đầu anh ta có giải thích thế nào chẳng nữa cũng

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1901, câu này như sau: "... hôm nay phải đi gửi thư."

⁽²⁾ Trong nguyên bản: trập phục, nghĩa là mai phục, giấu mình như con sứa, chúng tôi tạm dịch. N.D

uống công. Cô bạn gái của anh ta sẽ không do dự tặng cho anh ta một câu: "Một năm trước anh không thể quên được, bây giờ thì anh căn bản anh phớt lờ tôi đi". Dẫu anh ta có ra sức thanh minh, hoặc là nói rằng công việc bận rộn, hoặc là nói lời ngon ngọt đến đâu chẳng nữa, lúc này, với năng lực quan sát nhanh nhạy, cô gái có thể sẽ chẳng khác nào bác sĩ tâm lý, vặn hỏi: "Trước đây anh cũng bận bịu như thế sao không bao giờ lơ hện?"⁽¹⁾. Đành rằng cô không phủ nhận khả năng quên, nhưng rất có thể cô ta tin rằng: dẫu là do cố tình thoái thác, hoặc là vô tình lãng quên, trong đó đều có ý là không muốn.

Cũng vậy đối với sai lầm không chấp hành mệnh lệnh, cơ quan quân sự sẽ xử phạt, bất kể là do sơ suất hữu ý hay do quên, không ai cho rằng như thế là vô lý. Quân nhân không dám quên đòi hỏi về quân sự đối với họ. Nếu đã hiểu đòi hỏi ấy mà vẫn quên thì những cố gắng mong đợi đạt được yêu cầu của cấp trên đã bị nguyên nhân trái ngược, triệt tiêu mất. Cho nên, thời kỳ huấn luyện tình nguyện kiểm tra quân phục, nếu ai kiểm cố cãi lại việc quên không lau cúc đồng thì nhất định sẽ bị phạt. Nhưng so với động cơ tiềm ẩn gây ra sơ hở của anh lính này thì hình phạt ấy còn rất nhẹ. Thử nghĩ, nếu nghe thấy anh ta nói: "Cái việc huấn luyện vật vả, khổ sở

⁽¹⁾ Trong sách "Giải phẫu giấc mơ", Freud có đưa ra một dẫn chứng tương tự.

này khiến ta ón đến thế" ⁽¹⁾, thì cấp trên của anh ta tức giận biết nhường nào! Nhưng anh ta sợ bị phạt, không dám nói thật lòng như thế, tiềm thức sẽ ra lệnh thay ý thức, thế là hình thức thoả hiệp được biểu hiện bằng sự quên lãng.

Việc phục vụ phụ nữ và phục vụ đất nước đều yêu cầu phải tập trung tinh thần, không được phép lơ đãng, quên lãng, chỉ được phép quên những việc không quan trọng. Nếu quên việc quan trọng thì chứng tỏ ra coi việc ấy không quan trọng, có nghĩa là tầm quan trọng của việc ấy bị coi nhẹ. Thực tế cho thấy là không thể phủ nhận quan điểm tâm lý học này. Ai đó nếu quên sự việc quan trọng thì khó tránh khỏi bị coi là thần kinh có vấn đề. Do đó, việc nghiên cứu của chúng tôi chỉ nhằm vào sự quên lãng những ý hướng thứ yếu. Chúng ta không thể coi bất kỳ ý hướng cũng hoàn toàn không quan trọng, vì, nếu như thế thì căn bản không thể có ý hướng ấy.

Trên kia tôi đã mô tả mấy trường hợp quên mà chính bản thân tôi đã trải qua và thử giải thích nguyên nhân của chúng. Tôi phát hiện ra rằng,

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1912 có câu chú thích như sau: trong vở kịch "Caesar and Cleopatra" của Berrard Shaw, khi Caesar rời Ai Cập, hình như ông ta quên việc gì nên rất bối rối. Cuối cùng ông ta đã nhớ ra, đó là quên chưa chào từ biệt Clespatra. Ở đây, Caesar đã bày tỏ thái độ đối với sự lạnh nhạt của nữ hoàng trẻ Ai Cập. Nhưng, đây là chi tiết hư cấu, trong lịch sử không có tư liệu nào ghi chép như thế (đoạn này cũng được dẫn ở chương III sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần".

trong mỗi trường hợp ấy đều có thể tuy ngược tới động cơ không tự biết, không được thừa nhận, hoặc nói cách khác là truy ngược tới sự xung đột ý dục ⁽¹⁾.

Trong rất nhiều trường hợp tôi cảm thấy mình rơi vào trạng thái bị bó buộc. Khi không chiến thắng nỗi sự bó buộc ấy thì chỉ còn cách là dùng sự quên lãng để chống lại. Điều này cũng nói lên rằng tại sao vào các dịp kỷ niệm ngày sinh, lễ cưới, mừng được cất nhắc, v.v... của người khác, tôi thường quên không gửi thư chúc mừng. Tuy tôi luôn luôn hạ quyết tâm, nhưng không khắc phục được hiện tượng quên ấy. Nay tôi đành hoàn toàn ngậm bở mặc cái nguyên nhân kỳ lạ ấy. Trước khi tôi hoàn toàn bỏ mặc, có một người bạn nhờ tôi đi gửi điện mừng. Bây giờ bản thân tôi cũng muốn gửi một bức điện mừng trong này hôm ấy, tôi bảo anh bạn này rằng rất có khả năng tôi quên cả hai bức điện ấy. Kết quả là sự việc diễn ra đúng như dự đoán, nhưng tôi chẳng lấy gì làm lạ. Mấy năm nay tôi dần dần nhận ra rằng tôi rất không thích diễn đạt tình cảm của mình một cách đao to búa lớn. Vì tôi thường nhầm sự đồng tình giả của người khác là đồng tình thật. Tôi rất có ác cảm đối với thói bày tỏ sự đồng tình một cách bừa bãi trong xã hội, mặc dầu tôi cũng biết ban phát sự đồng tình là rất cần

⁽¹⁾ "Xung đột ý dục" là từ được Freud sử dụng trong bài viết về dựa vào thuật thôi miên để điều trị cho người mắc bệnh tâm thần.

thiết. Nhưng đối với việc phúng viếng thì tôi lại hoàn toàn khác khi đã quyết định gửi thư chia buồn thì không bao giờ quên. Đủ thấy, nếu tình cảm bắt nguồn từ nội tâm chứ không phải do sức ép trách nhiệm xã hội thì không ngại sẽ quên bấy tỏ tình cảm ấy.

Dưới đây là một trường hợp xảy ra trong trại tù binh chiến tranh ⁽¹⁾. Trong trường hợp này ý hướng bị tác động của ý dục xua tan, gây ra hậu quả là không vui: trong trại tù binh, một sĩ quan cấp cao bị một người cấp dưới ghét. Để tránh mâu thuẫn hơn nữa, ông ta muốn dùng quyền lực trong tay điều người cấp dưới này tới trại giam khác. Nhưng do bạn bè khuyên can, ông ta bỏ kế hoạch đó. Nhưng có lẽ vì không vui, từ trong tiềm thức của mình ông ta vẫn chọn cách làm lập tức thỏa mãn lòng tự trọng của ông ta. Sáng hôm ấy, cũng như mọi ngày bình thường, ông ta điểm danh để kiểm tra tình hình công việc của quân lính. Thực ra ông ta quen biết mọi người đã lâu rồi, các lần điểm danh trước không xảy ra việc gì, nhưng lần này thì để sót tên người ghét ông ta. Kết quả là, điểm danh xong thì mọi người ra về, riêng người ghét ông ta phải ở lại. Trong bản danh sách, tên của người này được viết rất rõ, rõ ràng không đáng có sự bỏ sót này. Đối với việc bỏ sót này, có người cho rằng do vị

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

chỉ lung này có ý ôm hận trong lòng, nhưng cũng có người cho rằng đó là sơ suất ngẫu nhiên có thể thông cảm được.

Sau này, khi đọc sách "Bệnh lý thần kinh học", viên chỉ huy mới biết là có sự xung đột ý dục trong nội tâm mình: ở nơi sâu thẳm trong nội tâm ông ta, một mặt là chức trách quen thuộc hàng ngày, một mặt là sự quên lãng chức trách ấy do sự xung đột ấy gây ra.

Ở đây thì chính cái mặt nói sau này, cái ý hướng cho rằng có thể kiểm soát là quên, đã cung cấp câu trả lời chính xác: viên chỉ huy căn bản không muốn điểm tên người cấp dưới ấy, chứ ông ta không thể quên được.

Người cận thị gặp chúng ta trên phố mà không chào, chúng ta có thể thông cảm ⁽¹⁾. Có những người được coi là rất hay quên, chúng ta hãy khoan đả họ theo tiêu chuẩn ấy. Vì họ có thể quên mọi lời hứa nhỏ nhặt, vừa quay lưng đi đã quên hết lời người khác cậy nhờ, giao phó. Không thể tin họ ở những việc nhỏ. Điều đó yêu cầu chúng ta chớ vì thế mà bức mình, càng chớ coi đó là vết nhơ về nhân cách của họ, mà chỉ nên coi đó là sự khác nhau về thể

⁽¹⁾ Phụ nữ có cảm giác tình tế, nhạy bén đối với lịch 'rình tâm lý trong tiềm thức. Nói chung, khi đi trên phố, chúng ta không nhìn thấy họ, do đó không chào họ, họ sẽ rất hay bức tức, họ không chấp nhận bất kỳ sự giải thích tiện mồm nào - ví dụ như nói rằng vì cận thị hoặc đang trí mà không chú ý tới họ. Vì họ cho rằng nếu coi trọng họ thì không thể không chú ý tới họ.

chất ⁽¹⁾. Bản thân tôi không phải là người như thế, rất đáng tiếc là không có được dịp phân tích hành vi của họ. Do vậy, chỉ có thể xuất phát từ sự lựa chọn của họ đối với sự kiện quên lãng để tìm hiểu nguyên nhân tiềm ẩn cơ bản trong sự quên lãng ấy của họ. Bằng việc phân tích loại suy, tôi phải nói rằng, động cơ sâu xa của những sự quên lãng này là sự miệt thị người khác rất nặng nhưng không tự biết như thế, lại còn che giấu bằng luận điệu "trời sinh ra thế" ⁽²⁾.

Có khi khó phát hiện ra động cơ quên lãng, nhưng khi phát hiện thì càng ngạc nhiên. Chẳng hạn, cách đây ít năm về trước, tôi dễ quên hẹn khám cho bệnh nhân miễn phí hoặc cùng ngành, tôi rất xấu hổ. Điều này buộc tôi cứ mỗi sáng lại phải ghi lại các trường hợp phải đi khám trong ngày để khỏi bỏ sót nhưng bệnh nhân không nên bỏ sót. Tôi

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1910 có chú thích như sau: bác sĩ Fereuezi nói rằng ông từng là người rất lơ dềnh. Ông thường quên trong những trường hợp khiến bạn bè rất ngạc nhiên. Nhưng từ khi bước chân vào lĩnh vực phân tích tâm lý, bắt đầu phân tích tâm lý bệnh nhân, và phân tích tâm lý của chính mình, thì hiện tượng ấy không còn nữa. Do đó, ông cho rằng, khi tinh thần trách nhiệm của người ta được nâng cao thì tỷ lệ sai lạc này giảm mạnh. Sự lơ dềnh do các phức cảm vô thức gây ra, do đó có thể chữa khỏi các hành vi sai lạc bằng cách phân tích tâm lý. Một hôm, do phạm sai lầm kỹ thuật khi phân tích người bệnh, ông rất day dứt, tự trách mình. Thế là các hiện tượng phân tâm trước đây lại ngóc đầu dậy, khi đi đường thì ngắt ngưỡng, quên sổ ghi chép ở nhà, khi trả tiền cước xe thì phát hiện thiếu tiền thậm chí quên không cài cúc quần áo.

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1912 có câu chú thích như sau: về hiện tượng này, Jones nói: "Hiện tượng chống đối phần nhiều xảy ra ở những việc bình thường, chẳng hạn ông chồng bạn bị quên gửi thư cho vợ, hoặc quên không mua những thứ vợ dặn".

không rõ các bác sĩ khác có mất bò mới lo làm chuồng như tôi hay không. Nhưng điều đó giúp tôi rõ tại sao trước khi đi khám bệnh những "người suy nhược thần kinh" phải ghi sẵn một "bị vong lục" ⁽¹⁾. Rõ ràng là họ kém tin vào trí nhớ của mình. Làm như vậy là đúng, nhưng thực tế thì tình hình thường ⁽²⁾ như sau: bệnh nhân nói đi nói lại thao thao bất tuyệt về bệnh tật và e ngại của họ, nói rõ một thôi một hồi mới ngừng lại để suy nghĩ, cuối cùng họ chìa ra một tờ giấy trên đó ghi: "Trí nhớ của tôi kém quá, tôi đành phải ghi vào tờ giấy này". Nhưng trên tờ giấy ấy của họ chẳng có nội dung gì mới, chỉ lặp đi lặp lại một điều, rồi bụng bảo dạ: "những điều này mình đã nói rồi".

Té ra là, việc "chế tạo" ra bức "bị vong lục" chứng tỏ ông ta có một chứng bệnh khác: ông ta thường cảm thấy động cơ trong ý thức ngang nhiên gây rối ý hướng của ông, nên ông sợ vì vậy mà quên điều gì đó.

Còn có một dạng quên mà e rằng ngay cả ông bạn khỏe mạnh nhất, cũng giống như tôi, không thể tránh được. Tôi thừa nhận, nhất là vài năm trước đây, tôi thường hay quên trả những quyển sách đã mượn từ rất lâu, cũng thường ăm ố mua hàng quên trả tiền. Một buổi sáng mới đây, tôi chưa trả tiền

⁽¹⁾ Tức ghi để đề phòng quên N.D.

⁽²⁾ Từ "thường" này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1904.

mà đã ra khỏi cửa hàng thuốc lá mà ngày nào tôi cũng tới đó mua xì-gà.

Sơ suất này vốn không có gì hệ trọng, vì người trong cửa hàng đều quen biết tôi, sau đó có thể đòi vào bất kỳ khi nào. Nhưng, e rằng không thể không nói rằng sự sơ suất nhỏ này, ý đồ mắc nợ này có liên quan với ngân sách gia đình mà tôi trù tính hôm trước. Ngay trong nhóm người đức cao vọng trọng, khi động chạm tới tiền bạc của cải, họ cũng có những cử chỉ lảm cẩm này. Lòng tham có từ khi còn đang bú sữa, khiến người ta mong có được mọi thứ (để cho vào mồm), tuy đã bước vào thời đại văn minh và được giáo dục nhiều, nhưng thường xuyên vẫn không sửa tiết nọc được ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ở đây tôi muốn có mấy lời ngoài đề, nói về trí nhớ thiên lệch của con người đối với tiền bạc. Theo kinh nghiệm của cá nhân tôi, tôi thường ngoan cố khẳng khái nói rằng đã trả tiền rồi, nhưng thực ra là "nhớ sai". Khi ý hướng tham tiền tài không bị ràng buộc bởi lý tưởng nhân sinh, khi chúng ta buông thả mình trong thú ăn chơi, như đánh bạc chẳng hạn, thì chúng ta sẽ thấy; dầu là người thành thật cũng sẽ có khuynh hướng sai lầm - tính toán sai hoặc nhớ sai, thậm chí giở trò trí trá chẳng ra sao cả. Với mức độ nhất định, bản chất tâm lý của những trò này có liên quan với sự tự do ý chí kia. Chúng ta cần phải thừa nhận rằng, từ việc chơi bài chúng ta có thể biết được phẩm chất thật sự của con người ấy, tức là không cần phải xem xét bản tính thật sự của những biểu hiện bề ngoài của hành vi (trong lần xuất bản năm 1924, câu này như sau: "tức là, chúng ta có thể thấy được rằng bản tính của họ bị dồn ép"). Nếu người hầu dễ xảy ra sai sót vô tâm trên hoá đơn, chứng từ, thì dĩ nhiên là họ cũng do họ bị động cơ tương tự xui khiến. Trên thương trường, chúng ta thường thấy có không ít người thường dây dưa, lần lữa trong việc trả nợ. Kỳ thực việc làm ấy chẳng có lợi bao nhiêu cho họ. Chỉ có thể nói rằng đó là biểu hiện tâm lý, từ trong nội tâm của họ, họ không muốn trả nợ mà thôi. (Đoạn văn dưới đây được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924). Brill từng tổng kết hiện tượng này bằng một câu cảnh báo rành mạch như sau: "Khi trong

Tôi e rằng dần chứng tôi đưa ra ngày càng là những dẫn chứng bình thường.

Nhưng, mục đích của tôi vốn là thu thập tư liệu từ trong đời sống hàng ngày rồi phân tích theo phương pháp khoa học. Vậy nên tôi phải sử dụng dẫn chứng về những trường hợp mọi người đều am hiểu thì mới thành công. Tôi không thể giải thích vì sao cái vật lẳng đọng - tài trí - trong kinh nghiệm sống hàng ngày lại bị gạt ra ngoài thành quả khoa học. Cần biết rằng, đặc trưng cơ bản của công tác khoa học không phải bắt nguồn từ bản chất đặc thù của đối tượng mà nó nghiên cứu, mà bắt nguồn từ phương pháp nghiêm túc trong việc nó vạch ra sự thật và từ sự tích cực tìm ra mối liên hệ sâu xa hơn.

Tôi thường thấy rằng, một khi có sự cản trở của động cơ tiềm ẩn nào đó thì ý hướng quan trọng sẽ bị quên. Đối với ý hướng thứ yếu, còn có một dạng quên khác: Khi nội dung ý hướng cùng với một quyết tâm khác hình thành mối liên hệ bên ngoài thì ý trí trái ngược sẽ từ quyết tâm ấy chuyển vào ý hướng này. Có một dẫn chứng như sau: tôi

phong bì đựng tiền mặt chứ không phải là phiếu chi thì càng dễ phát hiện đó là hiện tượng cầm nhậm". Trong giới phụ nữ càng có nhiều hiện tượng không muốn trả tiền.

Sự thật này có liên quan tới ý muốn nội tâm chưa giải thích được. Trong quá trình làm nghề y này, chúng tôi gặp nhiều trường hợp các bà quên không mang theo ví tiền, do đó không trả tiền ngay được, và sau khi ra về họ bèn quên biến. Kết quả là thù lao cho bác sĩ chỉ là lời hứa hão. Họ trả cho bác sĩ nụ cười mãn nguyện của họ.

rất thích loại giấy thấm nước (Lochpapier) chất lượng tốt, nên quyết định, chiều, trên đường đi vào trung tâm thành phố sẽ rẽ vào mua. Nhưng 4 ngày đã trôi qua mà tôi vẫn chưa nhớ ra việc này. Một hôm tôi tự hỏi mình nguyên nhân nào đã khiến tôi quên mua giấy thấm nước. Kỳ thực thì nguyên nhân rất đơn giản, thường khi viết giấy thấm nước tôi hay viết là Fliesspaper (tên một loại giấy thấm nước khác), mà "Fliess" thì lại là tên một người bạn ở Berlin ⁽¹⁾. Mấy ngày trước đây, người bạn này làm tôi lo cuống lên, tôi không trút được nỗi lo ấy, thế là khuynh hướng đề phòng bộc lộ ra thông qua sự chuyển dịch.

Do giống nhau về tên gọi, nên ý hướng vốn không có quan hệ gì với nhau đã gắn với nhau, khiến tôi không mua được giấy.

Dẫn chứng về sự "chậm trễ" dưới đây cho thấy, trong trường hợp là ý trí trái ngược trực tiếp, người ta vẫn có thể tìm ra nguyên nhân của nó không có liên quan với sự việc này nhưng vẫn bị gán cho là nguyên nhân của sự việc ấy. Tôi viết một tập sách nhỏ "Bàn về giấc mơ" cho "Tùng thư về vấn đề đời sống thần kinh và tinh thần". Tập sách nhỏ này là tập tóm tắt nội dung tập sách "Giải phẫu giấc mơ" của tôi. Ông Bergmam gửi cho tôi bản in thử với hy

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1901, 1904 câu này như sau: "mà Fliess" chính là một người bạn tôi ở Berlin".

vọng sớm trả lại nhà xuất bản để kịp in trước lễ Nô-en. Nhưng, sáng hôm say tôi hoàn toàn quên mất việc này, mãi buổi chiều, khi thấy nó ở trên bàn tôi mới nhớ ra. Không ngờ sau đó tôi lại quên mất, tới trưa ngày thứ ba mới hoả tốc mang đi gửi trả nhà xuất bản. Tôi rất lấy làm lạ không biết vì sao lại chậm trễ như thế. Tuy tôi không tìm ra được bất kỳ lời giải thích nào, nhưng có một điều rất rõ ràng là: tôi không muốn gửi đi.

Rời bưu cục, trên đường tôi tới thăm ông Franz Deuticke ở nhà xuất bản Vien, ông đã xuất bản tập "Giải phẫu giấc mơ" của tôi. Sau khi đặt mua mấy tập sách, tựa như bị luồng tư tưởng nào đó thúc giục, tôi nói:

- Ông có biết tôi lại viết một tập nữa về giấc mơ không?

- Thật thế sao?

- Đừng sợ, đó chỉ là tập sách nhỏ thôi.

Tôi vội giải thích, nhưng ông vẫn không hài lòng, sợ sẽ ảnh hưởng tới việc tiêu thụ tập sách "Giải phẫu giấc mơ". Tôi không đồng ý với quan điểm ấy, an ủi ông một hồi lâu, cuối cùng tôi hỏi ông:

- Nếu trước khi xuất bản tôi sẽ báo cho ông biết thì có ngăn cản tôi xuất bản không?

- Không! Không bao giờ!

Ông Franz Deuticke đành phải trả lời như thế.

Tối lúc này thì cuộc tranh cãi giữa chúng tôi chấm dứt.

Tuy tôi tin tôi làm như thế là hoàn toàn đúng cả về tình, về lý, về luật, nhưng tôi vẫn chậm trễ một cách vô ý thức trong việc gửi bản in mẫu trả lại nhà xuất bản. Có lẽ, trong thâm tâm tôi cũng e ngại như ông Frauz Deuticke!

Còn có một lần nữa cọ sát với nhà xuất bản. Lần ấy tôi không thể không rút một số trang trong tác phẩm "Liệt nã ở trẻ em" đã xuất bản để bổ sung cho tập sách "Sổ tay của các bác sĩ" ⁽¹⁾. Tuy tôi đã thông báo trước cho nhà xuất bản tập "Liệt nã ở trẻ em", nhưng vẫn bị họ gây sự một cách vô lý.

Lần theo hồi ức, tôi lại nhớ ra một việc sớm hơn nữa. Bấy giờ tôi dịch một tác phẩm bằng tiếng Pháp, chưa được tác giả đồng ý, tự ý chú giải ở cuối sách, làm hại quyền xuất bản của người khác. Mấy năm sau tôi mới biết tác giả tập sách ấy rất bất bình đối với hành vi tùy tiện của tôi ⁽²⁾.

Có một câu cách ngôn ý nói rằng quên ý hướng không phải là việc ngẫu nhiên. Câu cách ngôn ấy là: "Ai đã quên việc nào đó một lần, họ sẽ quên lần thứ hai".

⁽¹⁾ Do nhà xuất bản Holden ở Wien xuất bản. Rfeud đã nhiều bài về đề mục này, trong đó có một bài khá quan trọng do Deuticke xuất bản.

⁽²⁾ Đây là việc Freud dịch một bài giảng của Charcot, trong đó Freud thêm và nhiều lời chú giải.

Kể cũng buồn cười! ⁽¹⁾ Những kết luận mà chúng ta rút ra từ việc nghiên cứu một cách gian khổ đối với sự quên lãng và hành vi sai lạc, thực tế thì ai cũng biết. Điều lạ là, muốn cho ý thức thừa nhận cái chuyện thường tình ấy lại phải mất rất nhiều công sức. Tôi thường thấy người ta nói rằng: "Chớ bảo tôi phải làm như thế, chắc chắn tôi sẽ quên". Trong tình hình ấy, nếu dự báo mà quả nhiên ứng nghiệm thì chẳng có gì là hiếm lạ. Người nói câu ấy, từ lâu thâm tâm anh ta đã quyết không muốn làm, chỉ có trong ý thức thì vẫn tự lừa dối mình mà thôi.

Quan sát việc hình thành ý hướng sai lạc giúp chúng ta càng hiểu việc quên ý hướng. Có một lần, tôi nhận lời viết bình luận cho một tập sách mỏng của một tác giả trẻ, nhưng do thâm tâm không muốn, nên chưa viết, mãi tới một hôm không thể từ chối lời khẩn cầu của tác giả tôi mới trả lời tôi sẽ viết. Lần này tôi thật sự quyết ý sẽ viết, nhưng tôi lại quên. Tối hôm ấy tôi bận viết lời chứng giám không thể lần nữa được nữa cho một chuyên gia toà án, nhờ đó mà tôi biết rằng: "quyết ý" té ra chỉ là giả, dứt khoát từ chối yêu cầu của tác giả kia.

⁽¹⁾ Đoạn này bổ sung trong lần xuất bản năm 1910, đoạn cuối cùng được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

CHƯƠNG VIII

HÀNH VI SAI LẠC ⁽¹⁾

Trong sách "Meringer and Mayer" ⁽²⁾ còn có câu: "Hiểu sai không xảy ra một cách vô cớ, sai lạc khác trong các hoạt động khác của con người cũng vậy.

Nhưng những sai lạc ấy lại bị quy kết một cách ngu xuẩn là lãng quên".

Đọc cây này ta biết rằng trong đời sống hàng ngày của những người khoẻ mạnh, đằng sau những sự cố nhỏ vô hại bao giờ cũng có ý nghĩa và mục đích nào đó. Lý luận này không phải do tôi khởi xướng ⁽³⁾.

Lời nói thuộc một loại công năng vận động.

Nếu có thể xem xét sự lơ lửng cũng ở góc độ ấy thì chúng ta có thể mở rộng ra để xem xét sự sai lạc

⁽¹⁾ Trừ những chỗ có chú dẫn riêng, bộ phận trên của chương này (đến trang 173 bản tiếng Hán) đều được xuất bản năm 1901.

⁽²⁾ Từ năm 1910 về trước, tác phẩm này được mô tả là "đáng khen".

⁽³⁾ Trong lần xuất bản năm 1910, có thêm chú thích: năm 1908, khi Meringer xuất bản lần thứ hai tác phẩm này tôi mới biết ông có quan điểm như thế, vậy là đã xâm phạm quyền tác giả.

của các công năng vận động khác. Tôi chia những dẫn chứng tôi đã thu thập được làm hai loại, nếu kết quả sai lạc tự nó có ý nghĩa riêng, tức là không có liên quan tới ý hướng gốc, chúng tôi gọi là "hành vi sai lạc" (vergreifen); còn toàn bộ những hoạt động hầu như không hợp tình hợp lý thì gọi là "hành vi có tính chất triệu chứng" hoặc "hành vi ngẫu nhiên" (Junpton und Zufall - shopndlungen). Nhưng, giữa chúng không có ranh giới rõ ràng. Chúng tôi không thể không thừa nhận rằng, mọi sự phân loại trong lĩnh vực nghiên cứu này chỉ nhằm tiện trình bày, có khả năng sẽ mâu thuẫn với tính thống nhất nội tại của hiện tượng.

Nếu dựa theo truyền thống chỉ coi "hành vi sai lạc" là "sự mất thăng bằng" (ataxia), nhất là lại làm ra vẻ quan trọng để gọi nó là "đại não mất thăng bằng" (cortical ataxia), như thế thì không giúp ích gì rõ rệt cho việc lý giải ở góc độ tâm lý học. Do vậy, chúng ta hãy thử đi vào từng dẫn chứng riêng, truy ngược tới nguyên nhân gốc gác của chúng. Vì thế tôi lại một lần nữa dẫn ra những kết quả quan sát của cá nhân tôi, tuy rằng kinh nghiệm của tôi về mặt này không nhiều.

Dẫn chứng 1.

Mấy năm trước, tôi thường xuyên tới nhà bệnh nhân khám bệnh cho họ. Có khi, tới trước cửa nhà bệnh nhân, tôi không gõ cửa hoặc bấm chuông, mà

là thọc tay vào túi lấy chìa khoá ra, nhưng rồi lại mơ mơ màng màng bỏ chìa khoá vào túi. Khi suy nghĩ về địa điểm xảy ra hành vi sai lạc này, tôi phát hiện ra rằng, hành vi sai lạc này bao giờ cũng xảy ra ở trước cửa những gia đình rất kính trọng tôi. Rõ ràng trong cõi vô thức của mình tôi có quan niệm rằng: "tôi đây như về nhà mình vậy".

(Tất nhiên khi về tới nhà mình tôi chưa bao giờ bấm chuông).

Hành vi sai lạc này chỉ là biểu hiện tượng trưng của một suy nghĩ không quan trọng và rất ngẫu nhiên, đối với chuyên gia bệnh tâm thần mà nói, nó có nghĩa là quan hệ giữa họ với bệnh nhân rất thân thiết, người bệnh mong được bác sĩ giúp đỡ, còn bác sĩ thì tận sức làm cho bệnh nhân cảm nhận được tình cảm đặc biệt ấm áp của bác sĩ khi chữa bệnh cho họ để họ mau chóng phục hồi sức khoẻ.

Kết quả tự quan sát của nhiều người cho thấy, cái hành vi sai lạc theo kiểu lấy chìa khoá ra bỏ chìa khoá vào này không phải chỉ riêng tôi mới có ⁽¹⁾.

A. Maeder từng phân tích một trường hợp y hội trường hợp của tôi: "Mỗi khi ông tới trước cửa nhà một người bạn đặc biệt thân mật, ông vô tình lục tìm chùm chìa khoá. Xem chừng động tác lục tìm chìa khoá có quan hệ rất khăng khít với cảm

⁽¹⁾ Đoạn này và 4 đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

giác thanh thoi như về nhà mình. Tuy không bấm chuông thì ông không sao vào được trong nhà, nhưng động tác lục tìm chìa khoá chứng tỏ khi tới trước cửa nhà bạn, ông cảm thấy, hoặc mong có được cảm giác tự nhiên thoải mái như ở trong nhà mình vậy ⁽¹⁾".

Jones cũng từng nói: "Trường hợp dùng nhầm chìa khoá như thế có rất nhiều. Tôi nêu ra hai trường hợp. Nếu tôi đang chú ý mũi vào một việc gì đó ở nhà mà không thể không bỏ dở để tới bệnh viện trực ban thì tôi sẽ rất lấy làm lại khi phát hiện tôi dùng chìa khoá bàn làm việc ở nhà để mở cửa phòng thí nghiệm, mặc dầu hai chiếc chìa khoá này chẳng có gì giống nhau. Sự sai lạc này vô tình cho thấy khi ấy tôi muốn ở nhà".

"Mấy năm trước tôi làm viên chức cấp dưới trong một tổ chức y tế. Ở đó cổng luôn luôn khoá, muốn vào phải bấm chuông xin phép. Có mấy lần tôi phát hiện mình rất muốn dùng chìa khoá nhà mở cổng cơ quan ấy. Do mỗi bác sĩ chính đều có một chiếc chìa khoá mở cổng cơ quan. Nên, có khả năng động tác ấy của tôi chứng tỏ tôi rất ngán sự phiền phức mỗi khi vào cổng cơ quan, rất muốn có một

⁽¹⁾ Nguyên văn: "Il est arrivé à chacun de sortir son trousseau, en arrivant à la porte d'un am, parti-culier cher, de se surprendre pour ainsi dire, en train d'ouvrir avec sa clé comme chez soi. C'est un retard, puis qu'il faut sonner malgré tout, mais c'est une preuve qu'on se sent - ou qu'on voudrait se sentir - comme chez soi, auprès de cet ami".

chiếc chìa khoá cổng như họ để khỏi phải đứng chờ ở ngoài cổng. Nói cách khác, tôi muốn đứng vững chân trong cơ quan ấy và sống tự nhiên thoải mái".

Bác sĩ Dr. Hanns Sachs ở Wien kể một trường hợp tương tự: "Tôi luôn luôn mang theo bên mình hai chiếc chìa khoá, một chiếc là chìa khoá phòng làm việc, một chiếc là chìa khoá nhà. Hai chiếc chìa khoá này không lẫn với nhau được vì chìa khoá phòng làm việc to gấp hai lần chìa khoá nhà, hơn nữa, chìa khoá phòng làm việc tôi để trong túi quần, còn chìa khoá nhà tôi để trong túi áo gi-lê. Nhưng tôi vẫn thường xuyên phát hiện, khi đứng trước cửa nhà, khi lên gác tôi thường lấy sai chìa khoá. Hàng ngày, thời gian đi làm việc và về nhà của tôi hầu như cố định, trong thời gian ấy, tâm trạng không có gì thay đổi nhiều. Vậy nếu việc lấy nhầm chìa khoá ấy có nguyên nhân gốc gác về tâm lý thì quan sát và thống kê trong một thời gian dài chắc chắn sẽ phát hiện ra khuynh hướng nảy sinh sự sai lạc ấy. Kết quả quan sát của tôi như sau: tôi thường xuyên lục tìm chìa khoá nhà khi đứng trước cửa phòng làm việc, động tác ngược lại chỉ nảy sinh có một lần, đó là một hôm khi về tới trước cửa nhà tôi rất mệt mỏi, lại biết trong nhà có khách đang đợi, tôi lấy chiếc chìa khoá to dùng để mở cửa nhà".

Dẫn chứng 2.

Trong thời gian khoảng 6 năm, mỗi ngày tôi đi

thăm một bệnh nhân hai lần vào giờ cố định. Bao giờ cũng vậy, khi tới nơi tôi đều đứng ở trước cửa gác hai, chờ mở cửa. Trong thời gian dài đằng đẳng ấy, có hai lần tôi leo nhầm lên tầng 3 ⁽¹⁾, và hai lần này diễn ra trong thời gian rất gần nhau. Lần thứ nhất, tôi đang đắm đuối trong giấc mơ ban ngày về một tham vọng tràn trề, đến nỗi leo qua tầng hai, tiếp tục leo lên tầng 3, trong khi ấy tiếng mở cửa ở phòng tầng 2 vang lên rõ mồn một mà tôi không nghe thấy, vì giấc mơ thôi thúc giục tôi cứ leo lên cao hơn, càng cao càng tốt. Một lần khác, cũng vì chăm chăm suy nghĩ mà đi quá nơi cần tới, khi sự tỉnh, tôi vội vàng hồi tưởng xem vừa rồi mình đang nghĩ gì. Thì ra tôi đang nghĩ về điều người khác chỉ trích bài của tôi, họ phê phán tôi "lạc đề quá xa", nghĩ đi nghĩ lại, lòng bồn chồn, tình cờ chuyển hoá lời phê phán ấy thành "leo quá cao", nhưng cố chấp, cứ tiếp tục làm như thế.

Dẫn chứng 3.

Nhiều năm qua, trên bàn làm việc của tôi thường đặt một chiếc búa phản xạ và một chiếc âm thoa. Một hôm, sau khi hết giờ làm việc, tôi vội rời phòng làm việc để kịp đáp chuyến tàu nhanh ra ngoại ô, định bụng là mang theo chiếc búa phản xạ

⁽¹⁾ Trong tiếng Đức, "verteigen" và "verlesein", "verleiden - beu" có nghĩa như nhau, là "leo nhầm", nhưng nghĩa ban đầu là "leo quá cao", vì với ý "vì hám cao xa mà thất bại".

thăm một bệnh nhân hai lần vào giờ cố định. Bao giờ cũng vậy, khi tới nơi tôi đều đứng ở trước cửa gác hai, chờ mở cửa. Trong thời gian dài đằng đẳng ấy, có hai lần tôi leo nhầm lên tầng 3 ⁽¹⁾, và hai lần này diễn ra trong thời gian rất gần nhau. Lần thứ nhất, tôi đang đắm đuối trong giấc mơ ban ngày về một tham vọng tràn trề, đến nỗi leo qua tầng hai, tiếp tục leo lên tầng 3, trong khi ấy tiếng mở cửa ở phòng tầng 2 vang lên rõ mồn một mà tôi không nghe thấy, vì giấc mơ thôi thúc giục tôi cứ leo lên cao hơn, càng cao càng tốt. Một lần khác, cũng vì chăm chăm suy nghĩ mà đi quá nơi cần tới, khi sự tỉnh, tôi vội vàng hồi tưởng xem vừa rồi mình đang nghĩ gì. Thì ra tôi đang nghĩ về điều người khác chỉ trích bài của tôi, họ phê phán tôi "lạc đề quá xa", nghĩ đi nghĩ lại, lòng bồn chồn, tình cờ chuyển hoá lời phê phán ấy thành "leo quá cao", nhưng cố chấp, cứ tiếp tục làm như thế.

Dẫn chứng 3.

Nhiều năm qua, trên bàn làm việc của tôi thường đặt một chiếc búa phản xạ và một chiếc âm thoa. Một hôm, sau khi hết giờ làm việc, tôi vội rời phòng làm việc để kịp đáp chuyến tàu nhanh ra ngoại ô, định bụng là mang theo chiếc búa phản xạ

⁽¹⁾ Trong tiếng Đức, "verteigen" và "verleseu", "ver direr - beu" có nghĩa như nhau, là "leo nhầm", nhưng nghĩa ban đầu là "leo quá cao", vì với ý "vì hám cao xa mà thất bại".

nhưng tay lại cầm chiếc âm thoa bỏ vào túi. Chiếc âm thoa nặng làm túi trĩ xuống khiến tôi biết mình đã cầm nhầm. Là người "không chấp chuyện vặt" chắc chắn sẽ quy nguyên nhân cầm nhầm này là do vội, không truy tìm thêm.

Nhưng tôi thì tôi tự hỏi tại sao định mang theo búa phản xạ lại mang theo âm thoa. Sự vội vã chỉ có thể khiến tôi nhanh chóng mang theo búa phản xạ chứ không thể khiến tôi cầm nhầm âm thoa để rồi tốn thời gian sửa sai".

"Gần đây ai đã từng cầm âm thoa?" Câu hỏi này hiện lên trong đầu tôi. Tôi lập tức nhớ ra, trước đó mấy ngày có một đứa trẻ dẫn độn tới chỗ tôi. Khi tôi kiểm tra sức chú ý của cháu trên biểu đồ cảm giác, cháu cứ giữ rịt chiếc âm thoa, mãi tôi mới lấy lại được từ tay cháu. Vậy phải chăng điều đó có nghĩa là tôi cũng ngốc? Có lẽ như vậy thật, vì từ cái "búa" trước tiên tôi nghĩ tới "con lừa" (Chaner, tiếng Hy Lạp có nghĩa là "con lừa").

Nhưng ẩn ngữ này có ý gì? Muốn hiểu điều này chúng ta phải suy xét tình hình bây giờ. Bây giờ tôi đang vội tới một nơi trên tuyến đường sắt phía tây để tham gia hội chẩn. Theo giấy mời tham gia hội chẩn thì mấy tháng trước bệnh nhân này bị ngã từ ban công xuống đất, không đi lại được, vị bác sĩ viết giấy mời tôi không xác định được bệnh nhân này chỉ tổn thương cơ thể hay còn tổn thương

cả cơ năng thần kinh - ictêri, do đó ông mời tôi tới chẩn đoán. Vậy là, việc cầm nhầm lần này đại khái là muốn nhắc nhở tôi phải hết sức thận trọng khi chẩn đoán chứng bệnh chỉ khác nhau rất ít này. Các đồng nghiệp thường phê phán tôi tùy tiện khi chẩn đoán chứng ictêri, thường bỏ qua tai hoạ tiềm ẩn. Còn có một việc khác có liên quan với việc này.

Đó là, mấy năm trước, cũng ở địa phương này, tôi có khám cho một người còn trẻ tuổi. Ông ta bị xáo động về tình cảm, sau đó đi không vững. Bấy giờ tôi chẩn đoán là mắc chứng ictêri và thực hiện liệu pháp tâm lý cho ông ta. Sự thực cho thấy, tuy không thể nói tôi chẩn đoán sai, nhưng cũng không thể nói là chẩn đoán hoàn toàn chính xác. Một phần triệu chứng ở bệnh nhân là triệu chứng ictêri. Sau một thời gian điều trị, triệu chứng này sẽ mất. Nhưng sau đó vẫn rớt lại những triệu chứng mà tôi không sao chữa khỏi được. Những triệu chứng này chỉ có thể cho là "chứng sơ cứng tính dục bội phát" (muetiple seleroris). Sau đó, một bác sĩ khác đã chẩn đoán đúng. Tuy tình hình bấy giờ tôi chỉ có thể làm được đến thế, nhưng tôi vẫn cảm thấy mình đã phạm sai lầm rất lớn, không thực hiện được lời hứa sẽ chữa khỏi bệnh cho bệnh nhân.

Do vậy, sự kiện cầm nhầm âm thoa có thể được lý giải như sau: "Anh là thằng ngốc! Anh là con lừa ngu xuẩn! Lần này phải tập trung tinh lực chớ có

như đã đối xử với con người đáng thương ở đó năm xưa, chẩn đoán bệnh không chữa khỏi được là "bệnh ictêri". Sau hôm kiểm tra cho cháu bé dần dần, người trẻ tuổi nói trên tới tìm tôi. Ông ta đi lại đã rất vững, điều đó là một đòn mạnh giáng vào tâm trạng tôi, nhưng đã giúp tôi hoàn thành việc phân tích này.

Rất rõ ràng, trong "hành vi sai lạc" này, tiếng nói tự phê bình đã có tác dụng. "Hành vi sai lạc" loại này đáng để ta tự lên án mình. Sai lầm hôm nay có thể biểu hiện sai lầm quá khứ đã phạm phải trong điều kiện khác.

Dẫn chứng 4.

Tất nhiên, "hành vi sai lạc" cũng có thể biểu hiện mục đích không rõ ràng khác. Dưới đây là trường hợp thứ nhất.

Tôi rất ít khi làm vỡ đồ vật. Tuy tôi không đặc biệt nhanh chân khéo tay, nhưng kết cấu thần kinh, cơ bắp hoàn chỉnh, không có khiếm khuyết. Tôi không vô cớ có những hành động ngu dốt gây ra hậu quả không mong muốn. Do đó, tôi không nhớ đã đánh vỡ đồ vật gì trong phòng. Phòng đọc sách của tôi chật hẹp, nhưng lại để rất nhiều đồ gốm, đồ sứ, khiếu hoạt động của tôi ở trong phòng này rất không thoải mái. Nên nhiều người tới thăm đều cho rằng sẽ có ngày tôi không làm vỡ cái này

thì làm vỡ cái khác. Nhưng chưa từng xảy ra như thế. Vậy tại sao lần này ⁽¹⁾ tôi lại vung tay làm cho cái nắp lọ mực bằng đá cẩm thạch bị gạt xuống đất, vỡ tan tành?

Cái đế để lọ mực của tôi làm bằng đá cẩm thạch Uuteroberg, ở giữa có rãnh hình chữ U để lọ mực. Lọ mực này có nắp làm bằng đá cẩm thạch cùng loại, có quai cầm. Phía sau đế để lọ mực có một số tượng đồng và tượng làm bằng sứ trắng men xếp thành một vòng tròn. Tôi ngồi viết ở cạnh bàn, tay cầm bút bỗng tự nhiên duỗi ra, gạt nắp lọ mực ở trên bàn rơi xuống đất.

Giải thích vấn đề này không khó. Trước đó mấy giờ, em gái tôi tới phòng đọc sách của tôi tham quan một số đồ vật mới sưu tầm được. Cô rất thích nói: "Cái bàn của anh mê hồn thật, chỉ có điều là cái nắp lọ mực không tương xứng lắm, anh nên đổi cái khác đẹp hơn". Tôi tiễn em gái ra về, mấy giờ sau mới quay lại, nhưng khi quay về tới phòng thì lỡ tay đánh vỡ cái nắp lọ mực bị chê. Phải chăng qua câu nói của cô em gái mà tôi đoán đến ngày nghỉ tới cô sẽ đem tới tặng tôi một cái nắp lọ mực đẹp hơn? Hoặc phải chăng tôi đánh vỡ cái nắp lọ mực cũ xấu xí này là có ý thức giục cô em gái thực hiện ý muốn của mình? Nếu quả như vậy thì động tác của tôi chỉ có cái vẻ bề ngoài là vụng về thôi, còn

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1901 và 1904 viết là "gần đây".

thực tế thì rất khéo và chuẩn xác, không hề động tới các vật quý hiếm ở cạnh đó.

Tôi tin rằng, nêu lý giải như thế đối với những động tác bề ngoài có vẻ vụng về, ngẫu nhiên. Tuy bề ngoài chúng có vẻ kỳ quái, khác thường, tựa như co giật, mất thăng bằng, nhưng đều bị ý hướng nào đó chi phối, khi đạt được mục đích thì có tính xác định trội hơn động tác tùy ý có ý thức của chúng ta. Hơn nữa, xét ở hai mặt sức mạnh và độ chuẩn xác về mục tiêu đã đạt được của nó, đều rất giống với sự điều tiết tự động của chứng ictêri và với sự thực hiện tự động của chứng mộng du ⁽¹⁾. Thực tế này cho thấy phương thức hoạt động tinh thần trong ba dẫn chứng trên có tính chung nào đó, tuy chúng ta chưa biết chắc điều này.

Còn có một kết quả tự quan sát do bà Frau Lon Andreas ⁽²⁾ nói có thể chứng minh sự kiên trì cố chấp trong những hành vi vụng về, ngây ngô đã giúp thực hiện như thế nào mục tiêu bị che giấu, không vụng về ngây ngô tí nào.

"Khi sữa bò khan hiếm, đắt đỏ, tôi phát hiện hết lần này đến lần khác mình đun sữa sôi trào ra ngoài. Hành vi này khiến tôi cảm thấy hoảng sợ. Tuy dù sao thì tôi cũng không thể nói rằng trong

⁽¹⁾ Cuối sách này Freud lại dùng cách nói "tính xác thực của chứng mộng du", trong những lần tái bản sau này, ông dùng cách nói này trong hai dẫn chứng.

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

trường hợp khác mình đã tỏ ra phân tán tinh lực, nhưng tôi lại cố chấp một cách khác thường, không thoát ra khỏi việc ấy. Sau khi con chó trắng nhỏ nhắn yêu quý của tôi chết thì tôi lại càng có lý do làm như thế (con chó này tên là Druzhok, trong tiếng Nga có nghĩa là bạn, nó xứng với cái tên ấy, cũng giống như nhiều người vậy). Nhưng sau khi nó chết tôi lại không bao giờ để một giọt sữa nào trào ra ngoài. Suy nghĩ đầu tiên của tôi về sự kiện này là: "Quả là số may. Nếu sữa bắn ra thảm hoặc sàn nhà thì thật đáng tiếc". Đồng thời, trước mắt tôi hiện lên hình ảnh một "người bạn", ngồi đó chăm chú nhìn tôi đun sữa, đầu hơi ngả về một bên, vẫy đuôi, chờ đợi, tin tưởng chờ đợi một việc tài tình sắp sửa xảy ra. Bây giờ thì mọi việc đã rõ.

Tôi phát hiện tôi yêu "người bạn" của tôi biết nhường nào, thậm chí ngoài sức tưởng của tôi.

Trong nhiều năm sau đó ⁽¹⁾, tôi thường xuyên thu thập các dẫn chứng về mặt này. Cũng có nhiều lần tôi đánh vỡ những thứ đáng tiền, nhưng kết quả phân tích cho thấy đó không phải là việc ngẫu nhiên, cũng không phải việc vụng về vô thức. Thí dụ, một buổi sớm, tôi đi chiếc dép lê bằng cối, khoác áo tắm đi qua một căn phòng, tự nhiên bỗng rùng mình, hất chiếc dép lê vào tường, kết quả là pho tượng Venus bằng đá cẩm thạch từ trên giá rơi

⁽¹⁾ Đoạn này và 4 đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

xuống đất. Mắt nhìn những mảnh vỡ la liệt dưới đất, tôi lạnh lùng ngâm câu thơ của Busch: "Ach! die Venus ist perdii-klickeradoms! - von Medici!" ⁽¹⁾ (Ôi Venus! Thế là tong đòi!)

Có thể dựa vào hoàn cảnh bấy giờ của tôi để giải thích cử động nổi khùng này và thái độ lạnh lùng của tôi đối với hậu quả của cử động nổi khùng ấy. Bấy giờ một đứa con của tôi ốm rất nặng ⁽²⁾, tôi không còn hy vọng cháu sẽ khỏi. Nhưng sớm hôm đó tôi thấy bệnh tình của cháu có thuyên giảm, tôi tự nhủ: "Nó có thể sống được!", tiếp đó xảy ra hành vi phát cuồng, đó là sự cảm kích đối với số phận, là "hành vi dâng lễ" (sacrificial act). Tựa hồ tôi đã thề, nếu con tôi khỏi bệnh tôi sẽ hiến dâng lễ vật để tạ ơn, tôi lấy Venus làm vật tế để tỏ lòng cảm kích trước việc con gái yêu của tôi khỏi bệnh. Từ trong cõi vô thức, tôi lập chí làm việc gì đó, nhanh, chuẩn xác, có vẻ vụng về, nhưng không hề động chạm tới các đồ vật xung quanh, "trong cái thô có cái tinh", quả là kỳ lạ.

Một lần khác, cái bút trong tay tôi tự nhiên bị rơi, làm vỡ một bức tượng, đó cũng là "hành vi dâng lễ", nhưng lần này là vì tai qua nạn khỏi. Tôi chỉ trích một người bạn trung thực, chỉ vì anh ta giải

⁽¹⁾ Câu này trích từ "Die fromme Helene" (Helene thành kính) của Wilhem Busch.

⁽²⁾ Con gái lớn của Freud ốm nặng năm 1905.

thích hành vi vô ý thức nào đó mà gây ra sự không vui. Anh ta không lạ gì quan điểm của tôi, viết thư bảo tôi chớ có phân tích tinh thần đối với bạn mình. Tôi không thể không thừa nhận anh ta đúng và muốn viết thư xin lỗi anh ta. Khi tôi viết là thư này thì trước mặt tôi có một vật tôi mới mua được, đó một bức tượng Ai Cập tuyệt đẹp, bị tôi đánh vỡ như vừa kể ở trên. Sau đó, tôi lập tức ý thức được rằng tôi đánh vỡ bức tượng ấy là để cứu vãn tình bạn, may sao tình bạn và bức tượng bằng sứ được kết hợp với nhau một cách hoàn mỹ.

Trường hợp đánh vỡ vật dụng lần thứ ba không có quan hệ nhân quả quan trọng, nói theo lời của Th. Vischer trong "Auch Einer" ⁽¹⁾ ("Lại một cái nữa"), đó chỉ là một sự xử tử được nguy trang đối với đồ vật mà mình không thích. Tôi có một chiếc ba - toong tay cầm bịt bạc. Một lần, chỗ bịt bạc bị một người khác làm hỏng, nhưng mãi không sửa được, chiếc ba toong được trở về. Tôi trêu đùa con tôi, dùng ba - toong ngoặc vào châu cháu, ba toong bị gãy, thế là tôi nhả "miệng xương gà" ⁽²⁾ ấy ra.

Khi làm hỏng vật dụng, nếu tâm tình lạnh nhạt, không xót xa, thì rất có khả năng sự việc ấy là kết quả của một sự thôi thúc vô thức.

⁽¹⁾ Th. Vischer (1807 - 1887), tác giả tập tiểu thuyết này, là giáo sư nghệ thuật, Freud thường dẫn lời ông có tính chất pha trò.

⁽²⁾ Có nghĩa là không có giá trị - N.D.

Khi tìm hiểu nguyên nhân xảy ra hành vi sai lạc vụn vặt giống như việc làm hỏng vật dụng này ⁽¹⁾, ngoài việc phải xem xét cảnh ngộ bấy giờ của đương sự, còn phải truy tìm những từng trải cá nhân thời nhỏ của họ. Trường hợp dưới đây do Jekels phân tích.

"Trong tài sản của một bác sĩ có một chiếc lọ hoa bằng sứ, tuy không đáng tiền, nhưng khá đẹp. Lọ hoa này do một bệnh nhân nữ tước kia biếu ông, bệnh nhân này còn biếu ông một số thứ rất đáng giá. Khi biết chắc chắn bệnh nhân này mắc bệnh tâm thần, ông mang tất cả những thứ ấy cất giữ ở chỗ người nhà bà ta, chỉ giữ lại chiếc lọ hoa rẻ tiền ấy. Rất rõ ràng, chỉ vì chiếc lọ hoa này quá đẹp mà ông ta không muốn xa lìa nó. Nhưng hành vi tham lam đẩy con người đa cảm này rơi vào cuộc đấu tranh tâm lý không dứt. Ông hoàn toàn ý thức được rằng hành vi của mình không bình thường. Ông thường bảo mình chiếc lọ hoa này không đáng giá, dựa vào đó để khắc phục ám ảnh tội lỗi trong nội tâm. Nhưng đâu có dễ xua đi sự phiền toái đó. Mấy tháng sau, ông ta định nhờ luật sư đòi lại chi phí điều trị mà bệnh nhân này còn nợ, nhưng khi ấy ông ta sợ người nhà bệnh nhân phát hiện ra hành vi tham lam của ông và dựa vào đó để phản bác lại ông trong quá trình tố tụng, thế rồi ông ta rơi vào trạng thái hết sức không yên tâm. Sau một

⁽¹⁾ Đoạn này và dẫn chứng tiếp đó được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

thời gian, tâm lý tự trách mình càng mạnh lên, thậm chí ông định vứt bỏ yêu cầu trả chi phí điều trị có khả năng gấp hàng trăm lần giá trị chiếc lọ hoa. Nhưng, ông ta lại lập tức vứt bỏ dự định ấy, vì như thế là ngu xuẩn".

"Khi ông ta vẫn bị tâm lý tự trách mình ràng buộc, ông ta đổ nước vào lọ hoa. Mặc dầu rất ít khi ông đánh vỡ đồ vật, hơn nữa lần này ông chỉ phối rất tốt các khí quan cơ bắp của mình, nhưng vẫn có động tác vụng về khác thường, để lọ hoa rơi từ trên bàn xuống đất, vỡ tan tành, nhưng có thể nói rằng động tác này và động tác đổ nước vào lọ hoa của ông không có liên quan gì với nhau. Hơn nữa, từ đêm hôm trước ông đã quyết định cắm hoa đẹp vào lọ rồi đặt lên bàn trong phòng ăn để khách thưởng ngoạn, tuy khi ấy ông vẫn có chút lo ngại. Ông nhớ rằng, trước khi bị đánh vỡ, lọ hoa không được để ở phòng sinh hoạt, chính ông đưa từ phòng khách sang phòng sinh hoạt. Khi vừa mới đánh vỡ lọ hoa, ông cầm các mảnh vỡ lên ghép chúng lại với nhau, hy vọng sẽ ghép lại được như cũ. Nhưng chính khi ấy, những mảnh vỡ to từ tay ông rơi xuống đất, vỡ tan. Thế là hy vọng gắn lại lọ hoa tan thành mây khói".

"Rõ ràng, mục đích của hành vi sai lạc này là giúp vị bác sĩ giành phần thắng trong kiện tụng, hành vi này làm vỡ cái vật mà ông cất giữ này, cũng dọn sạch vật cản trên đường đi tới thắng lợi của ông".

"Nhưng nếu gác sang một bên cái nguyên nhân quyết định trực tiếp này, mỗi nhà tâm lý học đều có thể thấy rõ trong hành vi sai lạc có một nhân tố quyết định sâu xa hơn và quan trọng hơn. Vì rõ ràng lộ hoa là tượng trưng cho một người phụ nữ".

"Trong một sự kiện đau buồn, chủ nhân ông trong truyện ngắn này mất đi người vợ trẻ đẹp, yêu quý của mình, từ đó ông mắc bệnh tâm thần, ông luôn luôn oán trách sự bất hạnh này ("ông đánh vỡ lộ hoa đáng yêu"). Thế rồi ông không có quan hệ với bất kỳ phụ nữ nào nữa, cũng không muốn lấy vợ hoặc không muốn yêu nữa, trong cõi vô thức của mình, ông cho rằng làm như thế thì có nghĩa là không chung thủy với người vợ đã chết. Nhưng trong ý thức của mình, ông cảm thấy chính mình đã đem lại điều bất hạnh cho người phụ nữ, người phụ nữ rất có thể vì ông mà tự sát (vì thế mà ông không muốn lưu giữ mãi lộ hoa này)".

"Xét từ sức mạnh của ý muốn ban đầu, việc ông giữ quan hệ thường xuyên với những phụ nữ đã có chồng là việc rất bình thường (do đó mà ông chiếm lộ hoa của người khác).

"Hai nhân tố dưới đây có thể hoàn toàn chứng thực cho sự tượng trưng này, vì mắc bệnh tâm thần mà ông chấp nhận biện pháp phân tích tinh thần. Khi nói về quá trình đánh vỡ lộ hoa, ông nhiều lần nói tới quan hệ giữa ông với người phụ nữ. Ông nói

rằng không hiểu vì sao mà bất kỳ việc gì cũng khó làm ông hài lòng. Chẳng hạn, ông hy vọng một phụ nữ xinh đẹp siêu phàm (unearthly beauty). Điều đó chứng tỏ ông vẫn nhớ người vợ đã chết (chết cũng có nghĩa là thoát tục), chứ không muốn có bất kỳ quan hệ nào với mỹ nữ phàm tục, do đó cái lọ hoa bằng sứ ấy (earthenware) mà ông đánh vỡ ấy là trần gian (earthly).

"Chính vào thời gian ấy, khi ông được điều động làm chức khác, ông có ảo tưởng muốn lấy con gái một bác sĩ khác, việc ông được cái lọ hoa ấy thực tế ám chỉ rằng ông thà trả lại lọ hoa".

"Ý nghĩa tượng trưng của hành vi sai lạc này còn có thể được phát triển nhiều hơn nữa, thí dụ, ông không muốn cắm hoa đầy lọ, v.v... Song, điều thú vị là, sự suy nghĩ đối với ít nhất hai động tác trong số những động tác được phản ánh ở tính hai mặt của hành vi sai lạc (những động tác này có thể diễn ra tách rời tiền ý thức và vô thức)

Dẫn chứng 5 ⁽¹⁾.

Có khi chúng ta có thể thông qua phân tích dễ thấy được đằng sau việc đánh rơi, đánh đổ, đánh vỡ đồ vật đều có tác động của nhân tố vô thức, nhưng người ta lại thường giải thích theo quan điểm mê tín hoặc bằng tục ngữ có liên quan. Đánh đổ lọ

⁽¹⁾ Đoạn 1 và 3 trong dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1901; đoạn 2 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

muối đánh vỡ bát, đánh rơi đĩa, làm rượu bắn ra ngoài, những "bất ngờ" ấy đại biểu cho cái gì, điều đó mọi người đều rõ.

Rồi tôi sẽ chuyên nói riêng về sự giải thích theo quan điểm mê tín, ở đây tôi chỉ nhấn mạnh rằng, động tác sai lạc của cá nhân không mãi mãi đại biểu cho cùng một ý nghĩa, thường là tùy theo sự thay đổi về hoàn cảnh, chúng nhằm mục đích khác nhau.

Gần đây có một đạo gia đình tôi thường xuyên đánh vỡ bát đĩa, trong đó có một lần đánh vỡ kiệt tác của tôi. Việc này có thể lấy việc tổ chức hôn lễ của con gái lớn của tôi ra để giải thích. Trong những cuộc hôn lễ này, theo phong tục thì chúng tôi phải đập vỡ một số cốc, đĩa và nói những điều tốt lành. Có khả năng phong tục này có nghĩa "hy sinh", đồng thời cũng có khả năng có ý nghĩa tượng trưng khác.

Nếu người hầu đánh vỡ vật dễ vỡ, chúng tôi không bao giờ đoán xem có nguyên nhân tâm lý gì, nhưng vẫn có nguyên nhân tiềm ẩn nào đó. Một người chữ nhất bẻ làm đôi không biết khó mà biết thưởng thức nghệ thuật và giá trị của tác phẩm nghệ thuật. Bình thường, người hầu trong nhà tôi rất ghét những tác phẩm nghệ thuật này, nhất là họ lại phải vất vả chăm nom những thứ mà trong con mắt của họ là thứ "bỏ đi", thì chẳng phải nói, họ càng ghét. Nhưng, nếu là những người có cùng

trình độ văn hoá như nhau làm việc trong một cơ quan khoa học, một khi họ có tình cảm thuận hoà với người chủ quản và tự cho rằng mình là một thành viên không thể thiếu trong cơ quan ấy, thì họ sẽ tỏ ra đặc biệt khéo léo và đáng tin trong việc chăm nom những vật tinh xảo ấy.

Có một kỹ sư cơ khí trẻ rất hiểu cơ chế hình thành hành vi làm hỏng vật dụng. Dưới đây tôi dẫn ra một đoạn lời nói của anh ta ⁽¹⁾.

"Trước đây không lâu, tôi cùng với mấy đồng sự tiến hành một loại thực nghiệm về tính đàn hồi tại phòng thí nghiệm của học viện công nghệ. Vốn công việc này do chúng tôi tự nguyện làm, nhưng phức tạp hơn so với chúng tôi dự tính, phải mất nhiều thời gian hơn. Một hôm, tôi và anh bạn F của tôi cùng tới phòng thí nghiệm, anh ta luôn mồm phàn nàn rằng ở nhà anh ta có nhiều việc cần làm thế mà lại phải tới đây, thật là lãng phí thời gian.

Tôi rất thông cảm với anh ta và pha trò nhắc tới sự cố bất ngờ trong tuần lễ trước. Tôi nói: "Mong rằng ông trời thương hại chúng ta, làm cho máy hỏng hóc để chúng ta có thể ngừng công việc, về nhà sớm". Khi phân công công việc, rõ khéo, anh bạn F được phân công chuyên điều khiển van áp

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912, sau này Freud cũng dẫn ra trong chương IV sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" của ông.

lực, có nghĩa là anh ta phải cẩn thận mở van để dung dịch tăng áp từ máng dự trữ chảy vào bình ép bằng sức nước. Người lãnh đạo công việc thực nghiệm đứng theo dõi đồng hồ áp lực, khi áp lực đạt tới độ cần thiết thì hô: "Dừng!". Nghe thấy mệnh lệnh này, F cầm chắc núm van, dùng hết sức quay sang trái (khi đóng van phải quay núm van sang phải), hậu quả là sức ép lớn trong máng dự trữ đột ngột tác động vào bình ép bằng sức nước, mỗi nối đường ống không chịu đựng nổi sức ép quá lớn, lập tức bật ra, tuy may không hỏng, nhưng phải dừng công việc, chúng tôi được về sớm. Điều đặc biệt là, không lâu sau, khi chúng tôi bàn tới sự cố này, anh bạn của tôi quên sạch lời tôi nói trên đường về, còn tôi thì vẫn nhớ như in".

Cũng vậy ⁽¹⁾, trượt chân, ngã chưa hẳn là do công năng vận động bị sai lạc một cách ngẫu nhiên. Ngôn ngữ tương tự với những phương thức diễn đạt này đều có ý nghĩa so sánh, mất sự thăng bằng về cơ thể có thể diễn đạt ảo tưởng tiềm ẩn nào đó. Có rất nhiều phụ nữ và các cháu gái khi ngã không bị tổn thương cơ bắp, nhưng lại sinh ra bệnh thần kinh, nói chung y học giải thích là "bệnh ictêri chấn thương" do sợ hãi sau khi bị ngã. Tôi không tin sự việc chỉ đơn giản như thế. Theo tôi, ngã là biểu hiện của bệnh về chức năng thần kinh, cũng biểu hiện

⁽¹⁾ Đoạn này và đoạn dưới đều có trong bản được in năm 1901.

nội dung tính dục trong huyền tưởng vô thức. Điều đó có thể giả định là động lực ở đằng sau triệu chứng ấy. Cách ngôn có câu: "Khi trẻ em gái ngã đều ngã ngựa", há chẳng phải là cái ý đó sao?

Ngoài những trường hợp sai lạc trên ra, chúng tôi có thể dẫn ra một dạng nữa ⁽¹⁾, đó là cho ăn mỳ đồng tiền mạ kền nhưng lại đưa nhầm đồng tiền vàng. Giải thích sai lạc dạng này cũng không khó, đó là hành vi dâm lễ, với ý đồ là hối lộ số phận, nhằm tránh tai hoạ, v.v... Nếu có một bà mẹ hiền hoặc bà cô đang lo nơm nớp cho bệnh tình của con, vừa bước ra khỏi phòng khám liền có ngay hành vi khẳng khái khác thường ấy, thì liệu chúng ta có còn cho là ngẫu nhiên nữa không? Chính lý trí không dễ tin của chúng ta kìm chế cái thói thành kính, mê tín kia, nhưng không để lộ ra bên ngoài ý thức, nên nguyên nhân của sự sai lạc này được làm sáng rõ.

Dẫn chứng 6 ⁽²⁾.

Bất kỳ khi nào, quan điểm cho rằng hành vi ngẫu nhiên là hành vi hữu ý không dễ được chấp nhận bằng quan điểm cho rằng hành vi ấy có liên quan với hành vi tình dục, đành rằng ranh giới giữa hai khả năng này không rõ ràng lắm. Mấy năm trước tôi đã trải qua một việc như sau. Bề ngoài, động tác của tôi khi ấy rất vụng về, nhưng

⁽¹⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907

⁽²⁾ Trong bản in năm 1901, từ này là: por haef a minute (trong nửa giây).

nếu nhìn bằng con mắt tình dục thì lại rất hay. Ở trong nhà người bạn, tôi gặp một vị khách phụ nữ trẻ, cô ta khơi dậy cái tính ướm át ở tôi mà vốn tôi cho rằng đã khô kiệt, do vậy tôi trở nên ân cần, hiền dịu và giỏi nói. Một năm trước cô gái này không hề khiến tôi thích thú chút nào, thế mà gần đây lại giở chứng như thế, tôi không hiểu là vì sao nữa. Cha cô gái này là một thân sĩ già, có một lần khi ông ta bước vào nhà, hai chúng tôi cùng đứng dậy tới góc nhà lấy ghế ra mời ông ta ngồi. Cô gái có thân hình thon thả, nhanh nhẹn, có lẽ cô ta gần chiếc ghế tựa hơn tôi, cho nên cô ta là người cầm được chiếc ghế trước, hai tay bê hai bên mép ghế, tựa ghế dựa vào ngực, trông có vẻ nặng lăm. Tôi tuy chậm hơn một bước, nhưng cũng muốn bê ghế. Tôi bỗng nhận ra mình đang đứng đằng sau cô gái, thế là đưa hai tay ra từ đằng sau ôm lấy cô gái, tay chạm vào ngực áo của cô. Tôi giật mình vội rút tay lại. Với động tác vụng về này tôi đã khéo léo lả lơi với cô ta, nhưng không có ai để ý.

Trên đường phố, chúng ta thường gặp trường hợp như sau: hai người đi về phía nhau, trong giây lát 1, cả hai người đều vừa tránh sang phải lại né sang bên trái, nhưng vẫn vấp vào nhau, đành phải đứng lại nhìn nhau. Hiện tượng "chặn đường" này rõ ràng là sự lặp lại hành vi trêu ghẹo vô lễ thời nhỏ. Đằng sau cái mặt nạ vụng về là việc theo đuổi

mục đích tình dục. Bằng cách phân tích tâm lý bệnh tâm thần, tôi phát hiện ra rằng cái gọi là "hành vi nghịch ngợm" của thanh thiếu niên chẳng qua chính là cái mặt nạ như thế đã giúp chúng ăn nói hoặc hành động vô lễ, nhưng do còn non dại mà được tha thứ.

Wihelm Stareke cũng trải qua một trường hợp tương tự ⁽¹⁾: "Một hôm, trời vừa sáng, tôi tới thăm một người bạn. Bà chủ nhà mắt nhắm mắt mở ra mở cửa, tôi chìa tay phải ra chào, không ngờ chạm vào nút thắt ngang lưng áo ngủ của bà ta, nút thắt buột ra, áo ngủ phanh hết cả ra, tôi ngượng chín cả người, trốn lên trời thì không có lối, chui xuống đất thì không có lỗ. Có thần thánh chứng giám, tôi không hề có ý kiến khác gì ở bà ta. Nếu quả thực muốn cởi cái nút thắt kiểu nơ bướm ấy thì e rằng dẫu có phép ảo thuật cũng khó mà cởi được, thế mà cái động tác "vụng về" của tôi lại cởi dễ như bỡn".

Tôi đã nhiều lần chứng minh rằng, một nhà văn có tính sáng tạo có thể xem hành vi sai lạc là hành vi có ý nghĩa và động cơ nào đó ⁽²⁾, đúng như tôi đã nói ở đây. Do vậy, chúng ta sẽ không lấy gì làm lạ khi thấy nhà văn nào đó trao cho động tác "vụng về" nào đó ý nghĩa quan trọng và dựa vào đó

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽²⁾ Đoạn này và đoạn sau được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

dự báo sự kiện sinh động trong tương lai.

Dưới đây là một đoạn trong tiểu thuyết "Dâm phụ" của Theo dor Fontane: "Melanie vui mừng nhẩy chồm lên ném quả bóng về phía chồng, nhưng bà ném trượt, bóng bay đi chỗ khác, Robinen bắt được. Từ vẻ bề ngoài, câu chuyện giữa Melanie và Robineu lộ ra tín hiệu tình yêu mới chớm nở ấy. Mối tình này phát triển tới đỉnh điểm, Melanie bỏ chồng, trao thân cho người mà bà ta yêu thật sự".

Dẫn chứng 7.

Ở những người bình thường, hậu quả của hành vi sai lạc thường không có hại lớn. Do vậy, những sai lạc gây ra hậu quả nghiêm trọng, như sai lạc của bác sĩ hoặc dược sĩ, sẽ càng đáng phải quan tâm.

Tôi tuy là bác sĩ nhưng rất ít khi kê đơn thuốc, nên tôi chỉ trải qua một lần có hành vi sai lạc trong điều trị. Tôi chăm sóc một bà già ⁽¹⁾, trong mấy năm liền, ngày nào cũng tới thăm bệnh cho bà ta hai lần. Buổi sáng khi tới thăm bệnh, chăm sóc bệnh nhân này, tôi chỉ làm có hai việc: tra thuốc mắt và tiêm moóc phin. Tôi chuẩn bị hai cái lọ, lọ màu xanh đựng thuốc mắt, lọ màu trắng đựng moóc phin. Lâu ngày, việc tra thuốc mắt, tiêm moóc phin trở thành động tác quen thuộc, khi thực hiện hai

⁽¹⁾ Bà già này được hai lần nhắc tới trong tập sách này. Trong "Giải phẫu giấc mơ" cũng được nhắc tới hai lần. Ngày 8-7-1901, trong thư gửi Fliess, Freud có nói tới cái chết của bà ta.

động tác tôi để tâm tư bay lên tận chín tầng mây. Không ngờ, một hôm, hành vi tự động này trực trặc, tôi cho cái ống hút thuốc mất vào trong lọ màu trắng hút moóc phin, nhỏ vào mắt bà ta. Tôi rụng rời chân tay, nhưng lập tức nhớ ra mấy giọt moóc phin chỉ có nồng độ 2%, không gây tổn thương lớn đối với mắt. Sự kinh hoàng khi ấy chắc chắn có nguyên nhân của nó.

Để tìm ra đáp án, trước tiên tôi nhớ lại một câu: "Tập kích một bà già" ⁽¹⁾. Câu nói này cung cấp cho tôi một lối tắt để giải quyết vấn đề. Câu này do một thanh niên nói khi anh ta kể với tôi về giấc mơ của anh ta. Giấc mơ này chỉ có thể dùng tình tiết yêu mẹ để giải thích ⁽²⁾, còn tôi thì chịu ảnh hưởng của giấc mơ ấy. Trong vở bi kịch "Vua Didipous", tuổi tác của hoàng hậu Iocasta không gây trở ngại gì đối với câu chuyện này, há chẳng kỳ lạ lắm sao? Điều này có thể chứng minh cho kết luận nói rằng, người mẹ yêu quý của mỗi người đều là hình tượng người mẹ tươi trẻ của họ khi họ ở thời thơ ấu, chứ không phải là bà mẹ già nua.

Cái hôm tôi đi thăm bệnh nhân ngoài 90 tuổi ấy, trong đầu tôi rộn lên suy nghĩ về phức cảm

⁽¹⁾ Tiếng Đức là "Sich an der Alten vergreifen". "vergrei - feu" vừa có thể dịch là "phạm sai lầm lớn", vừa có thể dịch là "thực hiện đột kích".

⁽²⁾ Freud quen gọi đó là "giấc mơ của Oidipous", vì dựa vào đó thì có thể lý giải được câu chuyện truyền kỳ về "Vua Oidipous". Trong vở kịch của Sophocles, giấc mơ này do hoàng hậu Iocasta (phiên âm dựa theo âm Hán - N. D.

Oidipous tồn tại phổ biến trong nhân tính, về lời thánh phán, về số phận không thể thoát khỏi như lời thánh phán, sau đó thì tôi phạm sai lầm trong việc chữa bệnh cho bà già. Nhưng sai lầm này không nghiêm trọng lắm, trong hai khả năng, phạm sai lầm - dung dịch moócphin nhỏ vào mắt, hoặc tiêm thuốc mắt vào dưới da - tôi chọn khả năng vô hại. Nên, đối với câu hỏi đặt ra ở trên kia - đằng sau sai lạc nghiêm trọng có mục đích vô thức không - chúng tôi chưa vội giải đáp ở đây.

Tư liệu làm tôi lâm vào cảnh do dự. Đó là điều tôi đã dự liệu, tôi không thể không dựa vào kết quả đối chiếu tư liệu để suy luận. Như chúng ta đã biết, trong bệnh tâm thần nặng hơn, có những triệu chứng bệnh nhân tự đẩy đoạ mình là chính, không ít người vì mâu thuẫn tâm lý mà tự sát. Có thể bạn cho rằng tôi vô đoán một cách bừa bãi. Nhưng theo kinh nghiệm, tôi tin rằng có nhiều người bị thương xem ra có vẻ là bất ngờ, nhưng kỳ thực là họ tự chuốc lấy như thế ⁽¹⁾. Người ta có khuynh hướng ngầm tự trừng phạt mình, bình thường thì tự trách mình, có khi còn khéo léo lợi dụng hoàn cảnh khách quan để tự làm hại mình nhưng bề ngoài có vẻ là bất ngờ hoặc tự cho là bất ngờ. Chẳng những thế, nếu không có hoàn cảnh thích hợp mà khuynh hướng tự

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1924, câu này là "and shall one day prove..." ("sẽ có ngày chứng minh...")

trùng phạt lại mạnh mẽ, cấp thiết thì nó sẽ âm thầm thúc người ta chủ động tìm ra điều kiện tự hại mình. Việc này không hiếm đối với những người mắc bệnh nặng, là việc không khó nhận ra. Khuynh hướng này bao giờ cũng có nhiều đặc trưng để lộ ra ý hướng tiềm ẩn. Rõ rệt nhất là hiện tượng bệnh nhân lặng lẽ khác thường, có vẻ họ sẽ làm điều gì đó, nếu họ chưa làm; còn nếu sự việc đã xảy ra rồi thì có vẻ sự việc ấy xảy ra không ngoài tay họ ⁽¹⁾.

Trong quá trình tôi theo nghề y, có một trường hợp đáng được nói kỹ ⁽²⁾. Một thiếu phụ bị gãy chân trong một tai nạn xe ngựa, buộc phải nằm trên giường bệnh mấy tuần. Nàng bấm bụng chịu đau, không hề ca thán, khiến mọi người ngạc nhiên. Xương gãy gây ra chứng tâm thần nặng, bệnh kéo dài một thời gian khá lâu, sau được tôi chữa khỏi bằng phương pháp phân tích tinh thần. Trong quá trình điều trị, tôi dần dần làm rõ được nguyên nhân "bất ngờ" ấy. Sự việc như sau: thiếu phụ này cùng chồng đi nghỉ tại nông trại của chị gái mình. Chồng nàng có tính hay ghen. Họ cùng sống với mọi người trong gia đình chị gái một thời gian. Một buổi tối, nàng hứng lên nhảy một điệu vũ để lộ ra dáng vẻ yêu kiều, uyển chuyển, được bạn

⁽¹⁾ Việc tự hại mình chưa tới mức tự huỷ diệt mình thì phải tính tới phong tục tập quán, nên phải làm ra vẻ bất ngờ để che giấu, hoặc bỗng nhiên phát bệnh lạ. Khi thì họ vô cớ đau buồn, khi thì họ tự cho mình thanh cao, đau xót cho đời.

⁽²⁾ Đoạn này và đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

bè nhiệt liệt hoan nghênh. Nhưng chồng nàng lại nổi cơn ghen, thầm mắng: "Em xứng là gái điếm rồi đấy!". Ngoài cái lần nhảy múa này ra, còn thì trước đó nàng có để cho ông chồng hay ghen này chộp được vụ việc ngoại tình nào không, đó là việc không có liên quan tới chúng ta. Điều quan trọng là, câu nói này làm nàng đau lòng lắm. Suốt đêm nàng trần trọc không sao chợp mắt được. Sáng sớm hôm sau nàng gào đòi đánh xe ngựa đưa nàng đi chơi. Nàng đích thân tới chuồng ngựa chọn ngựa, kiên quyết không dùng ngựa tốt. Có người muốn mang theo trẻ con đi cho chúng hóng gió, nàng phản đối kịch liệt. Trên đường, nàng luôn miệng nhắc bác xà ích phải cẩn thận, vì thấy ngựa đã tỏ khác ý. Quả nhiên, không lâu sau đó một con ngựa bị vấp chân trước, ngã lăn kênh ra. Nàng hét toáng lên, nhảy xuống xe, ngã gãy chân. Những người khác vẫn ngồi ngay ngắn trên xe, không làm sao cả. Nguyên nhân đã tự nó lộ ra rõ như ban ngày, "bất ngờ" không lặp lại nữa. Nhưng đứng trước Romau - ce ⁽¹⁾ về khuynh hướng tự hoại này, quả là bạn phải cúi đầu khâm phục nàng đã suy tính suốt một ngày đêm, từng bước hoàn thành cái ý đồ vô thức khác "bất ngờ": "Nhảy xe ngã gãy chân! Như vậy sẽ không đi nhảy nhót được nữa".

Bản thân tôi rất ít khi tự trừng phạt mình như thế. Nhưng trong những trường hợp đặc biệt nào

⁽¹⁾ Tiếng Anh, nghĩa là: chuyện anh hùng hiệp sĩ, chuyện tình lãng mạn, v. v..

đó, tôi cũng không tránh được. Trong gia đình tôi thường có người kêu cần phải lười, dứt tay, v.v... Mỗi lần như thế, việc đầu tiên tôi làm không phải là an ủi họ, mà hỏi: "Tại sao lại như vậy?". Một bệnh nhân trẻ tuổi do tôi điều trị, từng có lần do xúc động trong khi điều trị cứ đòi lấy con gái lớn của tôi. Đứa con gái đáng thương ấy của tôi đang nằm bệnh viện, bệnh tình hết sức nguy kịch. Vì câu nói này mà tôi đã không cẩn thận, ấn ngón tay xuống, tý nữa thì gãy.

Tôi có một đứa con tính tình rất hắt tấp, nóng nảy, khi cháu ốm thì rất khó chiều. Một sớm tinh mơ, chúng tôi dặn cháu nằm tới trưa không được rời khỏi giường, cháu liền nổi khùng lên, nói rằng muốn tự sát - cháu cũng biết cách tự sát. Tối hôm ấy, cháu chỉ vào một chỗ sưng vù ở ngực nói rằng do va vào cửa. Tôi hỏi tại sao va vào cửa. Cháu bé 11 tuổi này trả lời tôi rằng: "Cha quên rằng từ lâu con đã chẳng nói là con muốn tự sát đó sao? Đây là con chỉ thử xem sao thôi". Đây là trò đùa chăng? Có thể. Nhưng nếu xét từ góc độ khác thì bạn sẽ không cho như vậy.

Nếu bạn tin rằng có cái gọi là "sự cố tình một nửa" tự làm hại mình - nếu có thể dùng cái từ mập mờ này ⁽¹⁾ - bạn cũng dễ dàng cho rằng ngoài sự tự

⁽¹⁾ Đoạn này và đoạn cuối đều là nội dung trong lần xuất bản năm 1901.

sát cố tình ra còn có sự tự huỷ hoại mình "một nửa cố tình" (nói một cách chính thức thì là ý hướng tự huỷ diệt một cách vô thức). Dạng tự hại mình này khéo léo chấp nhận một sự mạo hiểm nào đó, nhưng che giấu bằng sự ngẫu nhiên. Theo bạn, trường hợp này có nhiều không? Có thể nói rằng, người nào cũng có khuynh hướng tự hoại, chỉ có điều là ít người bộc lộ rõ rệt mà thôi. Sự tự làm hại mình là sự thoả hiệp giữa khuynh hướng ấy và sức sống mạnh liệt.

Người thật sự muốn tự sát, trước khi hành động, họ thường nung nấu ý định ấy trong một thời gian dài. Khi ấy, tuy khuynh hướng này bị dồn ép, nhưng phát triển trong vô thức.

Người có ý thức tiến tới, tự sát chủ động chọn thời gian, cách thức và thời cơ. Ý hướng tự sát một cách vô thức thì phải chờ tới thời cơ dự định để còn phải loại bỏ sự tự phòng vệ của bản thân, gạt bỏ mọi sức ép ⁽¹⁾. Có thể bạn không thích nói như thế, nhưng những trường hợp mà tôi mắt thấy tai nghe thì quả là không ít. Nhiều sự kiện thoát nhìn có vẻ như là điều bất hạnh hoàn toàn bất ngờ, nhưng nghiên cứu kỹ thì lại là tự sát.

⁽¹⁾ Trường hợp này có điểm giống với trường hợp phụ nữ bị "tấn công tình dục". Khi phụ nữ bị đàn ông cưỡng hiếp, họ không thể dốc hết sức để chống lại, vì trong cái vô thức có một chút tình cảm thuận theo và nhẫn nhịn kẻ cưỡng hiếp. Chúng ta thường nói, trong trường hợp này cơ thể của phụ nữ hoàn toàn tề liệt. Nhưng vì sao tề liệt thì người ta không muốn giải thích.

Gần đây, trên trường đua ngựa có một kỵ sĩ bị ngựa quật ngã, ngựa giẫm trọng thương tại chỗ, mấy hôm sau thì chết. Trên những mặt nào đó, hành vi có ý thức của anh ta sau khi bị thương khiến mọi người ngạc nhiên, còn hành vi của anh ta trước khi ngã ngựa càng khiến mọi người lấy làm lạ. Anh ta yêu mẹ. Sau khi mẹ mất, anh ta rất đau buồn, nhiều khi vừa nói vừa khóc không thành tiếng. Anh ta cũng nhiều lần nói với bạn bè rằng anh ta chán sống. Anh ta vốn không thích châu Phi, nhưng gần đây lại có kế hoạch từ chức để đi châu Phi làm lính đánh thuê, tham gia chiến đấu⁽¹⁾. Trước đây, có thể nói kỹ thuật cưỡi ngựa của anh ta đứng vào hạng nhất, hiện nay anh ta đang chờ ngày thi ngựa, nhưng lại không luyện tập, cũng không rút khỏi danh sách đăng ký xin thi, toàn nói về dự cảm bi ai. Cuối cùng, dự cảm biến thành sự thật. Nếu kiểm tra nguyên nhân sự cố thì có thể bạn sẽ cho rằng anh ta tinh thần sa sút, lại lâu không luyện tập, do vậy kỹ thuật và năng lực điều khiển ngựa kém đi rất nhiều. Giải thích sự việc như thế xem ra có vẻ rất đầy đủ, không cần phải dẫn đó gì. Có lẽ đó cũng là một nguyên nhân, nhưng tôi ngờ rằng không phải chỉ có thế mà thôi.

⁽¹⁾ Rất rõ ràng, một người muốn tự sát nhưng lại không muốn tự mình làm việc ấy thì thường muốn ra trận. Trong tác phẩm "Walleustein", sau khi Piccolo- mini chết, thuyền trưởng Thụy Điển nói: "Họ nói họ muốn đi tới chỗ chết" (màn 11, cảnh 4).

Tôi tin rằng: trong những ngày tâm trạng không yên ấy, anh ta không luyện tập, có dự cảm bị ai, chúng tỏ anh ta muốn ghìm nén ý định tự sát, điều bất hạnh là những nỗ lực ấy đã thất bại trong cuộc đấu này. Nếu không thì đã không buồn chán, không nghỉ tập và bị kịch cũng sẽ không xảy ra.

Bác sĩ S.Fereuczi có kể cho tôi nghe một trường hợp súng cướp cò ⁽¹⁾. Theo ông, đây là tự sát một cách vô thức. Ông rất tán thành quan điểm của tôi.

"Chàng J, 22 tuổi, làm nghề thợ mộc, ngày 18/1/1908 tới thăm tôi. Ngày 20/3/1907 anh ta bắn một phát vào thái dương bên trái của mình, bây giờ muốn lấy đầu đạn ấy ra. Mười tháng nay, ngoài hiện tượng đôi khi đau đầu nhẹ ra, không có triệu chứng gì khác. Kết quả kiểm tra cho thấy, ngoài vết sẹo ở thái dương bên trái ra, còn lại đều bình thường, cho nên tôi phản đối mổ. Về nguyên nhân bị thương, anh ta khẳng khẳng nói là bị thương do vô ý. Khi ấy anh ta đang nghịch khẩu súng lục ở quay của anh mình. Vì anh ta tưởng súng không có đạn, nên đã đưa họng súng lên thái dương (anh ta không thuận tay trái) rồi bóp cò. Sự thật thì súng có nạp 3 viên đạn.

"Tôi hỏi tại sao anh ta lại mang súng lục ở quay bên người, anh ta nói rằng khi ấy anh ta đi khám sức khỏe để dự tuyển nghĩa vụ quân sự, tối

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

hôm trước anh ta ra một quán rượu nhỏ, anh mang theo súng để phòng khi đánh chửi nhau. Nhưng anh ta mắc chứng phình tĩnh mạch, nên đã bị loại khỏi danh sách tuyển nghĩa vụ quân sự. Anh ta xấu hổ, ở nhà buồn chân buồn tay, mang súng ra nghịch, tuy không muốn tự làm mình bị thương, nhưng sự cố đã bất ngờ xảy ra. Khi tôi hỏi thêm anh ta có hài lòng với cuộc sống không, anh ta thở dài nói rằng, anh ta có một cô bạn gái, hai người yêu nhau, nhưng cô gái kia đã chia tay anh ta. Cô gái ấy là người hám tiền tài, bỗng có cơ hội di cư đi Mỹ, cô ta bèn cắt đứt tơ tình không thương tiếc. Anh ta mặc đời cũng muốn đi theo sang Mỹ, nhưng bố mẹ anh ta kiên quyết không cho đi. Người yêu của anh ta đi Mỹ ngày 20/1/1907, hai tháng sau thì xảy ra việc bất ngờ này".

"Tuy dấu hiệu rất rõ ràng, nhưng anh ta cứ khẳng khẳng rằng phát súng ấy nổ bất ngờ. Vậy tại sao anh ta không kiểm tra xem trong súng có đạn hay không? Tại sao lại làm cái động tác nguy hiểm ấy để đến nỗi tự làm mình bị thương? Hai tháng trời anh ta rơi vào cảnh buồn bã vì thất tình, dĩ nhiên là anh ta muốn đăng lính để quên đi tất cả, làm lại từ đầu. Nhưng không thực hiện được điều mong đợi ấy, anh ta đành phải giải quyết bằng cách nghịch súng. Tức là, anh ta thực hiện động cơ tự sát vô thức, nhưng anh ta dùng tay trái chứ không dùng tay

phải, chứng tỏ quả thực anh ta chỉ "nghịch" thôi, trong ý thức anh ta không muốn chết".

Có người kể với tôi một trường hợp tự làm hại mình mà chính họ mục kích ⁽¹⁾, phân tích thì thấy phù hợp với câu ngôn ngữ: "He who digs a pit for others falls in himself" ("Mình làm mình chịu") ⁽²⁾.

Bà X xuất thân từ giai cấp trung sản, đã có chồng và 3 con, mắc bệnh tâm thần, nhưng vẫn thích ứng với đời sống hàng ngày, không cần điều trị chính thức. Một hôm, mặt bà ta đầy những vết xước, nhưng không tới mức để lại vết sẹo suốt đời. Sự việc như sau: đi trên đường lồi lõm bậc thang, bà bị ngã, mặt va vào tường, xây xát nhiều chỗ, mất sừng vù. Bà ta sợ mất có vấn đề, bèn đến bệnh viện kiểm tra. Khám xong, biết không có chuyện gì, tôi hỏi bà ta tại sao để ngã sừng mặt mày như vậy, bà ta nói chồng bà mắc bệnh viêm khớp, đi lại rất khó khăn. Cách đó không lâu, bà ta nhắc chồng khi đi lại phải hết sức cẩn thận. Nhưng, cứ khi nào bà ta nhắc ai cẩn thận với cái gì đó thì y như rằng bà ta mắc phải điều không may ấy, linh nghiệm tức chết đi được.

Là nhà phân tích tâm lý, dĩ nhiên tôi không chỉ dừng lại ở đó, nên lại hỏi thêm. Đầu đuôi sự việc như sau: bà đang đi thì bỗng thấy trong một cửa

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

⁽²⁾ Xem "Ecclesiastes" ("Sách truyền đạo"). X.8: "He that diggeth a pit shall fall into it" ("Kẻ đào hố sẽ rơi xuống hố")

hiệu treo tranh rất đẹp, bà ta liền nảy ra ý muốn mua một bức vẽ treo ở nhà dạy trẻ mô cô. Khi ấy bà rất muốn mua, bèn xăm xăm bước vào, không để ý gạch đá ngổn ngang trên lối đi, bị vấp ngã va vào tường. Điều lạ là bà chẳng hề lấy tay che mặt, mặc cho mặt xây xát trông rất ái ngại. Bà không muốn mua tranh nữa, chỉ muốn nhanh chân về nhà".

- Nhưng, bà chưa trả lời câu hỏi của tôi - tôi nói - tại sao bà vô ý vô tứ như thế?

- Nếu ông nhất định bắt tôi trả lời thì tôi chỉ có thể nói rằng đó là quả báo. Ông có còn nhớ cái việc tôi nói với ông lần trước không?

- Tới bây giờ bà vẫn còn khó chịu với việc ấy?

- Vâng, tôi thật sự rất hối hận, luôn luôn cảm thấy mình có tội nặng, rất vô đạo đức. Tôi ăn không ngon, ngủ không yên, đau khổ đến phát điên lên được!

Sự kiện mà bà nhắc tới là việc phá thai. Gần đây bà phát hiện bà lại có thai, bà bèn bàn với chồng. Cả hai người đều thấy rằng trong điều kiện kinh tế không dư dật khi ấy, không thể đẻ thêm nữa. Họ buộc phải thuê chui một nữ y tá tới xử lý. Nhưng cuối cùng lại phải mời một bác sĩ sản khoa tới thu dọn hậu quả.

Bà ta nói:

- Tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi suy nghĩ cho rằng mình đã giết chết đứa con máu mủ của mình,

tội tày trời như thế tránh sao khỏi bị thương để trừng phạt? Lưới trời lồng lộng, thế là phải nhận lấy quả báo khổ sở thế này đây. May mà không hỏng mắt. Hiện nay tinh thần của tôi đã khá lên rồi. Dầu sao thì tôi cũng đã chịu trừng phạt rồi.

Qua những lời nói trên bạn có thể thấy rằng sự bất ngờ này chính là sự tự trừng phạt, trước hết là chuộc lại lỗi lầm, sau nữa là lấy đó để dập tắt lửa giận của thượng đế, chấm dứt những ngày nơm nớp lo sợ hoạ lớn rơi xuống đầu. Khi bà ta đi ngang qua phố để vào cửa hiệu mua tranh, mọi hồi ức và sự lo sợ (khi bà ta nhắc nhở chồng sự sợ hãi này đã phát triển nhanh chóng trong cõi vô thức của bà ta) bỗng lại hiện lên trong đầu, tựa như có tiếng nghiêm nghị quở trách: "Trang trí nhà nuôi dạy trẻ mô côỉ phỏng còn có ích chi? Người đã giết chết con của chính mình, người là tên giết người, quả báo sẽ rơi xuống đầu người!"

Suy nghĩ này chưa phát triển thành ý thức nó chỉ lợi dụng hoàn cảnh khách quan bấy giờ chúng tôi nói "lợi dụng", có lẽ đã nhân cách hoá hoạt động tâm lý - lợi dụng hòn đá cản đường rất thích hợp để đạt tới mục đích ấy nhằm trừng phạt mình. Chính vì thế mà khi ngã bà ta không hề hoảng hốt, cũng không lấy tay che mặt. Sự bất ngờ này có khả năng vẫn còn một nguyên nhân quan trọng nữa. Vì việc phá thai được chồng khuyến khích, trong cõi vô thức, chắc hẳn bà ta oán hận chồng. Do đó mặc dầu

biết rõ chồng mình vì đau chân nên đi đường bao giờ cũng rất cẩn thận, mà bà ta vẫn nhắc nhở ông ta một cách nhạt nhẽo rằng phải cẩn thận với những hòn đá trên đường ⁽¹⁾.

Starcke từng gọi sự kiện bị bỏng ngẫu nhiên là "hành vi tự hy sinh" ⁽²⁾. Sau khi khảo sát kỹ trường hợp này, rất có khả năng chúng ta sẽ tán thành quan điểm của ông.

"Một phụ nữ có người con rể muốn tới nước Đức làm nghĩa vụ quân sự. Con gái bà sắp đẻ, đồng thời nghĩ rằng chiến tranh rất tàn khốc, họ không được hưởng cuộc sống vui tươi. Một ngày trước khi con rể bà lên đường, bà mời hai vợ chồng họ tới ăn cơm. Một mình bà vào bếp nấu nướng. Đó là lần đầu tiên ở trong bếp bà đi đôi dép lê hai quai, thay cho đôi ủng có giầy buộc. Đôi dép lê này đi rất mềm mại thoải mái, bà thường xuyên đi ở trong nhà. Vì đó là dép của chồng bà, bà đi không vừa lắm, lại dễ lộ ra mu bàn chân. Khi bà bung một chảo to canh đang sôi từ trên bếp xuống, bà không cẩn thận để canh trào ra làm bỏng nặng một chân, nhất là mu bàn chân. Ai cũng bảo nguyên nhân của sự kiện

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1920 có câu chú thích như sau: một phóng viên gửi thư cho tôi bàn về vấn đề "sự trừng phạt mình bằng hành vi sai lạc", nói rằng, "nếu quan sát hành vi của dòng người đi trên đường phố thì sẽ phát hiện nhiều đàn ông khi đi vượt lên trước đèn bà đều ngoảnh đầu lại nhìn họ, đó là thói quen rất phổ biến, vì thế mà người thì treo chân người thì va vào cột điện hoặc làm hại mình bằng cách khác".

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

ngẫu nhiên này là do khi ấy bà vội vàng. Nhưng, sau lần bị bỏng canh này, bà hết sức cẩn thận mỗi khi tiếp xúc với những vật nóng, thế mà vẫn bị bỏng canh ở một bên sườn" ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1924 bổ sung một chú thích như sau: trong nhiều trường hợp bị thương hoặc tử vong tương tự, có rất nhiều điều khả nghi về nguyên nhân. Lẽ dĩ nhiên, người bàng quan thì cho là sự kiện ngẫu nhiên, còn những người có quan hệ gần bó với đương sự và khá hiểu biết những việc riêng tư của họ thì nghi ngờ rằng liệu đằng sau việc ngẫu nhiên ấy có mục đích vô thức nào không. Có một người trẻ tuổi, người yêu của anh ta bị xe xô ngã ở trên đường phố, bị thương hơn là cô ta bị xe cán ngang người. Đây là dẫn chứng tốt nhất về những sự kiện riêng tư mà tôi đề cập tới, đồng thời cũng là điển hình chi tiết về người giúp việc mà chúng ta đang bàn. Dưới đây là lời kể của anh thanh niên ấy:

"Tháng 9 năm ngoái, tôi quen biết bà Z, bà ta 43 tuổi, hoàn cảnh gia đình rất tốt. Trước chiến tranh bà ta đã đính hôn, chồng chưa cưới của bà sĩ quan quân đội chẳng may chết vào năm 1916. Chúng tôi dần dần hiểu nhau, rồi bị sa vào lưới tình. Lúc mới đầu chúng tôi chưa nghĩ tới việc kết hôn, vì hoàn cảnh của hai bên khác nhau quá lớn, đặc biệt là tuổi tác (khi ấy tôi 28 tuổi), cơ hồ không thể vượt qua được. Vì chúng tôi sống trong hai ngôi nhà đối diện nhau trên cùng một đường phố nên hàng ngày đều có thể gặp nhau. Theo thời gian trôi đi, quan hệ giữa hai chúng tôi ngày càng gần bó. Thế rồi, vấn đề kết hôn đặt ra trước mắt chúng tôi, và tôi cũng đồng ý.

Theo kế hoạch thì vào ngày lễ phục sinh sẽ làm lễ đính hôn. Bà muốn trước ngày đính hôn phải đi thăm một người bà con, nhưng công nhân đường sắt bãi công nên không đi được. Cuộc bãi công này gọi là phong trào kapp putsch. Viễn cảnh ảm đạm của cuộc bãi công và dường như trong tương lai cuộc đấu tranh vẫn phải tiếp tục đã có tác động trong một thời gian đối với tâm trạng của chúng tôi. Đặc biệt là bà Z, là vốn là người tâm trạng rất không ổn định, bà cho rằng tương lai của chúng tôi có trở ngại mới. Ngày 20 tháng 3, thứ 7, bà vui hẳn lên, tôi rất lấy làm lạ, ngày hôm ấy chúng tôi không rời nhau nửa bước, xem ra, tương lai của chúng tôi khá lạc quan. Mấy hôm trước, chúng tôi bàn ngày gởi cùng nhau tới nhà thờ, nhưng rồi vẫn không xác định được thời gian cụ thể. Hôm sau là chủ nhật, tức là ngày 31 tháng 3, vào lúc 9 giờ 15 phút bà ta gọi điện bảo tôi tới trực tiếp đưa bà ấy đi tới nhà thờ. Tôi không đồng ý, vì thời gian quá gấp,

tôi không thể chuẩn bị kịp, hơn nữa tôi đang có việc cần làm xong ngay. Bà Z rất thất vọng, thế là bà ta ra khỏi nhà, bà gặp một người quen ở cầu thang, họ cùng nhau đi một đoạn dọc theo phố Taueutzien và Rauke. Họ

Đã có thể dùng sự vùng về hữu ý hoặc sự mất thăng bằng vận động để che đậy sự căm ghét đối với nhân cách thậm chí tính mạng của mình ⁽¹⁾ thì cũng có thể sẽ làm như thế đối với những sai lầm có nguy hại tới tính mạng và sức khỏe của người khác.

Trong những dẫn chứng về kinh nghiệm của tôi, tinh thần của nhân vật chính không được bình thường lắm, tôi không muốn giải thích một cách

trò chuyện rất vui vẻ, nhưng không nhắc tới cuộc trao đổi vừa rồi giữa hai chúng tôi. Cuối cùng vị kia pha trò và chia tay bà Z. (Để đi nhà thờ) bà Z phải đi xuyên qua phố kurfürstendamm, phố chính ở Tây Berlin. Phố này rất rộng, tầm mắt có thể phóng ra rất xa. Nhưng, khi gần tới phần đường giành cho người đi bộ, bà bị một chiếc xe ngựa va ngã (dập gan, mấy tiếng sau thì chết). Trước đây chúng tôi đã từng đi ngang qua phố lớn nhiều lần, hơn nữa bà Z vốn rất cẩn thận, thường nhắc tôi chỗ có cấm đầu đi bừa. Sáng sớm hôm ấy, trên đường hầu như không có xe chạy, công nhân xe điện, xe hơi đều đang bãi công. Khi xảy ra sự cố, trên đường rất vắng, đầu bà ấy không nhìn thấy chiếc xe ngựa ấy thì cũng phải nghe thấy tiếng xe chạy, ngựa phi chữ. Mọi người đều cho rằng đây là sự cố bất ngờ. Tôi cho rằng: Không phải như thế - nhưng mặt khác, sự cố này cũng không phải là hữu ý". Tôi muốn giải thích ở góc độ tâm lý học. Suy nghĩ một thời gian, tôi phát hiện tập sách "Bệnh lý thần kích học trong đời sống hàng ngày" của ông có thể giúp tôi tìm ra lời giải đáp. Đặc biệt là, bà Z thường xuyên biểu hiện có khuynh hướng tự sát, và còn muốn tôi cũng suy nghĩ như thế, tôi đã cố gắng khuyên can. Chẳng hạn, trước đây vài ngày, khi chúng tôi đi bách bộ về, bà ấy sự nhiên nói về cái chết của bà, nói về lời di chúc phân chia tài sản (tiện đây xin nói, bà ấy căn bản chưa làm gì chừng tổ đăng sau những lời này không có ý đồ gì). Nếu có thể đưa ra quan điểm của riêng mình thì tôi cho rằng đây không phải là sự cố bất ngờ, cũng không phải là hậu quả của ý thức mù mờ, mà là sự tự huỷ hoại một cách hữu ý do mục đích vô thức gây ra, nhưng được nguy trang thành sự bất hạnh bất ngờ. Những lời mà bà và thân thích của bà nói trước khi bà quen biết tôi và trong những ngày gầy đày đã chứng thực cho quan điểm của tôi. Tôi cho rằng, toàn bộ sự kiện là hậu quả của việc bà mất đi người chồng chưa cưới trước đây, trong thâm tâm bà không ai có thể thay thế được anh ta".

⁽¹⁾ Nội dung đoạn này đã được in trong lần xuất bản năm 1901.

khiên cưỡng, cố giữ không thay đổi quan điểm của mình. Về người bình thường thì ở đây có một dẫn chứng rất tốt, nhưng đã vượt ra ngoài phạm vi "hành vi sai lạc", mà gần với "hành vi triệu chứng" hoặc "hành vi ngẫu nhiên", loại hành vi này sẽ được bàn kỹ ở chương dưới. Trong quá trình điều trị cho bệnh nhân, sự kiện này đã cung cấp đầu mối giúp tôi giải quyết mâu thuẫn ở bệnh nhân.

Bệnh nhân này là một trí thức có năng lực nhận thức rất giỏi, nhưng đời sống gia đình của ông không được mỹ mãn. Tuy quan hệ vợ chồng bất hoà, biểu hiện ở nhiều lần xung đột thực tế, nhưng bản thân ông cho rằng chưa to tát lắm. Ông thường muốn ly hôn với vợ, nhưng vì thương hai đứa con nên bỏ ý định ấy. Do vậy, ông đành phải đánh đu giữa hai cực, lần nào cũng vậy, hạ quyết tâm rồi nhưng lại thôi. Tôi cho rằng sự bất lực này chứng tỏ động cơ tiềm ẩn nào đó trong chốn vô thức đã làm tăng thêm xung đột trong ý thức, phải dùng phương pháp phân tích tinh thần khêu gợi nó ra thì mới chữa khỏi. Một hôm, ông ta kể một việc nhỏ xảy ra trong gia đình, làm ông sợ chết khiếp; ông thường chơi đùa với đứa con nhỏ mà ông thích hơn, ông tung nó lên, càng tung càng cao, tý nữa thì va vào đèn chùm, thằng bé không sao cả, nhưng sợ hết hồn. Ông ôm chặt nó vào lòng, còn mẹ cháu thì gầm lên. Việc đùa dỡn như

thế này rất có khả năng gây ra kết cục bị thảm, bố mẹ sẽ chê trách nhau suốt đời. Điều đó chứng tỏ đây không phải là hành vi bất ngờ, mà là hành vi bệnh hoạn, chứng tỏ hai người họ đều có ý hướng không hay đối với con cái.

Bạn có thể đặt câu hỏi: "Lẽ nào giải thích mâu thuẫn giữa yêu và ghét là việc quá dễ?". Tôi tin rằng, tình yêu và sự quý mến của người cha đối với người con không phải có ngay từ khi vừa đẻ ra mà phải trải qua thời gian nuôi dưỡng dần dần. Khi con ông vừa ra đời, ông không hề yêu thương, mà chỉ thấy chán ghét vì nó ngăn cản ông ly dị vợ. Cho nên, từ trong cõi vô thức, ông đã có ý đồ làm hại nó. Chúng ta có thể tưởng tượng rằng, khi ấy ông ta nghĩ; nếu cái thằng nhóc không có ý nghĩa gì với ta này chết đi thì hay biết mấy, ta sẽ có thể ly hôn với mẹ kia". Con ông dần dần lớn lên, làm ông động lòng, nhưng ác ý kia thì vẫn ở lại trong vô thức, mãi tới khi suýt nữa xảy ra sự cố kia chúng ta mới biết sự mong đợi mà ông cố giữ lấy.

Từ đó tôi bắt đầu sờ tới một sự kiện trong ký ức thời nhỏ và có ảnh hưởng sâu xa của người này, khi còn rất nhỏ, em ông ta chết, mẹ ông ta rất đau buồn. Luôn luôn nguyên rửa cha ông sợ ý, hai người cãi chửi nhau thậm tệ, suýt tý nữa thì ly hôn. Công việc chữa bệnh của tôi đã thành công, đời sống hôn nhân của bệnh nhân của tôi dần dần mỹ mãn. Điều đó đã chứng thực giả thiết của tôi.

Stareke (1916) còn dẫn ra một dẫn chứng ⁽¹⁾ cho thấy nhà văn giấu tính sáng tạo không hề do dự dùng hành vi sai lạc thay cho hành vi hữu ý và làm cho hành vi này trở thành ngọn nguồn của kết cục đặc sắc.

Truyện ngắn của HeiJerman mô tả một trường hợp hành vi sai lạc ông gọi là hành vi đóng kịch (motif).

"Tác phẩm này có tên là "Thom và Tyde" ⁽²⁾. Thom và Tyde là một đôi thợ lặn của một rạp hát biết biểu diễn nhiều tiết mục. Tiết mục của họ là ngồi trong lồng kính ở dưới nước để biểu diễn xiếc. Gần đây, Tyde có quan hệ vụng trộm với một thợ dệt thú, chồng của một thợ lặn của bà ta phát hiện họ gian dối với nhau trong phong thay quần áo trước lúc biểu diễn tiết mục. Sau khi chết lặng người, thợ lặn này vênh mặt quát. "Cút!". Tiết mục bắt đầu, thợ lặn này phải biểu diễn một tiết mục khó, anh ta ở trong một chiếc lồng kín dưới nước hai phút rưỡi. Thông thường tiết mục này anh ta đủ sức biểu diễn. Mỗi khi khoá lồng xong. Tyde thường giờ chìa khoá ra cho khán giả thấy để họ bắt đầu tính giờ, có khi chị ta cố ý bỏ chìa khoá vào trong cái bình, sau đó nhanh chóng lặn xuống nước lấy chìa khoá lên mà vẫn kịp mở lồng ra.

Tối ngày 31/1, vợ của Thom vẫn dùng đôi tay khéo léo khoá lồng như xưa. Thom nhìn qua lỗ

⁽¹⁾ Dẫn chứng cuối cùng được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

⁽²⁾ Phiên âm dựa theo âm Hán - N.D

khoa nở nụ cười, còn vợ anh ta thì mân mê chiếc chìa khoá chờ tín hiệu của chồng. Người thợ dậy thú đứng ở bên cánh gà, mặc bộ lễ phục ban đêm, thắt ca vát trắng, tay cầm roi ngựa. Anh ta là người đàn ông khác của Tyde. Để thu hút sự chú ý của Tyde, anh ta huýt một tiếng, chị ta nhìn anh ta, cười. Do sức chú ý bị phân tán, Thom làm một tín hiệu tay rất vụng về, khi đồng hồ chỉ đã trải qua 2 phút 20 giây Tyde tung chìa khoá lên không trung, rất chính xác, chìa khoá rơi xuống cạnh chiếc bình, nằm ở chính giữa chiếc cờ bằng vải ở chân cột, không ai nhìn thấy, mà cũng không có ai có thể nhìn thấy. Nhưng người xem thì lại có ảo ảnh quang học, cứ như mọi người đều thấy chìa rơi xuống nước. Những người trên sân khấu không ai nghe thấy tiếng chìa khoá rơi, vì chiếc cờ bằng vải đã làm giảm tiếng chìa khoá rơi.

"Tyde không chân chừ, cười, bò tới bên cạnh chiếc bình, cười - Thom vẫn cố sức - Tyde bước từ trên thang xuống, vẫn cười. Chị ta mất hút dưới chân cột, tìm, nhưng không tìm thấy ngay chìa khoá, chị ta chẳng còn nghĩ tới lịch sự hay không lịch sự, quỳ xuống trước lá cờ để tìm, về mặt chị ta như muốn nói: "Thượng đế hãy tha cho con! Đây là việc hết sức chán ngán!"

"Khi, đằng sau lỗ nhòm hiện ra bộ mặt nhăn nhó lạ lùng của Thom, có vẻ anh ta đang lo sợ

không yên. Thính giả nhìn thấy bộ răng giả trắng toát của anh ta, đôi môi run run dưới chòm râu vàng nhạt, bọt mép sùi ra như trò hài hước. Trước đây khi anh ta biểu diễn ăn táo thì cũng có cảnh như thế này. Người ta còn nhìn thấy cả những ngón tay trắng lệch của Thom khi anh đập gõ, cấu xé thành lông, họ cười không dứt.

"2 phút 58 giây....

"3 phút 7 giây... 12 giây

"Tuyệt! Tuyệt quá! Vĩ đại quá!

"Bỗng không khi sợ, hãi bao trùm khắp rạp hát, màn được hạ xuống, nhân viên làm công việc sân khấu và thợ nuôi thú bắt đầu kiểm tra chân tướng chưa được phát hiện, người ta chỉ thấy những đôi chân đi lại vội vàng trên sân khấu.

"6 vũ nữ người Anh lên sân khấu, sau đó là những người dắt chó, ngựa, khỉ, v.v...

"Mãi tới sáng sớm hôm sau công chúng mới biết đã xảy ra sự cố bất ngờ, Tyde đã chẳng may trở thành quả phụ"

Từ đoạn văn này chúng ta có thể thấy tác giả đã hiểu biết sâu sắc biết nhường nào đối với bản chất hành vi tượng trưng, ông đã vạch ra nguồn gốc sâu xa của sai lầm chết người.

CHƯƠNG IX

HÀNH VI TRIỆU CHÚNG VÀ HÀNH VI NGẪU NHIÊN

Trên kia (chương VIII) chúng tôi những hành vi này, nhưng lại biểu hiện ở sự nhiễu loạn của những hành vi có tính chất ý hướng khác với cái có là sự vụng về. Bây giờ bàn về sự khác nhau duy nhất giữa "hành vi ngẫu nhiên" (chance actious) và "hành vi sai lạc" (bung led) mà thực tế là ở chỗ chúng không cần dựa vào ý hướng có tính chất ý thức, do vậy cũng không cần phải vin vào lý do nào cả. Chúng nảy sinh một cách độc lập, không vì bất kỳ mục đích và ý hướng nào. Chúng tôi gọi chúng đại loại như thế này: "căn bản không muốn làm như thế", "hết sức ngẫu nhiên", "chỉ vì không muốn để rồi đôi tay", và cho rằng giải thích như thế là đủ lắm rồi. Muốn có được địa vị đặc quyền này, những hành vi không cần mượn có là động tác vụng về này phải thoả mãn được các điều kiện; không quá nổi bật, hậu quả không nghiêm trọng.

Tôi thu thập được từ chính bản thân mình và từ những người khác rất nhiều dẫn chứng về hành vi ngẫu nhiên này, sau khi nghiên cứu một cách triệt để, tôi rút ra kết luận; đặt cho chúng cái tên là "hành vi có tính chất triệu chứng" (srump - tomaticacts) thì phù hợp hơn. Chúng cho thấy bản thân người có hành vi ấy không nhận biết được hành vi ấy, dĩ nhiên là cũng không muốn phơi bày ý chí của mình trước mặt người khác, chỉ là làm vì mình. Giống như các hiện tượng đã nói ở trên kia, đây cũng là một bộ phận về triệu chứng.

Thực tế thì nguồn gốc sinh ra những hành vi ngẫu nhiên hoặc hành vi có tính chất triệu chứng này đang được phân tích điều trị ở những người mắc bệnh tâm thần. Tôi muốn dẫn ra vài dẫn chứng để chứng minh rằng vai trò quyết định của tư tưởng vô thức trong những việc nhỏ nhặt bình thường hết sức tinh tế. Sự khác nhau giữa hành vi có tính chất triệu chứng và hành vi sai lạc rất không rõ ràng, vậy nên tôi để những dẫn chứng này trong cùng một chương.

Dẫn chứng 1.

Khi phân tích, thiếu phụ nọ nhắc tới một sự kiện theo phương thức liên tưởng; hôm qua, khi cắt móng tay, "do không cẩn thận chị ta cắt vào thịt".

Đây quả thực là việc nhỏ chẳng có nghĩa lý gì, nhưng kỳ lạ là tại sao chị ta lại muốn nhắc tới nó.

Chúng tôi bắt đầu nghĩ đây là một hành vi có tính chất triệu chứng. Sự thực đã cho thấy ngón tay bị chị ta cắt vào thịt là ngón tay đeo nhẫn cưới, ngày mà chị ta làm ngón tay bị thương là kỷ niệm ngày kết hôn. Như vậy, việc ngón tay của chị ta bị thương là việc có làm nghĩa cụ thể, chúng ta có thể dễ dàng đoán ra. Đồng thời chị ta còn nhắc tới một giấc mơ, ám chỉ sự vụng về bộc lộ tình cảm của chồng chị ta và sự tê liệt tình cảm làm vợ của chị ta. Nhưng tại sao chị ta lại đeo nhẫn cưới ở tay trái (chính là tay có ngón bị chị ta cắt vào thịt), mà ở nước chị ta thì thường phải đeo nhẫn cưới ở tay bên phải? Chồng chị ta là luật sư, "là tiến sĩ luật học" ("Doktor der Rechte"), nghĩa trên mặt chữ là "tiến sĩ bên phải", còn người tình của chị ta thời còn là thiếu nữ là bác sĩ nội khoa, bị gọi đùa là "bác sĩ sai lầm" ("Doktor der Linke"), nghĩa trên mặt chữ là "tiến sĩ bên trái". Do đó chuyện này có hàm nghĩa là cuộc hôn nhân tay trái".

Dẫn chứng 2.

Một chị độc thân còn trẻ nói với tôi rằng: "Hôm qua, hoàn toàn vô tình, tôi cầm tờ 100 pho - rinh ⁽¹⁾ xé làm đôi, cho một chị tới thăm một nửa. Tôi cũng gọi hành vi này là hành vi mang tính chất triệu chứng chẳng? Điều tra thêm tôi thấy chi tiết dưới đây. Chị phụ nữ độc thân này dùng một số thời gian và tiền của vào công tác từ thiện, cùng một

⁽¹⁾ Bấy giờ tương đương 8 bảng Anh hoặc 40 đô la Mỹ.

phụ nữ khác tài trợ cho công việc nuôi dưỡng một đứa trẻ mồ côi. Tờ 100 pho - rinh kia do chị phụ nữ ấy trao cho chị ta, chị ta bỏ vào phong bì, tạm thời để ở trên mặt bàn làm việc.

Người tới thăm là một bà có danh tiếng hiển hách, bà ta đang giúp một công việc từ thiện khác. Bà này muốn có một danh sách những người làm công việc từ thiện. Do không có giấy trong tay, bệnh nhân của tôi bèn cầm lấy tờ phong bì ấy, tưởng rằng trong phong bì không có gì, liền xé làm đôi, một nửa dùng để ghi danh sách người làm công việc từ thiện, còn một nửa thì đưa cho khách. Tuy làm như thế thì không thích hợp, nhưng xem ra cũng chẳng có gì là tệ hại cho lắm. Mọi người đều biết, nếu có thể dán lại được thì tờ 100 pho - rinh kia vẫn còn nguyên giá trị của nó. Nửa tờ phong bì kia ghi tên những người quan trọng, bà khách ấy chắc chắn sẽ không vất đi, nếu phát hiện bên trong có nửa tờ giấy bạc ấy thì chắc chắn bà ta sẽ gửi trả.

Nhưng, trong cái hành vi ngẫu nhiên do quên gây ra ấy, tư tưởng vô thức là gì? Vị khách này và bệnh nhân của tôi có quan hệ rất rõ ràng. Trước đây do vị khách này giới thiệu mà tôi trở thành bác sĩ điều trị của chị ta. Hơn nữa, nếu tôi không nhầm thì bệnh nhân này đang có suy nghĩ là mình mang ơn người giới thiệu ấy. Liệu có phải một nửa tờ 100 pho - rinh kia đại biểu cho sự trả ơn của chị ta đối với người giới thiệu? Điều này vẫn còn là một câu đố.

Song, vẫn còn nhiều tư liệu khác nữa. Cách đây không lâu, có một bà mối dò hỏi người nhà của chị bệnh nhân này xem chị ta có muốn làm quen với một thân sĩ không. Thế rồi, vào một buổi sáng, mấy tiếng trước khi bà khách kia tới thăm, thư tỏ tình của người cầu hôn được gửi tới, chị ta mừng lắm. Do vậy, khi bà khách lấy lý do tới thăm để mở đầu câu chuyện thì có khả năng bệnh nhân của tôi nghĩ rằng: bà đã tìm cho tôi một bác sĩ giỏi, nếu bà lại giúp tôi tìm được một tấm chồng tốt (và còn nghĩ xa hơn: để con) thì tôi cảm ơn bà biết bao. Luồng suy nghĩ dồn nén trong lòng ấy gộp hai việc lại làm một, thế rồi chị ta trao cho vị khách này món quà biếu mà trong thâm tâm chị ta chuẩn bị để biếu người làm mối khác. Khi tôi nhớ lại, tối hôm trước tôi đã nói với chị ta về hành vi ngẫu nhiên hoặc hành vi có tính chất triệu chứng thì tôi càng tin vào cách giải thích nói trên. Có khả năng chị ta không biết mình nghĩ như thế, nên hẳn có dịp là lại lặp lại hành vi tương tự.

Có thể chia những hành vi ngẫu nhiên hoặc hành vi có tính chất triệu chứng thường thấy này làm 3 loại: loại theo thói quen, loại thường thấy trong các trường hợp nhất định; loại xảy ra một cách cô lập ⁽¹⁾. Loại thứ nhất (như mân mê dây

⁽¹⁾ Hai loại trên đã đề cập ở trong đoạn này, loại thứ ba sẽ nói tới ở dưới. Đại bộ phận dẫn chứng sau đó đều được bổ sung trong các lần xuất bản sau này, nhưng thực ra có nhiều dẫn chứng lẽ ra phải thuộc loại thứ ba, tức loại hành vi "cô độc".

chuyên, sờ râu, v.v...) hầu như có thể coi là đặc trưng của cá nhân, giống với sự co giắt của cơ bắp, nên gộp làm một để giải thích. Hành vi loại hai, theo tôi, bao gồm: mân mê ba - toong, dùng bút chì viết vẽ lung tung, làm cho tiền kim loại trong túi kêu leng keng, nghịch những mẫu bánh mỳ vụn hoặc đồ vật bằng nhựa, bày biện quần áo của mình theo đủ kiểu, và nhiều động tác đại loại như thế. Trong quá trình điều trị tâm lý, người ta thấy những cử động tẻ nhạt này thường có ý nghĩa không có trong các cử động khác. Nói chung, dường sự không ý thức được họ đang làm cái cử động loại này hoặc đã sửa cử động bình thường bằng một phương thức nhất định, họ không nhìn thấy hoặc không nghe thấy hiệu quả của những hành vi ấy. Chẳng hạn, họ thường khuấy động đồng tiền nhưng không nghe thấy tiếng kêu leng keng, khi có người khác nhắc tới thì họ rất ngạc nhiên và không tin. Điều cũng quan trọng và đáng được các bác sĩ lưu tâm là động tác bày biện quần áo một cách vô thức. Mỗi sự thay đổi trong trang phục hàng ngày, mỗi sự sơ suất nhỏ - như có một chiếc cúc không cài - mỗi dấu hiệu để lộ ra, đều có ý nghĩa mà dường sự không muốn trực tiếp nói ra hoặc phần lớn là không ý thức được, mỗi khi giải thích và các luận cứ dùng để giải thích những hành vi ngẫu nhiên tẻ nhạt ấy đều có tính xác định. Tính xác định này bắt nguồn từ những tư liệu nghiên cứu, chủ đề thảo

lược được đưa ra trong quá trình phân tích và sự liên tưởng do hành vi ngẫu nhiên làm nảy sinh. Chính vì thế mà tôi không tiếp tục dùng dẫn chứng đã phân tích để làm chứng cứ cho quan điểm của mình nữa. Nhưng tôi vẫn muốn nhắc tới những hành vi này, vì chúng có ý nghĩa cũng như thế đối với những người bình thường và bệnh nhân của tôi.

Nhưng tôi phải đưa ra tối thiểu một dẫn chứng để chứng minh rằng, hành vi tương trưng cho thói quen có quan hệ chặt chẽ với phần quan trọng bên trong đời sống của người bình thường.

Jones viết ⁽¹⁾: "Giáo sư Freud mách bảo chúng ta rằng, nói chung, ý hướng tượng trưng của người ta ở thừa thơ ấu có vai trò lớn hơn so với dự tính của kinh nghiệm phân tích tinh thần thời trẻ tuổi. Từ đó cho thấy, những dẫn chứng dưới đây có khả năng rất có ý nghĩa, đặc biệt là đối với y học".

"Một vị bác sĩ khi sắp xếp nhà của không biết nên đặt cái máy nghe bằng gỗ kiểu cổ ở đâu. Sau ông ta đặt ở trên bàn làm việc, ở giữa ông ta và cái ghế của bệnh nhân. Bản thân hành vi này rất kỳ cục. Vì một là ông ta thường xuyên không sử dụng tới cái máy nghe này (ông là nhà tâm thần học), nếu có dùng thì phải dùng máy kiểu mới có hai ống

⁽¹⁾ Ernest Jones viết năm 1910 (bản tiếng Đức dài hơn và hơi khác so với bản tiếng Anh. Bản dịch này dịch từ bản tiếng Đức, doi chỗ tham khảo bản tiếng Anh.

nghe. Hai là, mọi máy móc, thiết bị khám bệnh khác ông ta đều để ở trong ngăn kéo, chỉ có mỗi chiếc máy nghe này là ngoại lệ. Ông không có suy nghĩ gì về việc này, mãi tới một hôm có một bệnh nhân chưa thấy máy nghe kiểu này bao giờ hỏi ông ta đó là cái gì, ông ta nói cho bà này biết, bà ta lại hỏi tại sao để ở đó, khi ấy ông ta ậm ừ trả lời chiếu lệ. Nhưng sau đó ông ta bắt đầu suy nghĩ, nghi ngờ trong hành vi này phải chăng có động cơ vô thức. Do am hiểu phương pháp phân tích tinh thần, ông quyết định điều tra việc này".

"Trước hết ông ta nhớ lại, khi còn là sinh viên y khoa ông ta rất sùng bái một bác sĩ thực tập, và có quan hệ rất thân với vị bác sĩ thực tập này.

Khi vị bác sĩ thực tập này tới phòng bệnh nhân bao giờ ông ta cũng mang theo cái máy nghe kiểu cũ này, tuy không bao giờ dùng tới. Sau này, khi ông ta cũng trở thành bác sĩ thực tập, ông ta nhiệm phải cái tật cũng như thế. Đôi khi quên không mang theo cái máy nghe kiểu cũ ấy để cho oai, ông ta cảm thấy rất không yên lòng. Sự không có mục đích của thói quen có thể thấy được từ hai mặt sau đây: Xưa nay ông ta chỉ sử dụng máy nghe có hai ống nghe, nhưng lại bỏ vào túi áo; khi chuyển sang thực tập ở khoa ngoại, không cần máy nghe nữa nhưng ông ta vẫn giữ thói quen ấy. Nếu chúng ta chỉ ra mối liên quan của hành vi có tính chất triệu

chúng này với đặc trưng của bộ máy sinh dục thì ý nghĩa của kết quả quan sát này sẽ lập tức rõ ràng.

"Tiếp đó ông ta nhớ lại thời nhỏ mà ông ta có ấn tượng rất sâu sắc với bác sĩ gia đình. Vị bác sĩ gia đình này có thói quen bỏ máy nghe kiểu cũ này vào trong mũ, khi khám bệnh chỉ cần bỏ mũ xuống, lấy máy nghe ra, rất tiện lợi. Điều này khiến ông rất thích vị bác sĩ này. Khi phân tích, ông bỗng nhớ ra khi ba tuổi rưỡi ông từng có huyền tưởng song trùng, huyền tưởng có một cô em gái ra đời - trước tiên là cô em gái này do ông ta và mẹ ông ta đẻ ra, đồng thời lại do ông ta và vị bác sĩ kia sinh ra.

Như vậy là trong huyền tưởng này ông ta vừa là nam vừa là nữ. Ông lại nhớ lại cái lần vị bác sĩ ấy khám cho ông khi ông 6 tuổi, nhớ lại rất rõ cái cảm giác tình dục phấn kích: cái đầu của bác sĩ ghé sát vào ông, dùng máy nghe áp vào ngực ông, có thể cảm thấy vận động hô hấp diễn ra đều đều. Khi 3 tuổi ông mắc bệnh phổi mãn tính phải kiểm tra nhiều lần, nhưng ông không nhớ rõ được.

"Khi 8 tuổi có một đứa con trai lớn tuổi bảo với ông rằng, vị bác sĩ ấy có thói quen ngủ cùng giường với bệnh nhân nữ. Điều đó ông nhớ như khắc vào tim. Nhưng lời đồn ấy chắc chắn phải có căn cứ. Dẫn sao thì phụ nữ ở khu phố lân cận, gồm cả mẹ ông ta đều đi lại thường xuyên với vị bác sĩ trẻ đẹp ấy. Ngay bản thân ông ta sau khi trở thành bác sĩ

cũng đã nhiều lần muốn vớ vẩn với bệnh nhân nữ. Ông ta đã từng hai lần rơi xuống con sông ái tình với hai người trong số bệnh nhân nữ ấy và đã lấy một trong hai người ấy làm vợ. Có lẽ chính vì trong chốn vô thức của mình ông ta đồng cảm với vị bác sĩ này mà ông ta chọn nghề y. Kết quả của những phân tích khác đã khiến chúng tôi nhận thức được một cách đầy đủ động cơ phổ biến này (mặc dầu rất khó xác định được mức độ phổ biến). Trong dẫn chứng sau có thể chúng mình được sự suy đoán này từ hai mặt: một là, ở một số mặt nào đó, bác sĩ có thể vượt lên trên người cha, còn vai trò người cha thì lại bị con trai ghét bỏ; hai là, lo hiểu biết của bác sĩ về mặt cấm kỵ và cơ hội thoả mãn tính dục.

"Tiếp nữa là một giấc mơ mà tôi kể đã được xuất bản trong tác phẩm khác (Jones xuất bản năm 1910), rõ ràng là có mùi vị đồng tính luyến ái và bị cưỡng ép. Trong giấc mơ này, một người đàn ông cầm "kiếm" tấn công ông ta, kỳ thực thì người đầu ông này là hiện thân của bác sĩ gia đình. Thanh kiếm này khiến ông ta nhớ tới một đoạn trong truyện truyền kỳ của Ni - belungen: Sigurd ngủ chung với Briinhilde. Sigurd dùng một thanh kiếm dài sắc nhọn đặt ở giữa hai người. Trong các sử thi tương tự vẫn thường thấy trong truyện truyền kỳ về vua Arthuriau, nhân vật chính của chúng ta cũng rất hiểu biết về truyện truyền kỳ này".

"Ý nghĩ của hành vi có tính chất triệu chứng này hiện nay đã rất rõ. Vị bác sĩ của chúng ta đặt chiếc máy nghe kiểu cổ ở giữa ông ta và bệnh nhân nữ của mình cùng như Sigurd đặt thanh bảo kiếm ở giữa mình và người đàn bà mà ông ta không muốn xâm phạm. Hành vi này có tính hai mặt nổi bật và thoả hiệp với nhau: một mặt, trong tưởng tượng của vị bác sĩ, nó thoả mãn nguyện vọng bị dồn nén của ông trong việc muốn có quan hệ tình dục với bất kỳ bệnh nhân nữ nào xinh đẹp; mặt khác, nó lại nhắc nhở ông chớ có biến nguyện vọng ấy thành hiện thực. Nói cách khác, sự tồn tại của nó có tác dụng chống lại dục vọng".

"Tôi còn muốn nói thêm rằng, thời nhỏ ông ta có ấn tượng rất sâu sắc đối với câu thơ sau đây trong bài thơ "Riche lieu" của nhà thơ Lord Lyttou:

Đối với nhân vật lịch sử vĩ đại ấy,

Bút mạnh hơn kiếm....⁽¹⁾

Hơn nữa, Lyttou đã trở thành một nhà văn giàu có, thường dùng một cây bút máy rất to. Tôi hỏi ông tại sao lại dùng cây bút to như vậy, ông trả lời một cách rất có cá tính: "Tôi có quá nhiều điều muốn nói".

"Sự phân tích này lại một lần nữa nhắc nhở

⁽¹⁾ Xuu Oldbam: "Ta cầm bút của ta như người khác mang kiếm của họ (I wear my pen as others do their sword).

chúng ta rằng những sự chột hiểu ra với ý vị sâu xa trong đời sống tinh thần thường diễn ra thông qua những hành vi "vô hại", "không có ý nghĩa", hơn nữa khuynh hướng tượng trưng hoá nảy sinh ngay từ thời kỳ đầu của cuộc đời".

Từ kinh nghiệm phân tích tinh thần của mình tôi đưa ra một dẫn chứng ⁽¹⁾ trong đó một bệnh nhân dùng một tay nghịch những mẫu bánh mỳ vụn, từ đó cung cấp cho chúng ta điều chứng minh hùng biện. Bệnh nhân của tôi là một cháu bé chưa tới 13 tuổi, mắc bệnh chứng ictêri hai năm rồi, đã thực hiện biện pháp nước (hydropathic) lâu ngày, nhưng không có kết quả, sau đó mời tôi chữa trị bằng phương pháp phân tích tinh thần. Tôi nghi cháu đã có sinh hoạt tình dục và đang bị vấn đề tình dục quấy rối. Đây là hiện tượng thường thấy ở lứa tuổi này. Nhưng tôi muốn phân tích để kiểm nghiệm giả thiết của mình, không muốn giúp cháu quá sớm bằng cách giải thích thẳng thừng. Do đó, tôi rất muốn tò mò xem cháu sẽ dùng cách nào để phô bày cái điều mà tôi phải tìm kiếm (những hành vi có tính chất triệu chứng). Một hôm tôi thấy tay phải cháu đang vò cái gì đó, có lúc lại bỏ vật ấy vào túi, nghịch ở trong túi, có lúc lại lấy ra. Tôi chưa hỏi cháu đang nghịch cái gì ở trong tay, nhưng cháu bỗng xoè tay ra cho tôi xem, đó là những mẫu

⁽¹⁾ Dẫn chứng này bắt đầu được sử dụng từ lần xuất bản năm 1901.

bánh mỳ vụn đã vo thành một nắm. Khi gặp cháu lần sau, tôi thấy cháu vẫn cầm cái nắm ấy. Khi nói chuyện, cháu nặn nắm bánh mỳ thành hình thù một vật gì đó, khiến tôi thích thú. Khi cháu nặn thì hai mắt nhắm lại, nhưng động tác lại nhanh tới mức khó tin. Rõ ràng đó là những hình người bé tí, có đầu, tay, chân, giống như những bức tượng thô kệch của các dân tộc thời tiền sử vậy, hơn nữa giữa hai đùi còn có một vật kèm theo bị kéo dài ra. Khi nặn tượng sắp xong cháu lại nặn thành hình cũ, tiếp đó lại tiếp tục nặn hình người, chỉ có điều là cái vật kèm theo bị kéo dài ra ấy có lúc lại ở đằng sau, có lúc lại ở chỗ khác, tựa như là muốn che giấu hàm ý ban đầu. Tôi định nói với cháu rằng tôi đã hiểu ý của cháu, nhưng đồng thời lại không muốn để cháu giả vờ đang tập trung nặn con giống chứ không nghĩ gì khác. Với ý đồ này, tôi đột nhiên hỏi cháu có nhớ hay không câu chuyện về quốc vương La Mã cho diễn một màn kịch câm ở vườn hoa để làm câu trả lời sứ giả do con ông cử tới. Cháu trai này không nhớ, mặc dầu cháu vừa mới được học, lý ra phải nhớ hơn tôi. Cháu hỏi có phải là câu chuyện về một nô lệ viết câu trả lời trên chiếc đầu trọc không ⁽¹⁾. Tôi bảo: "Không, đó là chuyện lịch sử Hy Lạp". Sau đó tôi kể cho cháu nghe: "Vua Superbus ⁽²⁾ ra lệnh cho

⁽¹⁾ Câu chuyện này ở chương 5 tập V trong tác phẩm "Herodotus"

⁽²⁾ Lần xuất bản năm 1901 và 1904 viết là "Tarquinius Priseus". Trong lần xuất bản năm 1904, ở tờ lót, Freud viết một chú thích khó hiểu. ý chính là

con ông ta là Sextus lên vào thành của quân địch. Sextus mau chóng tập hợp được ở trong thành một nhóm người theo mình, sau đó cử người mang thư về xin quốc vương chỉ thị hành động bước sau. Quốc vương không trả lời, một mình đi ra vườn hoa. Sứ giả hỏi lại một lần nữa. Quốc vương chẳng nói chẳng rằng chặt đứt mấy thân cây anh túc cao nhất, đẹp nhất trong vườn. Khi về, tác giả chỉ biết bám lại với Sextus cảnh tượng như thế. Nhưng Sextus hiểu ý cha, không lâu sau ông ta mưu sát được nhân vật hiển hách nhất trong thành".

Khi tôi kể thì cháu dùng tay không nghịch nữa, tôi nói tới đoạn "quốc vương chẳng nói chẳng rằng chặt đứt...", cháu nhanh như điện, vịn đứt đầu tượng. Từ đó cho thấy cháu đã hiểu ý tôi và cũng tự biết là tôi hiểu cháu. Bây giờ tôi có thể hỏi thẳng cháu được rồi, tôi giải đáp nghi hoặc trong lòng cháu, bệnh tâm thần của cháu không còn nữa.

Hành vi có tính chất triệu chứng ⁽¹⁾ diễn ra rất nhiều bất kể là ở người khoẻ mạnh hay người mắc bệnh tâm thần, đáng để chúng ta chú ý trên nhiều mặt. Đối với thầy thuốc, nó thường khiến họ chú ý tới những trường hợp mới hoặc chưa từng biết,

lấy tên cho thay cho tên con là nhằm cài ý cho bài bình luận sau về Zeus thay thế cha Kronos. Trong tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ" ("The Dreams") cũng có nhắc tới chuyện về Zeus, trong đó cắt bỏ chủ đề, gộp hai dẫn chứng này làm một.

⁽¹⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1097.

thành tích của họ rất lớn.

Đối với người quan sát nhân tính một cách nhanh nhậy, chúng thường bộc lộ ra mọi điều - có khi còn nhiều hơn những điều họ dự tính. Người hiểu ý nghĩa của chúng có khi có cảm giác mình như ông vua Solomon nghe hiểu tiếng muông thú trong truyền thuyết phương đông vậy. Một hôm tôi tới nhà một bà phụ nữ để khám cho một cháu trai còn nhỏ. Tôi và cháu bé này chưa từng quen biết nhau, khi cháu đi về phía tôi, tôi thấy trên ống quần cháu có một vết bẩn to, mép vết bẩn dày cứng, điều đó cho thấy vết bẩn là lòng trắng trứng gà. Sau một thoáng bối rối, cháu nói cháu bị đau cổ họng, vừa mút một quả trứng gà sống, có lẽ lòng trắng trứng dây ra quần áo, cháu còn chỉ vào vỏ trứng ở trong chậu để chứng minh. Thế là cái vết bẩn khả nghi được che giấu bằng cái có vô hại. Sau khi mẹ cháu lui ra, tôi cảm ơn cháu đã giúp tôi chẩn đoán một cách rõ ràng, nhưng nếu bình tĩnh trao đổi thẳng thắn thì điều mà cháu lo ngại là vấn đề thủ dâm (masturbatiou). Một lần tôi đi thăm bệnh cho vợ một lão phú ông vừa ngu xuẩn vừa bủn xỉn. Mụ ta kể về một lô một lốc bệnh tật mà chẳng hiểu là bệnh gì, làm cho bác sĩ rối tinh rối mù đầu óc, mãi mới phát hiện chẳng có gì đáng khám. Khi tôi tới mụ ta đang ngồi cạnh một chiếc bàn nhỏ xếp các đồng tiền bạc thành từng chuỗi. Khi đứng dậy

mụ ta làm rơi một số đồng, tôi nhặt lên hộ và ngắt lời kẻ khổ của mụ ta, tôi hỏi: "Cậu con rể hiền của bà tiêu của bà nhiều tiền vậy ư? " Mụ ta nổi cáu, phủ nhận, nhưng sau đó lại chê trách anh con rể xa xỉ, làm cho mụ ta lo nghĩ. Từ sau lần này, mụ ta không mời tôi tới khám bệnh nữa. Nên tôi không dám nói rằng người ta có thể giữ gìn tình thân thiện lâu dài với người đã vạch ra ý nghĩa hành vi có tính chất triệu chứng của mình.

Bác sĩ Dr. J. E. G. Van Emdeu (ở La Hay) có kể một số trường hợp thông qua hành vi sai lạc để ăn năn ⁽¹⁾. "Một lần, khi nhân viên một quán ăn nhỏ ở Berlin tính tiền cho chúng tôi, anh ta bỗng tuyên bố do chiến tranh nên mỗi món ăn tăng 10 plennig. Tôi hỏi tại sao không ghi trên hoá đơn. Anh ta trả lời như đinh đóng cột rằng do tôi không để ý - dĩ nhiên giá cả đã tăng rồi. Sau đó anh ta vụng về bỏ tiền vào túi. Nhưng do sơ ý, anh ta đánh rơi 10 plennig ở ngay trước mắt tôi.

- Bây giờ tôi có thể khẳng định anh sai rồi, anh có muốn để chúng tôi tới bàn thu tiền hỏi cho rõ không?

- Ô, xin lỗi, hãy chờ một lát - vừa dứt lời nhân viên nhà hàng này liền bỏ đi.

"Chẳng cần nói thì tôi cũng khẳng khái để cho

⁽¹⁾ Bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

anh ta tháo lui. Mấy phút sau, anh ta quay lại xin lỗi rằng vừa rồi chẳng hiểu vì sao anh ta nhầm món của chúng tôi với món ở bàn khác.

Tôi tha thứ cho anh ta và lấy 10 plennig kia làm tiền thưởng thưởng cho anh ta, vì anh ta đã đóng góp cho việc nghiên cứu tâm lý học về bệnh lý trong đời sống hàng ngày".

Khi vào cửa hàng ăn, nếu chú ý quan sát thái độ của người cùng bàn thì thường có thể thấy rất rõ hành vi có tính chất triệu chứng rất có ý nghĩa khơi gợi ⁽¹⁾.

Bác sĩ Dr. Hanns Sachs nói: "Có lần tôi cùng ăn tối với một đôi vợ chồng già có quan hệ rất thân với tôi. Bà vợ có bệnh dạ dày, ăn uống rất kiêng khem. Một đĩa thịt nướng được bung tối, tất nhiên bà không ăn được, ông chồng bà bảo mang mù - tạt ra, bà vợ mở chạn ra, lấy lọ thuốc chữa dạ dày đặt trước mặt chồng. Lọ mù tạt và lọ thuốc khác nhau hoàn toàn, nhưng bà vợ không biết là mình đã nhầm lọ nọ với lọ kia, tới khi chồng bà phì cười bà mới biết. Ý nghĩa của hành vi này rất rõ, dễ thấy, không cần giải thích.

Tôi thật lòng cảm ơn bác sĩ Dr. B. Dattner ở Wien, ông đã cung cấp cho tôi một dẫn chứng tuyệt diệu về hành vi loại này, rất có ích đối với những người nghiên cứu.

⁽¹⁾ Đoạn này và 4 dẫn chứng tiếp theo đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

"Tôi và đồng sự của mình là ông H, một vị tiến sĩ triết học, cùng ăn trưa tại một cửa hàng ăn. Ông ta nói về nỗi khổ của nhân viên tạm tuyển, khi lơ đãng nhắc tới thời gian vừa mới tốt nghiệp, ông nói rằng bây giờ kiếm được chức thư ký của vị đại sứ đặc mệnh toàn quyền hiến hách ở Chile. "Nhưng sau đó, vị đại sứ này chuyển đi làm việc khác, tôi không tự giới thiệu mình với vị đại sứ mới". Khi nói hết câu cuối cùng, ông ta xiên một miếng bánh ga tô bỏ vào mồm, nhưng lại lỡ tay để rơi mất. Tôi lập tức nhận ra ý nghĩa ẩn chứa trong hành vi này, bèn nói với người đồng sự không hiểu về phân tích tinh thần này rằng: "Kỳ thực là tự anh để mất miếng ngon đã kề bên miệng". Ông không hiểu câu nói của tôi cũng có ý nói về hành vi có tính chất triệu chứng vừa rồi của ông. Ông rất kinh ngạc, nhắc lại với thái độ hết sức đồng ý câu nói của tôi, như là tôi đã nói đúng tiếng lòng của ông, rằng: "Vâng, chính tôi đã tự đánh mất một miếng ngon". Lúc này ông mới nói kỹ rằng vì cử chỉ thất thố mà để mất chức vị tốt ấy. Lời thổ lộ ấy đã làm nhẹ gánh nặng tâm lý của ông.

"Nếu bạn biết rằng người đồng sự này và tôi không quen nhau, nên ông ta không muốn nói về khó khăn kinh tế của ông ta thì bạn càng có thể biết rõ ý nghĩa của động tác tượng trưng này, với hành vi có tính chất triệu chứng, tư tưởng bị dồn ép của ông ta biểu hiện một cách tượng trưng sự việc

mà ông ta muốn giấu, do đó giảm sức ép trong tiềm thức của ông".

Dẫn chứng dưới đây muốn nói lên rằng, hành vi mang đồ vật tới hoặc mang đồ vật đi không có mục đích cũng có hàm nghĩa phong phú.

Bác sĩ Dattner nói: "Một đồng sự của tôi đi thăm một bạn gái mà thời trẻ ông ta vô cùng yêu dấu. Đó là lần tới thăm đầu tiên kể từ sau ngày bà ta lấy chồng. Khi nói chuyện về cuộc viếng thăm này, ông ta tỏ ra khổ tâm về việc tuy đã định không ngồi lâu mà không thực hiện được. Tiếp đó ông lại kể về một động tác sai lạc kỳ lạ của ông khi ở đó. Chồng của bạn ông cũng tiếp ông, bỗng ông ta không thấy bao diêm vừa ở trên bàn biến đâu mất, vì đồng sự của tôi cũng sờ vào túi mình xem có tiện tay cầm nhầm không ⁽¹⁾, nhưng không có. Ít ngày sau, ông ta lại thấy bao diêm ấy ở trong túi mình, nhưng không hiểu sao trong bao diêm ấy chỉ còn có một que. Ít ngày sau nữa, giấc mơ của ông báo cho ông rằng bao diêm tượng trưng cho người bạn gái ấy của ông. Vậy là hành vi có tính chất triệu chứng ấy chứng tỏ ông muốn độc chiếm bà ta làm của mình".

Bác sĩ Hanns Sachs kể rằng: "Cô hầu gái của chúng tôi rất chung tình với món bánh ga tô, đó là

⁽¹⁾ Trong tiếng Đức "hộp" (schach tel) là từ giống cái, do đó, rất có khả năng hộp diêm là "cái ấy".

điều chắc chắn, vì cô ta chỉ giỏi làm có mỗi một món điểm tâm này. Có một chủ nhật, cô ta bê món điểm tâm này lên bàn ăn, sau khi thu dọn các đĩa, đĩa dùng trong các món ăn trước, cô ta lại đặt đĩa bánh ga tô lên trên đĩa về nhà bếp. Phản ứng đầu của chúng tôi là chờ cô ta phát hiện mình làm sai và sửa lại, nhưng chờ mãi không thấy cô ta mang tới, vợ tôi bấm chuông hỏi: "Betti, bánh ga tô đâu?" cô hầu gái không hiểu ý, nói: "Bà nói gì cơ ạ?". Chúng tôi phải bảo cho cô ta biết cô ta đã mang bánh ga tô trở lại bếp. Thì ra cô ta để riêng ra một chỗ rồi, nhưng "quên". Hôm sau, khi chúng tôi ăn món bánh ga tô còn thừa từ hôm qua, vợ tôi phát hiện bánh ga tô vẫn còn nguyên như khi ăn còn thừa trong ngày hôm qua - nói cách khác là cô hầu gái không hề ăn cái món mà cô thích.

Khi hỏi tại sao cô không ăn thì cô ngượng ngùng đáp rằng không muốn ăn. Ở sự kiện này, khi còn bé thì có thể do hai nguyên nhân: một là, thói tham ăn của trẻ con, không muốn người khác cùng ăn thứ mà mình ưa thích; hai là phản ứng kiểu trẻ con: "Đã không cho ta ăn thì các người cứ ăn cho hết, bây giờ ta không thèm đụng vào".

Hành vi ngẫu nhiên và hành vi có tính chất triệu chứng xảy ra trong đời sống hôn nhân ⁽¹⁾ thường có ý nghĩa rất hệ trọng, có khả năng khiến người

⁽¹⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

không hiểu tâm lý học vô thức cho rằng đó là điềm dữ. Nếu trong tuần trăng mật mà cô dâu làm mất nhẫn cưới mà phần nhiều là để nhầm chỗ sau đó lại tìm thấy thì đó không phải là điềm tốt. Tôi quen biết một chị, trong nhiều năm, mỗi khi xử lý vấn đề tài sản cá nhân của chị ta, bao giờ chị ta cũng ký tên khi chưa cưới chồng. Nay chị ta đã ly dị chồng. Tôi từng tới chơi ở nhà một đôi vợ chồng trẻ, nghe chị chủ nhà vừa cười vừa kể một sự kiện thú vị mà chị ta vừa mới trải qua gần đây. Ngày thứ hai, sau hôm đi nghỉ tuần trăng mật về, chồng chị ta đi làm, như thường lệ, chị ta gọi điện thoại rủ cô em chưa chồng đi chơi phố. Bỗng chị ta thấy một vị đứng ở bên kia phố, chị ta bấm cô em, nói: "Em xem kia, kia có phải ông L không?" Chị ta quên rằng vị ấy là người đã trở thành chồng chị ta mấy tuần lễ rồi. Tôi nghe mà toát cả mồ hôi hột, nhưng không dám bình luận gì. Mấy năm sau, khi tôi được tin họ bỏ nhau, sự kiện nhỏ này mới hiện lên trong đầu tôi ⁽¹⁾.

Đoạn ghi chép dưới đây ⁽²⁾ lấy từ tác phẩm nổi tiếng viết bằng tiếng Pháp của Alphonse Marder, có lẽ có thể dùng làm dẫn chứng về sự quên lãng.

"Một chị phụ nữ đang kể với chúng tôi một

⁽¹⁾ Sau này, Freud đưa hai dẫn chứng ở đoạn này và một dẫn chứng ở ngay sau đó vào chương III sách "Những bài giảng về phân tích tình thần" (Introductory Lectures)

⁽²⁾ Được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

khúc nhạc đêm về việc gần đây chị ta quên không đi thử áo cưới, 8 giờ trước khi cử hành lễ cưới chị ta mới nhớ ra. Bấy giờ, chị thợ may nghĩ rằng không còn hy vọng gặp lại vị khách này nữa. Chi tiết này đủ để chứng minh cô dâu không thích mặc áo cưới, hơn nữa còn cố quên đi cái việc đau khổ ấy. Hôm nay... chị ta đã bỏ chồng rồi" ⁽¹⁾.

Một người bạn thạo xét lời xem mặt bảo tôi rằng ⁽²⁾, trong một lần biểu diễn, nữ diễn viên vĩ đại Ellonora Duse đã sử dụng hành vi có tính chất triệu chứng để biểu hiện vai diễn, thể hiện tài năng nghệ thuật phi phạm của mình và sự lý giải sâu sắc đối với vai diễn. Đó là một vở về cuộc tình vụng trộm, cô ta vừa mới cãi nhau với chồng, đang đứng đực ra đó trầm ngâm suy nghĩ, chờ người tình tới. Trong thời gian ngắn ngủi ấy cô ta mân mê chiếc nhẫn hết tháo ra lại lắp vào, lại tháo ra... lúc này toàn bộ trái tim cô ta đã thuộc về người khác.

Ở đây tôi muốn ghi thêm lời kể của Theodor Reik về một số hành vi có tính chất triệu chứng khác có dây dưa tới cái nhân ⁽³⁾.

⁽¹⁾ Nguyên văn như sau: Une dame nous racontait récemment qu'elle avait oublié d'essayer sa robe de noce et s'en souvint la veille du mariage à huit heures du soir: La couturière de s'espérait de voir sa cliente. Ce détail suffit à montrer que la fiancée ne se sentait pas très heureuse de porter une robe d'épouse, elle cherchait à oublier cette représentation pénible. Elle est aujourd'hui... divorcée".

⁽²⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

⁽³⁾ Đoạn này và hai đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

"Khi những người đã có vợ, có chồng tháo nhẫn cưới ra thì đó là hành vi có tính chất triệu chứng, họ rất quen thuộc hành vi có tính chất triệu chứng ấy. Người đồng sự của tôi, ông M, từng có một loại hành vi này. Người bạn nữ của ông ta tặng ông ta một chiếc nhẫn và dặn đi dặn lại rằng chớ có đánh mất, nếu để mất thì chị ta sẽ cho là ông không yêu chị ta nữa.

Thế rồi ông M ngày càng sợ đánh mất chiếc nhẫn này. Nếu tạm thời tháo ra (khi rửa tay chẳng hạn) thì sẽ vô ý để sai vị trí, tìm được thì mất nhiều thời gian. Khi bỏ thư vào thùng thư thì sợ vương vào mép miệng thùng thư rồi rơi mất. Có một lần ngẫu nhiên ông quả là gặp cái vận đen như thế, khi bỏ thư thì nhẫn tuột ra rơi vào trong thùng thư. Thư gửi đi lần này là thư gửi đi chia tay người bạn gái cũ, vì thế mà ông áy náy, đồng thời ông lại rất muốn có cô bạn gái ấy, chứ không phải là cô bạn gái tặng ông cái nhẫn kia.

Câu chuyện về chiếc nhẫn này lại một lần nữa khiến chúng ta cảm thấy rằng; đối với các nhà phân tích tinh thần, việc phát hiện ra những tư liệu gốc mới như thế này không phải là viết dễ, các nhà văn giàu tính sáng tạo đã nhanh chân tới trước rồi. Trong tiểu thuyết "Vor dem Sturm" ("Đối mặt với gió bão") của Foutane, Justizrat Turgany tuyên bố: "Hỡi các bà, các bà có thể tin tưởng rằng

ở hành vi cầm cố trong trò chơi phạt đồ vật, thì dấu là bí mật được che giấu kỹ nhất trong nội tâm cũng bị tiết lộ ra ngoài". Trong dẫn chứng mà ông dùng để chứng minh quan điểm của mình có một điều đáng được chúng ta đặc biệt chú ý, đó là: "Tôi nhớ ra vợ một vị giáo sư - bà ta ở vào cái tuổi thân thể bắt đầu phát phì - lại một lần nữa tháo nhẫn cưới ra làm vật cầm cố, tôi không muốn nói đời sống hôn nhân của bà hạnh phúc". Sau đó ông nói tiếp: "Trong cùng một công ty còn có một thân sĩ không biết thế nào là chán trong việc bỏ vào túi quần đàn bà con dao nhíp mà ông ta luôn mang theo bên mình - con dao nhíp này có 10 lưỡi dao, một cái mở nút chai, một viên đá lửa và thanh đánh lửa - mãi tới khi cái vật sắc nhọn này làm rách mấy cái quần thì biến mất trong tiếng thét phẫn nộ của mọi người.

Là vật có ý nghĩa tượng trưng cho sự giấu có, nhẫn đóng vai trò quan trọng trong động tác sai lạc mang ý vị sâu xa. Chúng ta không lạ gì điều này, thậm chí nó được dùng làm nhẫn cưới, nhẫn đính hôn, đánh dấu quan hệ tình yêu, nó cũng có tác dụng quan trọng. Bác sĩ Dr.M.Kar dos cung cấp cho tôi một dẫn chứng để chứng minh điều này.

"Mấy năm trước, có một vị rất muốn trở thành người nổi gót tôi, anh ta chia sẻ gánh nặng công việc trí óc với tôi, giúp đỡ tôi, chẳng khác

nào trò đối với thầy vậy. Trong một dịp đặc biệt, tôi tặng anh ta một chiếc nhẫn. Về sau, có mấy lần chiếc nhẫn này gây ra hành vi có tính chất triệu chứng hoặc hành vi sai lạc, mà lại thường xảy ra vào khi quan hệ giữa chúng tôi trực trặc. Mới đây anh ta kể cho tôi nghe một chuyện hoàn toàn là biểu hiện của hành vi có tính chất triệu chứng. Các bạn có biết không, chúng tôi thường mỗi tuần gặp nhau một lần, những lần này thường anh ta đến chỗ tôi trò chuyện, bàn bạc. Nhưng có một lần xin khát không tới được, vì có hẹn với một cô gái trẻ, dường như điều này hấp dẫn anh ta hơn. Sáng hôm sau anh ta thấy cái nhẫn không còn ở trên tay anh ta nữa - nhưng khi rời khỏi phòng rất lâu rồi anh ta mới phát hiện. Anh ta không lo ngại lắm, vì anh ta tin chắc là anh ta để ở mặt chiếc tủ đầu giường. Hàng ngày, khi đi ngủ anh ta thường để nhẫn ở đó, lần này chắc hẳn không ngoại lệ, khi trở về nhà sẽ tìm thấy rất nhanh. Vừa về tới nhà anh ta tìm nhẫn ngay, nhưng không tìm thấy thế rồi anh ta lục tìm khắp xó, nhưng vẫn không thấy.

Cuối cùng, trong đầu anh ta hiện lên một cảnh tượng: chiếc nhẫn ấy đang nằm trên mặt tủ đầu giường - sự thật thì hơn một năm nay vẫn như thế - cạnh đó là con dao nhíp mà anh ta thường mang theo bên mình, trong túi áo gi-lê. Anh ta nghĩ rằng

có khả năng anh ta "vô ý" bỏ nhầm vào túi để dao nhíp. Anh ta thò tay vào túi lục tìm thì thấy cái nhẫn đang nằm trong túi.

Câu ngạn ngữ "nhẫn cưới của anh ta ở trong túi áo gi-lê của anh ta" ám chỉ nơi để nhẫn của những ông chồng có ý định phản bội vợ mình. Do vậy, cảm giác mắc tội của anh bạn tôi khiến anh ta muốn trừng phạt mình ("Người đã không đeo cái nhẫn đó nữa"), tiếp đó lại rất hối hận là đã không chung thủy, dấu chỉ là biểu hiện dưới hình thức động tác sai lạc chứ không bộc lộ trực tiếp ra ngoài. Khi kể về động tác sai lạc này - một sự kiện bất ngờ vốn có thể dự kiến từ trước - anh ta chỉ tỏ ra ân hận đối với sự bất trung nho nhỏ dưới hình thức vòng vo".

Tôi quen biết một ông lão ⁽¹⁾ lấy một cô vợ trẻ ông ta quyết định đi hưởng tuần trăng mật ngay đêm đầu tiên sau lễ cưới, nghỉ tại khách sạn trên phố. Khi họ vừa tới cửa khách sạn thì ông ta đã nhanh trí phát hiện mình quên không mang theo ví tiền, trong đó có toàn bộ số tiền dùng cho chuyến đi này, có khả năng quên mang theo và cũng có khả năng đã rơi mất. Ông vội gọi điện về sai người hầu tìm, túi tiền đã được tìm thấy ở túi quần áo cưới mà ông ta đã thay ra và được mang tới trao cho chú rể cưới vợ trong tình trạng ngờ

⁽¹⁾ Đoạn này và đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

nghech. Thế là hôm sau họ đã có thể bắt đầu chuyến đi của mình. Nhưng qua đó bạn có thể phát hiện ông lão không vui lòng tình nguyện đối với cuộc hôn nhân này, vì ông biết trước rằng ông đã liệt dương (unvernigend).

Có lẽ đây là việc khiến người ta yên lòng: trong thói quen quên đồ vật có một sự tiến triển không được người ta để ý - tức là hành vi có tính chất triệu chứng, khiến cho thói quen này ứng hợp với ý hướng bí mật của người mất của. Trong hành vi này, người mất của thường tỏ ra không để ý tới vật đã mất hoặc đã cho người khác, hoặc thông qua sự liên tưởng có tính chất tượng trưng sự chán ghét đối với vật khác quan trọng hơn được chuyển dịch sang đối với vật đã mất, đã cho này. Việc đánh mất vật quý trọng toát lên các dạng tình cảm, nó có thể đại biểu một cách tượng trưng cho tư tưởng bị dồn nén - tức là, nó có thể đang nhắc ta một việc mà ta muốn quên - hoặc (đây là điều thường thấy nhất) nó có thể đại biểu cho sự hiện dăng đối với thần số phận chưa biết, tới nay trong chúng ta vẫn thịnh hành phương thức bày tỏ lòng kính trọng này ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1907, đoạn này có một chú thích. Còn các lần xuất bản sau đó có thêm nội dung khác, gồm một loạt dẫn chứng ngắn về hành vi có tính chất triệu chứng, trong lần xuất bản năm 1924 được sửa thành chính văn.

Dưới đây là những dẫn chứng có thể làm rõ quan điểm về việc làm mất đồ vật ⁽¹⁾.

Bác sĩ Dattner nói: "Một vị đồng nghiệp bảo tôi rằng, ông không ngờ chính mình để mất cái bút chì Pen Kala có tính năng ưu việt, ông rất quý, đã dùng hai năm nay. Qua phân tích thì được biết: một ngày trước hôm đánh mất ông nhận được thư của anh rể, viết với giọng cứng nhắc, rằng: "Nay em hay ăn biếng làm như vậy, được sao hay vậy như thế, anh chẳng còn lòng tin và thời gian để động viên em nữa". Hiệu lực của lá thư này sao mà mạnh đến thế, khiến tôi ngay ngày hôm sau liền hy sinh cái bút chì mà ông anh rể cho ấy để bày tỏ thái độ chẳng cần cái gì của anh ấy nữa" ⁽²⁾.

Một chị phụ nữ mà tôi quen biết quyết định không tới rạp kịch dự lễ tưởng niệm mẹ mình, điều đó có thể hiểu được. Khi chỉ còn vài ngày nữa là hết thời kỳ tưởng niệm, chị phụ nữ này nhận lời mời của một người bạn gái đi xem một buổi diễn đặc biệt hay. Khi tới cửa rạp chị ta phát hiện đã mất vé vào cửa, sau đó chị ta nhớ ra là khi rời ga xe điện chị ta đã vất đi cùng với vé xe điện, trong khi đó chị

⁽¹⁾ Câu này, dẫn chứng ở dưới do Dattner đưa ra và câu trong bài của Otto Raut được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912. Hai đoạn bên dưới dẫn chứng do Dattner đưa ra được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917 và 1920.

⁽²⁾ Tại chương III tác phẩm "Những bài giảng về phân tích tinh thần cũng có dẫn chứng này, trong đó "bút chì Pen Kala" được gọi là "bút viết giấy nến".

ta xưa nay vẫn tự phụ là chưa bao giờ lơ là cầu thả để mất cái gì bao giờ.

Qua đó chúng tôi còn đoán rằng có một lần khác chị ta cũng đánh mất đồ vật mà không có lý do như thế. Chị ta từng tới thăm một trạm điều dưỡng, chị ta quyết định một nơi ăn ở tập thể mà trước đây chị ta đã từng sống một thời gian. Ở đó chị ta được nhiệt liệt hoan nghênh và chiều đãi với tư cách là một người bạn cũ. Khi chị ta định trả tiền thì bà chủ nhà bảo chị ta khách sáo quá, nhưng chị ta cảm thấy không trả tiền thì rất không phải, cuối cùng hai bên thống nhất ý kiến rằng, chị ta để lại một ít tiền cho cô nhân viên đã phục vụ chị ta, và thế là chị ta mở ví tiền ra lấy tờ một mác để lên trên mặt bàn. Tối, nhân viên phục vụ mang tới trả chị ta tờ giấy 5 mác, nói rằng chị ta đánh rơi ở dưới gầm bàn. Chắc hẳn điều này xảy ra là do chị ta không cẩn thận khi lấy tiền để lại cho nhân viên phục vụ, rất có thể là chị ta nghĩ rằng nên dùng cách ấy để trả khoản chi phí cần phải trả.

Trong một tác phẩm đồ sộ, Otto Rauk từng dùng phương pháp giải phẫu giấc mơ để vạch ra cơ sở tạo nên hành vi đánh mất đồ vật - tâm trạng hy sinh, và chỉ ra động cơ sâu xa hơn của tâm trạng ấy ⁽¹⁾. Điều lý thú là, sau này ông

⁽¹⁾ Được bổ sung thêm trong lần xuất bản năm 1917. Những bài khác có cùng chủ đề này xin xem "Tập chí phân tích tinh thần" (Zeutralblatt für Psychoanalyse) số 2 năm 1912 và "Tập chí quốc tế phân tích tinh thần"

không chỉ viết việc đánh mất đồ vật mà cả việc đánh mất đồ vật mà cả việc tìm thấy đồ vật đều do tâm lý quyết định.

Qua câu chuyện của ông chúng ta có thể lý giải được quan điểm của ông, dưới đây tôi sẽ kể lại câu chuyện này của ông. Rõ ràng là, trong diễn biến mất là mất vật đã chuẩn bị xong, trong diễn biến tìm thấy thì, vật đã mất là đối tượng lục tìm.

"Một cô gái chưa thể tự lập về kinh tế mong mua được một bộ đồ trang sức quý nhưng giá rẻ. Tại cửa hàng, cô ta hỏi giá của bộ trang sức quý mà cô ta thích, nhưng đáng tiếc là giá của bộ trang sức ấy vượt quá số tiền cô ta tích góp được. Cô ta rất thất vọng, mặc dầu giá của bộ đồ trang sức ấy chỉ nhiều hơn có 2 kronor. Cô ta buồn chán đi về nhà, trên đường phố chật ních người chơi đêm. Mặc dầu lẳng lặng bước đi nhưng cô vẫn để ý thấy một mảnh giấy nhỏ nằm ở dưới đất khu phố phồn hoa, cô bước qua, nhưng cô quay lại nhặt lên, thì ra là tờ giấy bạc 2 kronor bị gấp làm đôi! "Chắc hẳn đây là vận may đã biểu cho cô để cô mua bộ đồ trang sức quý giá kia". Cô ngẫm nghĩ, vui mừng, tiếp tục đi về. Cứ như là nhận

được lời gợi ý, cô tự bảo mình rằng không thể dùng đồng tiền này để mua bộ đồ trang sức được, vì tiền nhặt được là đồng tiền gặp may mà có, không thể chi tiêu được.

"Từ việc này chúng ta có thể suy ra những ý kiến phân tích phù hợp lý trí về "hành vi ngẫu nhiên", dấu không có thông tin cá nhân do cô gái ấy cung cấp. Trên đường về nhà, trong số những suy nghĩ hiện lên trong đầu cô, chắc chắn rõ nhất là suy nghĩ về sự nghèo túng về địa vị kinh tế có hạn của cô, hơn nữa chúng ta có thể suy đoán rằng, ý nghĩ ấy chắc chắn sẽ hiện lên với hình thức mong muốn thay đổi cảnh nghèo khó ấy. Còn suy nghĩ làm thế nào mới có thể có được khoản tiền vừa bằng giá hàng ấy một cách dễ dàng nhất thì chắc chắn sẽ nổi rõ trong suy nghĩ khao khát thoả mãn nguyện vọng không có gì là quá đáng ấy của cô, và chắc hẳn, đã vạch ra cho cô con đường giải quyết đơn giản nhất tức là phương pháp kiếm tiền. Trong điều kiện đó, ở chốn vô thức (hoặc tiềm ý thức) của mình, cô sẽ ngã theo khuynh hướng "tìm được", dấu - quy nguyên nhân cho sự "lảng lạng" của cô ta - suy nghĩ chân thực này không trở thành suy nghĩ tự giác hoàn toàn có ý thức. Tính tới sức mạnh vô thức trong những trường hợp khác đã được phân tích, chúng tôi có thể nói rằng, thực tế thì. Ý nghĩa vô thức về việc

"chuẩn bị sẵn sàng đi tìm một số đồ vật" càng có thể mang lại thành công thực tế mà không gây ra sự chú ý có ý thức trực tiếp ở đương sự đối với ý nghĩ này. Nếu không thì sẽ rất khó giải thích, trong số hàng ngàn hàng vạn người qua đường, tại sao chỉ có một mình cô ta nhìn thấy tờ 2 kronor - mà lại dưới ánh đèn đường lơ mờ, trong dòng người đông đúc - điều đó ngay bản thân cô ta cũng ngạc nhiên. Nhưng dấu vết sức mạnh có thực nảy sinh từ sự chuẩn bị xong xuôi trong chốn vô thức hoặc tiên ý thức có thể nhận ra từ trong sự thật không bình thường nảy sinh sau khi cô gái nhặt được tờ 2 kronor - tức là, sau khi thái độ "nhặt tiền" trở thành thừa và chuyển dịch ra khỏi lĩnh vực chú ý có ý thức, thì cô gái này nhặt được một chiếc khăn tay trên đoạn cuối đường về nhà, đây là đoạn phố ngoại ô tối om và vắng vẻ".

Nhất định có thể nói rằng ⁽¹⁾, chính hành vi có tình chất triệu chứng này đã cung cấp cho chúng ta con đường tốt nhất để lý giải đời sống tinh thần nội tại của con người.

Bây giờ chúng ta nói tới hành vi ngẫu nhiên xảy ra một cách độc lập ⁽²⁾. Tôi sẽ kể một trường hợp dấu không phân tích thì cũng rất rõ ý nghĩa sâu sắc của nó. Dẫn chứng này cho biết một cách

⁽¹⁾ Đoạn này bổ sung trong lần xuất bản năm 1912

⁽²⁾ Đoạn này và đoạn sau có từ lần xuất bản năm 1901

rõ ràng trong điều kiện nào thì loại hành vi có tính chất triệu chứng mới xảy ra một cách kín đáo và khiến người ta nhận thức được tầm quan trọng của thực tiễn. Một lần, trong chuyến đi du lịch mùa hè, tôi muốn dừng lại nghỉ vài ngày tại X, chờ các bạn đồng hành của tôi. Bây giờ tôi quen một người trẻ tuổi, cũng là người độc thân. Anh ta rất thích cùng đi với tôi. Chúng tôi cùng nghỉ tại một khách sạn, tất nhiên là hàng ngày cùng ăn, cùng đi bách bộ với nhau. Chiều ngày thứ ba bỗng anh ta bảo rằng tối thì vợ anh ta đi xe lửa tới đây. Tôi lấy làm thú vị ở góc độ tâm lý học. Vì sáng hôm ấy anh ta từ chối cùng đi xa với tôi, khi đi bách bộ một đoạn đường ngắn thì anh ta lại phản đối đi theo đường nhỏ X, nói rằng lối đi ấy, quá dốc quá nguy hiểm, buổi chiều, khi đi bách bộ thì anh ta bỗng nói nhất định tôi đã đói rồi, phải ăn tối sớm hơn - anh ta phải ra ga đón vợ và cùng ăn tối với vợ anh ta. Tôi hiểu ý anh ta, nên tự đi ăn một mình, còn anh ta thì ra ga. Sáng hôm sau chúng tôi gặp nhau ở phòng lớn của khách sạn, anh ta giới thiệu người vợ và nói: "Nếu anh không giữ ý thì cũng ăn với chúng tôi nhé?". Khi ấy tôi phải tới phố bên cạnh để làm một việc nhỏ, nên trả lời rằng tôi sẽ quay về ngay. Sau đó, khi tôi quay về tới khách sạn thì thấy hai người đang ngồi bên chiếc bàn nhỏ

cạnh cửa sổ, đối diện họ chỉ có 1 chiếc ghế tựa trên đó vắt một chiếc áo mưa vừa dày vừa nặng của anh bạn ấy của tôi, tất nhiên không phải là cố tình, nhưng rất rõ ràng là nó có ý rằng: "Ồ đây không còn chỗ cho bạn, hiện giờ anh đã là người thừa". Anh bạn này của tôi không để ý tới tôi đang đứng ở trước bàn, nhưng vợ anh ta thì có để ý tới và vội hích chồng, nói nhỏ: "Kìa, anh ngồi vào chỗ của ông ấy rồi".

Lần này và những trường hợp khác tương tự mà tôi đã trải qua giúp tôi rút ra kết luận rằng: hành vi vô thức nhất định không thể tránh khỏi trở thành nguồn gốc gây ra sự hiểu lầm giữa người này với người nọ. Người có hành vi ấy thì không cho rằng trong hành vi của mình có ngấm ý gì đó, cũng không cho rằng nguyên nhân gây ra sự không vui là do họ và họ phải chịu trách nhiệm; còn người hứng chịu thì lại thường gán suy luận của họ đối với ý đồ và tình cảm của người có hành vi ấy là cơ sở của hành vi khác cùng loại, họ am hiểu quá trình tâm lý của hành vi này, đến nỗi áp đặt hậu quả của hành vi này lên đầu người mà họ không quen biết, cho rằng người này cũng có ý đồ và tình cảm tương tự, nhưng người này không thừa nhận điều ấy. Thực tế cho thấy, nếu rút ra kết luận từ hành vi có tính chất triệu chứng của người có hành vi ấy và nói

công khai trước mặt mọi người thì người có hành vi ấy sẽ cảm thấy mất mặt, họ sẽ nói đó là những lời vô căn cứ, vì khi hành động họ căn bản không ý thức thấy có bất kỳ ý đồ nào, họ sẽ oán trách là bị hiểu lầm. Suy nghĩ kỹ thì thấy, kỳ thực, sự hiểu lầm này dựa trên cơ sở rất gần gũi nhau và hiểu nhau giữa hai người, hai bên càng "yếu bóng vía" thì càng tạo có cho đối phương tranh cãi, vì bên nào cũng kiên quyết phủ nhận trách nhiệm thuộc về mình, kiên quyết gán trách nhiệm cho đối phương. Sự bồn chồn do quên lãng, do hành vi sai lạc và các hành vi vô ý thức khác thực ra là sự trừng phạt đối với nội tâm không thành thực. Khi không tự giác khống chế được sự bồn chồn này thì nên nói thật với mình và với người khác. Chúng ta có thể nói rằng, hầu như ai ai cũng thường xuyên phân tích tâm lý của người láng giềng, liệu họ còn nhiều hơn hiểu mình. Nếu muốn nghiên cứu hành vi và sơ suất rõ ràng là vô ý của mình thì hãy nhớ lấy lời dạy trong câu cách ngôn "hãy nhận thức bản thân mình" ⁽¹⁾.

Trong số những nhà văn đã từng bình luận hoặc đã từng sử dụng hành vi có tính chất triệu chứng và động tác sai lạc mà chúng ta không để ý không có ai được như Strindberg lý giải một cách rõ ràng bản chất thần bí của chúng và thể hiện chúng

⁽¹⁾ Câu cách ngôn nổi tiếng này được khắc ở đền thờ Apolo ở Delphi.

theo một phương thức sinh động không thể tưởng tượng được. Sự khác thường về tinh thần ở ông đã giúp ông phát triển tài năng nhận thức về mặt này. Bác sĩ Dr. Karl Weiss đã chú ý tới đoạn văn sau đây trong tác phẩm của ông.

"Một lát sau quả là bá tước đã đến. Ngài bình tĩnh bước lại gần Esther ⁽¹⁾, dường như ngài đã có hẹn với bà.

" - Bà chờ tôi đã lâu chưa? - Ngài khẽ hỏi.

" - Ngài biết không, đã 6 tháng rồi đấy - Ether đáp - nhưng hôm nay ngài mới thấy tôi sao?

" - Phải. Vừa rồi ở trên xe điện tôi chăm chú nhìn vào đôi mắt của bà, có cảm giác như đang nói chuyện với bà.

" - Từ lần trước trở đi "xảy ra" bao nhiêu chuyện

" - Phải, tôi tin rằng giữa chúng ta mọi chuyện đã chấm dứt.

" - Tại sao lại như thế?

" - Tôi đã đập vỡ hết mọi tặng phẩm bà tặng tôi hơn nữa lại đập bằng một phương thức thần bí. Nhưng điều đó đã được chú ý tới từ lâu rồi.

" - Trời! Bây giờ tôi nhớ ra một chuỗi sự việc. Trước đây tôi chỉ coi chúng là chuyện ngẫu nhiên. Một lần bà nội tôi cho tôi một chiếc kính. Một thời

⁽¹⁾ Esther Borg là nữ bác sĩ trong tác phẩm của Strindberg.

gian nó giúp tôi được rất nhiều việc.

Đó là kính làm bằng thuỷ tinh mài bóng, rất thích hợp với công tác khám nghiệm tử thi, tôi rất thích. Một hôm tôi cãi lại bà nội, bà bực lắm. Thế rồi trong một lần khám nghiệm tử thi sau đó, mắt kính tự nhiên rơi ra, tôi tưởng nó chỉ rơi ra thế thôi, định mang đi sửa, nhưng không được, tôi bỏ vào ngăn kéo, thế rồi không cách mà bay.

"Trời! Lạ thật, những chuyện liên quan tới kích mắt bao giờ cũng rất ly kỳ. Một người bạn cho tôi một cái ống nhòm dùng để xem kịch, rất thích hợp với tôi, sử dụng nó để xem kịch thì rất khoái. Sau đó tôi và anh bạn này cãi nhau, bà biết không, việc này chẳng có nguyên do gì, cứ như là làm người thì không được phép sống hoà thuận, yên ổn vậy. Lần sau, khi tôi mang ống nhòm ra dùng thì kính bị mờ, hình ảnh trong ống nhòm có bóng. Tôi chẳng nói có lẽ bà cũng biết không phải nó tự hỏng, mà khoảng cách giữa hai mắt tôi cũng không rộng ra. Lạ thật. Nhưng nếu là người không có năng lực quan sát thì không để ý thấy. Chúng ta giải thích như thế nào đây? Sức mạnh của tâm lý căm giận lớn hơn chúng ta tưởng rất nhiều - có sự việc còn hơn thế kia, cái nhẫn mà bà tặng tôi bị mất mặt đá, nhưng nó không muốn cho tôi sửa, thật đấy, nó không muốn. Vậy, bà có muốn chia tay với tôi

không?... (Trích từ "The Gothic Rooms" - "Căn phòng kiểu Gothic")

Việc quan sát, phân tích tinh thần trong lĩnh vực hành vi có tính chất triệu chứng cũng nên ưu tiên cho các nhà văn giấu sức tưởng tượng. Sự quan sát này chỉ có thể lặp lại những lời mà họ đã nói rất lâu về trước. Wilhelm Stross đã thu hút sức chú ý của tôi vào đoạn văn dưới đây, được trích từ chương V tập 6 tiểu thuyết hài hước "tristram Shandy"

("Truyện về Shandy") của Laurence Sterne:

".... vả lại tôi chẳng lấy gì làm lạ: sau khi thấy tư thế tay hấp tấp và ung bướng của Julian, Gregory ở Naziauzurm đã dự đoán ngay rằng sẽ có ngày hắn ta trở thành kẻ phản bội; hoặc như St. Ambrose đuổi người sao chép sách thuê của ông ra khỏi nhà chỉ vì cái đầu của ông này vận động không thích hợp; - hoặc như khi Protagoras bó củi ông chèn những thanh củi nhỏ vào giữa, Demo - critus thấy vậy liền khẳng định Protagoras là vị học giả - Cha tôi bổ sung rằng, có 1000 chiếc cửa sổ không được chú ý tới, nhưng hãy để cho con mắt nhanh nhạy lập tức soi rọi vào nơi sâu kín của tâm hồn. Hơn nữa ông kiên trì cho rằng khi bước vào một căn phòng, người thấu tình đạt lý không bỏ mũ ra, hoặc khi ra khỏi phòng mà không cầm lấy mũ, thì những cái thể

hiện con người họ đã lộ ra".

Ở đây tôi thêm một nhóm dẫn chứng ⁽¹⁾ về hành vi có tính chất triệu chứng mà tôi thu thập được ở những người khoẻ mạnh và những người mắc bệnh tâm thần.

Tôi có một đồng sự tuổi đã cao là người đánh bài không phải bao giờ cũng thắng. Có một buổi tối ông ta thua liểng xiểng, ông ta cố nén lòng chẳng nói chẳng rằng, chỉ trả tiền thua bài. Sau khi ra về ông mới phát hiện quên mọi thứ ở bàn bạc, gồm kính, hộp xì - ga, khăn tay, v.v... Điều này có thể dịch thành một câu như sau: "Bọn người là những tên cướp giật, rõ ràng là các người lột sạch của ta!".

Có một chàng trai do thời thơ ấu có quan hệ quá gắn bó với mẹ, nên hiện nay mắc chứng liệt dương. Anh ta nói rằng anh ta thích có sổ tay và bút chì trên đó có chữ mà phụ âm S là phụ âm đầu chữ, S là phụ âm đầu của tên mẹ anh ta. Khi gia đình gửi thư tới, anh ta không muốn để chung với thư từ nơi khác gửi tới, vì anh ta cho rằng làm như thế là khinh nhờn mẹ, cho nên phải để riêng ra.

Có một thiếu phụ, khi bệnh nhân tới trước bà

⁽¹⁾ Nội dung từ đây tới cuối chương này lúc đầu được đề cập tới dưới dạng một câu chú thích trong lần xuất bản năm 1907 và được bổ sung trong các lần xuất bản sau. Năm 1924 được chuyển thành chính văn, để ở vị trí hiện nay - trừ một số chỗ chú là có từ lần xuất bản năm 1907.

vẫn còn đang ở trong phòng khám, chị ta bỗng mở toang cửa phòng khám ra. Chị ta thanh minh rằng chị ta quên là bệnh nhân tới trước chị ta vẫn còn đang khám. Không lâu sau thì được biết, từ nhỏ bà ta đã rất tò mò, thường bất ngờ xóc vào phòng bố mẹ.

Có một thiếu nữ có bộ tóc rất đẹp, bao giờ cũng dùng lược cái tóc và kẹp tóc vừa tới mức khi nói chuyện thì tóc bỗng nhiên xoã xuống.

Có một số người khi nằm xuống để bác sĩ chữa bệnh cố tình để cho tiền lẻ từ túi quần rơi ra, dùng phương thức ấy để trả tiền điều trị mà họ nghĩ là phù hợp với công việc điều trị bệnh lần ấy.

Bệnh nhân quên nhiều thứ ở phòng khám chữa bệnh, như kính, găng tay, ví, tỏ ra không rời được nơi này, rất muốn quay lại. Jones viết (1911): "Bạn chỉ cần biết một tháng ông ta thu thập được bao nhiêu ô, khăn tay, ví tiền, v.v.. thì cơ bản có thể đánh giá vị bác sĩ phân tích tinh thần ấy có thành công hay không" ⁽¹⁾.

Nhiều thói quen lật vật, những động tác hàng ngày căn bản chẳng cần nghĩ cũng làm được, như lên dây cót đồng hồ trước khi đi ngủ, tắt đèn trước khi ra khỏi phòng, và những hành vi tương tự, nếu những thói quen này còn vững chắc, khi có trở

⁽¹⁾ Câu cuối cùng này được thêm vào trong lần xuất bản năm 1912; hai đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

vẫn còn đang ở trong phòng khám, chị ta bỗng mở toang cửa phòng khám ra. Chị ta thanh minh rằng chị ta quên là bệnh nhân tới trước chị ta vẫn còn đang khám. Không lâu sau thì được biết, từ nhỏ bà ta đã rất tò mò, thường bất ngờ xốc vào phòng bố mẹ.

Có một thiếu nữ có bộ tóc rất đẹp, bao giờ cũng dùng lược cái tóc và kẹp tóc vừa tới mức khi nói chuyện thì tóc bỗng nhiên xoã xuống.

Có một số người khi nằm xuống để bác sĩ chữa bệnh cố tình để cho tiền lẻ từ túi quần rơi ra, dùng phương thức ấy để trả tiền điều trị mà họ nghĩ là phù hợp với công việc điều trị bệnh lần ấy.

Bệnh nhân quên nhiều thứ ở phòng khám chữa bệnh, như kính, găng tay, ví, tờ ra không rời được nơi này, rất muốn quay lại. Jones viết (1911): "Bạn chỉ cần biết một tháng ông ta thu thập được bao nhiêu ô, khăn tay, ví tiền, v.v.. thì cơ bản có thể đánh giá vị bác sĩ phân tích tinh thần ấy có thành công hay không" ⁽¹⁾.

Nhiều thói quen lật vật, những động tác hàng ngày căn bản chẳng cần nghĩ cũng làm được, như lên dây cót đồng hồ trước khi đi ngủ, tắt đèn trước khi ra khỏi phòng, và những hành vi tương tự, nếu những thói quen này còn vững chắc, khi có trở

⁽¹⁾ Câu cuối cùng này được thêm vào trong lần xuất bản năm 1912; hai đoạn dưới được bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

ngại càng bị tư duy vô thức can thiệp. Trong chí "Coeonbium", Maeder viết rằng, một buổi tối, một bác sĩ trực ban rời bệnh viện vào thành đi tối điểm hẹn. Khi trở lại bệnh viện thì thấy đèn trong phòng vẫn sáng. Xưa nay ông không bao giờ quên tắt đèn khi rời phòng. Không lâu sau ông nghĩ ra nguyên nhân quên tắt đèn. Vì như thế thì giám đốc bệnh viện đang ở trong bệnh viện thấy đèn sáng sẽ tưởng rằng ông vẫn ngoan ngoãn ngồi trong phòng.

Một người đã trải qua nhiều thay đổi có vẻ mặt đượm buồn, nói với tôi rằng cứ mỗi lần sau một ngày chịu đựng đau khổ thì y như rằng sáng hôm sau ông phát hiện đồng hồ chết vì quên không lên dây. Không lên dây đồng hồ đã thể hiện một cách tượng trưng ông ta chẳng thèm để ý xem có thể sống được đến ngày mai hay không.

Một người xa lạ viết thư cho tôi nói rằng ⁽¹⁾: "Gần đây tôi bị giáng một đòn mạnh. Cuộc đời đau khổ, không có tình thân thiện, tôi thường cảm thấy không còn đủ sức để sống nữa. Tôi phát hiện hầu như ngày nào tôi cũng quên không lên dây cót đồng hồ, mặc dầu trước đây tôi không thể. Trước đây, trước khi đi ngủ, bao giờ tôi cũng làm việc này một cách máy móc, không có ý thức, còn bây giờ rất hiếm

⁽¹⁾ Đoạn này mới thêm trong lần xuất bản năm 1912.

khi tôi nhớ tới việc này, chỉ khi nào ngày hôm sau có việc quan trọng hoặc khiến tôi thích thú thì tôi mới làm. Tôi đã nghĩ rất nhiều về việc này, liệu đây có phải là hành vi có tính chất triệu chứng không?"

Nếu có ai đó làm như Jung và Heider ⁽¹⁾, theo dõi một cách không biết mệt mỏi cái giai điệu mọi người bình thường nghe ngao một cách không mục đích, không có ý thức thì sẽ dễ dàng phát hiện ra quan hệ giữa lời bài hát và suy nghĩ bấy giờ của người hát.

Nhân tố quyết định một cách huyền bí ⁽²⁾ việc diễn tư tưởng cá nhân trong khi nói hoặc viết đáng được quan tâm kỹ lưỡng. Chúng tôi tin rằng, xét về tổng thể chúng ta có thể tự do chọn lựa ngôn từ làm cái vỏ tư tưởng của chúng ta hoặc lựa chọn ý hướng để che giấu chúng. Hơn nữa, đằng sau hình thức diễn đạt tư tưởng, thoáng nhìn cũng có thể thấy được ý nghĩa sâu sắc ở đó - thường không ở trong lòng mong muốn. Khi người này hình thành sự đánh giá người khác thì ý hướng mà lúc bình thường người được đánh giá đặc biệt ưa thích và đặc trưng dùng từ có ý nghĩa rất lớn, còn sự phản ứng của người khác thì thường trở thành bối cảnh, nhưng có ảnh hưởng mạnh đối với người nói. Trong một số cuộc thảo

⁽¹⁾ Tên người thứ hai được thêm vào trong lần xuất bản năm 1910.

⁽²⁾ Đoạn cuối cùng mới thêm trong lần xuất bản năm 1917.

luận lý luận, vào thời gian đặc biệt nào đó, tôi nghe thấy có người lặp lại câu nói: "Nếu vật nào đó đột nhiên bắn xuyên qua đầu một người" ⁽¹⁾. Tôi biết gần đây người này được tin nói rằng đạn của một người Nga xuyên trúng cái mũ con mình đang đội trên đầu ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Tức là: "Nếu suy nghĩ của người này đột nhiên nhảy và tư tưởng của người khác".

⁽²⁾ Trong thư gửi Lou Andressaloue đề ngày 30/7/1915 Freud viết rằng việc này xảy ra đối với con trưởng của chính mình.

CHƯƠNG X
SAI LẦM ⁽¹⁾

Sai lầm của ký ức khác với sự lãng quên có tính chất hoang tưởng. Đặc điểm nổi bật của cái trên là sai lầm (hoặc nói là hoang tưởng), không bị cho là sai lầm, mà thường được người ta tin là thật. Việc sử dụng từ "sai lầm" hình như còn phụ thuộc vào một tình hình khác. Chúng ta thường nói "phạm sai lầm" chứ không nói "nhớ sai lầm". Vì trong cái sai chúng ta càng nhấn mạnh đặc tính của hiện thực khách quan trong các tư liệu tâm lý. Tức là, trong "nhớ sai lầm", chúng ta thường nhớ những việc khác với hiện thực đời sống tinh thần của bản thân chúng ta. Những việc này do ký ức của người khác chứng thực hoặc phủ định. Theo ý nghĩa này, trái với "nhớ sai lầm" là dốt nát.

Sau khi tập sách "Giải phẫu giấc mơ" của tôi

⁽¹⁾ Chương này, từ đầu tới dẫn chứng 5 ở là nội dung trong bản được xuất bản năm 1991.

được xuất bản ⁽¹⁾, tôi giật mình phát hiện trong sách có nhiều sai lầm. Sau khi phân tích kỹ, tôi thấy những sai lầm này không phải do tôi dốt nát mà ra, mà do tôi "nhớ sai".

Dẫn chứng 1.

Tại trang 260 bản xuất bản lần đầu, tôi nói nơi sinh của Schiller là thành phố Marburg miền trung nước Đức, nhưng thực tế ở Marbach vùng công viên cổ Swabia miền tây nam nước Đức. Tôi có thể chứng minh tôi luôn luôn rất rõ điều này. Sở dĩ tôi lầm lẫn hai cái tên này với nhau là vì ở bang Styria nước Áo cũng có một thành phố nhỏ tên là Marburg. Có một lần tôi đi tàu đêm tới đó, đang ngủ thì nghe thấy trưởng toa hô: "Tới Marburg rồi!". Tôi tỉnh dậy, khi ấy tôi đang nằm mơ có một người hỏi về tập sách của Schiller.

Dẫn chứng 2.

Tại trang 135 bản xuất bản lần đầu tôi viết tên thân phụ của Hannibal là Hasdrubal, nhưng thực ra là Hamilcar Barca, em ông và người anh em cọc chèo của ông mới có tên là Hasdrubal. Người anh em cọc chèo này thống soái tiền nhiệm quân Carthage của Hannibal. Tôi thường cậy mình am hiểu lịch sử của dòng họ Barca, nhưng trong tập

⁽¹⁾ Sau khi tập sách này được xuất bản, ngày 5 và 11 tháng 5 năm 1899, trong thư gửi Fliess, Freud nhắc tới hai sai lầm trên (Freud, 1950, thư từ, bức 123 và 124).

sách này, chẳng những viết sai, hơn nữa, mặc dầu đã đích thân đối chiếu ba lần, thế mà vẫn còn để sót do quá tự tin. Sai lầm này làm tôi rất buồn, nhưng nó cũng đủ để chứng minh quan điểm của tôi về loại sai lầm này.

Dẫn chứng 3.

Tại trang 177 và 370 sách trên, hai lần tôi nhắc tới việc Zens thiên cha mình là Kronos và truất ngôi vua của ông ta. Trong truyện thần thoại Hy Lạp thì hành vi tàn bạo này là việc Krnos thực hiện đối cha ông ta là Uranus, "tôi đã sai lầm vì đã kéo lui việc này xuống một thế hệ" ⁽¹⁾.

Bạn đọc nào đọc tập sách nào cũng dễ dàng thấy rằng trí nhớ của tôi đủ sức điều khiển tri thức tinh tế, mới lạ. Vậy thì tại sao đã đối chiếu kỹ lưỡng ba lần mà tôi vẫn không phát hiện ra những điều sai lầm rõ rệt ấy, cứ như là mù vậy? Tại sao tôi lại có đủ lòng tự tin để "biết sai mà vẫn cố tình vi phạm".

Khi bàn về Lichtenberg ⁽²⁾, Goethe nói: "Mỗi câu chuyện vui đùa của ông đều ẩn chứa một vấn đề". Cũng vậy, trong sách của tôi, rất có thể nói như thế

⁽¹⁾ Đây không phải là một sai lầm hoàn toàn. Xét theo quan điểm của Orphic về thần thoại, Zens cũng có hành vi tàn bạo như thế đối với Kronos, cha ông (xem "Tủ điển thần thoại" của Roscher).

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1901 và 1904, câu này như sau: "Nghe nói Lichtenberg..." Trong sách "Bàn về chuyện cười", Freud cũng dẫn lời của Goethe. Trong sách này bàn tới nhiều chuyện cười của Lichtenberg. Cuối chương II sách "Những bài giảng về phân tích tình thần, Freud cũng có trích dẫn.

này: đằng sau mỗi sai lầm đều có nội dung tâm lý bị ngấm ngấm dồn nén. Nói một cách rõ ràng hơn, mỗi "sai lầm" đều ẩn chứa một phần "tính không chân thực", một phần bắt nguồn từ sự méo mó của tư tưởng bị dồn nén. Bạn đọc cần biết rằng, nếu vội vàng muốn biết ngay tính chất của chủ đề có liên quan tới giấc mơ thì rất khó phân tích giấc mơ, thường phải bỏ dở, tốn công vô ích, còn phân tích báo cáo kết quả lại càng khó, thường phải thay đổi tất cả, cắt bỏ hàng loạt chi tiết. Ngoài việc đưa dẫn chứng ra để chứng minh tôi chẳng có cách nào khác, vì nội dung của giấc mơ có dính dáng tới thành phần không trong ý thức tư tưởng, kín đáo nhất ở nơi sâu kín nhất trong nội tâm con người, nên khi viết tập sách ấy tôi rơi vào cảnh ngộ động vào đâu là sai ở đó. Dẫu đã cẩn thận như thế nhưng tôi vẫn xúc phạm nhiều tâm hồn lẫn cảm. Song, tôi không có cách nào để hoàn thành việc phân tích những tư tưởng bị bóp méo hoặc bị giấu kín ấy và rồi để lại chút dấu vết của công việc phân tích này. Tôi muốn kìm nén cái ý nghĩa tiềm ẩn⁽¹⁾ không hợp với mong muốn nhưng lại xuất hiện dưới hình thức là những sai lầm trong tư liệu mà tôi lựa chọn nhưng tôi lại không để ý tới ấy. Nguồn gốc của tư tưởng bị dồn nén ngấm ngấm trong ba sai lầm nói trên đều có liên quan tới người cha⁽²⁾.

⁽¹⁾ Trong nguyên bản: tiềm ý. Chúng tôi tạm dịch

⁽²⁾ Trong lời tựa sách "Giải phẫu giấc mơ" xuất bản năm 1908, Freud nói rằng sau khi viết xong tập sách này ông phát hiện ra rằng, đó là bộ phận ông tự phân tích mình, là sự phản ứng đối với cái chết của cha ông.

Giải thích sai lầm thứ nhất:

Bạn đọc nào đọc kỹ trang 266 tập "giải phẫu giấc mơ" (Xuất bản lần thứ nhất) thì rất có thể thâm đoán được rằng, khi phân tích tuy tôi phê bình cha tôi, nhưng chưa hết ý thì đã dừng lại. Khi phân tích tôi đã bỏ qua một liên tưởng quan trọng; cha tôi có một người bạn trong công việc làm ăn tên là "Marburg", trùng với tên của ga xe lửa nhỏ kia. Ông này từng tranh chấp với cha tôi. Hiển nhiên là việc ông ta tranh chấp với cha tôi có liên quan với ẩn ý trong giấc mơ, nhưng tôi cố sức kìm nén cái ông "Marburg" này ở trong lòng, không để cho bản thân mình và bạn đọc biết. Nhưng nó lại xuất hiện ở cái nơi không nên xuất hiện, sửa nơi sinh của Schiler vốn là "Marbach" thành "Marburg".

Giải thích sai lầm thứ hai:

Tôi rất sùng bái Hannibal, khi học đại học tôi thường lấy ông ta để soi mình, Hasdrubal là anh ông ta, còn Hamilcar là cha ông ta. Vậy sai lầm này là sai ở chỗ lấy anh thế cha. Thời tôi còn nhỏ, do là người Do Thái nên cha tôi thường bị người ta bắt nạt. Tôi rất không hài lòng đối với cái tính nhu nhược, nín nhịn của cha tôi. Sau này tôi tới nước Anh, ở đó tôi đã gặp người anh cùng cha khác mẹ, lớn tuổi hơn tôi rất nhiều, đáng tuổi làm cha tôi. Anh ấy có đứa con cả bằng tuổi tôi. Tôi thấy anh ấy nhìn xa trông rộng, biết chăm nuôi các con. Điều đó

khiến quan hệ giữa tôi và cha tôi thay đổi, có ảo tưởng rằng nếu tôi không phải là con của cha tôi mà con của anh ấy thì hay biết nhường nào! Thế là cái ảo tưởng bị ngấm ngấm dần nên khiến tôi mắc sai lầm ở chỗ kết thúc việc phân tích, lấy tên con thay cho tên cha.

Giải thích sai lầm thứ ba:

Tôi kéo lui thời gian xảy ra hành vi tàn bạo kể trong thần thoại Hy Lạp một thế hệ cũng là vì chịu ảnh hưởng của ký ức về anh cả tôi. Anh cả tôi từng khuyên tôi rằng: "Trong trách nhiệm nhân sinh của em, có một điều em chớ có quên, đó là nếu em nói em là con của một người cha nào đó thì không bằng nói là cháu của ông ấy". Lời của anh ấy cứ lớn vồn trong ký ức của tôi. Vì cha tôi lấy vợ kế khi đã già, để tôi khi tuổi đã rất cao. Tôi đã phạm sai lầm trên vào đúng lúc bàn về sự tôn kính và yêu quý giữa cha mẹ và con cái.

Có trường hợp, khi phân tích giấc mơ của bạn bè hoặc của bệnh nhân - có những giấc mơ do tôi trực tiếp kể ra, cũng có những giấc mơ tôi gián tiếp nhắc tới khi phân tích - tôi để ý có khả năng tôi sẽ gắn kết một cách sai lầm chi tiết của những sự việc mà chúng ta cùng từng trải lại với nhau. Đây cũng có thể nói là sai lầm về cách trình bày. Sau khi đính chính, tôi suy ngẫm kỹ lưỡng thì phát hiện chỉ khi đang phân tích mà cố ý xuyên tạc hoặc giấu

điểm thì mới nảy sinh ký ức sai lầm, mới nhớ sai. Đây lại là một loại sai lầm rất khó nhận ra khi ta muốn dồn ép điều gì đó ⁽¹⁾.

Những sai lầm bắt nguồn từ dồn ép ngấm ngầm này phải được phân biệt với những sai lầm hoàn toàn do dốt nát gây ra. Thí dụ, khi đi qua Wachau tôi lầm tưởng là đi quan nghia trang có mộ của nhà anh hùng cách mạng Fischhof, kỳ thực hai nơi này chỉ có tên giống nhau thôi, mộ thật sự của Fischhof ở Carin thia. Vì tôi không biết việc này nên mới hiểu lầm.

Dẫn chứng 4 ⁽¹⁾

Đây là trường hợp khiến tôi rất khó chịu nhưng lại khiến người khác tỉnh ngộ, có thể gọi trường hợp này là "sơ suất tạm thời".

Một hôm, một bệnh nhân nhắc tôi cho ông ta hai tập sách viết về Venice để đọc tham khảo trên đường đi du lịch. Tôi đã đồng ý từ trước rồi, nên trả lời: "Tôi đã chuẩn bị xong rồi". Sau đó vội vàng tới thư viện tìm. Thực ra tôi chưa từng đi tìm hai tập sách ấy, vì tôi rất không tán thành chuyến du lịch này của ông ta, chẳng những bỏ dở việc điều trị đang cần kíp mà còn giảm thu nhập của tôi.

⁽¹⁾ Một dẫn chứng khác thuộc dạng sai lầm này được dẫn ở phụ lục A trong tác phẩm "Nghiên cứu ietêri". Dẫn chứng có cùng cơ chế được dẫn ra ở phần IIV tác phẩm "nghiên cứu bệnh tâm thần có tính chất là thương tích trong thế kỷ XVII")"

⁽¹⁾ Dẫn chứng 4 và 5 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

Tôi tới thư viện tìm hai tập sách mà tôi đã để ý, một tập là "Venice - thủ đô của nghệ thuật" (venice, cityof Art). Tôi muốn tập còn lại là tập về điển cố lịch sử, và tôi đã tìm thấy, đó là tập "The Medici". Nhưng khi mang tới cho bệnh nhân tôi mới phát hiện là mình đã sai. Medici và Venice khác nhau một trời một vực; không hiểu tại sao tôi sai mà lại không biết; bình thường, khi tôi phát hiện hành vi có tính chất triệu chứng của bệnh nhân tôi thường vạch ra ý nghĩa của những hành vi ấy một cách không khách sáo, nên tôi cũng đành phải thành thực thừa nhận rằng từ trong thâm tâm mình tôi không hài lòng với chuyến đi này của ông ta ngõ hầu bảo vệ uy tín của tôi trước con mắt của ông ta.

Có lẽ bạn sẽ lấy làm lạ trước việc người ta phải bày tỏ một cách mạnh mẽ ý nguyện chân thực của mình. Nhất là tôi, do quen với việc phân tích tinh thần nên hầu như không biết ăn không nói có là gì. Khi tôi muốn bóp méo sự thật thì ngay lập tức ý muốn ấy của tôi bị hành vi sai lầm hay hành vi sai lạc làm lộ ra. Những dẫn chứng ở trên đã chứng minh điều này.

Trong mọi hành vi sai lạc, sai lầm là điều rõ ràng dễ thấy nhất. Biểu hiện của sai lầm thường vạch ra rằng tâm trí của người ấy bị một xung lực nào đó làm rối loạn, đang phải đấu tranh tâm lý gay gắt. Nhưng tính chất của tâm trạng rối loạn bị

dồn ép không quyết định phương thức cụ thể của sai lầm, nhiều sự lỗ lòi và viết sai đơn thuần cũng có tình hình tương tự.

Mỗi khi chúng ta lỗ lòi hoặc viết sai là khi tâm lý của chúng ta đang bị gây rối. Vấn đề là chúng thường không để lộ tính chất của yếu tố gây rối, mà chỉ thể hiện một khuynh hướng rõ rệt theo quy tắc "tương tự" và "thuận tiện". Do vậy, dựa vào mặt chữ và ngữ âm thì có khi có thể tìm ra nguồn gốc sai lầm, có khi không.

Để nội dung chương này không chỉ dừng loại ở những sai lầm của cá nhân tôi, dưới đây tôi dẫn ra vài ba trường hợp của bệnh nhân. Những trường hợp này có thể dùng làm dẫn chứng về "lỗ lòi" ở chương V hoặc về "hành vi sai lạc" ở chương VIII. song tôi cho rằng dẫn ra ở đây cũng thích hợp, vì chúng thường không khác nhau nhiều lắm.

Dẫn chứng 5.

Tôi từng ngăn cản không cho một bệnh nhân của tôi gọi điện thoại cho con gái của người mà ông ta từng yêu, vì mỗi lần gọi điện thoại chỉ tổ khiến ông ta lại rơi vào cuộc đấu tranh tư tưởng có bỏ bà ta hay không, mà vốn ông ta quyết định cắt đứt quan hệ với bà ta rồi. Ông ta gọi điện thoại cho tôi vào lúc 1 giờ chiều nói rằng ông ta đã tìm được một cách gỡ bỏ khó khăn, lại còn hỏi tôi trong thời gian này có thể làm cố vấn cho ông ta ở góc độ là bác sĩ

được không, mong tôi cố giúp đỡ ông ta. Sau đó ông ta viết thư cho tôi. Nhưng đến 2 giờ chiều ông ta bỗng không viết nữa, quay sang nói với mẹ ông: "Ồ, con quên không hỏi giáo sư xem viết tên ông ở trong thư có được không". Ông ta cầm ống nghe lên, quay số điện thoại, thấy tín hiệu có người nhận điện thoại, ông ta hét to: "Tôi có thể nói chuyện với giáo sư được không? Nếu giáo sư đã dùng bữa xong". Lời đáp trong điện thoại khiến ông ta giật bắn lên, rằng "À, lão ba que xỏ lá, mày điên rồi à ? Đó là tiếng con gái người đàn bà mà tôi không muốn ông tiếp tục đi lại với bà ta. Thế là ông ta lại phạm sai lầm, không quay số điện thoại của bác sĩ, mà lại quay số điện thoại của con gái người tình cũ.

Dẫn chứng 6 ⁽¹⁾

Một thiếu phụ định đi thăm một người bạn trên phố Hapsburgergasse, người bạn này mới cưới chồng. Khi ăn, thiếu phụ này nói chuyện này với người nhà, nhưng lại nói là mình muốn tới phố Balenbergersgasse. Cả nhà cười ồ lên, lúc ấy bà ta mới để ý tới sai lầm - lỡ lời (tùy bạn lựa chọn, gọi là sai lầm hay lỡ lời đều được). Thực tế là, hai ngày trước, tại Wien, đã tuyên bố thành lập nước Cộng hoà, quốc kỳ, nửa đen nửa vàng đã bị vứt bỏ, được thay bằng cờ đỏ - trắng - đỏ của Ostmark cũ, vương triều Hapsburgs đã bị lật đổ. Thiếu phụ nọ gán sự thay đổi

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

triều đại vào địa chỉ của bạn. Quả là ở Wien có một phố nổi tiếng tên là Babenbergstasse, nhưng người ở Wien không gọi nó là ugasse" (đường phố)⁽¹⁾

Dẫn chứng 7.

Có một thầy giáo trẻ, nhà nghèo, nhưng có tài, theo đuổi một cô gái con nhà giàu từ thủ đô về làng nghỉ hè. Cô gái này cũng yêu thầy giáo trẻ tha thiết, không quản ngại sự hơn kém nhau nhiều về địa vị xã hội và sự khác nhau về chủng tộc, cô thuyết phục gia đình chấp nhận mối tình của cô. Một hôm, thầy giáo trẻ này gửi thư cho anh mình trong đó viết: "Cô gái này không xinh đẹp, nhưng dịu hiền, chúng em chung sống với nhau rất hoà thuận. Nhưng có nên lấy cô gái người Do Thái này không thì em vẫn do dự chưa quyết". Nhưng người nhận được lá thư này lại là vợ chưa cưới của anh ta, thế là đành phải xoá bỏ lời hẹn ước. Nhưng trong khi đó anh của thầy giáo lại nhận được lá thư tình ướt át mê ly. Khi kể câu chuyện này, vị thầy giáo ấy đảm bảo rằng anh ta nhầm lẫn, chứ không hề có âm mưu quỷ kế gì.

Tôi còn biết một chị phụ nữ rất không hài lòng với vị gia sư cũ của mình, nhưng ngượng ngập

⁽¹⁾ Ở Wien có hai từ có nghĩa là đường phố: "Strasse" được dùng để gọi đường phố lớn quan trọng, còn "gasse" thì dùng để gọi đường phố nhỏ. "Ostmark" (tỉnh miền Đông) mà Charle Magree nói là nước Áo sau này, lớn mạnh lên vào thời vương triều Babenberg. Tới thế kỷ XIII thì vương triều Babenberg chấm dứt, vương triều Hapsburgs lên thay tới sau đại chiến thế giới lần thứ nhất. Nước Cộng hoà mới ra đời sử dụng cờ đỏ - trắng - đỏ (thay cờ đen - vàng của đế quốc) như cờ của vương triều Babenberg.

không dám từ chối ông ta. Chị ta cũng vì gửi nhầm thư mà đạt được mục đích của mình. Trong những vở hài kịch, chúng ta thường thấy những mưu kế cố ý loại này. Nhưng chỉ ít là trong trường hợp của thầy giáo trẻ, tôi đảm bảo rằng, đó chỉ là sai lầm "vô tâm"

Dẫn chứng 8 ⁽¹⁾

Brill nói có một bà hỏi ông về tình hình gần đây của một người quen của họ, nhưng lại cứ xưng hô bằng cái tên khi chưa lấy chồng của chị người quen ấy. Khi bà ta chú ý tới sai lầm này thì bà ta phải thừa nhận rằng bà ta thích chồng của chị người quen này, khi chị ta cưới chồng bà ta cũng rất buồn.

Dẫn chứng 9 ⁽¹⁾

Trường hợp sai lầm dưới đây cũng có thể gọi là lỗi lòi:

Cha một anh thanh niên tới phòng khai sinh làm giấy khai sinh cho cô con gái thứ hai. Khi nhân viên đăng ký khai sinh hỏi tên đứa bé là gì, ông ta đáp:

- Hanna.

- Nhưng ông đã có một cháu tên là Hanna rồi - nhân viên đăng ký khai sinh nhắc nhở.

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912. Xem thêm chương III sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần".

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

Điều này cho thấy, cô con gái thứ hai không còn được ông bố vui mừng như khi đẻ cô con gái đầu nữa.

Dẫn chứng 10⁽¹⁾.

Một bà có ba cô con gái, trong đó hai cô đã lấy chồng từ lâu rồi, cô út thì còn đang phòng không. Khi hai cô con gái lớn cưới chồng, một người bạn nữ của hai cô tặng hai tặng phẩm giống nhau, đó là bộ ấm pha trà bằng bạc rất quý. Nhưng, cứ khi nói tới bộ ấm này mẹ các cô đều nói là của cô út.

Rõ ràng là, sai lầm này chứng tỏ bà mẹ này mong cô con gái út sớm có chồng, tới khi ấy bà ta cũng sẽ nhận được tặng phẩm như thế.

Còn một dẫn chứng nữa, đó là có một bà thường xuyên nhầm lẫn tên con gái, con trai, con rể với nhau. Điều này cũng rất dễ lý giải.

Dẫn chứng 11.

Dưới đây là dẫn chứng về một trường hợp ngoan cố lầm lẫn tên, do ông J. G mắc phải trong những ngày nghỉ ở trạm điều dưỡng.

"Một hôm, khi ăn cơm tối (ở trạm điều dưỡng) tôi và một bà ngồi cạnh tôi vừa ăn vừa tán chuyện. Đề tài rất tẻ nhạt, tôi chẳng có chút hứng thú nào. Tán đi tán lại, tôi nói một câu mua vui. Chắc hẳn là

⁽¹⁾ Dẫn chứng 10 và 11 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

cái cô gái này để ý tôi thường không tỏ ra niềm nở và ân cần với bà ta như thế. Câu nói ấy của tôi vừa nhuộm màu tiếc nuối vừa nhuộm màu mỉa mai, nhằm vào cô gái trẻ chúng tôi không quen nhưng rất hấp dẫn tôi. Tất nhiên, tôi lập tức ý thức được mình đã sơ suất. Song, khi chuyện trò tiếp thì người ngồi cạnh tôi lại luôn nhắc tôi rằng tôi gọi sai tên bà bằng cái tên của cô gái trẻ kia, bà ta coi cô gái trẻ ấy là tình địch may mắn hơn mình. Điều đó làm tôi vô cùng khó xử".

Dẫn chứng 12⁽¹⁾

Dưới đây tôi dẫn ra một trường hợp sai lầm bất ngờ trong bối cảnh nghiêm trọng. Người kể với tôi trường hợp này là người mục kích và có quan hệ chặt chẽ với sự kiện này. Một phụ nữ cùng chồng và hai người nữa đi ăn điểm tâm ban đêm, trong đó có một người là bạn của bà ta, còn một người nữa thì bà không biết là ai, mà hầu như bà cũng chẳng muốn biết. Hai người bạn này tiễn hai vợ chồng bà ta về tới tận cửa nhà, khi chờ mở cửa thì họ chào từ biệt nhau. Bà ta vừa cúi đầu chào vừa đưa tay cho người không quen biết kia và nói lời chào từ biệt rất lịch sự. Sau đó bà ta khoác tay người tình bí mật, ngoảnh về phía chồng chào từ biệt cũng theo cách như thế. Chồng bà ta thản nhiên bỏ mũ ra, nói một cách vô cùng khách sáo: "Xin chào bà ra về ạ!" Bà

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

vợ hốt hoảng buông tay khỏi tay người tình, khi người canh cổng chưa ra tới nơi, bà ta thốt lên: "Trời ơi, sao mà mình ngu xuẩn đến thế không biết!" Có lẽ ông chồng cũng giống như bao nhiêu đàn ông đã có vợ, hành động vượt quá khả năng cho phép đối với bà vợ không chung thủy. Ông ta đã nhiều lần thề rằng, trong hoàn cảnh ấy, tính mạng của bất kỳ ai cũng sẽ nguy khốn. Do đó tính thân thiện ở ông không còn nữa, khiến ông không chú ý tới thách thức bao hàm trong hành vi sai lầm của mình.

Dẫn chứng 13⁽¹⁾

Dưới đây là sai lầm do một bệnh nhân của tôi mắc phải.

Sau khi đấu tranh tư tưởng trong một thời gian dài, anh thanh niên này quyết định cưới cô gái mà anh ta đã yêu từ lâu. Anh ta đưa vợ chưa cưới về nhà và chào cô ta để ra về. Lòng mừng khắp khối, anh ta lên xe điện, mua hai vé xe. Sáu tháng sau thì anh ta cưới, nhưng anh ta không sao thích ứng với niềm vui duyên mới. Anh ta nghĩ cưới vợ là sai lầm. Vì cưới vợ khiến anh ta mất bạn cũ, mâu thuẫn với cha mẹ vợ chồng chất. Một buổi tối, anh ta đưa vợ từ nhà bố mẹ vợ về nhà mình cùng lên xe điện nhưng chỉ mua một vé xe cho mình.

Dẫn chứng 14⁽²⁾

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

⁽²⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

Maeder cung cấp dẫn chứng này cho thấy nguyện vọng bị dồn nén thường được thoả mãn thông qua hành vi sai lầm.

Một vị đồng sự muốn nhân kỳ nghỉ lánh xa nơi huyên náo, ồn ào để sống những ngày thanh thản thoái mái, nhưng lại phải đi Lucerne thực hiện một cuộc viếng thăm mà ông không thích. Sau khi suy nghĩ, ông ta vẫn quyết định thực hiện cuộc viếng thăm. Ngồi trên xe hoả từ Zurich đi Arth Goldau, ông ta cầm đầu đọc báo để giết thời gian. Tới ga cuối cùng ông chuyển tàu, rồi lại tiếp tục đọc báo. Mãi tới khi trưởng nhắc nhở ông ta mới biết mình đã nhầm tàu. Ông mua vé đi Lucerne, nhưng lại lên tàu về Zurich.

Dẫn chứng 15⁽¹⁾

Dưới đây là trường hợp tương tự như trường hợp được mô tả trong "Chuyến đi ngược chiều" của Dr. V. Tausk, Auy không hoàn toàn thành công nhưng ý nguyện bị dồn nén cũng được bộc lộ ra thông qua cơ chế sai lầm.

"Sau khi từ tiền tuyến trở về tôi đi Wien. Ở đó có một bệnh nhân cũ của tôi, được tin tôi đang ở Wien, ông ta mời tôi tới khám bệnh cho ông, bấy giờ ông ta đang ốm nằm bẹp giường. Tôi nhận lời mời tới khám cho ông và ở đó 2 tiếng đồng hồ. Khi tôi

⁽¹⁾ Như trên.

chuẩn bị ra về, ông ta hỏi tôi lấy bao nhiêu tiền, tôi đáp: "Tôi tới đây để nghỉ chứ không phải để khám bệnh, xin cứ xem việc tôi tới hôm này là tới thăm một người bạn cũ". Ông ta do dự rõ ràng là ông ta cảm thấy ông ta không có quyền coi việc phục vụ của tôi là việc làm vì bạn không thể kiếm lời.

Nhưng cuối cùng ông đã chấp nhận đề nghị của tôi, nói nhiều lời cảm động, chắc hẳn ông ta cảm thấy vui vì đã tiết kiệm được một khoản tiền. Tôi đã làm một việc tốt với tư cách là nhà phân tích tâm lý. Sau này tôi bắt đầu cảm thấy lo ngại cho tấm lòng thành trong hành vi khẳng khái của mình, nghi nghi hoặc hoặc - sự nghi hoặc này có thể giải thích từ nhiều mặt - thế rồi tôi lên xe điện, xe chạy một thôi một hồi tôi mới phát hiện đi nhầm xe, phải đổi sang xe khác. Khi đợi xe, tôi quên cái việc về tiền khám bệnh ấy, chỉ nghĩ về triệu chứng ở bệnh nhân ấy. Giữa lúc ấy thì xe tới, tôi lại lên xe. Nhưng tới ga sau tôi lại phải xuống xe. Nguyên do là vì tôi lơ đãng, lại lên nhầm xe, tôi phải lên xe khác đi ngược về hướng nhà bệnh nhân mà tôi không lấy tiền khám bệnh. Xem ra, từ trong cõi vô thức, tôi muốn thu tiền khám cho bệnh nhân ấy.

Dẫn chứng 16 ⁽¹⁾.

Tôi cũng có một lần ⁽²⁾ trải qua một trường hợp

⁽¹⁾ Dẫn chứng này bổ sung thêm trong lần xuất bản năm 1991.

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1910, chỗ này viết là "gần đây".

giống như trong dẫn chứng 14.

Có một kỳ nghỉ hè tôi nghe lời người anh nghiêm khắc tới nghỉ tại biệt thự của anh ấy ở bờ biển. Do thời giờ có hạn, tôi chọn đường ngắn nhất. Vốn tôi muốn tiện đường dừng lại ở Hà Lan một ngày, nhưng anh tôi bảo khi về thì hãy ở lại đó. Nếu tôi trực tiếp từ Munich đi qua Cologne tới Rotterdam - cái mũi của Hà Lan - từ đó có thể đi tàu thuỷ chạy đêm vòng qua eo biển tới Harwich nước Anh, rồi đáp xe hoả tới đích. Nhưng khi xuống xe hoả ở Cologne, tôi không tìm được tàu nhanh chạy đêm đi Rotterdam. Tôi tới hết cửa ga này đến cửa ga khác, hỏi hết nhân viên này đến nhân viên khác của nhà ga, hết sức thất vọng, tôi hiểu ra rằng, sau bao lần hỏi han vất vả mất nhiều thời gian như thế, chắc chắn tôi đã lỡ tàu rồi. Sự thực đúng như thế. Làm sao đây? Tôi nghĩ hay là nghỉ ở Cologne một đêm. Lòng thành kính bảo tôi nghỉ lại ở đây. Vì tổ tiên chúng tôi, từng có lần bị phong trào bài Do Thái đuổi ra khỏi thành này.

Nhưng, vốn tôi định ở lại Hà Lan một ngày, nên tôi quyết định chờ chuyến xe lửa sau đi Rotterdam, đêm khuya thì tôi tới đó. Rốt cuộc tôi đã thực hiện được nguyện vọng mong đợi từ lâu, chính mắt nhìn thấy bút tích thực của Rembraudt ở nhà bảo tàng hoàng gia tại Lahy và Amsterdam. Tôi đã chơi một ngày thoả thích, tới mãi trưa hôm sau.

Ngồi trong xe hoả chạy qua nước Anh tôi mới nhớ ra rằng, khi xuống ga Cologne, ở một chỗ chỉ cách thêm sân ga mấy bước, tôi nhìn thấy một tấm biển lớn, trên đó viết: "Rotterdam- cái mũi của Hà Lan", còn con tàu đã chở tôi hoàn thành một cách thuận lợi chuyến đi ấy thì đỗ ở ngay phía dưới tấm biển.

Nếu không cho rằng, không có lệnh của anh tôi thì tôi đã quyết tâm đi thưởng thức các bức danh hoạ của Rembraudt rồi, vậy phải giải thích như thế nào cái việc nhìn rõ mục tiêu rồi mà vẫn hấp tấp ngó tìm khắp nơi? Chỉ có thể nói đó là sự "mù quáng" không thể hiểu nổi. Suốt quá trình ấy - tâm trạng rối bời của tôi, tả xung hữu đột, ý hướng thành kính muốn nghỉ đêm tại Cologne - chỉ là sự che đậy mục đích này.

Dẫn chứng 17⁽¹⁾

J.Stärke kể về một trường hợp ông thông qua hành vi "quên" để đạt được mục đích công khai.

"Một lần tôi phải tới một thôn để giảng bài, buổi giảng bài cần có phim đèn chiếu, nhưng rồi buổi giảng bài ấy phải lui lại một tuần. Tôi đã nhận được thư báo hoãn, và tôi đã trả lời, thậm chí tôi còn ghi ngày giờ mới vào sổ tay. Tôi vốn định chiều thì tới thôn ấy, như vậy tôi sẽ có đủ thời gian để tới thăm một nhà văn đang sống ở đó. Song, điều

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

khiến tôi thất vọng là, chiều nào tôi cũng có chương trình cả rồi, dẫu không muốn thì tôi cũng phải gác ý định đi thăm ấy lại".

"Tôi hôm phải giảng bài, tôi mang theo hòm phim đèn chiếu vội vàng xuất phát. Để kịp giờ tàu chạy, tôi thuê một chiếc xe chở ra ga (tôi thường trễ giờ, nên phải thuê xe chở ra ga cho kịp giờ tàu chạy). Khi tới ga đích, tôi vô cùng ngạc nhiên, không thấy có người ra ga đón (khi tới giảng bài ở thôn nhỏ như thế này thường có người ra ga đón). Tôi bỗng nhớ ra ngày giảng bài phải lui lại một tuần, nhưng tôi lại đi theo hẹn cũ. Tôi trách mình có trí nhớ tồi và định lên tàu quay về. Nhưng, nghĩ kỹ tôi thấy có thể nhân dịp này thực hiện chuyến thăm hỏi đã mong đợi từ lâu, và thế là tôi thực hiện tấp lự. Nhưng, giữa đường tôi bỗng nghĩ rằng cần phải có đủ thời gian để chuẩn bị toàn bộ công việc thực hiện nguyện vọng thăm bạn ấy.

Thế rồi tôi lại kéo cái hòm phim đèn chiếu nặng trình trịch, vội vàng lên xe hoả. Thế là tôi đã giấu kín được cái động cơ vô thức của mình.

Có lẽ có người vẫn chưa tin rằng ⁽¹⁾, những sai lầm mà tôi nói ở đây thường xuyên xảy ra và có ý nghĩa to lớn. Đành rằng, các bạn có thể cho những sai lầm nói trên đều gây ra hậu quả không nghiêm trọng. Nhưng, phải chăng có thể mở rộng quan

⁽¹⁾ Đoạn này bắt đầu có từ lần xuất bản năm 1901.

điểm này sang "những sai lầm phán đoán" quan trọng hơn. Đây là câu hỏi đặt ra để mọi người suy nghĩ. Trong đời sống hàng ngày hoặc trong công việc nghiên cứu khoa học, người ta thường bị tình cảm che mắt, bị vô thức điều khiển, làm cho bụng rối mắt mờ, phải có tâm trí toàn vẹn nhất, kiệt xuất nhất mới có thể chống lại sự bóp méo của "con tim khác" trong quá trình suy nghĩ, giữ được nhận thức đối với chân tướng của sự thật khách quan.

CHƯƠNG XI

HÀNH VI SAI LẠC SONG TRÙNG ⁽¹⁾

Hai dẫn chứng mà tôi nêu ra ở trên: sai lầm trong việc tôi nhầm Medici là Venice và sai lầm của người trẻ tuổi không nghe tôi khuyên can cứ gọi điện thoại cho người bạn gái của anh ta, là những trường hợp sai lầm không thể giải thích một cách đơn giản được. Cân nhắc kỹ thì chúng ta sẽ thấy hai trường hợp đó đều vừa quên vừa sai lầm. Trong dẫn chứng dưới đây, tính chất song trùng ấy biểu hiện càng rõ ⁽²⁾.

Dẫn chứng 1.

Có một người bạn nói với tôi rằng: "Mấy năm trước tôi đồng ý tham gia ban chấp hành hội nhà

⁽¹⁾ Chương này lần đầu tiên được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907. Trước đó chỉ có 4 đoạn trên và đoạn cuối cùng. Các dẫn chứng khác được bổ sung trong các lần xuất bản sau.

⁽²⁾ Ba dẫn chứng đầu trong các dẫn chứng dưới đây được dẫn ra tại chương III sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần" (1916 - 1917). Dẫn chứng 2 do R.Reitler cung cấp.

vấn, vì tôi cho rằng trong tương lai tổ chức này có thể giúp tôi cho diễn thử vở kịch của tôi. Tuy tôi chẳng hứng thú gì với vấn đề mà họ thảo luận, nhưng thứ 6 hàng tuần vẫn miễn cưỡng đi dự họp đúng giờ. Máy tháng trước, biểu diễn vở kịch của tôi tại một nhà hát đã được xác định hoàn toàn, sau đó tôi thường quên hội nghị của tổ chức này. Khi tôi đọc đến tác phẩm mà anh thảo luận vấn đề đó, tôi rất xấu hổ về cái tội hay quên của mình. Tôi tự trách mình kém cỏi quá, vứt bỏ tất cả những thứ gì mình chưa dùng. Thế rồi tôi hạ quyết tâm thứ 6 sau nhất thiết phải nhớ. Trong tuần lễ ấy tôi luôn nhắc nhở mình, và ngày họp đã đến, tôi vào phòng họp nhưng thấy cửa phòng đã khoá, rõ ràng là hội nghị đã họp xong rồi. Chắc chắn tôi lại sai ngày, hôm ấy đã là thứ 7 rồi.

Dẫn chứng 2.

Đây là dẫn chứng về hành vi có tính chất triệu chứng và để đồ vật sai chỗ cùng xảy ra trong một trường hợp, tôi nghe được theo con đường vòng vo, nhưng rất đáng tin.

Một cô gái đi du lịch Roma cùng với anh rể. Anh rể cô là một nhà nghệ thuật nổi tiếng. Người Đức ở Roma nhiệt liệt hoan nghênh họ, tặng họ rất nhiều tặng phẩm, trong đó có cả một chiếc huân chương cổ bằng vàng. Thấy anh rể tỏ ra không coi trọng những tặng phẩm này, cô gái rất không hài

lòng. Sau đó, khi về nhà (chỗ ở tại Roma cô ta đã nhường lại cho chị gái), khi mở va li ra, cô không dám tin vào mắt mình nữa, chẳng hiểu vì sao mà cô lại bỏ tấm huân chương vào va li để mang về nhà. Cô ta lập tức viết thư cho anh rể nói rằng hôm sau nhất định cô sẽ gửi trả. Không ngờ, ngày hôm sau tấm huân chương đã không cánh mà bay, tìm không thấy, dĩ nhiên cũng không trả lại anh rể được. Lúc này cô mới ý thức được rằng, từ đầu chí cuối, "cái sự vô tâm" của cô có ý là cô muốn chiếm cái huân chương ấy.

Dẫn chứng 3 ⁽¹⁾.

Trường hợp trong dẫn chứng này, hành vi sai lạc lặp đi lặp lại nhiều lần, nhưng dưới các hình thức khác nhau:

Không hiểu vì sao mà Jones để quên một bức thư trên bàn nhiều ngày không gửi đi. Cuối cùng thì ông đã gửi đi, nhưng lại quên ghi địa chỉ người nhận, bị trả lại. Ông viết địa chỉ vào, lại gửi đi, nhưng lại bị trả lại, vì không dán tem. Tới lúc này thì ông không thể không cúi đầu chịu thua cái sức mạnh vô thức không muốn gửi thư đi.

Dẫn chứng 4.

Trong một bài viết của mình, bác sĩ DrKarl Weiss

⁽¹⁾ Từ dẫn chứng 3 đến dẫn chứng 5 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

ở Wien nói rằng, nếu làm việc trái với ý nguyện nội tại của mình thì chỉ công toi vô ích mà thôi.

Nếu hoạt động vô thức cố ý gây rối việc thực hiện một ý đồ nào đó thì nó sẽ kiên quyết không buông lời, không phòng ngừa được. Dẫn chứng dưới đây chứng minh điều đó.

"Một người bạn muốn mượn sách của tôi, bảo tôi hôm sau mang tới cho ông ta. Khi ấy tôi vui vẻ đồng ý, nhưng lại hơi có cảm giác không vui mà không tiền nói ra. Ông bạn này mượn của tôi một khoản tiền, nhưng đã mấy năm rồi mà không hề có ý trả. Bấy giờ tôi không nghĩ kỹ, nhưng chiều hôm sau lại có một việc không vui như thế. Tôi tự nhắc mình: Ý hướng vô thức của ta muốn ta quên cái chuyện cho mượn sách đi, ta phải hết sức cẩn thận, chớ có dễ dãi như thế. Vì tới nhà, tôi lập tức gói sách lại, để ở bên cạnh chờ viết xong mấy lá thư thì mang đi cả thể. Ra khỏi cửa, đi chưa được mấy bước, tôi nhớ ra mấy lá thư để trên bàn (tiện thể nói thêm, trong số thư này có một thư trả lời ông X, vốn tôi muốn ông ta ủng hộ quan điểm của tôi, nhưng bây giờ lại bất đồng ý kiến với ông ta). Tôi trở về lấy thư mang đi, sau đó, khi ngồi trên xe điện, tôi nhớ ra mấy thứ vợ dặn mua, nghĩ rằng bất quá cũng chỉ là một gói nhỏ con, không có gì phiền phức. Từ cái "gói nhỏ con" này tôi bỗng nhớ tới "sách" - tới lúc này tôi mới phát hiện tôi không

mang sách theo. Chẳng những khi ra khỏi nhà lần đầu tôi đã quên, mà sau đó quay về lấy thư, tôi cũng không nhìn thấy, mặc dầu tôi để ở bên cạnh những lá "thư"

Dẫn chứng 5.

Rauk cũng phân tích một trường hợp tương tự như thế.

"Một vị gặp việc gì cũng hết sức cẩn thận, có thể nói là máy móc cứng nhắc, nói về một chuyện kỳ cục mới xảy ra gần đây: một hôm, vào buổi chiều, anh ta đang đi trên phố, định xem mấy giờ rồi thì phát hiện quên đồng hồ ở nhà, trước đây anh ta chưa từng sơ suất như thế bao giờ. Anh ta có một cuộc hẹn, không thể trễ giờ được, sắp tới giờ hẹn rồi nên anh ta không thể quay về lấy đồng hồ được. May sao tiện đường anh ta có thể rẽ vào thăm một người bạn gái mà anh ta đã hẹn sáng hôm sau sẽ tới thăm, nhân thể mượn đồng hồ của cô bạn một tối, hứa rằng hôm sau sẽ mang trả".

"Nhưng, hôm sau, khi tới cửa nhà cô bạn gái anh ta mới phát hiện chiếc đồng hồ trên tay là đồng hồ của mình, còn đồng hồ của cô bạn gái thì anh ta để quên ở nhà. Anh ta hạ quyết tâm nhất định chiều hôm ấy sẽ mang tới trả, và anh ta đã thực hiện đúng lời hứa. Nhưng sắp ra về, anh ta xem giờ lúc ấy anh ta vừa ngạc nhiên vừa bức, vì để quên đồng hồ của mình ở nhà.

" Việc quên đi quên lại như thế khiến cái vị cổ lỗ này rất buồn bực, anh ta lo ngại, muốn biết ngay nguyên nhân tâm lý của hiện tượng đó. Khi anh ta trả lời câu hỏi trong ngày quên đồng hồ lần đầu có xảy ra việc gì không vui hay không và sự việc diễn ra như thế nào thì nguyên nhân ấy liền lộ ra.

Té ra là, hôm ấy, sau khi ăn cơm trưa, trước lúc ra khỏi nhà, anh ta và mẹ anh ta chuyện trò với nhau, mẹ anh ta nói về người thân thích bê tha vô lại, từng gây ra nhiều chuyện phiền phức đối với anh ta và từng làm tốn của anh ta nhiều tiền. Người thân thích này đã đem đồng hồ đi cầm cố, vì trong nhà không thể thiếu đồng hồ nên phải mang tiền đi chuộc về. Nói là vay nhưng thực tế là có vay không có trả. Điều đó khiến bụng dạ anh ta rối bời, anh ta nhớ lại nhiều điều bần khoản mà người thân thích này gây ra trong nhiều năm qua.

"Do vậy, có nhiều nguyên nhân gây ra hành vi có tính chất triệu chứng của anh ta. Một là, có là hành vi này đại biểu cho tư tưởng cho rằng: "Tiền do ta kiếm được bằng mồ hôi nước mắt không thể để cho người đục khoét như thế, nếu người cần đồng hồ thì thà để đồng hồ lại cho người".

Nhưng vì tối hôm ấy anh ta phải đến điểm hẹn, cần có đồng hồ, nếu ý hướng này dừng lại trong chốn vô thức và bộc lộ ra thông qua hành vi có tính chất triệu chứng. Hai là, có khả năng sự

quên lãng này biểu hiện tâm trạng đau xót, "cứ để cho cha này lãng phí tiền mãi như thế thì sớm muộn thế nào ta cũng bị hấn quật đổ, e rằng khi ấy cái gì ta cũng phải cho lão".

"Theo như người này nói thì tuy bấy giờ anh ta bực mình, nhưng lại nguôi ngay. Song, sự lặp đi lặp lại hành vi có tính chất triệu chứng ấy cho thấy, rõ ràng là trong chốn vô thức tâm trạng này vẫn rất nặng nề, biểu hiện thành lời nói có ý thức: "Việc này chẳng khác nào cục xương mắc ở họng khó mà quên được ⁽¹⁾. Do vậy, biết được sự cố chấp vô thức thì việc quên đồng hồ của bạn gái là điều không khó hiểu.

"Nhưng, việc quên đồng hồ của bạn gái, ngoài nguyên nhân nói trên ra, chắc chắn còn có nguyên nhân khác. Nguyên nhân rõ ràng nhất là anh ta rất muốn giữ chiếc đồng hồ ấy lại để thay chiếc đồng hồ của anh ta đã bị mất, do vậy mà anh ta quên không mang trả vào ngày hôm sau. Có khả năng anh ta muốn giữ chiếc đồng hồ của bạn gái làm vật kỷ niệm. Hơn nữa, quên trả đồng hồ sẽ có thể giúp anh ta có cớ tới thăm cô gái mà anh ta rất ưa thích ấy lần nữa. Vì, dầu sao thì anh ta cũng đến thăm cô gái vào sáng hôm sau vì việc khác. Quên trả đồng hồ chứng tỏ anh ta không muốn nhân cuộc viếng thăm

⁽¹⁾ Có khi hoạt động vô thức này biểu hiện trước hết trong giấc mơ, sau đó nảy sinh hành vi sai lạc. Có khi hành vi ấy liền ra lặp đi lặp lại, muốn sửa lại nhưng lại quên.

theo hẹn trước này để hoàn thành mục đích trả đồng hồ xảy ra bất ngờ. Và lại, hai lần quên đồng hồ của mình, như vậy không thể đổi lấy chiếc đồng hồ khác, chúng tỏ trong vô thức anh ta không muốn đeo hai chiếc đồng hồ một lúc. Anh ta không muốn tỏ ra giàu có để càng làm nổi bật sự túng thiếu của người thân thích kia, mặt khác, cũng tựa như là can ngăn mình chớ có lấy cô gái kia làm vợ, tượng trưng quan hệ không thể xa cách giữa mình và người thân thích".

"Cuối cùng, việc quên chiếc đồng hồ của cô gái còn có thể có một nguyên nhân khác nữa: tối hôm đầu tiên, khi cùng có mặt với các bạn bè, do vẫn còn là độc thân, cảm thấy nếu giở đồng hồ nữ ra xem giờ trước mặt các bạn trai thì rất ngượng ngùng, cho nên chỉ xem vụng. Để tránh lặp lại cái cảnh khó xử ấy, anh ta không muốn đeo chiếc đồng hồ ấy nữa, nhưng lại không thể không mang đi trả. Chốn vô thức đưa tới hành vi có tính chất triệu chứng để làm điều thoả hiệp giữa hai tâm trạng đối lập nhau, nhằm đạt được mục đích vô thức."

Ba dẫn chứng dưới đây là kết quả quan sát của Stürcke⁽¹⁾

Dẫn chứng 6.

Đây là những trường hợp đặt đồ vật sai vị trí, đánh vỡ đồ vật và quên lãng được xem là

⁽¹⁾ Từ dẫn chứng 6-8 được bổ sung trong lần xuất bản năm 1917.

phương thức thể hiện ý nguyện tiềm ẩn bị dồn nén.

Tôi đã thu thập được hàng loạt tư liệu bản vẽ cho công việc nghiên cứu của mình. Một hôm em trai tôi tới mượn tôi một số bản vẽ, chú ấy định dùng làm phim đèn chiếu khi giảng bài. Tôi lập tức có ý nghĩ rằng, nếu những bản vẽ phục chế mà tôi đã dày công thu thập được này tôi không tổ chức triển lãm hoặc xuất bản được thì tôi thà để cho chú ấy dùng làm phim đèn chiếu. Tôi đồng ý cho chú ấy tìm chọn phim bản gốc những bản vẽ mà chú ấy cần để làm thành phim đèn chiếu. Nhưng không sao tìm ra phim bản gốc. Tôi tìm trong một đồng hộp đựng phim bản gốc với hơn hai trăm phim mà không tìm ra phim tôi cần tìm. Do vậy, tôi nghĩ rằng thực tế tôi không muốn cho em tôi những phim bản gốc ấy. Khi tôi phát hiện ra suy nghĩ không thân thiện ấy tôi đã cố gắng chiến thắng nó. Tôi đã chú ý lấy một hộp trên cùng trong đồng hộp phim bản gốc đặt riêng một bên, cái hộp này đựng phim bản gốc mà tôi cần. Mở hộp ra tôi thấy có một bản chỉ dẫn nội dung, rất có khả năng trước khi đặt hộp này sang một bên tôi đã vội vàng liếc mắt một cái. Nhưng hầu như cái suy nghĩ không thân thiện kia vẫn chưa chịu khuất phục hoàn toàn, trước khi những phim đèn chiếu được đưa ra lại nảy sinh rất nhiều sự việc. Tôi cầm một tấm phim đèn chiếu, định lau sạch mặt kính, nhưng vì lau mạnh quá,

tấm phim đèn chiếu này bị vỡ (tôi chưa bao giờ làm vỡ bất kỳ tấm phim đèn chiếu nào). Khi tôi phục chế xong tấm phim đèn chiếu này tôi đã để nó tuột khỏi tay, may sao tôi đưa chân ra đỡ được, nếu không thì đã lại vỡ rồi. Khi tôi đang lắp phim vào thì toàn bộ đồng hộp đựng phim bản gốc rơi loảng xoảng xuống đất, may mà không vỡ hộp nào. Mấy ngày sau, tôi gói tất cả xong xuôi và chuyển đi. Tuy tôi ngày nào cũng làm lại, nhưng ngày nào cũng quên.

Dẫn chứng 7.

Quên đi quên lại - cuối cùng làm sai.

"Một hôm tôi định gửi cho một người quen một tờ bưu thiếp, nhưng lần nữa mấy ngày. Tôi ngờ tôi lần nữa là do nguyên nhân như sau: ông ta viết thư bảo với tôi rằng trong tuần sẽ có một người tới thăm tôi, mà người này tôi lại không muốn gặp. Nhưng một tuần đã trôi qua, không thấy con người không được hoan nghênh ấy đến, vì thế tôi muốn gửi cho ông ta một bưu thiếp báo cho ông ta biết tôi được tự do rồi. Khi tôi viết bưu thiếp, vốn tôi định thêm một câu "vì lao động thể lực nặng nhọc tôi nghỉ sáng tác (Druk Werk) từ lâu rồi. Nhưng sau tôi bỏ ý định ấy, vì không có ai là người bình thường mà lại tin cái lý do cũ rích ấy. Tôi không biết phải chăng cái lời nói dối ấy nhất định phải có, chỉ khi tôi bỏ tấm bưu thiếp ấy vào thùng thư, không ngờ tôi lại bỏ nó vào ô để ấn phẩm".

Dẫn chứng 8.

Quên và sai lầm.

"Sáng sớm một hôm, thời tiết rất tốt, một cháu gái muốn tới nhà bảo tàng quốc gia ở Hà Lan để vẽ phác họa một số mô hình thạch cao. Tuy cháu có thể nhân khi trời đẹp để đi tản bộ, nhưng cháu vẫn quyết định chịu khó vẽ thêm một số mô hình nữa. Trước tiên cháu phải mua giấy vẽ, bút chì, và các vật liệu dùng để phác thảo. Thế là cháu đi cửa hàng (cách nhà bảo tàng khoảng 10 phút đi bộ), nhưng cháu quên không mua giấy vẽ. Khi về tới nhà bảo tàng, cháu ngồi trên chiếc ghế đẩu, lấy vật liệu ra để chuẩn bị vẽ, khi ấy cháu mới biết là quên mua giấy nên lại phải ra cửa hàng mua giấy.

Sau khi mua giấy vẽ, cháu ngồi vào vẽ một cách nghiêm túc, công việc tiến triển rất tốt. Một lát sau, tiếng chuông trong nhà bảo tàng vang lên một hồi lâu, "chắc chắn 12 giờ rồi - cháu nghỉ, cháu lại vẽ tiếp. Một lát sau tiếng chuông lại vang lên báo 15', cháu nghỉ "bây giờ là 12 giờ 15 phút rồi". Cháu thu dọn đồ nghề, vật liệu, quyết định đi qua công viên Voudel về nhà chị gái uống cốc cà phê (ở Hà Lan tương đương bữa ăn trưa). Tại bảo tàng Suasso (một phần nhà bảo tàng Muri-cipal) cháu giật mình khi phát hiện bấy giờ mới chỉ là 12 giờ, chứ không phải là 12 giờ 30 phút. Sự cảm dỗ của thời tiết đẹp khiến cháu không còn tiếp tục cần

mẫn được nữa. Kết quả là, khi chuông đồng hồ nhà bảo tàng đánh 12 tiếng vào lúc 11 giờ 30 phút, cháu không nhớ ra rằng, ở nhà bảo tàng này, chuông báo nửa giờ cũng đánh 12 tiếng.

Dẫn chứng 9 ⁽¹⁾

Những dẫn chứng trên cho thấy, thông qua hành vi sai lạc lặp đi lặp lại nhiều lần giống nhau, mục đích can thiệp vô thức có thể thành công. Tôi nêu một dẫn chứng lấy từ bài "Frank Wedekind trong rạp kịch", bài này do nhà xuất bản DreiMaskeu owr Miinchen xuất bản. Nhưng tôi phải ghi công lao trong việc kể câu chuyện lý thú về phong cách của Mark Twain thuộc về tác giả tập sách này.

"Màn" nhân viên thẩm tra "trong vở" Frauk WedeLiud ở rạp kịch", ở giờ phút nghiêm trang nhất có một lời kịch như sau: "Sợ chết là sai lầm lý tính. Tác giả hết sức coi trọng lời kịch này. Khi trình diễn, trước khi mắc "sai lầm lý tính" diễn viên thoáng dừng lại. Tối hôm ấy, toàn bộ thể xác và tâm hồn của diễn viên phải nhập vào vai diễn, cũng phải hết sức chú ý làm động tác thoáng dừng lại. Nhưng anh ta lại thốt ra một câu với giọng nói hết sức nghiêm trang, rằng: "Sợ chết là một lỗi in sai (Durckfehler)" diễn xong, diễn viên gặp tác giả xin ý kiến nhận xét, tác giả bảo rằng anh ta không

⁽¹⁾ Dẫn chứng này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1919.

phạm sai lầm nào, chỉ có điều là lời kịch không phải là "sợ chết là một lỗi in sai" mà là "một sai lầm lý tính". Hôm sau lại diễn màn "Nhân viên thẩm tra", khi nói tới lời kịch trên, diễn viên lại nói với giọng rất nghiêm túc: "Sợ chết là một câu "bị vong lục" (Denkzettll)" Wedekind lại càng khen diễn viên, chỉ có điều là ông lại nhấn mạnh câu lời kịch ấy là "sợ chết là một sai lầm lý tính" chứ không phải sợ chết là một bản bị vong lục". Tối sau nữa, cùng lại diễn màn kịch ấy, khi này diễn viên đã có tình thân sâu đậm với tác giả rồi, và đã trao đổi nhiều ý kiến với nhau về vấn đề nghệ thuật. Khi diễn tới đoạn có lời kịch đó, diễn viên ấy lại nói với thái độ nghiêm túc nhất trên đời rằng: "sợ chết là cái "nhãn hàng in" (Druck zetrrel)". Diễn viên lại được tác giả khen hết lời, vở kịch này cũng được diễn nhiều lần. Nhưng tác giả đã rõ cái quan niệm "sai lầm lý tính" ấy mãi mãi trở thành nguyên nhân sai lầm".

Rank cũng chú ý tới quan hệ thú vị giữa hành vi sai lạc với giấc mơ 1. Muốn nghiên cứu việc này thì trước hết phải biết phân tích giấc mơ liên quan với hành vi sai lạc. Tôi đã từng nằm mơ bị mất ví tiền. Sáng hôm sau khi mặc quần áo tôi phát hiện đúng là không thấy ví tiền ở túi. Thực ra thì tối hôm trước, lúc đi ngủ tôi quên không đặt vào chỗ mọi khi vẫn để. Phải chăng đây chỉ đơn thuần là sự

quên lãng? Có khả năng đó là biểu hiện của tư tưởng vô thức hiện lên trong giấc mơ?⁽¹⁾

Tôi không cho rằng những dẫn chứng về "hành vi sai lạc song trùng có thể báo cho chúng ta biết những điều mới mẻ chưa biểu hiện ra ở những hành vi sai lạc đã nói ở những chương trước. Song, những dẫn chứng này cho chúng ta thấy tuy hành vi sai lạc thay đi thay lại phương thức của chúng, nhưng đều hướng theo kết quả giống nhau. Như vậy, chúng ta có thể tin rằng, khi ý nguyện "ngắm ngẫm" đi tìm mục tiêu xác thực của nó thì thường có mức độ bền bỉ và co giãn rất lớn; cũng giúp chúng ta hiểu và cho rằng chúng ta không thể chấp nhận quan điểm khẳng định hành vi sai lạc xảy ra một cách ngẫu nhiên. Chúng ta thường thấy, mục đích có ý thức không thể ngăn ngừa được, chịu bó tay đối với hành vi sai lạc. Ta hãy xem trong dẫn chứng của tôi về

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1924 có một chú thích như sau: Không tí trường hợp hành vi sai lạc như làm mất đồ vật, để đồ vật sai vị trí nhờ giấc mơ - thông qua thông tin nhận được từ giấc mơ, người ta có thể biết vật bị mất đang nằm ở đâu. Tuy người đánh mất đồ vật và người nằm mơ là một, nhưng lại không hề biết bản chất của sự kiện thần bí này.

Một phụ nữ trẻ viết: "Khoảng 4 tháng trước, tại ngân hàng, tôi phát hiện chiếc dây chuyền rất đẹp của tôi không còn ở trên cổ nữa. Về nhà, tôi tìm khắp nơi đều không thấy. Một tuần lễ trước tôi nằm mơ thấy nó nằm cạnh máy toả nhiệt ở chạn bát. Tất nhiên, giấc mơ ấy khiến tôi không ngủ được nữa. Sáng sớm hôm sau quả là tôi thấy nó ở chỗ đó". Chị ta rất lấy làm lạ về sự kiện này và nói rằng quan điểm và nguyện vọng của chị ta đều được thực hiện bằng phương thức này. Nhưng chị ta đã bỏ qua không để ý xem giữa việc mất dây chuyền và việc lại tìm thấy nó có gây ra thay đổi gì đời sống của chị ta hay không.

một người bạn bỏ lỡ cuộc họp của hội các nhà văn, về cô gái nọ không thể rời bỏ chiếc huân chương, sự việc là như thế đó. Một khi bị quyết tâm có ý thức ngăn chặn, thế lực vô thức sẽ lập tức tìm lối thoát khác. Sẽ là việc nực cười, nếu định dùng quyết tâm trái ngược có ý thức để gạt bỏ động cơ tiềm tàng, không tự biết. Phải thông qua nỗ lực về mặt tâm lý để làm cho sự không tự biết trở thành tự biết, đó mới thực sự là phương pháp khả thi.

CHƯƠNG XII

MỘT VÀI QUAN ĐIỂM VỀ QUYẾT ĐỊNH LUẬN, NGẪU NHIÊN VÀ MÊ TÍN

Kết luận chung rút ra từ những nghiên cứu đơn lẻ ở trên có thể được trình bày như sau: nếu nghiên cứu theo phương pháp phân tích tinh thần thì những khiếm khuyết nào đó của công năng tâm lý - phía sau đặc trưng chung của chúng sẽ được vạch ranh giới rõ ràng - và những hành vi nào đó xem ra có vẻ không có mục đích được chứng minh là có động cơ có hiệu quả và được quyết định bởi động cơ mà ý thức không biết.

Để phù hợp với đòi hỏi của loại hiện tượng này, hành vi sai lạc về tâm lý (Psychical parap axis) phải hội đủ các điều kiện sau:

a) Không vượt quá phạm vi cụ thể mà phán đoán của chúng ta đã khoanh vùng, đặc trưng của phán đoán này là ở "trong giới hạn bình thường".

b) Nó chỉ là trở ngại tạm thời, thoáng qua; phải là cùng một loại công năng mà trước đây chúng ta đã thực hiện một cách chính xác, hoặc chúng ta luôn luôn tin rằng mình có khả năng thực hiện một cách chính xác. Nếu người khác chỉ ra sai lầm của hành vi ấy thì chúng ta phải ý thức được ngay rằng người khác uốn nắn rất đúng đắn, đúng là quá trình tâm lý của mình có sai lầm.

c) Nếu chúng ta phát hiện hành vi sai lạc thì phải là chúng ta không rõ nguyên nhân của chúng. Chúng ta phải giải thích bằng sự "không để ý" hoặc xem là "ngẫu nhiên" (chance)

Như vậy, loại hiện tượng này gồm có: quên lãng (vergessen), sai lầm quen biết, lỡ lời (Versprechen), đọc sai (Verlesen), viết sai (Verchreiben), hành vi sai lạc (Vergreifen) và hành vi ngẫu nhiên. Đặc điểm chung về ngôn ngữ của tên gọi những hiện tượng này là (trong tiếng Đức) chúng đều có tiền tố "Ver" ⁽¹⁾

Giải thích các quá trình tâm lý bị phủ định bằng phương thức này sẽ làm nảy sinh một loạt hoạt động quan sát, trong đó có một bộ phận hành vi nhất định sẽ gây ra một sự hứng thú rộng rãi.

A. Nếu chúng ta thừa nhận quan điểm cho rằng một bộ phận công năng tâm lý của chúng ta không

⁽¹⁾ Trong tiếng Đức, tiền tố "ver" tương đương với tiền tố "mis" "trong tiếng Anh, có nghĩa là "sai".

thể được giải thích bằng tư tưởng có mục đích thì chúng ta sẽ không ý thức được mức độ quyết định của đời sống tinh thần (2). Trong lĩnh vực này và các lĩnh vực khác, tính phổ biến của sự "quyết định" (determination) khác rất xa với mức độ chúng ta dự đoán. Năm 1900 tôi có dịp được đọc một bài trên tạp chí "Thời đại (diezeit)" ở Wien, trong đó tác giả R.M.Meyer, một nhà văn học sử, cho rằng không thể tùy tiện, vô tâm viết câu văn không có ý nghĩa, ông còn lấy dẫn chứng để chứng minh. Trong một thời gian tôi đã biết rằng người ta không thể nói ra một nhóm chữ số hoặc một tên gọi theo sự lựa chọn tự do của cá nhân mình. Khảo sát một nhóm chữ số bên ngoài có vẻ là được tùy ý nói ra - chẳng hạn như mấy chữ số mà người ta nói ra khi nói đùa hoặc khi tinh thần phấn khởi - chúng ta có thể thấy việc tùy ý nói ra chữ số ấy được quyết định một cách chặt chẽ theo một phương thức chưa nghĩ tới bao giờ. Dưới đây tôi sẽ phân tích một cách vắn tắt một dẫn chứng về tùy ý chọn tên gọi, sau đó sẽ phân tích kỹ một dẫn chứng tương tự về chữ số được "buộc miệng nói ra".

Dẫn chứng 1.

Tôi vừa sắp xếp tư liệu để chuẩn bị xuất bản một tập sách về bệnh ictêri ⁽¹⁾, vừa suy nghĩ đặt tên

⁽¹⁾ Tức tác phẩm "Fragment of an Analysis of case of Hysteria" ("Phân tích bệnh Ictêri") viết năm 1905. Mặc dầu phần cơ bản được viết xong tháng 1/1901, nhưng mãi tới năm 1905 Freud mới cho xuất bản.

cho các nhân vật trong sách. Phạm vi lựa chọn rất rộng. Tất nhiên, ngay từ đầu đã có một số tên được đặt ra ngoài phạm vi lựa chọn, đầu tiên là tên thật của bệnh nhân; thứ đến là tên của người nhà và bạn bè, ngoài ra tên của một số phụ nữ có nét độc đáo về mặt phát âm cũng bị loại ra. Trừ những trường hợp đó, muốn chọn tên trong sổ trường hợp còn lại không phải là việc khó. Có lẽ mọi người cho rằng, và tôi cũng nghĩ như thế, vẫn còn một đồng tên phụ nữ tôi có thể lựa chọn. Nhưng điều kỳ lạ là bấy giờ chỉ chọn được có một tên, đó là cái tên Dora.

Tôi tự hỏi cái tên ấy được lựa chọn như thế nào và có con ai cũng tên là Dora? Tôi lập tức nhớ ra chị vú nuôi ở nhà em gái tôi cũng tên là Dora, nên tôi vất bỏ ngay. Nhưng tôi rất có khả năng tự kiềm chế, tôi cũng giàu kinh nghiệm phân tích tâm lý, nên tôi bám sát suy nghĩ này tiếp tục suy nghĩ, nhanh chóng tìm thấy từ trong ký ức cái chuyện vặt vãnh quyết định hành vi đặt tên của tôi. Tối hôm trước, tôi thấy trên bàn trong phòng ăn ở nhà cô em gái tôi có một lá thư, trong đó viết "Fraüleiu Rosa W.". Tôi rất ngạc nhiên, hỏi vị Rosa này là ai thì được biết đó là tên thật của Dora. Sau khi tới đây làm việc cô ta phải bỏ cái tên ấy vì em gái tôi cũng có tên là Rosa. Tôi nói với tình cảm thương hại: "Hỡi con người đáng thương, ngay cái tên của mình mà cũng không bảo vệ được!" Tiếp đó tôi trầm

ngâm một hồi, nghĩ tới những điều không được như ý của đời người, cảm thấy mờ mịt. Nhưng bây giờ tôi đã dễ dàng nhớ ra tâm trạng khi ấy. Do đó, hôm sau, khi tôi tìm một cái tên khác cho cô gái cũng không bảo vệ được cái tên của mình ấy, tôi tự nhiên nghĩ tới "Dora". Cái việc đập nguyên xi không hề sửa đổi này còn có một nguyên nhân nữa: cũng do ảnh hưởng của một nữ gia sư, bệnh tình của bệnh nhân này của tôi mới bắt đầu dần dần có chuyển biến tốt.

Sau đó nhiều năm ⁽¹⁾, sự việc nhỏ này phát sinh dư âm không ngờ tới. Trong một lần giảng bài, khi đang nói về bệnh tình của cô gái Dora trong tập sách đã xuất bản từ lâu ấy, tôi bỗng nhớ ra trong hai cô gái đang nghe giảng cũng có một cô tên là Dora, và tôi vừa mới dùng mọi cách để nhiều lần nhắc tới cái tên ấy. Tôi vội xin lỗi cô học trò mà tôi ngẫm biết ấy, rằng tôi lỡ quên cô ta cũng có cái tên gọi như thế, tôi sẽ thay ngay cho cô bằng cái tên khác. Bây giờ tôi lại đứng trước nhiệm vụ chọn lại tên, mà dẫu thế nào chẳng nữa cũng quyết không thể lại chọn một cái tên chung với tên của học sinh nữ khác, để khỏi bị những học sinh đã có cơ sở rất tốt về phân tích tinh thần ấy chê cười. Vì thế, khi nghĩ ra lấy cái tên "Erna" thay cho Dora tôi rất mừng. Sau khi giảng bài xong, tôi tự hỏi mình cái

⁽¹⁾ Đoạn này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

tên "Erna" này từ đâu ra. Khi tôi phát hiện việc mà tôi lo lắng khi tìm tên gọi rốt cuộc vẫn là được làm ra từ trong vô thức, tôi bất giác mỉm cười, té ra là những học sinh nghe giảng có một em tên là Lucerna, Erna chính là nửa sau của cái tên ấy.

Dẫn chứng 2.

Tôi viết thư báo cho một người bạn biết tôi vừa mới sửa xong các dẫn chứng trong tập "Giải phẫu giấc mơ", không muốn có bất kỳ sửa đổi nào nữa, "dẫu có tới 2467 chỗ sai" ⁽¹⁾. Tôi lập tức thử giải thích chữ số này và gửi cho ông đoạn phân tích ở góc độ là lời phụ ghi ở cuối thư. Ở đây tốt nhất tôi trình lên bạn đọc nguyên xi như thế, tựa như khi phát hiện chữ số này thì lập tức ghi lại vậy.

"Tôi lại tìm được một tư liệu tốt cho công việc nghiên cứu tâm lý học trong đời sống hàng ngày. Các bạn sẽ thấy nhóm chữ số 2467 tôi viết ở trong thư chỉ là dự tính một cách tùy ý con số sai có khả năng xuất hiện trong tập "Giải phẫu giấc mơ". Ý tôi muốn diễn đạt chỉ là số lượng rất lớn.

Nhưng trong đời sống tinh thần của tôi vốn không có cái gọi là tùy ý, nên các bạn rất có nhận định rằng, nếu trong ý thức của mình, bạn muốn tùy ý nói ra một chữ số thì ở trong cõi vô thức của bạn đã có một chữ số tiền định đang chờ sẵn 1. Mới

⁽¹⁾ Trong tập "Giải phẫu giấc mơ" Freud đã gián tiếp nhắc tới quan điểm về chữ số này bị quyết định.

rồi tôi đọc trên báo một tin nói về việc một vị tướng xuất ngũ khi đang là giám đốc công binh xưởng. Tôi cần phải giải thích vài lời, tôi rất kính trọng con người này. Khi tôi phục vụ trong quân đội, một hôm ông tới trung tâm y tế (bấy giờ ông làm quan tới chức Thượng tá trung đoàn trưởng) nói với bác sĩ chủ nhiệm rằng: "Hạn trong một tuần lễ ông phải chữa khỏi cho tôi, vì quốc vương có nhiều việc đang chờ tôi đi làm". Chà, các bạn xem đây! Từ hôm ấy trở đi tôi quyết tâm bắt chước ông ta. Nào ngờ hôm nay (năm 1899) ông ta đã đi tới cuối đường - về hưu khi đang là giám đốc công binh xưởng. Tôi muốn tính xem từ ngày tôi gặp ông ở bệnh viện đến nay là bao nhiêu năm. Hình như tôi gặp ông năm 1882, vậy đến nay đã là 17 năm. Tôi nói với vợ, bà ấy bảo: "Thế thì chẳng phải là ông cũng nên về hưu rồi đó sao? " Tôi phản đối: "Ngay cả thượng đế cũng không thể đồng ý". Dứt lời, tôi ngồi xuống viết thư cho anh, nhưng rõ ràng là luồng suy nghĩ cũ vẫn còn đó, tôi nhớ lại việc cũ, liền phát hiện vừa rồi tôi đã tính sai. Tôi có thể lấy thời điểm cố định trong ký ức để chứng minh, tôi kỷ niệm ngày sinh nhật lần thứ 24 trong trại giam quân đội (vì ra ngoài không xin phép). Do vậy năm ấy phải là năm 1880, tức 19 năm trước. 24 trong 2467 từ đó mà ra. Tiếp đó, nếu các bạn cộng con số 24 ấy với tuổi 43 hiện nay của tôi thì các bạn có con số 67. Có nghĩa là tôi hy vọng tiếp tục làm việc 24 năm nữa mới phải về hưu. Rõ ràng rằng, tôi không

buồn bực vì không phát triển nhanh ở trong quân đội giống như vị tướng kia, đồng thời tôi lại rất may vì có thể làm việc lâu hơn, vì thế mà sự nghiệp của tôi đang chờ tôi. Tôi có thể nói một cách công bằng và ngay thẳng rằng, các chữ số 2467 được viết ra tùy ý như thế cũng do nhân tố vô thức quyết định.

Dẫn chứng 3⁽¹⁾

Từ sau lần thứ nhất giải đáp câu đố "chữ số tùy ý", sự việc này được thí nghiệm nhiều lần cho kết quả đúng. Nhưng, phần lớn chúng động chạm tới việc riêng của các cá nhân, nên ở đây không tiện viết ra song, cũng do nguyên nhân này mà tôi có dịp bổ sung ở đây một dẫn chứng hết sức thú vị về "sự liên tưởng chữ số" (numerical association) do bác sĩ Dr.Adler ở Wien thu thập năm 1905 bằng con đường lành mạnh.

Người cung cấp tư liệu nói:

"Tôi hôm qua, tôi đang tập trung đọc tập "Bệnh lý học thần kinh trong đời sống hàng ngày", nếu không bị một việc không bình thường cản trở thì có lẽ tôi đã đọc một mạch cho đến hết mới thôi. Sự việc như sau, trong sách viết rằng mỗi chữ số tùy ý hiện lên trong ý thức của chúng ta đều có ý nghĩa chuẩn xác của nó. Tôi quyết định làm thực nghiệm. Tôi nghĩ tới chữ số 1734. Tiếp đó trong đầu

⁽¹⁾ Trong dẫn chứng 3 này, ngoài câu thứ nhất có từ lần xuất bản năm 1901 ra, còn lại đều được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907.

nhANH chóng nẤY sinh suy nghĩ như sau: $1734 \div 17 = 102$; $102 \div 16 = 6$. Sau đó tôi tách nhóm chữ số này thành 17 và 34. Hiện nay tôi đã 34 tuổi. Tôi nghĩ rằng tôi từng nói với anh rằng, tôi luôn luôn tin rằng 34 tuổi là cái tuổi tận cùng của thời thanh xuân. Chính vì thế khi tới ngày sinh nhật năm trước tôi rất chua xót. Cuối tuổi 17 tôi bắt đầu một thời kỳ rất vui sướng, có ý nghĩa trong cuộc đời, do đó tôi chia cuộc đời thành mấy đoạn 17 năm. Nhưng, phép chia có ý nghĩa gì? Khi suy nghĩ về chữ số 102, tôi nhớ ra rằng tập 102 trong từng thư Đại học (the Reclam Universal Library) là vở kịch "Meuschenhass and Reue" ("Chán đời và tự trách mình") của Keotzebue ⁽¹⁾.

"Trạng thái tâm lý của tôi lúc này là sự chán đời và sự tự trách mình đan xen vào nhau. Tập 6 của từng thư Đại học (tôi nhớ phần lớn số tập trong từng thư) là tác phẩm "Die Sdeuld" ("lầm lỗi") của Müllner ⁽²⁾. Tôi thường xuyên cho rằng tôi không thể thi thố hết tài năng là do sự lầm lỗi của bản thân mình và rất buồn khổ. Tôi lại nhớ ra rằng, tập 34 từng thư đại học là câu chuyện truyền thuyết "Der Kaliber" (Đường đạn) của Müllner. Tôi tách từ này thành "Ka" và "Liber", tôi lại phát hiện

⁽¹⁾ Từng thư đại học là các bản sao chụp tranh ảnh tổng hợp cổ xưa. Kotzebue (1761 - 1819) còn nhờ có kịch bản "Lovers Vows" ("Lời thề tình yêu") mà nổi tiếng ở Anh, nhưng chưa được công diễn ở công viên Mansfield.

⁽²⁾ Adolf Müllner

trong đó có đơn từ "Ali" và "Kali". Điều đó khiến tôi nhớ lại có một lần tôi cùng Ali (6) tuổi chơi trò tìm vắn, tôi bảo Ali tìm một từ cùng vắn với từ Ali. Ali không tìm được, bảo tôi tìm giúp. Tôi nói: "Ali reinigrt den Mund mit hypermangansaurem Kali" (Ali đánh răng bằng thuốc tím). Chúng tôi đều cười ồ lên. Ali quả là cậu bé đáng yêu (lieb). Nhưng mấy ngày trước tôi phát hiện ra cậu ta "không còn là Ali đáng yêu nữa" (ka (keim) lieber Ali", trong đó "ka lieber" phát âm giống với "Kaliber")

"Tiếp đó tôi tự hỏi mình: Tập 17 từng thư đại học là gì? Nhưng tôi không nhớ ra ngay được. Tôi khẳng định rằng trước đây tôi nhớ, do đó tôi giả thiết có khả năng tôi quên chữ số ấy, vắt đầu gối tai đều không nhớ ra được.

Thế rồi tôi muốn đọc sách, nhưng đó chỉ là đọc một cách máy móc, không hiểu một chữ nào cả, vì cái chữ số 17 kia đang giày vò tôi. Tôi tắt đèn, nằm xuống, tiếp tục suy nghĩ cuối cùng rút ra kết luận rằng, chắc hẳn tập 17 là một kịch bản của Shakespeare. Nhưng thuộc bộ nào mới được chứ? Cái tôi nghĩ tới là "Hero and Leander" - Rõ ràng đây là ý nguyện ngu xuẩn đã đưa tôi đi lạc lối. Cuối cùng tôi vùng dậy tra mục lục từng thư đại học - tập 17 là Macbeth. Điều làm tôi mê mẩn là, mặc dù tôi coi trọng kịch bản này như các kịch bản khác của Shakespeare, nhưng hầu như tôi không biết gì về

vở kịch này. Tôi chỉ có thể nhớ ra tên hung thủ giết người, bà Macbeth, thầy bói "tốt đẹp và xấu xa" đồng thời tôi còn phát hiện Schiller dịch kịch bản này rất xuất sắc. Rõ ràng là tôi mong có thể quên được vở kịch này. Tôi lại nghĩ tới kết quả chia 17 và 34 cho 17 là 1 và 2. Tập 1 và 2 từng thư đại học là "Faust" của Goethe, trước đây tôi có cảm giác mình rất giống Faust".

Chắc chắn chúng ta rất lấy làm tiếc rằng, người vồ về tinh thần này phân biệt rất cẩn thận nhưng vẫn không chỉ cho chúng ta biết ý nghĩ của một loạt liên tưởng này. Adler cho rằng vị này đã thất bại trong việc tổng hợp suy nghĩ của mình. Nếu trong quá trình xuất hiện những suy nghĩ này mà không cung cấp được chiếc chìa khoá giải đáp câu đố về chữ số 1734 và cả chuỗi liên tưởng thì đối với chúng ta, không cần tiếp tục những liên tưởng này nữa.

Cuối cùng người này nói: "Những sự việc mà tôi trải qua sáng hôm nay đã chứng minh một cách hùng hồn tính đúng đắn trong quan điểm của Freud. Tối hôm qua vợ tôi bị động tác ngồi dậy của tôi làm cho tỉnh giấc, bà ấy hỏi tôi tra mục lục từng thư đại học làm gì. Tôi đã kể hết với bà. Bà ấy cho rằng đó hoàn toàn chỉ là bói lông tìm vết. Có điều là - mà là điều rất có ý nghĩa - tôi cực lực bác bỏ Macbeth, nhưng bà ấy lại chấp nhận. Hơn nữa, bà ấy cho rằng khi bà ấy nghĩ tới một chữ số thì bà ấy

chẳng có khúc mắc gì trong lòng. Tôi đáp: "Thế thì hãy để anh thử xem sao?" Bà ấy nói ra chữ số 117 tôi lập tức trả lời: "17 là chữ số tôi vừa nói với bà, ngoài ra, hôm qua tôi còn nói với bà rằng một bà già 82 tuổi quả thực không xứng đôi với anh chồng 35 tuổi". Mấy ngày vừa rồi tôi toàn trêu đùa bà nhà tôi rằng bà ấy là bà lão 82 tuổi, $82 + 35 = 117$ ".

Thế là cái vị nghĩ nát óc mà không hiểu các chữ số của mình đã lộ trần bí mật của chữ số mà vợ ông ta cho là lựa chọn tùy ý. Thực ra, người phụ nữ này rất rõ bối cảnh ra đời của những chữ số của chồng bà và bà ta đã căn cứ vào bối cảnh ấy để chọn ra chữ số của mình - tất nhiên, bối cảnh này là bối cảnh chung của hai vợ chồng họ, vì nó có liên quan tới tuổi tác của họ. Do vậy, chúng ta có thể dễ dàng dịch ra ý nghĩa của chữ số mà ông chồng nói. Bác sĩ Adler kết luận: 1734 diễn đạt kỳ vọng bị dồn ép của chồng - "là chàng trai 34 tuổi như tôi đây lấy một thiếu nữ 17 tuổi thì đẹp không gì bằng".

Có lẽ mọi người đều cho rằng dẫn chứng này là việc quá ư vặt vãnh. Nhưng tôi phải thêm một câu, rằng gần đây qua bác sĩ Adler tôi được biết một năm sau ngày xuất bản công trình nghiên cứu này, vị này đã ly hôn với vợ ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong lời giải thích tập "Macbeth", tập 17 từng thư đại học, Adler nhắc tôi rằng khi người này 17 tuổi, ông ta tham gia vào một tổ chức vô chính phủ nhằm mục đích giết vua. rõ ràng đây là nguyên nhân khiến ông ra quên nội dung vở kịch "Macbeth". Bấy giờ ông còn phát minh ra mật mã, trong đó dùng số thay chữ cái.

Adler cũng đã giải thích như thế đối với nguồn gốc của chữ số ám đặt (obsessive numbers).

Dẫn chứng 4⁽¹⁾

Ngoài ra, "chữ số được ưa chuộng" (favourite numbers) do một người nào đó lựa chọn bao giờ cũng gắn với đời sống của họ, có hứng thú về mặt tâm lý - Có một chàng trai đặc biệt thích số 17 và 19, anh ta suy nghĩ và phát hiện năm 17 tuổi anh ta vào đại học, là độ tuổi dẫn thân vào biển cả học thuật đã hướng tới từ lâu. Khi 19 tuổi anh ta lần đầu tiên đi xa, hơn nữa, lần đầu tiên có phát hiện quan trọng trong nghiên cứu khoa học. Mười năm sau thì sự ưa thích ấy của anh ta được cố định lại, khi hai nhóm chữ số này tỏ ra có ý nghĩa trong đời sống tình yêu của anh ta.

Quả vậy, dẫu chúng ta dùng chữ số thường dùng nhất, được tổ chức cụ thể theo phương thức tùy ý thì cũng có thể thông qua phân tích để tìm ra hàm nghĩa mà tư liệu ban đầu không nói tới. Chẳng hạn, có một hôm bệnh nhân của tôi để ý thấy rằng, hề khó chịu là ông rất thích nói: "Tôi đã bảo ông 17 lần rồi! 36 lần rồi!". Ông ta tự hỏi tại sao, ông ta tự giải thích: ông ta sinh ngày 27 tháng ấy, em ông ta thì đẻ ngày 26. Ông ta thường oán trách ông trời ăn ở không công bằng, bên nặng bên nhẹ, cướp cơ may của ông ta đem cho em trai ông

⁽¹⁾ Bổ sung trong lần xuất bản năm 1910.

ta. Nếu ông dùng cách cộng trừ chữ số để nói lên sự không công bằng của số phận, lấy ngày sinh của mình trừ đi "10" cộng vào ngày sinh nhật của em trai, coi như nói: "Ta tuy lớn tuổi nhưng bị tước đoạt thành ra như thế này đây".

Dẫn chứng 5.

Tôi còn muốn nói thêm về phân tích sự liên tưởng chữ số 2, vì tôi biết muốn chứng minh sự tồn tại của quá trình tư tưởng chúng ta chưa ý thức được nhưng lại rất có tổ chức thì phải, có dẫn chứng tốt hơn. Đồng thời tôi cũng biết không còn có dẫn chứng nào tốt hơn có thể kiên quyết gạt bỏ thành phần kiến nghị của ý thức như thế - thường là chịu trách nhiệm một cách nghiêm túc. Do vậy, dưới đây tôi sẽ trình bày sự phân tích của tôi đối với chữ số do bệnh nhân của tôi nói ra (trên tiền đề được họ cho phép).

Cần phải chỉ ra rằng, anh ta là đứa con út của một gia đình lớn, mồ côi cha từ khi còn nhỏ. Một hôm, do tâm tình sảng khoái, anh ta thuận miệng đọc chữ số 4267. Sau đó tự hỏi: "tại sao lại nghĩ tới điều đó? Trước tiên là, tôi từng nghe một câu nói đùa: nếu anh để bác sĩ chữa cảm cúm cho anh thì anh sẽ ốm 42 ngày, nếu anh mặc ông ta thì anh sẽ ốm 6 tuần lễ. Điều này đối ứng với mấy chữ số đầu của nhóm chữ số trên ($42 = 6 \times 7$). Khi này mạch suy nghĩ của anh ta bị ngưng trệ. Tôi nhắc anh ta rằng,

trong nhóm chữ số 6 chữ số này, hầu như anh ta chọn tất cả các chữ số, chỉ trừ số 3 và 5. Anh ta trả lời ngay: "bố mẹ tôi có tất cả 7 người con, tôi là bé nhất. Xếp thứ tự theo độ tuổi, 3 đối ứng với chị A, 5 đối ứng với anh L. Họ là hai kẻ địch lớn của tôi. Thời nhỏ tôi thường xuyên cầu xin thượng đế loại bỏ hai con yêu tinh hại người ấy khỏi sinh mệnh của tôi. Trong những chữ số này, hầu như tôi đã thực hiện được điều mong ước này, 3 và 5 người anh và người chị tôi của tôi đã bị lược bỏ" - Nếu những chữ số này đại biểu theo thứ tự các anh các chị của anh, vậy thì anh giải thích con số "18" ở đuôi như thế nào? Cần biết rằng anh chị em anh chỉ có tất cả 7 người - "Tôi thường nghĩ rằng, nếu cha tôi sống thêm ít năm nữa. Thì tôi sẽ không phải là út, nếu có thêm một em trai hay một em gái thì chúng tôi có cả thảy 8 người, và tôi cũng được giải cơn nghiện làm anh".

Vậy là chúng ta đã vén lên được bức màn bí mật về chữ số. Nhưng chúng ta phải gắn hai đoạn giải thích ở trên ở dưới với nhau để chúng thành một chỉnh thể. Việc đó có thể thực hiện trên tiền đề tất yếu về hai chữ số cuối cùng - nếu cha anh ta sống thêm ít năm " $42 = 6 \times 7$ " là mĩa mai bác sĩ, trách ông ta không chữa khỏi bệnh cho người cha, và dùng phương thức này để diễn đạt nguyện vọng của anh kia muốn cha mình tiếp tục sống. Toàn bộ chữ số (426718) đối ứng với sự thực hiện hai

nguyện vọng lớn của anh - người anh tồi và người chị tồi nên chết đi, nên có một em trai hoặc một em gái ra đời, hoặc nói ngắn gọn: "Nếu kẻ chết là hai kẻ kia chứ không phải là người cha thân yêu cả anh ta, thì tốt biết mấy!"⁽¹⁾

Dẫn chứng 6⁽²⁾

Đây là một dẫn chứng ngắn gọn được tìm thấy từ trong thư tín. Đây là thư của giám đốc cục Bưu chính. Trong thư ông viết đưa con trai ông 18 tuổi muốn học ngành y, nay đang say mê môn tâm lý học trong đời sống hàng ngày, đang ra sức chứng minh với cha cậu về tính đúng đắn trong quan điểm của mình. Dưới đây tôi kể lại một thực nghiệm của ông, trong đó không có bất kỳ lời bình luận chủ quan nào của tôi.

"Con trai tôi đang tranh luận với mẹ cháu về vấn đề "ngẫu nhiên", đang chứng minh với mẹ cháu rằng mẹ cháu không thể nói chuẩn xác ý nghĩa của một bài hát hoặc một nhóm chữ số mà mẹ nó ngẫu nhiên nghĩ ra".

" - Mẹ, hãy nói xem mẹ thích nhóm chữ số nào"

" - số 79."

" - Khi ấy mẹ còn nghĩ gì nữa?"

⁽¹⁾ Để cho đơn giản, Freud lược bớt sự liên tưởng của một số bệnh nhân. Đó cũng là điều cần thiết, hợp lý.

⁽²⁾ Bổ sung trong lần xuất bản năm 1920.

" - Mẹ đang nghĩ về cái mũ mẹ nhìn thấy hôm qua".

" - Cái mũ ấy giá bao nhiêu tiền?"

" - 158 Mác".

" - Vậy thì có thể giải thích như sau: $158 : 2 = 79$. Chắc hẳn mẹ cảm thấy cái mũ ấy đắt quá, mẹ khẳng định: nếu hạ xuống một nửa mẹ sẽ mua".

"Lúc đầu tôi phản đối quan điểm của con tôi, vì nói chung phụ nữ không biết tính toán, mẹ cháu không thể tính ra ngay được 79 là một nửa của 158. Nếu nói rằng tiềm thức tính toán giỏi hơn ý thức bình thường thì rõ ràng là không đúng, do đó lý luận của cháu không thể đứng vững được. Nhưng cháu nó đáp: "Không sao, cứ cho là mẹ con không thể tính ngay ra $158 : 2 = 79$, nhưng rất có khả năng mẹ con đã được nhìn thấy đẳng thức này rồi - sự thực thì có thể là bà ấy nghĩ tới cái mũ này trong giấc mơ, và nghĩ rằng nếu hạ một nửa thì vừa.

Dẫn chứng 7 ⁽¹⁾

Qua Jones (1911b, 478) tôi biết một trường hợp phân tích chữ số khác.

Một vị quen biết Jones nghĩ tới chữ số 968, không tin chữ số này gây ra vướng mắc gì trong lòng mình. "Dùng phương pháp tự liên tưởng, trước

⁽¹⁾ Bổ sung trong lần xuất bản năm 1912 - Đây là nguyên văn bài của Jones, có khác chút ít so với bản dịch của Freud.

tiên anh ta nhớ lại một đoạn ký ức mà lúc đầu không để ý tới nhưng bây giờ lại hiện lên trong đầu: một ngày oi bức cách đây 6 năm, anh ta đọc được một câu nói đùa trên báo buổi tối rằng nhiệt độ đã lên tới 986°F. Đây rõ ràng là cách nói phóng đại từ 98,6°F. Bây giờ chúng tôi đang ngồi cạnh bếp lửa, còn anh ta thì vừa mới đứng dậy ra khỏi chỗ ấy, nói rằng rất có khả năng bếp lửa này gợi lại ký ức ngủ say của anh ta. Nhưng điều khiến tôi không hiểu là nhiều người thường quên ngay câu nói đùa này, nhưng không hiểu vì sao riêng anh ta thì lại nhớ kỹ thế và nhớ lại nhanh như vậy? Chắc hẳn câu nói đùa ấy có liên quan gì đó với điều quan trọng hơn mà anh ta đã trải qua. Anh ta nói với tôi rằng khi anh ta đọc thấy câu nói đùa này anh ta phải ôm bụng mà cười, và thỉnh thoảng có hồi tưởng lại một cách có màu có mè câu nói ấy. Một câu nói đùa rất tế nhị mà lại khiến anh ta có phản ứng mạnh như thế, điều đó khiến tôi càng tin nhất định có điều gì ẩn giấu đằng sau câu nói đùa ấy. Hồi ức tiếp theo đó của anh ta là một suy nghĩ thường có ở anh ta, tức là khái niệm nhiệt để lại trong anh ta ấn tượng sâu sắc: nhiệt là thứ tối quan trọng trong vũ trụ, là nguồn sống trong vũ trụ, v.v... Là một thanh niên bình thường mà lại có thái độ không bình thường như thế thì hẳn là phải có nguyên nhân gì đó, do đó tôi để cho anh ta tiếp tục liên tưởng. Anh ta lại nghĩ rằng anh ta có thể nhìn qua cửa sổ phòng ngủ

mà thấy ống khói của một nhà máy, anh ta thường đứng suốt đêm bên cửa sổ chăm chú nhìn xem khói, lửa bốc cuộn cuộn lên trời, tỏ ý lấy làm tiếc đối với sự lãng phí năng lượng này.

Nhiệt, lửa, nguồn sống bị lãng phí ghê gớm, bốc qua các ống khói lên không trung - những suy nghĩ như thế khiến chúng ta dễ dàng phát hiện ra rằng, trong tư tưởng của anh ta, khái niệm nhiệt và lửa đã gắn với khái niệm yêu một cách vô thức, và đại biểu có tính chất tượng trưng cho khuynh hướng thủ dâm. Bây giờ anh ta cũng đã thừa nhận kết luận ấy.

Nếu có ai muốn tìm hiểu phương thức tập hợp lại tư liệu về chữ số trong tư tưởng vô thức thì hãy tham khảo luận văn năm 1911 của Jung và luận văn năm 1912 của Jones.

Thông qua việc phân tích mối liên tưởng này ở bản thân mình, tôi phát hiện có hai việc cần đặc biệt nhắc tới. Một là về độ chính xác và tốc độ cứ như là tuyệt đối mộng du trong quá trình liên tưởng chữ số, tôi xuất phát vì một mục tiêu không biết, chìm đắm trong cuộc luyện tập tư tưởng về số học, đồng thời đạt được con số mong đợi ấy. Hai là sự thật về những chữ số ấy được sắp xếp tự do trong ý thức của tôi, mà thực tế thì tôi là người tính toán hổng bét cả, thường không nhớ ngày tháng, số nhà, v.v....; thêm nữa là khi thao tác một cách vô ý

thức những con số này, tôi phát hiện mình có khuynh hướng mê tín, lâu ngày, tôi không biết nguyên nhân gây ra khuynh hướng này⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1901 và 1904, đoạn cuối câu này như sau: "... nguyên nhân của nó tôi vẫn chưa biết". Tiếp theo có đoạn viết: "Tôi thường xuyên suy nghĩ về vấn đề thời hạn sinh mệnh của mình và của những người bên cạnh tôi. Một người bạn của tôi ở Berlin lấy vấn đề thời hạn sinh mệnh của con người này làm đề tài nghiên cứu và lấy đơn vị sinh vật học làm cơ sở. Chắc chắn sự thật này sẽ tạo nên một trong những nhân tố quyết định suy nghĩ vô thức này của tôi. Hiện nay tôi không đồng ý những ai làm cho công việc này của ông được tiếp tục làm một trong những tiền đề. Xét ở góc độ hết sức tự ti thì tôi phải hết sức vui mừng đưa ra quan điểm của mình để bác lại ông, nhưng hiển nhiên tôi đang dùng phương thức của riêng mình để mô phỏng cách phân tích của ông. Những lần xuất bản sau năm 1907, đoạn này bị cắt bỏ nhưng lại cho ra câu này. Trong đoạn bị cắt bỏ "một người bạn" là Wilhelm Fliess, người bạn và người thông tin ở Berlin của Freud, còn "vấn đề thời hạn sinh mệnh" là nói về việc phân tích chữ số 2464 ở trên kia. Trong lần xuất bản 1901 và 1904, dẫn chứng ấy ở ngay dưới đoạn này, Freud cho rằng, suy nghĩ theo động cơ tự tư thì ông không muốn đồng ý tiền đề của Fliess, rõ ràng là ông nhằm việc ông cho rằng 51 tuổi là đã dự báo cái chết của một đời người rồi, mà năm 1907 lại là năm Freud 51 tuổi. Chính trong năm này đoạn này bị cắt bỏ. Xin xem "Giải phẫu giấc mơ" của ông và truyện ký về Freud của Jones (1953).

Trong lần xuất bản năm 1920 thêm chú thích: Herr Rudoeff Schneider ở Munich đã từng đưa ra ý kiến phản đối thú vị đối với kết luận về phân tích chữ số này. Ông lấy những chữ số áp đặt cho ông - thí dụ, những chữ số đọc thấy trên sách lịch sử - hoặc những chữ số do ông chọn lựa rồi áp đặt cho người khác để làm thực nghiệm. sau đó ông để ý xem mỗi liên tưởng có thể quyết định việc lựa chọn chữ số có kèm theo chữ số bị áp đặt hay không.

Thực tế cho thấy quả là có những liên tưởng ấy. Trong một dẫn chứng có liên quan tới bản thân ông, nhân tố quyết định do liên tưởng cung cấp phong phú và nhiều ý nghĩa sâu xa như khi chúng ta phân tích những chữ số xuất hiện một cách tự nhiên ấy, còn trong dẫn chứng của Schneider thì chữ số đều từ bên ngoài áp đặt vào đầu óc, căn bản không cần nhân tố quyết định. Thực nghiệm thứ hai được thực hiện đối với người khác, nhưng rõ ràng ông đã đơn giản đi nhiều, vì con số mà ông cung cấp cho người được dùng để thực nghiệm là số 2. Mỗi người đều có một số tài liệu thô có thể giúp mình tìm cho chữ số này một nhân tố quyết định. Từ những thực nghiệm này, Sheneider rút ra hai kết luận: Một, khi tìm kiếm

Tôi phát hiện không những liên tưởng chữ số mà cả liên tưởng câu chữ (verbal associatious) cũng có khả năng được chứng minh là có tác dụng quyết định. Tôi không hề lấy gì làm lạ đối với điều này ⁽¹⁾.

Dẫn chứng 8

liên tưởng chữ số và tìm khái niệm thì tư duy có tiềm lực như nhau: hai, sự liên tưởng có tính chất quyết định chữ số hiện lên một cách tự nhiên trong đầu không thể chứng minh được rằng đúng là những chữ số này sinh ra trong tư tưởng được phát hiện khi "phân tích" chúng kết luận thứ nhất rõ ràng là đúng, muốn tìm một mối liên tưởng thích hợp cho chữ số được nghĩ ra cũng đơn giản như tạo câu cho đơn từ được nói ra - thực tế thì có lẽ còn dễ hơn, vì muốn gán mấy chữ số với nhau đòi hỏi phải có năng lực khá. Blenler và Jung đã nghiên cứu từ nhiều góc độ vấn đề "thực nghiệm liên tưởng" mà chúng ta nói. Trong trường hợp này, từ (từ kích thích - Stimulus - Word) bắt nguồn từ liên tưởng (phản ứng - reaction) quyết định. Tuy nhiên, sự phản ứng này có nhiều dạng. Thực nghiệm của Jung cho thấy, sự khác nhau nhỏ bé giữa các phản ứng khác cũng không phải là ngẫu nhiên, chúng chịu tác động của "phức cảm vô thức" (umous cious complex) - nếu những từ kích thích này "chạm trán" với phức cảm này. Còn kết luận thứ hai của Schneider thì đi quá xa. Cái sự thật về từ chữ số đã biết (hoặc đơn từ) mà sinh ra liên tưởng thích hợp không thể cho chúng ta biết nguồn gốc của những chữ số sinh ra một cách tự nhiên này. Vấn đề này cần được nghiên cứu thêm. Những khái niệm (đơn từ hoặc chữ số) sinh ra một cách tự nhiên này hoặc không phải là bị quyết định; hoặc là bị suy nghĩ hiện lên trong khi phân tích quyết định; hoặc là do suy nghĩ khác chưa lộ ra khi phân tích quyết định - nếu là trường hợp sau cùng này thì chúng ta sẽ bị lạc lối. Điều quan trọng là cần phải vứt bỏ những quan điểm cho rằng liên tưởng chữ số và liên ngôn ngữ là vấn đề khác nhau. Ngoài sách này vẫn còn tồn tại ý kiến biện hộ việc kiểm nghiệm có tính chất phê phán vấn đề này và kỹ thuật phân tích tinh thần đối với sự liên tưởng bắt nguồn từ đó mà ra. Trong thực tiễn phân tích chúng ta giả thiết là có khả năng thứ hai nói trên và có thể có tác dụng trong nhiều trường hợp dùng làm dẫn chứng. Kết quả điều tra của nhà tâm lý học thực nghiệm Poppelreuter cho biết đây là giả thiết có khả năng nhất hiện nay. Mời bạn đọc tham khảo thập sách "Autistic Thingthing" của Bleuler, tập sách này giúp bạn có được phát hiện có giá trị nhất về mặt này.

⁽¹⁾ Câu này và dẫn chứng 8, 9 đều bổ sung trong lần xuất bản năm 1912.

Trong tác phẩm của Jung (xuất bản năm 1906) có một dẫn chứng rất hay về nguồn gốc của từ có tính chất áp đặt (Obsessive Word) - Từ của miệng không sao bỏ được : " Một chị phụ nữ nói với tôi rằng có một thời gian chị ta luôn buột miệng nói ra cái từ "Tagan nog" ⁽¹⁾, mà không biết cái từ ấy ở đâu ra. Tôi hỏi chị ta rằng gần đây có xảy ra sự việc gì có ảnh hưởng lớn không, chị ta có nguyện vọng gì bị dồn ép không. Trừ trừ một thôi một hồi, chị ta nói chị ta rất thích cái áo mặc vào buổi sáng sớm (Morgenrock) nhưng chồng chị ta không hề để ý tới. Từ "Morgeurock" và từ "Tag -an-rock" (có nghĩa mặt chữ là "một ngày mặc áo buổi sáng sớm") giống nhau về phát âm và ý nghĩa. Còn cái từ tiếng Nga này cơ hồ bắt nguồn đồng thời từ sự kiện cái áo mặc vào buổi sáng sớm và việc một người từ tag-an-rock tới".

Dẫn chứng 9.

Tôi rất cảm ơn bác sĩ Dr.E.Hitschman đã cung cấp cho lời giải thích cho một trường hợp khác. Đó là câu thơ không hề có nguồn gốc, xuất hiện một cách đột ngột, ở những địa điểm nhất định, thường được dùng làm liên tưởng xuất hiện lặp đi lặp lại nhiều lần.

"Một vị tiến sĩ luật học nói: "Sáu năm trước tôi từ Biarritz của Pháp đi sau Sebastian của Tây Ban

⁽¹⁾ Tên một cảng biển ở Nga.

Nha. Xe hoả từ biên giới Pháp, Tây Ban Nha chạy qua cầu trên sông Bidassoa. Một bên cầu, quang cảnh rất đẹp, gần đó là dòng sông, xa xa là dãy núi Pyrenees trùng điệp; còn bên kia cầu là biển cả mênh mông. Bấy giờ là đầu mùa hè, trời xanh, trong vắt không một bóng mây, muôn vật tươi đẹp hiển hoà. Tôi đi nghỉ ở Tây Ban Nha, lòng tràn ngập niềm vui. Bỗng trong đầu tôi loé lên một câu: "Aber frei ist schon die Seele, Schwebet in dem Meer von Licht" ("tâm hồn đã rất thoải mái, lênh đênh trên biển sáng loà")

"Khi ấy tôi cố tìm xem câu này ở đâu, nhưng không tìm ra. Xét về mặt luật gieo vần thì nó phải là một phần của một câu thơ, nhưng thuộc bài thơ nào thì tôi không nhớ. Sau đó, câu thơ này thường hiện lên trong đầu tôi, tôi hỏi nhiều người, vẫn không giải quyết được".

"Năm ngoái tôi từ Tây Ban Nha về, cũng đi qua chiếc cầu này. Đó là một đêm trời mưa, tối đen một mầu. Tôi nhìn qua cửa sổ để xem có phải tàu đang đi vào một ga nhỏ ở biên giới không, phát hiện mình đang ở trên chiếc cầu trên sông Bidassoa câu thơ nói trên lập tức tái hiện trong đầu tôi, làm một tâm trí tôi".

"Mấy tháng sau, khi ở nhà, tôi đọc bản sao tập thơ của Uhland. Vừa giở ra thì thấy câu thơ ấy đập vào mắt. Đó là hai câu cuối cùng trong bài thơ "Der

Waller" ("Người hành hương"). Hình như thời nhỏ tôi đã đọc thuộc lòng bài thơ này. Trong thơ, nơi hành hương là ở Tây Ban Nha. Điều này hình như cho thấy câu thơ ấy chỉ có một tí tạo liên quan tới chuyến đi bằng xe hoả của tôi, tôi hơi thất vọng. Tôi tiếp tục lật giở một cách máy móc, thì thấy hai câu thơ này ở cuối một trang, mà mặt sau của trang ấy có một bài thơ tên là "Cầu Bidassoa"

"Hình như nội dung của bài thơ này không giống với thơ cả khác. Tôi minh hoạ như sau:

"Trên cầu Bidassoa, nhà thông thái tuổi cao đức dầy đang đứng sừng sững ở đó, râu tóc bạc phơ bay theo chiều gió. Hướng sang phải ông cầu chúc non xanh cầu Tây Ban Nha, Hướng sang trái ông cầu chúc đất lành nước Pháp" ⁽¹⁾

B ⁽²⁾. Có lẽ chúng ta tìm hiểu nhân tố quyết định tên và chữ số mà bề ngoài có vẻ là được lựa chọn một cách tùy ý thì có thể giúp giải quyết một vấn đề khác. Như mọi người đều biết, nhiều người vì có cảm giác đặc biệt tin rằng có ý nguyện tự do ⁽³⁾ mà phản đối quyết định luận về tâm lý. Cảm giác ấy còn tồn tại thì sẽ không lui một bước trước quyết

⁽¹⁾ Nguyên văn là: "Auf der Bidassoabrücke steht ein Heiliger altergrau, Segnet rechts die span' schen Berge, Segriet links den frank' schen Gau"

⁽²⁾ Ngoài chỗ đặc biệt ra toàn bộ mục B và C đều được in lần đầu trong năm 1901.

⁽³⁾ Trong luận văn "The Uncanny" ("Tĩnh huyền bí") viết năm 1919 có nói một cách ngắn gọn vấn đề ý nguyện tự do, tại chương 1 và 3 sách "Những bài giảng về phân tích tinh thần cũng có đề cập tới.

định luận. Giống như mọi cảm giác bình thường khác, cảm giác này phải có chứng cứ của nó. Song, với kết quả mà tôi có thể quan sát được hiện nay thì cảm giác này không thể bộc lộ ra trong những quyết định quan trọng của ý nguyện: trong điều kiện này, cảm giác này chỉ là xung lực tâm lý, chúng tôi rất vui lòng thực hiện điều đó cho bản thân mình ("Tôi đứng lý ở đây, không muốn làm việc khác") ⁽¹⁾. Mặt khác, chỉ trong những việc bằng cái móng tay, có thể quyết định thế này hoặc thế khác, chúng tôi mới tin rằng mình vốn cũng có thể làm được như thế, chúng ta có ý chí tự do có thể làm theo tùy ý, có kết quả mà không có nguyên nhân. Theo chúng tôi, không cần thiết phải bác bỏ cảm giác về ý nguyện tự do ấy. Nếu chúng ta tính tới sự khác nhau giữa động cơ có ý thức và động cơ vô thức thì, lòng tin đối với ý nguyện tự do của chúng ta sẽ nhắc nhở chúng ta rằng động cơ ý thức không thích hợp với mọi quyết định ?? ? (*De minimis non curat lex*). Nhưng phần quyết định còn lại thì có thể tìm ra nguyên nhân từ mặt khác, từ trong vô thức. Như thế thì thuyết định mệnh vẫn nguyên vẹn ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Tuyên bố của Martin Luther trong sự tuyệt thực của côn trùng (the Diet of worms).

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1907 có chú thích: quan niệm quyết định luận chặt chẽ về hành vi tâm lý tùy ý này, hơn nữa cũng rất có ảnh hưởng đối với việc xử án và thi hành án trong lĩnh vực luật pháp. Để thích ứng với quan niệm này, trong cái gọi là "thực nghiệm liên tưởng", Bleuler và Jung đã lý luận, hoá sự phản ứng. Trong đó, khi nghe thấy tiếng nói to một từ

C. Mặc dầu, chỉ xét ở góc độ tính chất hành vi, nguyên nhân của những hành vi sai lạc nói ở trong các chương, mục ở trên là cái mà tư tưởng có ý thức không thể nắm bắt được, nhưng vẫn có thể tìm ra những căn cứ về tâm lý để chứng minh sự tồn tại của những nguyên nhân ấy. Quả vậy, nhận thức rõ hơn của chúng ta về vô thức cho thấy rất có khả năng phát hiện ra những căn cứ ấy ở đâu đó. Sự thực thì trong hai lĩnh vực, những hiện tượng xem ra phù hợp với nhận thức nguyên nhân có khả năng làm rõ nhận thức ấy là vô thức, do đó thường được cho là không thuộc về mình mà đã bị di chuyển đi rồi.

Dẫn chứng 1

Hành vi của người mắc chứng hoang tưởng có đặc trưng rất rõ rệt và được mọi người thừa nhận, đó là người bệnh luôn luôn quan trọng hoá ý nghĩa của những động tác nhỏ nhất lật vạt của người khác.

(từ kích thích) thì người được sử dụng để thực nghiệm trả lời nội dung có liên quan xuất hiện trong tư tưởng họ, gián cách thời gian trong quá trình này được đo, ghi lại (gọi là thời gian phản ứng - The reaction Time). Trong sách "Studies in Word Association" ("Nghiên cứu liên tưởng từ ngữ") Jung vạch ra rằng trong cuộc thực nghiệm liên tưởng nói trên, lực phản ứng tính tế của trạng thái tâm lý của chúng ta đã được chứng minh. Hai học sinh Wertheimer và Klein của giáo sư luật học Haus Gross ở Prague đã từ cuộc thực nghiệm ấy rút ra được phương pháp xác định sự thật trong tổ tụng hình sự. Hiện nay phương pháp này đang được các nhà tâm lý học và luật học kiểm nghiệm (gần đây Freud đã viết một bài về đề tài này, bạn đọc có thể tham khảo lời thuyết minh rõ hơn trong lời chú thích của tác giả về cuộc thực nghiệm liên tưởng của Jung - Hans Gross thường được coi là người sáng lập ra môn nghiên cứu khoa học hiện đại về phạm tội).

Người khác thì bỏ qua chi tiết, họ thì vớ lấy chi tiết ấy giải thích và đưa ra kết luận chẳng có liên quan gì về chi tiết ấy. Chẳng hạn, gần đây tôi thấy một người mắc bệnh hoang tưởng cho rằng những người xung quanh ông ta thoả thuận ngầm với nhau điều gì đó, hình như là để cùng đối phó với ông ta. Sở dĩ ông ta nghĩ như thế chỉ vì khi tàu hoả mà anh ta đang ngồi ở trên đó rời ga mọi người đều đồng thời dùng một tay làm một động tác như nhau (vẫy tay chào từ biệt). Ngoài ra, cứ thấy người trên phố đi lại, cầm can,... là họ rút ra đủ thứ kết luận ⁽¹⁾.

Đối với những hành vi ngẫu nhiên, chẳng có động cơ gì, nói chung người thường cho rằng đó là một phần của hành vi tâm lý và hành vi sai lạc, nhưng người mắc bệnh hoang tưởng thường lý giải vượt ra ngoài ý nghĩ tâm lý. Mọi thứ mà họ thấy ở người khác họ đều gán cho đủ thứ ý nghĩa, giải thích theo đủ kiểu. Nhưng tại sao họ lại trở nên như vậy? Giống các trường hợp tương tự, rất có khả năng là họ luôn luôn để cho hoạt động vô thức của mình ánh xạ ⁽²⁾ vào đời sống tinh thần của người khác. Có nhiều điều ẩn chứa trong chốn vô thức của người bình thường và người mắc bệnh tâm thần phải trải qua phân tích tinh thần mới lộ ra, nhưng

⁽¹⁾ Xét ở góc độ khác, sự giải thích hành vi ngẫu nhiên, không quan trọng của người khác như thế được xem là "hoang tưởng quan hệ" (delusion of reference).

⁽²⁾ Trong nguyên bản: ngoại xạ. Chúng tôi tạm dịch.

ở người mắc bệnh hoang tưởng thì chúng đều đã hiện lên trong ý thức ⁽¹⁾. Do đó, ở mức độ nào đó, có lẽ người mắc bệnh hoang tưởng đã đúng: họ thấy rõ hơn so với người bình thường. Nhưng họ đã chuyển dịch nhận thức ấy sang cho người khác, nhận thức của anh ta trở nên không đáng một xu. Tôi mong rằng tôi không bị hiểu là đang biện hộ cho bệnh hoang tưởng. Nhưng tôi tôn trọng quan điểm của người mắc bệnh hoang tưởng về hành vi ngẫu nhiên nên biện hộ một cách công bằng cho những việc họ làm, giúp tôi thông cảm với lòng tin của người mắc bệnh hoang tưởng đối với việc họ làm, lời họ giải thích. Thực tế chỉ ở đây tồn tại một phần chân lý ⁽²⁾,

⁽¹⁾ Thí dụ, sự hoang tưởng của người mắc bệnh icteri về tính dục và về sự ngược đãi tàn khốc có khi thậm chí chỉ chi tiết nhỏ nhặt cũng gây ra sự hoang tưởng bị hại ở người mắc bệnh hoang tưởng. Ở trường hợp người có tính dục không bình thường thực hiện âm mưu quỷ kế để thỏa mãn dục vọng của họ, chúng ta cũng thấy có nội dung tương tự.

⁽²⁾ Trong tác phẩm của Freud, quan điểm về hạt nhân chân lý trong bệnh hoang tưởng có một quá trình phát triển tương đối dài. Trong mấy đoạn cuối cùng tại bài viết thứ hai về "Bệnh thần kinh tinh thần có tính chất bảo vệ" (The neuro - psychoses of Defence) của mình, Freud đã trình bày quan điểm lý luận này dưới một hình thức khác. Đáng chú ý là hai bài sau này, gồm bài "Gradiva" và bài "Cơ chế tinh thần" (Some Neurotic Mechanisms), trong đó quan điểm trong bài sau rất gần với quan điểm hiện này.

Trong các tác phẩm cuối đời của mình, Freud phát triển lý luận này. Trong bài viết về nguồn gốc của lửa, Freud ứng dụng quan điểm về hạt nhân bên trong lịch sử chân lý vào thần thoại; trong tiết 4 mục 1 và tiết 7 mục 2 chương III sách "Moses and Monotheism" (Moses và nhất thần giáo) ông lại ứng dụng vào tôn giáo. Còn ở tiết 3 bài "Constructions in Analysis" ("Kết cấu phân tích"), Freud lại xuất phát từ góc độ lâm sàng để làm rõ quan điểm này. Trong những công trình tương đối muộn này, Freud đã trình bày tỷ mỉ sự khác nhau giữa "chân lý hiện thực" và "chân lý lịch sử".

vì chúng ta cũng khư khư giữ rịt những phán đoán sai mà chúng ta đưa ra không phù hợp với bệnh lý. Do đó, chúng ta chỉ có thể nói người mắc bệnh hoang tưởng cố giữ một số luồng suy nghĩ ban đầu không đúng, chứ không thể mở rộng thành kiến ấy sang tất cả các lĩnh vực khác.

Dẫn chứng 2.

Chúng ta còn có thể tìm thấy từ trong hiện tượng mê tín một dấu hiệu khác về sự chuyển dịch nhận thức vô thức đối với động cơ của hành vi ngẫu nhiên (chance actions) và hành vi sai lạc.

Sau khi đi nghỉ về, tôi lập tức nghĩ tới bệnh nhân cần phải điều trị trong một năm tới đây. Đầu tiên tôi thăm dò một bà già mà nhiều năm qua mỗi ngày tôi tới khám chữa bệnh cho bà ta hai lần. Do hoàn cảnh tế nhị, mỗi lần trên đường đi tới nhà bệnh nhân hoặc khi đang điều trị cho bà ta, tư tưởng vô thức của tôi cố tìm cách bộc lộ ra. Bà ta đã ngoài 90 tuổi nên mỗi lần chẩn đoán vào đầu năm tôi thường tự hỏi bà ta còn sống được bao lâu nữa. Hôm ấy tôi vội vã lên xe đi tới nhà bà ta. Mỗi người phụ xe ở bãi đỗ xe trước cửa nhà tôi đều biết nhà bà ta, vì tôi thường thuê họ chở đi. Hôm ấy người phụ xe không dừng xe ở trước cửa nhà bà ta, mà lại chạy tới một đường phố có dáng vẻ tương tự ở gần đó, đỗ xe ở trước cửa nhà có cùng số nhà như thế. Tôi nhắc nhở và quở trách, bác phụ xe rất ngượng

ngừng. Giờ đây, tôi đã bị xe đưa tới trước cửa một ngôi nhà không có bà già ấy. Nếu mê tín thì tôi sẽ nghĩ tới một điềm báo trước trong sự bất ngờ ấy, cho rằng điều đó ngầm báo bà già này đã tới gần ngày đại hạn chỉ còn sống không quá năm nay. Tất nhiên tôi chỉ giải thích đây là việc bất ngờ không có ẩn ý gì. Nếu khi ấy tôi đi bộ, do "mải suy nghĩ" hoặc "tâm bất tại" mà đi tới một căn nhà khác trên phố khác thì tình hình sẽ hoàn toàn khác. Tôi sẽ không tin đó là việc bất ngờ, mà là biểu hiện vô thức cần được giải thích. Việc "đi nhầm địa điểm" như thế có lẽ tôi phải giải thích là: tôi không muốn nhìn thấy bà lão ấy nữa.

Do vậy, trong trường hợp dưới đây tôi khác với những người mê tín.

Tôi không tin việc nảy sinh một sự kiện không có quan hệ với đời sống tinh thần của tôi có thể là điềm báo trước cho tôi về một sự thật nào đó trong tương lai nhưng đang còn ẩn giấu. Nhưng mặt khác, tôi lại tin rằng những biểu hiện vô mục đích của hoạt động tư tưởng của mình quả là có ám chỉ một ẩn ý nào đó, tất nhiên chỉ là những thứ thuộc thế giới tinh thần của tôi (chứ không thuộc hiện thực bên ngoài). Có nghĩa là, tôi tin sự ngẫu nhiên ngoại tại (chân thật) nhưng không tin sự ngẫu nhiên nội tại (về tâm lý). Nhưng người mê tín thì khác. Họ hoàn toàn không hay biết gì về động cơ

của hành vi sai lạc, tin rằng đó chỉ là sự kiện ngẫu nhiên; mặt khác, họ có khuynh hướng gán ý nghĩa rất đơn giản rõ ràng của sự kiện chân thực thành ra là sự phát sinh ngẫu nhiên ngoại tại, coi sự phát sinh ngẫu nhiên này là con đường thể hiện ý trời thế giới khách quan mà họ không biết. Tôi và người mê tín khác nhau ở hai mặt: trước hết, người mê tín "đẩy động cơ ra bên ngoài, còn tôi thì tìm ở bản thân mình; hai là, người mê tín giải thích ngẫu nhiên là ngẫu nhiên của sự kiện, còn tôi thì giải thích là ngẫu nhiên của tư tưởng. Cái gọi là ý trời mà người mê tín không biết thì tôi cho là vô thức, hơn nữa chúng ta đều không muốn xem ngẫu nhiên chỉ là ngẫu nhiên, mà tích cực giải thích nó ⁽¹⁾.

Tôi cho rằng nhận thức vô thức đối với động cơ

⁽¹⁾ Bổ sung trong lần xuất bản năm 1924. Ở đây Freud đưa ra một dẫn chứng rất ngắn gọn. Ossipow từng dùng dẫn chứng này để phân biệt mê tín, phân tích tâm lý và trực giác.

Dẫn chứng này cho biết, Ossipow làm lễ kết hôn tại một thị trấn nhỏ ở nông thôn nước Nga. Sau đó không lâu ông ta cùng vợ đi Mat-xcơva. Khi tới một ga nhỏ cách điểm đến khoảng 2 giờ tàu, ông muốn xuống ga xem phong cảnh. ông nghĩ rằng chắc tàu sẽ dừng rất lâu. Chẳng may, khi ông quay lại nhà ga thì tàu và vợ ông đã đi xa rồi. Khi về tới nhà, ông nói chuyện này với người y tá của mình. Nghe vậy, người y tá lắc đầu, nói: "Đây chẳng phải là điềm lành đâu!". Bấy giờ Ossipow chỉ cười cho qua chuyện. Không ngờ 5 tháng sau ông ta bỏ vợ. Điều này khiến ông nhớ lại lời dự báo kia, ông nghĩ: "có lẽ hành động rời tàu hoá dự báo sự phản bội vợ. Mấy năm sau, cái thị trấn nhỏ nơi ông có hành vi sai lạc nảy sinh một việc có ý nghĩa rất quan trọng đối với ông - một người sống ở trong một thị trấn nhỏ đã gắn bó rất chặt chẽ với vận mệnh của ông ta. Nhưng bấy giờ ông ta không hề hay biết người ấy, thậm chí không hề biết có con người ấy. Nhưng nếu giải thích bằng trực giác thì là: ông rời chiếc tàu và cô vợ đi Mat-xcơva chính là vì cái tương lai gắn bó với người ấy đang tuyên bố về sự tồn tại của nó.

của sự kiện tâm lý ngẫu nhiên và sự không biết của ý thức về mặt này là một nguyên nhân tâm lý của mê tín. Vì người mê tín không biết gì về động cơ của hành vi ngẫu nhiên của họ, đồng thời thói quen nhận biết của họ lại bức thiết đòi hỏi họ phải tạo ra động cơ cho hành vi ấy, bởi thế họ phải thông qua hình thức chuyển dịch để đẩy ra thế giới bên ngoài cái động cơ mà họ không biết nhưng phải tìm ra ấy. Nếu nói rằng có cái điều nói trên ấy thì không chỉ biểu hiện ở một lĩnh vực này. Tôi tin rằng, sự thật thì hàng loạt quan niệm thần thoại trên thế giới lưu hành trong tôn giáo hiện đại chỉ làm tâm lý con người toả ra ⁽¹⁾ thế giới bên ngoài, ngoài ra không có gì khác. Nhận thức ấy đối với nhân tố tâm lý trong vô thức và mối liên hệ của nó toả ra ngoài - rất khó dùng từ ngữ khác để diễn đạt, ở đây chắc là phương pháp phân tích bệnh hoang tưởng có thể giúp chúng ta một tay - khiến chúng ta có nhận thức mơ hồ ⁽¹⁾ đối với các yếu tố tâm lý trong vô thức và mối liên hệ giữa chúng với nhau (hoặc là trực giác tâm lý nội tại) ⁽²⁾. Ý tưởng siêu tự nhiên, siêu hiện thực

⁽¹⁾ "Trong nguyên bản: đầu xạ. Chúng tôi tạm dịch. N.D

⁽¹⁾ Tất nhiên, loại "nhận thức" này không có bất kỳ đặc tính nào theo đúng nghĩa của nó.

⁽²⁾ Câu trong ngoặc đơn này được bổ sung thêm trong lần xuất bản năm 1907. Freud nhắc tới đoạn này trong phần lý luận lịch sử "người chuột" (xuất bản năm 1909). Ngày 12/12/1896 trong thư gửi Fliess, Freud cũng đưa ra quan điểm tương tự dưới cái tit "Thần thoại trong tâm linh nội tại".

này chắc chắn phải tiến lên trở thành môn tâm lý học vô thức dưới sự chỉ dẫn của khoa học, từ đó con người có thể mạnh dạn xuất phát từ tâm lý học để giải thích các khái niệm thần thoại về vườn Êden⁽³⁾, về sự sa đoạ của con người, về thượng đế, về thiện và ác, về bất hủ v.v.... biến siêu hình (metaphysics) thành môn huyền học tâm lý (metapsychology)⁽⁴⁾. Ranh giới giữa sự chuyển dịch của người mắc chứng hoang tưởng và sự chuyển dịch của người mê tín không rõ ràng tới mức lướt nhìn là thấy ngay. Khi loài người bắt đầu có tư tưởng, con người không thể dùng các đặc trưng nhân cách hoá trong tưởng tượng của mình để giải thích một cách nhân cách hoá thế giới bên ngoài. Những sự kiện ngẫu nhiên mà họ giải thích theo phương thức mê tín cũng do đó mà là phương thức hoạt động, biểu hiện của họ. Do vậy, cũng giống như người mắc chứng hoang tưởng, họ rút ra kết luận quan trọng từ những động tác chẳng có gì quan trọng mà người khác ra hiệu cho họ; cũng giống như hiện nay mọi người bình thường đánh giá đặc trưng tính cách của người hàng xóm thông qua hành vi không có mục đích và ngẫu nhiên của họ vậy. Ở thời đại tiền khoa học,

⁽³⁾ Túc thiên đường - N.D.

⁽⁴⁾ Từ này được dùng trong lần xuất bản đầu tiên. Sau đó trong 14 năm Freud không dùng từ này. Mãi tới ngày 13/2/1896, trong thư gửi Tliess nói về việc viết tác phẩm "về vô thức", ông mới dùng lại từ này. (Freud, 1950a, thư số 41).

trong thế giới quan hiện đại, khoa học (tuy chưa rất là hoàn mỹ) của chúng ta, chúng mới tỏ ra là rất không phù hợp ⁽¹⁾.

Do vậy, khi nhìn thấy con chim dự báo điềm dữ, một công dân La mã liền bỏ một cử động quan trọng. Điều này hợp lý với ý nghĩa tương đối, vì hành vi của anh ta phù hợp với hoàn cảnh thời đại mà anh ta đang sống. Nhưng, nếu chỉ vì vướng chân vào ngưỡng cửa, bị ngã ("un Romain retournerait) mà vứt bỏ ý định làm một việc nào đó thì anh ta đã vượt qua, theo nghĩa tuyệt đối, những người không tin điềm báo trước như chúng ta, anh ta càng giống nhà tâm lý học, giỏi hơn chúng ta, những người đang liều chết trên cương vị của mình. Vì từ cái việc vấp ngã ấy, anh ta tất phải phát hiện ra tâm trạng phân vân do dự ở trong chốn vô thức của mình, một tâm trạng ngược chiều gây trở ngại cho việc hoàn thành công việc, nếu cứ tiếp tục công việc thì có thể cái sự do dự lúc ẩn lúc hiện ấy và cái sức mạnh ý chí đã giảm đi sẽ làm cho công việc không thành. Vì chỉ khi nào dốc hết lòng hết sức để thực hiện mục tiêu đã định thì mới đảm bảo hoàn thành công việc.

Còn nhớ, khi không còn cách nào khác, Wtell mới giương cung bắn quả táo trên đầu con mình.

⁽¹⁾ Trong tác phẩm viết về bệnh sử "người chuột", Freud phát triển quan điểm của ông về sự "toả ra" của mê tín, tôn giáo.

Quan huyện hỏi tại sao ông ta lấy hai mũi tên, ông ta trả lời: "Nếu tôi bắn tên lạc vào đứa con thân yêu của mình thì tất tôi sẽ dùng mũi tên thứ hai bắn vào kẻ lòng lang dạ thú như ông - ông nên biết không phải tôi nói để chơi đâu!" ⁽¹⁾

D ⁽¹⁾. Nếu có cơ hội dùng phương thức phân tích tâm lý để nghiên cứu những rung động tư tưởng ẩn giấu trong lòng người thì cũng có thể nói ra những điều mới về đặc tính của động cơ vô thức. Những động cơ vô thức này có thể được diễn đạt ở góc độ mê tín. Người mắc bệnh thần kinh bị rối trí bởi tư tưởng có tính chất áp đặt (Obsessional thinking) hoặc bởi trạng thái có tính chất áp đặt (obsessional satates)- thường là những người có tài trí - càng có thể nhận thức rõ ràng rằng mê tín bắt nguồn từ sự nôn nao bởi sự tàn nhẫn, không thân thiện bị dồn nén ⁽¹⁾. Mê tín thường là sự dè chừng đối với những phiền phức. Nếu ai đó thường ôm ấp

⁽¹⁾ Cảnh 3, màn 3 trong vở "W. tell" của Schiller: "Nếu tôi bắn lạc vào đứa con thân yêu của mình, thì tôi sẽ giành mũi tên thứ hai cho ông, hơn nữa, tôi quyết không thể bắn trượt đâu".

⁽¹⁾ Mục D lần đầu tiên được bổ sung trong lần xuất bản năm 1907, các lần xuất bản sau được phát triển thêm. Sáu đoạn đầu được xuất bản lần đầu vào năm 1907.

⁽¹⁾ Ví dụ, ngay từ tác phẩm: "Người chuột", tại tờ lót xuất bản năm 1904 Freud đã chớm có quan điểm cho rằng: "phần nợ, bức tức và sự nôn nao muốn giết người nảy sinh từ đó là nguồn gốc mê tín không thoát ra được trong bệnh thần kinh: sự ngược đãi một cách điên cuồng và cái sự "yêu" gắn chặt chẽ với nhau, nên người luôn luôn hướng theo cái sự yêu vì mối quan hệ này và cường độ của mối quan hệ này mà bị dồn ép. Sự mê tín của cá nhân tôi bắt nguồn từ chỗ tham vọng bị dồn ép thay thế cho sự sợ chết nảy sinh từ tính không xác định của cuộc đời".

ác ý đối với người khác thì vì được giáo dục từ nhỏ nên phải dồn nén ý muốn đó ở trong chốn vô thức, do đó mà rơi vào cảnh đặc biệt dè chừng, cho rằng sẽ có ngày bị ác ý vô thức ấy trừng phạt bằng hình thức gây ra những việc phiền phức, khó xử.

Chúng tôi thừa nhận những lời bình luận này của chúng tôi không thể nói hết được vấn đề tâm lý học về mê tín, nhưng tối thiểu có một vấn đề chúng tôi không thể không nói, đó là: phải chăng chúng ta nên hoàn toàn khẳng định rằng, mê tín không có bất kỳ nguồn gốc chân thật nào; phải chăng phải khẳng định rằng, không có cái hiện tượng dự cảm, điềm báo mộng, cảm ứng tâm linh, sự báo hiệu của lực lượng siêu tự nhiên, v.v... Ý của chúng tôi không phải là đòi hỏi phải bỏ qua nhiều lời chê trách đối với những hiện tượng ấy. Có thể nói rằng có rất nhiều nhân vật kiệt xuất trí lực hơn người đều đã quan sát kỹ điều này. Tôi chỉ cho rằng nếu điều tra nghiên cứu kỹ hơn về mặt này thì càng giúp chúng ta giải quyết được vấn đề. Thậm chí chúng tôi hy vọng rằng, khi đã nhận thức ngày càng sâu hơn quá trình tư tưởng vô thức, một số kết quả quan sát trước đây sẽ được giải thích. Như vậy, căn bản không cần thay đổi quan điểm hiện nay của chúng ta ⁽¹⁾. Nếu những hiện tượng này, hoặc kể cả những hiện tượng khác - như những thứ mà

⁽¹⁾ Đoạn này bổ sung trong lần xuất bản năm 1924.

những người theo chủ nghĩa duy linh rêu rao - được chứng minh là có tồn tại thì chúng tôi sẽ tuân theo phương thức mà những phát hiện mới đòi hỏi để sửa lại "quy tắc" (laws) của chúng tôi, chứ không lay chuyển lòng tin của chúng tôi đối với tính thống nhất của sự vật trên thế giới.

Trong phạm vi cuộc tranh luận này, đáp án duy nhất mà tôi có thể đưa ra chỉ là cái có tính chất chủ quan - tức là, rút ra từ kinh nghiệm của cá nhân tôi. Rất đáng tiếc, tôi phải nói thật rằng tôi là người khá kém cỏi, thần linh và lực lượng siêu tự nhiên xưa nay không thêm đến với tôi, lánh xa tôi, nên tôi chưa bao giờ đích thân nếm trải bất cứ thứ gì có thể khiến tôi tin tưởng vào lực lượng siêu tự nhiên thần bí. Cũng giống như mọi người, tôi cũng từng có dự cảm và không may, nhưng chúng thường không thể gắn với nhau, thường là sau khi dự cảm là bình an vô sự. Trong những ngày tôi lưu lại một mình tại thành phố nước khác - khi ấy tôi còn trẻ ⁽¹⁾ - tôi thường nghe thấy tiếng thân thương, rõ ràng gọi tên tôi. Tôi lập tức ghi lại ngày giờ chuẩn xác của cái ảo giác này, lo ngại ở nhà đã xảy ra việc gì. Sự thật thì chẳng hề xảy ra chuyện gì cả. Có lẽ là để lấy lại thăng bằng, tôi lao vào khám bệnh cho bệnh nhân, chẳng kể có chút dự cảm nào

⁽¹⁾ Freud sống ở Paris từ năm 1885 đến 1886.

về điều chẳng lành, nhưng chính khi ấy con tôi đang chảy nhiều máu, cận kề với cái chết. Đối với những dự cảm mà bệnh nhân nói ra, tôi cũng chưa bao giờ cho là thật - nhưng tôi phải thừa nhận rằng, mấy năm gần đây tôi đã trải qua những điều không bình thường, nếu giả sử có sự truyền dẫn tư tưởng (telepathic thought - transference) theo kiểu cảm ứng tâm linh thì rất dễ giải thích ⁽²⁾.

Nhiều người tin rằng giấc mơ có thể dự báo, vì họ dựa vào một số sự thực: nhiều ước muốn thể hiện trong giấc mơ được thực hiện thật sự ⁽³⁾. Song thực tế cho thấy phần lớn giấc mơ có tính chất dự báo không được thực hiện, chỉ vì sự cả tin của người nằm mơ mà họ càng thích bỏ qua điều này. Tôi có một bệnh nhân nữa khá thông minh và thành thật. Chị ta cung cấp một dẫn chứng rất hay, một giấc mơ hoàn toàn có tính chất dự báo: Chị ta nằm mơ gặp một người bạn tốt tại một cửa hàng ở một phố nọ - bác sĩ gia đình trước đây. Sáng hôm sau chị ta đi chơi phố, quả nhiên họ gặp nhau ở đó, cứ như là giấc mơ tái diễn vậy. Tôi muốn nói một điều: sau

⁽²⁾ Câu cuối cùng được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924. Bấy giờ Freud viết nhiều bài tranh luận về "cảm ứng tâm linh" như phân tích thần kinh và cảm ứng tâm linh". bài này khi tác giả qua đời rồi mới công bố; ghi chú trong bài "Ý nghĩa thần bí của giấc mơ"; chương "Giấc mơ với chủ nghĩa thần bí" trong tập "Những bài giảng về phân tích tình thần" và bài được dẫn ở trong chú thích dưới.

⁽³⁾ Bổ sung trong lần xuất bản năm 1924; bài của Freud: "Giấc mơ với cảm ứng tình thần" (1922a)

này không có việc gì chứng minh tầm quan trọng của cuộc kỳ ngộ này ⁽¹⁾, cho nên không thể lấy việc này để chứng minh giấc mơ có thể dự báo điều lành, dữ.

Hỏi kỹ thì phát hiện ra rằng, sáng ra, sau khi ngủ dậy, chị ta đi chơi phố, cho tới trước khi có cuộc kỳ ngộ ấy, căn bản chị ta không hề có chút ấn tượng gì về giấc mơ hôm qua. Tôi phân tích, lược bỏ đi mầu sắc huyền bí, chỉ để lại mầu sắc tâm lý lý thú, chị ta không phản đối. Câu chuyện là như thế này: sáng sớm chị ta đi qua một dãy phố, tới trước cửa một cửa hiệu thì gặp vị bác sĩ từ trước đây, vừa thấy ông, chị ta liền cho rằng tối hôm qua mình mơ thấy cuộc gặp gỡ này. Tiếp đó rất có thể lại phân tích tại sao lại nảy sinh cảm giác nằm mơ ấy? Theo nguyên tắc chung, cảm giác này có quyền được xem là chân thực, đáng tin. Trước là dự định như thế, sau đó là thật sự gặp nhau ở chỗ ấy. Vậy nên toàn bộ sự kiện này có ý hên gặp. Nhìn thấy vị bác sĩ, chị ta lơ mơ nhớ lại việc cũ là lần đầu gặp một người nào đó ở nhà vị bác sĩ và vừa gặp đã chung tình.

Những năm ấy tình duyên giữa chị ta và ông ta khó dứt, thế rồi một đêm trước khi nằm mơ chị ta chờ mong ông tới khuya. Do tình tiết sự việc mà tôi không tiện nói ra ở đây, tôi mau chóng được biết, cái ảo giác trong giấc mơ có tính chất dự báo

⁽¹⁾ Trong tiếng Đức: "Zusammenstoß" nghĩa là "kỳ ngộ" và "gặp nhau".

nảy sinh khi thấy vị bạn cũ này ở chị ta có ý là:

"A bác sĩ, gặp bác sĩ khiến tôi nhớ lại những giây phút ngày nào. Khi ấy ông ta rất coi trọng những cuộc hẹn hò giữa chúng tôi, bấy giờ tôi không bao giờ phải chờ suông..."⁽¹⁾.

Thường có những "cuộc gặp kỳ lạ" (Remarkable coincidence): nhắc tới Tào Tháo là Tào Tháo có mặt (chúng ta đang nghĩ tới ai thì người đó tới). Bản thân tôi có trải qua một trường hợp có thể giải thích được, có thể coi là điển hình về loại kỳ ngộ ày. Một ngày, sau khi được phong học hàm giáo sư⁽²⁾, tôi đi bách bộ trên một đường phố trong lòng bỗng nảy ra ảo tưởng ấu trĩ báo thù một đôi vợ chồng. Mấy tháng trước họ mời tôi khám cho cô con gái út của họ, triệu trứng bị áp đặt ở cô khiến tôi rất vui mừng, sau khi dốc lòng nghiên cứu tôi cho rằng ít nhiều đã đoán ra nguyên nhân gây bệnh. Nhưng cha mẹ cô không hài lòng với cách chữa trị của tôi, chuyển sang cậy nhờ một vị người nước ngoài có quyền uy áp dụng liệu pháp thôi miên (hypnotism). Tôi biết ngay rằng cơ hội thành công của ông ta không nhiều. Bấy giờ tôi có mơ tưởng mong cha mẹ cô gái quay lại van nài tôi chữa lại cho cô, để giữ uy tín cho tôi... Tôi thầm nghĩ: bây

⁽¹⁾ Trong bài "Triệu chứng thực hiện của giấc mơ" được công bố sau ngày Freud đã qua đời có nói kỹ về sự kiện này, bản thảo ghi ngày 10/10/1899

⁽²⁾ Tháng 3/1902

giờ ta đã là giáo sư, các người tín nhiệm ta, nhưng chức danh của ta chẳng tăng cho ta chút năng lực nào. Khi ta là giảng viên các người đã không tín nhiệm ta, vậy thì ta là giáo sư cũng chẳng có lợi gì cho các người". Giữa lúc ấy ảo tưởng bị tiếng "chào giáo sư" chặn lại. Tôi ngẩng đầu lên nhìn, thì ra chính là đôi vợ chồng mà tôi vừa mới muốn báo thù. Nhưng nghĩ kỹ thì kỳ tích chẳng thành kỳ tích. Đường phố ấy thẳng tắp, rộng rãi, người đi thưa thớt, đưa mắt nhìn thì hai mươi bước mới thấy một người. Từ lâu tôi đã thấy họ đang đi về phía tôi và nhận ra họ, nhưng sau đó lờ đi - dùng phương thức ảo giác phủ định - vì tôi không muốn nhận ra họ, nhưng sau này sự không muốn này rõ ràng đã phát huy tác dụng trong ảo tưởng tự phát ⁽¹⁾.

Otto Rank đưa ra một giải thích khác về "dự cảm" (năm 1912).

"Cách đây không lâu tôi đã trải qua một cuộc "kỳ ngộ" kiểu này, hết sức lý thú. Trước lễ Nôen không lâu, tôi tới Ngân hàng Áo - Hung (Austro Hungarian Bank) để đổi một số đồng tiền 10 Krone. Khi ấy tôi nghĩ tiền tôi tích góp được thì chỉ có một tý, còn tiền cất giữ trên kho bạc ngân hàng thì chất lên như núi, chênh nhau quá lớn, thế là nảy ra một ước mơ với dã tâm ghê gớm. Thấy người ra người

⁽¹⁾ Xem sự kiện tương tự trong dẫn chứng "Người chuột"

vào qua cửa ngân hàng, tôi cân nhắc: đổi một tỷ tiền của mình là việc đơn giản, chả mất bao nhiêu thì giờ. Tôi chỉ cần bỏ tiền vào, nói "hãy đổi cho tôi thành những đồng 10 Krone vàng" thế là xong. Tôi lập tức nhận ra sai lầm của mình - đúng ra tôi phải nói là đồng 10 krone bạc - do vậy tôi sực tỉnh. Khi ấy tôi đứng cách cửa vào không xa, một người có dáng vóc quen quen đi về phía tôi. Tôi bị cận thị không nhìn rõ là ai. Khi người này tới gần tôi mới nhận ra là bạn học họ Vàng của em trai tôi. Anh của người này là một nhà văn nổi tiếng, khi mới bước vào văn đàn tôi hy vọng được ông giúp đỡ, những sụng giúp đỡ này chưa được thực hiện, nên tôi chưa giàu có như mong đợi. Trên đường đi tới ngân hàng, tôi nghĩ rằng nếu mình nổi tiếng thì không nghèo như hiện nay.

Đang nghĩ như thế thì vô tình tôi thấy ông Vàng đi tới, nhắc tôi rằng cái mà tôi thiếu chính là vàng, chứ không phải là đồng tiền bạc giá trị thấp. Nhưng, mặt khác, từ chốn vô thức tôi có thể thấy một vật thể mà sau này mắt tôi mới có thể nhìn thấy. Cái việc nhầm nhí này có lẽ có thể giải thích bằng khái niệm (*complexlereitschaft*" ("Chuẩn bị tình cảm") của Blenler. Như chúng ta đã thấy, việc chuẩn bị này hướng về tình hình kinh tế, hơn nữa, ngay từ đầu nó liền chỉ dẫn tôi tới trụ sở ngân hàng mà tôi chỉ có thể đổi tiền".

Chúng tôi còn cần phải nhắc tới ⁽¹⁾ những trường hợp mà vào thời giờ nhất định, với điều kiện nhất định, chúng ta có cảm giác thần tình kỳ diệu, tức là cảm giác có một sự vật, sự việc cùng loại trước đây đã trải qua, hoặc đã nhìn thấy ở cùng một địa điểm, nhưng không sao nhớ ra một cách rõ ràng được. Tôi biết khi nói về cảm giác này nhất định lời lẽ của tôi rời rạc, nghèo nàn, nhưng có thể khẳng định rằng đó là phán đoán một cách sát thực là phán đoán trực giác. Song, rõ ràng là hiện tượng này có đặc trưng riêng của nó. Chúng tôi cần nhấn mạnh rằng, nguồn gốc cảm giác trong hiện tượng này không bao giờ tìm ra được, vì không nhớ ra được. Tôi không biết có phải hay không hiện tượng gọi là "ký ức ngộ giác" ⁽²⁾ (de'jàvu) này đã chứng minh một cách nghiêm túc sự tồn tại của linh hồn người kiếp trước, nhưng các nhà tâm lý học đã để mất tới cố gắng suy nghĩ tìm ra con đường giải quyết vấn đề này. Song, tôi cảm thấy mọi cách giải thích đã được đưa ra đều không thích hợp. Vì ngoài việc đề cập tới hiện diện của hiện tượng ấy và những điều kiện giúp cho hiện tượng ấy nảy sinh, những cách giải thích ấy không nói tới điều gì khác. Theo sự quan sát của tôi, tới nay các nhà tâm lý học vẫn xem nhẹ

⁽¹⁾ Từ đây tới đoạn "nguyện vọng cải thiện tình trạng này được xuất bản lần đầu năm 1907.

⁽²⁾ Khái niệm trong Phật giáo, nghĩa nôm na là "nhớ sai". "tưởng lầm" chúng tôi tạm dịch N-D.

quá trình tâm lý chỉ ư quan trọng khi giải thích "ký ức ngộ giác" - tức là ảo giác vô thức.

Quan điểm của tôi là, gọi cảm giác đối với "việc trước đây từng trải qua ấy" là ngộ giác thế không thích hợp. Trong giờ phút sinh ra cảm giác, quả là chúng ta có động chạm tới ký ức từng trải qua một lần trước đó, chỉ có điều là sự từng trải ấy chưa được để ý tới, nên không thể ghi nhớ ở trong ý thức. Nói ngắn gọn, cảm giác về "ký ức ngộ giác" ấy thống nhất với hồi ức ảo giác vô thức (enconscious phantasy). Sự tồn tại ảo giác vô thức này (hoặc giấc mơ ban ngày) cũng giống như sự tồn tại ảo giác ý thức mà mọi người đều đã nếm trải vậy.

Tôi biết đề tài này đòi hỏi chúng ta nghiên cứu kỹ hơn. Ở đây tôi chỉ đưa ra một dẫn chứng tương tự, trong đó cái cảm giác "hình như đã từng quen biết" rất mạnh và bền lâu.

Một chị phụ nữ 37 tuổi nói rằng chị ta có thể nhớ lại rõ ràng cái lần đầu tiên xuống xã thăm bạn khi chị ta 12 tuổi rưỡi. Khi bước vào sân, chị ta lập tức có cảm giác trước đây đã từng tới nơi này, khi chị ta bước vào phòng khách thì lại càng có cảm giác ấy, chị ta cảm thấy chị ta biết phòng bên cạnh là phòng gì, trong phòng bày biện ra sao, v.v... Nhưng, không thể dựa vào cái cảm giác quen quen ấy để nói rằng có lẽ thời nhỏ chị ta đã từng tới đây. Vì cha mẹ chị ta phủ nhận điều đó. Chị phụ nữ này

không đi sâu giải thích cảm giác này ở góc độ tâm lý học, mà xem đó là dấu hiệu báo trước những **bạn** học này sẽ có ảnh hưởng lớn đối với đời sống tình cảm của mình. Tuy nhiên, khảo sát bối cảnh **sinh** ra hiện tượng này chúng ta có được cách **giải thích** ở góc độ khác. Khi đi thăm bạn lần này, **chị ta biết** cô bạn **chị ta** chỉ có một cậu em trai, đang mắc **bệnh** nặng. Khi tới đây **chị ta** có tới thăm cậu em **ấy của** cô bạn **chị ta**. Xem ra bệnh của cậu ta rất nặng, **chị ta** nghĩ rằng rất có khả năng không bao lâu nữa sẽ chết. Còn cậu em duy nhất của **chị ta** thì **mấy** tháng trước mắc bệnh bạch hầu, khi **ấy** **chị ta** được đi cách ly khá xa tại một gia đình bà con. **Chị ta** tin rằng lần này em **chị ta** cùng đi xuống xã, thậm chí **chị ta** có thể nhớ đó là chuyến đi xa đầu tiên của cậu em sau khi khỏi bệnh. Nhưng trí nhớ của **chị ta** về điều này rất mơ hồ, nhưng lại nhớ như in những chi tiết đại loại khi **ấy** **chị ta** ăn mặc ra làm sao. Qua đó, chỉ cần biết chút ít về phân tích tinh thần, chúng ta cũng dễ dàng đoán ra tâm tư của **chị ta** là muốn cậu em chết đi. Mong muốn này hoặc chưa bộc lộ ra trên bình diện ý thức, hoặc bị dồn nén càng chặt sau khi em **chị ta** khỏi bệnh. Bởi vì, nếu nói rằng mong muốn **ấy** đã bộc lộ ra thì **chị ta** phải ăn mặc quần áo khác - quần áo tang màu đen. **Chị ta** thấy ở trong nhà cô bạn cũng có tình hình tương tự; cậu em duy nhất của cô bạn ở đây đang đứng bên bờ cái chết, sau đó đã chết, chắc chắn **chị ta**

nhớ lại mấy tháng trước mình cũng rơi vào cảnh ngộ tương tự. Chị ta chuyển dịch cảm giác ấy - bị dồn nén, ngăn cách - ra hoàn cảnh bên ngoài, chứ không thật sự ghi nhớ nó. Do vậy, ở ngoài sân, ở trong nhà, chị ta đều có cảm giác hình như đã từng quen biết, dường như chị ta là vật hy sinh của một cuộc "vờ tìm tòi" (*fausse reconnaissance*), ai chẳng biết chị ta mới thật sự là đầu sỏ tội ác. Từ sự việc biểu hiện tư tưởng bị dồn ép này chúng ta có thể thấy lòng mong đợi em trai chết cách ảo tưởng có tính chất ao ước (*Wishful phantasy*) không xa, chị ta có ảo tưởng làm con một. Sau này khi mắc bệnh tâm thần chị ta rất sợ cha mẹ chết, từ đó chúng ta vẫn có thể thấy sự bộc lộ nguyện vọng vô thức cùng loại.

Tôi cũng có thể rút ra từ chùm tình cảm (*emotional constellation*) của mình sự thể nghiệm thoáng qua về "ký ức ngộ giác", "Đây sẽ là cơ hội tốt để khai thác những ảo tưởng nào đó (vô thức mà không tự biết). Những ảo tưởng này bắt nguồn từ những khi có kỳ vọng nóng bỏng muốn cải tiến địa vị của mình".

Cho tới nay chỉ có bác sĩ Dr. Ferenczi suy nghĩ một cách cẩn thận việc giải thích "ký ức ngộ giác"

(1). Ông có đóng góp quan trọng cho việc xuất bản

(1) Phần còn lại của đoạn này, trong lần xuất bản năm 1910 được bổ sung dưới hình thức lời chú thích. Đoạn dưới, trong lần xuất bản năm 1917 được bổ sung thêm dưới hình thức chú thích. Trong lần xuất bản năm 1924, cả hai đoạn này được chuyển thành chính văn.

lần thứ ba (1910) tập sách này. Ông nói như sau: "Từ những dẫn chứng do người khác và bản thân tôi phân tích, tôi tin rằng phải truy tìm cảm giác tựa như quen biết khó hiểu này từ trong ảo giác vô thức. Ảo giác này thường vô tình được khơi dậy trong hoàn cảnh cụ thể. Trường hợp ở một bệnh nhân của tôi bề ngoài có vẻ khác với cách giải thích này, nhưng thực tế lại rất giống nhau. Cảm giác này thường xuyên xuất hiện trong tư tưởng của ông ta, nhưng có thể chứng minh rằng có một phần thường bắt nguồn từ giấc mơ đêm hôm trước nhưng đã bị quên (bị dồn nén). Do đó, cơ hồ "ký ức ngộ giác" này không chỉ bắt nguồn từ giấc mơ ban ngày mà bắt nguồn từ cả giấc mơ ban đêm". Về sau tôi được biết Grasset cũng từng giải thích hiện tượng này, rất gần với quan điểm của tôi" ⁽²⁾.

Năm 1913 ⁽³⁾ tôi viết bài nói về một hiện tượng rất giống với "ký ức ngộ giác". Hiện tượng ấy là, trong quá trình điều trị bằng phương pháp phân tích thần kinh, khi được hỏi về những tin đặc biệt quan trọng, bệnh nhân tưởng lầm là đã nói rồi, hiện tượng đó gọi là "tự thuật ngộ giác" (*dèjà raconté*). Trong trường hợp này bệnh nhân thường

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1909, ở đoạn mới bổ sung, có lời giải thích hoàn toàn khác đối với một dẫn chứng về "ngộ giác" về ý kiến tranh luận về hiện tượng có nguồn gốc giống với "mất mát cá tính" xin xem bài "Sự gây rối ký ức bảo vệ thành" của Freud.

⁽³⁾ Hai đoạn cuối của phần này được bổ sung trong lần xuất bản năm 1924.

kiên quyết khẳng định họ là nói từ lâu cái ký ức đặc biệt trước kia ấy, nhưng bác sĩ thì cho rằng bệnh nhân đã lầm. Có thể giải thích hành vi sai lạc thú vị này như sau: bệnh nhân rất muốn bộc lộ những tin tức này, nhưng lại không thể nói ra được, rồi cho rằng mình đã nói những tin ấy.

Trong hành vi sai lạc "giả thiết" mà Ferenczi nói cũng thấy có tình hình tương tự, hoặc có thể nói là có cơ chế giống như trường hợp trên. Có khi chúng ta tin rằng chúng ta đã quên, đặt sai hoặc mất cái gì đó - một số vật phẩm - nhưng rồi chúng ta nhanh chóng nhận ra rằng thực tế không có những chuyện ấy, mọi thứ trước thế nào sau vẫn thế. Thí dụ một bệnh nhân nữ quay lại phòng khám nói rằng, chị ta quên cái ô ở đây, nhưng bác sĩ lại thấy cái ô đang ở trong tay chị ta ⁽¹⁾. Chúng ta có thể giải thích như sau: chị ta thấp thỏm sợ xảy ra hành vi sai lạc, sự thấp thỏm này mạnh tới mức che mất sự thật là thực tế chưa có hành vi như thế. Ngoài điểm khác biệt này ra, hành vi sai lạc giả thiết không có gì khác với hành vi sai lạc thật sự, nhưng người ta thường cho rằng nó giả dối, thấp kém hơn.

E ⁽¹⁾. Gần đây, tôi trao đổi với một đồng sự rất có trình độ về triết học, bàn về những phân tích đối

⁽¹⁾ Dẫn chứng này lấy từ bài của Ferenczi

⁽¹⁾ Hai đoạn trên của mục này được xuất bản lần đầu năm 1901.

với những trường hợp quên danh từ, ông vội nói:

"Những phân tích ấy không sai, nhưng trường hợp tôi quên danh từ thì không như vậy". Song, rõ ràng là không thể xử lý sự việc đơn giản như thế. Tôi cho rằng trước đây vị đồng sự này của tôi đã từng suy nghĩ vấn đề phân tích sự quên lãng danh từ, ông chưa từng nói trường hợp của ông khác với những trường hợp chúng tôi đã phân tích. Quan điểm mới này của ông đã gợi ra một vấn đề mọi người quan tâm: sự phân tích hành vi sai lạc và hành vi ngẫu nhiên ở đây cuối cùng phù hợp một cách phổ biến với tất cả hay là chỉ phù hợp với trường hợp đơn lẻ mà thôi? Nếu chỉ phù hợp với trường hợp đơn lẻ thì chỉ có thể giải thích trong điều kiện cụ thể nào đó hoặc giả dựa vào những hiện tượng được xuất hiện bằng phương thức khác. Trả lời câu hỏi này kinh nghiệm của tôi chưa đủ để chứng minh một cách chắc chắn quan điểm của tôi. Nhưng đối với những quan điểm cho rằng rất ít thấy sự liên quan giữa các tâm lý hành vi nói ở đây, tôi xin được nhắc nhở rằng, mỗi khi phân tích những trường hợp xảy ra đối với bản thân tôi hoặc bệnh nhân của tôi, tôi đều thấy rất rõ có sự liên quan ấy, hoặc ít nhất cũng có đủ tiền đề suy ra sự liên quan ấy, như những dẫn chứng đã nói ở trên. Nhưng không phải lần nào cũng phân tích, tìm ra được ý nghĩa tiềm ẩn của hành vi có tính chất triệu chứng, nếu có lần nào đó thất bại thì

cũng không ngạc nhiên, vì sức chống đối nội tại rất lớn. Cũng với lẽ ấy, chúng ta cũng không thể giải thích được mọi giấc mơ của mình hoặc của bệnh nhân. Muốn chứng minh tính chất phù hợp phổ biến của lời giải thích ấy thì chỉ cần vạch ra một phần sự liên quan ẩn chứa trong loại hành vi ấy là đủ. Thường hay xảy ra sự việc như sau: rất khó giải thích giấc mơ ngay trong ngày hôm sau, nhưng cứ để mặc nó một tuần hoặc một tháng sau, chờ cho tâm trạng đã thay đổi, đấu tranh tâm lý đã dịu đi, thì ý nghĩa của giấc mơ ấy sẽ tự nhiên hiện lên ⁽¹⁾. Cũng có thể dùng phương pháp này để giải thích hành vi sai lạc và hành vi có tính chất triệu chứng. Dẫn chứng về đọc sai nơi ở trên kia ("Ngôi thùng đi xuyên qua châu Âu") đã chứng minh cho điều này, nó cho thấy sau khi hứng thú thật sự trong tư tưởng bị dồn nén mất đi thì sự khó hiểu lúc đầu đối với hành vi có tính chất hiện chứng đã trở nên dễ phân tích như thế nào: nếu em tôi bấy ra trước mắt cái việc nhận được học hàm ấy thì mọi nỗ lực của tôi trong việc phân tích việc đọc sai trong trường hợp này sẽ trở nên vô ích, và cái khả năng sau này em tôi hơn tôi cũng tan như bong bóng xà phòng, con đường tìm ra câu đố cũng bỗng trở nên sáng sủa. Vì vậy, chúng ta chỉ vội quy kết những hành vi khó phân tích ấy có cơ chế khác với cơ chế tâm lý

⁽¹⁾ Xem "Giải phẫu giấc mơ" và lời bình luận có liên quan trong hai bài về giải phẫu giấc mơ sau đó.

nói trên. Muốn làm rõ hành vi có cơ chế khác thì phải có nhiều chứng cứ hơn. Hơn nữa, cái ý muốn giải thích hành vi sai lạc và hành vi, có tính chất triệu chứng xảy ra một cách phổ biến ở người khỏe mạnh khác với quan điểm trong tập sách này là ý muốn thiếu chứng cứ, viển vông. Rất rõ ràng, chính là do cùng một sức mạnh tinh thần tạo ra vẻ bí hiểm và khiến cho không giải thích chúng được.

Ngoài ra, chúng ta không nên bỏ qua sự thật này: tư tưởng bị dồn nén và sự nôn nao không thể chỉ bằng nỗ lực của riêng nó mà có thể bộc lộ ra ở hành vi có tính chất triệu chứng và hành vi sai lạc. Chúng dựa vào bộ phận thần kinh nào đó mà nhập vào ý thức, xét về mặt kỹ thuật thì đây là việc rất có khả năng, chúng thông qua ý hướng của mình để khai thông con đường ấy, tự trở thành tư tưởng có ý thức. Đối với những trường hợp sai lạc về lời nói, các nhà triết học và các nhà ngôn ngữ học đã nghiên cứu kỹ, nhằm xác định xem quan hệ trong việc tạo ra công năng và kết cấu ý hướng ấy là gì. Nếu chúng ta cho rằng trong nhân tố quyết định hành vi sai lạc và hành vi có tính chất triệu chứng vừa có động cơ vô thức, vừa có nhân tố sinh lý và vật lý tâm lý thì sẽ nảy ra một vấn đề là: trong phạm vi bình thường, phải chăng có một nhân tố khác có dựa theo con đường sau ấy - giống như động cơ vô thức, nhưng không phải là bản thân động cơ vô thức - gây ra hành vi sai lạc và hành vi

có tính chất triệu chứng? Điều này vượt ra ngoài khả năng chúng ta có thể giải đáp rồi!

Mục đích của tôi không phải là thổi phồng một cách phi thực tế sự khác nhau giữa việc giải thích hành vi sai lạc và quan điểm chung. Tôi chỉ muốn mọi người chú ý tới những trường hợp hai quan điểm ấy khác nhau không nhiều. Khi suy nghĩ về những trường hợp lỗ lòi hoặc viết sai đơn giản nhất không nổi bật nhất - trong đó chỉ là vấn đề giản lược từ đơn, để sót đơn từ và để sót chữ cái - thường là giải thích càng phức tạp thì càng không có tác dụng. Xét ở góc độ phân tích tinh thần, tôi kiên trì cho rằng, trong những trường hợp này, có một số nhân tố gây rối ý hướng đã chớm lộ ra, nhưng chúng ta không thể giải thích sự gây rối ấy từ đâu tới, mục đích là gì? Thực tế thì, nếu không nói rõ được những điều ấy thì coi như chẳng thu hoạch được gì. Trong những trường hợp này, chúng ta còn có thể thấy rằng, với mức độ rất lớn, hành vi sai lạc chịu tác động bởi sự giống nhau về ngữ âm sự gần gũi về liên tưởng tâm lý. Đó là sự thật chúng ta không thể phủ nhận. Nhưng, sự phán đoán của chúng ta đối với những trường hợp lỗ lòi là viết sai cơ bản này phải dựa trên cơ sở những dẫn chứng rõ rệt hơn, phải rút ra được từ kết quả điều tra kết luận xác định về nguyên nhân và con đường dẫn tới hành vi sai lạc. Đây là đòi hỏi khoa học hợp tình hợp lý.

F⁽¹⁾. Từ khi thảo luận về lỗi lầm chúng tôi luôn luôn lấy việc tìm hiểu động cơ tiềm ẩn của hành vi sai lạc làm điểm tựa. Khi tìm hiểu động cơ tiềm ẩn này, chúng tôi luôn luôn áp dụng phương pháp phân tích tinh thần để tìm ra lời giải đáp mỹ mãn. Song, đối với nhân tố tinh thần, nhân tố làm bộc lộ ra động cơ tiềm ẩn, chúng ta hầu như chưa thảo luận xem chúng có tính chung hay tính riêng. Vậy thì trong điều kiện nào động cơ tiềm ẩn mới thể hiện ra hành vi sai lạc. Vì điều này, chúng ta chưa nghiên cứu kỹ, cũng không biết là có tuân theo quy luật nào không. Song, tôi không muốn lại tiếp tục phương pháp cơ bản nhất để tìm hiểu nữa. Vì tôi nghĩ rằng, thay đổi góc độ phân tích có lẽ dễ giải quyết vấn đề hơn⁽²⁾. Dưới đây tôi nêu ra mấy vấn đề : 1/ Nguồn gốc và nội dung tư tưởng biểu hiện ở hành vi sai lạc và hành vi ngẫu nhiên là gì? 2) Nguyên nhân gì buộc tư tưởng ấy phải biểu hiện ra bằng hành vi sai lạc? 3) Giữa biểu hiện của hành vi sai lạc và nội dung mà nó muốn bày tỏ có quan hệ cố định và xác thực hay không?

Tôi muốn trước hết đưa ra dẫn chứng để trả lời

⁽¹⁾ Từ chú thích dưới và chú thích 2 trang 281 (bản tiếng Hán N.D) và chú thích 1 ở trang 282 (bản tiếng Hán - ND) phần còn lại của chương này đều được xuất bản lần đầu trong năm 1901.

⁽²⁾ Trong lần xuất bản năm 1924, bổ sung chú thích sau: đây là tập sách phổ thông hoàn toàn. Mục đích của nó là: thông qua các dẫn chứng để dọn đường cho giả thiết về lịch trình hoạt động tinh thần "vô thức nhưng có thể thao tác được". (uncconscious yet operative). Nên nó khỏi phải tiến hành minh lý luận về bản chất của vô thức.

câu hỏi cuối cùng, bắt đầu từ lỗ lờ. Nhiều hiện tượng lỗ lờ không phải bắt nguồn từ ý hướng trong tiềm thức của người nói. Chúng ta cần phải tìm nguyên nhân lỗ lờ ở bên ngoài nội dung ý hướng. Xin lấy ví dụ đơn giản nhất và rõ ràng nhất: nhìn bề ngoài thì hai cách mô tả đều diễn đạt cùng một tư tưởng nhưng trong đó một cách lại làm rối loạn sự diễn đạt tư tưởng ấy có ba khả năng: Khả năng thứ nhất, căn bản không thể phân biệt được luồng suy nghĩ bị nhiễu loạn với ý hướng cũ, cả hai cách mô tả không nói ra được động cơ tâm lý (đây cũng là vấn đề mức lẫn lộn - Contaminatious - do Meringer và Mayer đưa ra). Khả năng thứ hai, sự lỗ lờ quả là có động cơ tâm lý nào đó, nhưng động cơ này không mạnh lắm, do đó không hoàn toàn ẩn giấu trong tiềm thức, mà tồn tại ở ngay trong ý thức của người nói. Vậy chỉ ở khả năng thứ ba luồng suy nghĩ và ý hướng cũ mới ngang nhau, hơn nữa chúng tự trở thành một khối. Nhân tố gây rối và nhân tố bị gây rối có khả năng có mối quan hệ nào đó về mạch suy nghĩ (vì xung đột nội bộ mà sinh ra nhiễu loạn), nhưng có khi lại chẳng có mối quan hệ bản chất nào, nhân tố bị gây rối chỉ gắn với kẻ gây rối trong tiềm thức thông qua mối liên hệ bên ngoài ở bên ngoài dự tính.

Nhiều dẫn chứng phân tích tinh thần cho thấy khi ta nói, có những mạch suy nghĩ trong tiềm thức trở nên hăng hái, tuy chúng bị giam trong tiềm thức,

nhưng không chịu yên, khi thì gây rối việc nói năng, khi thì gián tiếp gây rối thành phần ngôn ngữ chưa được tổ chức ở trong vô thức. Tóm lại, nguồn gốc tư tưởng tiềm thức gây ra vướng víu trong lời nói rất phức tạp, khó có thể khái quát lại được.

Phân tích so sánh với hiện tượng đọc sai và viết sai cũng có thể rút ra được kết luận như thế. Cũng giống như lỗi lời vậy, có những trường hợp, hình như cũng bắt nguồn từ động cơ chưa cô đặc (condensation) Tác dụng cô đặc cũng thường thấy như thế trong trường hợp mơ ngủ và khi tỉnh dậy. Vậy phải chăng sự nảy sinh hiện tượng này không cần điều kiện đặc biệt nào? Chúng tôi chưa tìm thấy từ trong các dẫn chứng đáp án của câu hỏi này. Nhưng tôi kiên quyết phản đối quan điểm cho rằng nguyên nhân là do lơ lửng sự chú ý, mặc dầu tôi rất biết loại động tác theo thói quen ⁽¹⁾ vốn rất đáng tin và chính xác. Tôi muốn nhấn mạnh một điều, giống như trong lĩnh vực sinh vật học vậy, việc tìm hiểu đối với sự vật ở trạng thái ồm yếu hiệu quả hơn tìm hiểu trong phạm vi bình thường, hoặc trong phạm vi có chiều hướng bình thường. Vì vậy, tôi cho rằng, đối với câu hỏi trên, có lẽ chúng ta không tìm ra lời giải đáp từ những sai lạc đơn giản khác trường hợp bình thường là bao, nhưng ở những sai lạc nghiêm trọng hơn có lẽ có

⁽¹⁾ Tức là những hành vi, động tác không do ý thức dẫn dắt, điều khiển.

thể tìm thấy lời giải đáp ấy.

Trong nhiều trường hợp đọc sai và viết sai chúng ta có thể phát hiện ra động cơ sâu xa hơn, phức tạp hơn. "Ngồi thùng đi xuyên qua châu Âu" là trường hợp bị gây rối khi đọc. Nó có thể được giải thích là do chịu tác động của tư tưởng sâu xa hơn. Tư tưởng này là tư tưởng ghen tuông và tham vọng bị dồn nén được giải phóng. Cuối cùng thông qua mối quan hệ giữa từ "Beförderung" (vận tải, thúc thúc) với đề mục vốn không có liên quan mà xảy ra đọc sai. Trong dẫn chứng của Burekhard, từ này là từ then chốt ⁽¹⁾.

Hơn nữa, khi đọc, hoạt động gây rối thường diễn ra nhiều hơn các hoạt động tâm lý khác, và lại khi đọc, hoạt động gây rối không cần phải có cường độ mạnh.

Theo nghĩa mặt chữ, quên có nghĩa là quên kinh nghiệm đã qua. Khi chúng ta động chạm tới vấn đề này thì tình hình đã khác so với lỡ lời, đọc sai viết sai đã nói ở trên (để phân biệt chúng một cách chặt chẽ, chúng tôi gọi sự quên lãng danh từ và trật tự chữ được đề cập ở chương I, II là "tuột mất ký ức" - Slipping the memory - gọi quên ý hướng là "lơ đãng" - omission). Hiện chúng tôi vẫn

⁽¹⁾ "Từ then chốt" tiếng Đức là Wechsel, là thuật ngữ Freud dùng hai ba lần trong tác phẩm "Vài nét về phân tích bệnh Ictéri" Freud còn dùng từ "cầu ngôn ngữ" (verbal bridge), từng dùng khi phân tích dẫn chứng "Người chuột" tương tự với từ này còn có "cầu liên tưởng" (associative bridge).

chưa rõ điều kiện quyết định lịch trình thông thường của sự quên lãng⁽¹⁾. Chúng tôi cũng biết, có những trường hợp gọi là quên, nhưng lại không phải là quên thật sự như chúng ta nghĩ. Thường thường việc không quan trọng thì bị quên, còn việc quan trọng thì được lưu giữ lại trong ký ức. Nhưng một khi sự việc diễn ra ngược lại với nguyên tắc

⁽¹⁾ Trong lần xuất bản năm 1907 bổ sung chú thích sau: Freud muốn miêu tả vấn đề cơ chế của "sự quên lãng thật sự". Tư liệu trong ký ức chịu ảnh hưởng của hai lực lượng, đó là cô đặc (condensation) và biến dạng (distortion) Biến dạng do chịu sức ép của khuynh hướng chiếm ưu thế trong đời sống tinh thần của cá nhân. Nó được chỉ dẫn đối lập với ký ức có thể diễn đạt tình cảm một cách có hiệu quả, có năng lực chống lại cô đặc một cách mạnh mẽ. Còn những ký ức không có màu sắc tình cảm thì tồn tại sau khi đã được cô đặc. Có khi huynh hướng biến dạng cũng có thể tác động vào mặt này, có thể là vì cố tìm nơi biểu hiện. Trong một thời gian dài kinh nghiệm mới không ngừng được nạp vào ký ức, thế lực cô đặc và biến dạng tiếp tục tác động, do đó, quả là thời gian làm cho ký ức dần dần bị mờ nhạt đi. Rất có khả năng là mức độ quên tăng lên theo thời gian, tức quên là hàm số của thời gian (ở chương 6 trong tập sách bàn về chuyện vui đùa của Freud, có một câu chú thích nhắc tới điểm chính yếu của đoạn này. Freud có một đoạn phân tích một cách đặc sắc. Đoạn phân tích ở tiết 3 mục 3 sách "Hạng mục nghiên cứu của Freud, xuất bản năm 1895.

Sau khi trải qua trình tự này, phần ký ức còn lại được ép vào tiềm thức, dù trải qua thời gian lâu hơn nữa cũng không bị sửa đổi. Có thể nói rằng, tiềm thức không chịu ảnh hưởng bởi thời gian. Do vậy, đặc trưng quan trọng nhất, kỳ lạ nhất của tâm lý là: ký ức bao giờ cũng có cái vẻ ban đầu của nó, nhưng trải qua thời gian cái vẻ ấy sẽ bị thay đổi. Điểm này không thể nói rõ bằng cách so sánh với lĩnh vực khác. Do đó, về lý luận, mặc dầu nhân tố ký ức đã thay đổi quan hệ đối ngoại trước kia, thay vào đó bằng quan hệ đối ngoại mới, nhưng nội dung của ký ức vẫn có thể khôi phục lại được (có khả năng đây là lời trình bày sáng rõ sớm nhất về vấn đề tiềm thức không có thời gian tính. Xem chú thích trong bài huấn học về tâm lý vô thức).

Freud so sánh với những phát hiện khảo cổ về thành Roma để thủ tiến hành đồ giải. Nhưng vì cho rằng phương pháp này không có tác dụng, nên trong tác phẩm "Civilization and its Discontentd" ("Nếu văn minh và sự bất bình của nó") ông lại bỏ không sử dụng nữa.

này thì chúng ta không khỏi giật mình, cố gắng tìm cách giải thích. Đối với dạng quên này, kết quả phân tích của nhiều dẫn chứng mách bảo chúng ta rằng, động cơ trong trường hợp ấy thường là tìm cách tránh nghĩ tới sự việc có khả năng gây ra đau khổ về tình cảm. Chúng ta dễ dàng tưởng tượng được rằng, động cơ này tồn tại trong tiềm thức, cố gắng biểu hiện ra trong đời sống tinh thần, nhưng bị thế lực trái nghịch kiềm chế, không thể hiện lên trong ý thức. Đối với việc né tránh những hồi ức đau khổ, cần phải dùng phương pháp tâm lý học để nghiên cứu kỹ lưỡng độ sâu rộng và tầm quan trọng của nó. Nhưng, trong những trường hợp cá biệt, quên không thể cứu vãn được mà muốn truy tìm nguyên nhân đặc thù của nó thì khó tránh khỏi cảm giác bất chạch ngọn đa.

Trong các trường hợp quên ý hướng, vẫn còn có vai trò của một nhân tố khác. Đó là, ở đây càng thấy rõ sự xung đột mà chỉ ở những ký ức đau khổ mới có. Khi phân tích dẫn chứng ta thường thấy có "phân ý chí" trái ngược với ý hướng hành vi, nhưng chưa mạnh tới mức có thể xoá bỏ ý hướng này. Giống như những hành vi sai lạc đã nói ở trên, ở đây có thể thấy hai chặng đường tâm lý khác nhau: có khả năng phản ý chí không chấp nhận ý hướng (trong trường hợp mục đích của ý hướng quan trọng hơn), cũng có khả năng phản ý chí không có liên quan với ý hướng, về bản chất, nhưng do quan hệ bên

ngoài bất mỗi nhằm mà gây rối ý hướng (trong trường hợp ý hướng hầu như không có gì quan trọng).

Biểu hiện của hành vi sai lạc cũng có kết quả xung đột như thế. Dao động ⁽¹⁾ biểu hiện ở sự gây rối thường là "phản dao động". Nhưng có khi cũng có thể là dao động vốn chẳng có can hệ gì, nhưng lại thừa cơ gây rối để biểu hiện mình. Trong đó, sự gây rối nảy sinh do mâu thuẫn nội tại gay gắt càng đáng được coi trọng hơn. Chúng xảy ra hơi nhiều ở những hoạt động quan trọng.

Trong các hành vi ngẫu nhiên hoặc hành vi có tính chất triệu trùng, xung đột nội tại trở nên ngày càng không quan trọng. Có nhiều biểu hiện của những động tác thường không được để ý tới một cách có ý thức hoặc dễ bị ý thức bỏ qua nhất có chứa đựng tác động bị ràng buộc của tiềm thức. Phần lớn chúng đại biểu có tính chất tượng trưng cho kỳ vọng hoặc ước mơ nào đó.

Đối với vấn đề thứ nhất (nguồn gốc và nội dung dao động tư tưởng biểu hiện ở hành vi sai lạc), chúng ta có thể trả lời như sau: nhiều trường hợp cho thấy nguồn gốc tư tưởng nhiễu loạn là tình cảm bị ngấm ngấm dồn nén trong đời sống tinh thần. Dẫu là tâm lý của người khoẻ mạnh nhất cũng có dao động cảm giác do tự ti, ghen tuông, đối địch, nhưng những dao động này bị đạo đức dồn ép, bị

⁽¹⁾ Trong nguyên bản: Xung động. Chúng tôi tạm dịch - N.D

gạt ra ngoài hoạt động tinh thần cao cấp, chỉ thỉnh thoảng giãy giụa, bộc lộ thông tin về sự tồn tại của chúng thông qua hành vi sai lạc. Điều thú vị là, lòng người lại cho phép những hành vi sai lạc, ngẫu nhiên tồn tại, cũng như con người có thể tha thứ những hiện tượng vô đạo đức không đáng kể trong phạm vi vừa phải vậy. Trong những dao động bị dồn nén ấy, có cả những dao động bản năng tính dục dưới nhiều màu sắc, chỗ có coi thường vai trò của chúng.

Trong nhiều dẫn chứng chúng tôi đã phân tích ở trên không có nhiều trường hợp đề cập tới hiện tượng dao động tính dục bị ngấm ngấm dồn nén. Nhưng đó chỉ là ngẫu nhiên mà thôi, vì phần lớn là những trường hợp cá nhân tôi trải qua, khi lựa chọn làm dẫn chứng tôi đã cố tình loại bỏ những trường hợp có liên quan tới tính dục. Có khi chính những sự vật hoặc suy nghĩ hoàn toàn vô hại lại gây ra sự rối loạn tư tưởng.

Bây giờ ta thảo luận vấn đề thứ hai - vậy thì tác động nào của nhân tố tâm lý buộc tư tưởng phải bộc lộ dưới dạng là hành vi sai lạc, gây rối và thay đổi sự biểu hiện của tư tưởng khác. Từ những dẫn chứng nổi bật nhất về hành vi sai lạc chúng ta dễ dàng thấy rằng muốn giải đáp vấn đề này thì phải dựa vào mức độ ý thức cho phép, tức là tùy theo mức độ dồn nén tư tưởng. Nhưng, nếu đi tìm đặc trưng này ở trong dẫn chứng thì chúng ta sẽ bị lôi

cuốn vào nội dung mơ hồ không xác định. Chúng ta thường có khuynh hướng coi thường những thứ khiến người ta phát ngán, hoặc tư tưởng tiềm ẩn không liên quan với ý hướng bấy giờ. Khuynh hướng hoặc cảm xúc này là động cơ ức chế tư tưởng (tư tưởng bị ức chế vì nguyên nhân này lại quay sang gây rối sự biểu hiện của tư tưởng khác). Cũng vậy, sự lên án tâm trạng phản bội và vật phát sinh trong tư tưởng vô thức cũng đều đóng vai trò này. Cứ tiếp tục tranh luận như thế về tính chất chung của những điều kiện gây ra hành vi sai lạc và hành vi ngẫu nhiên thì vị tất đã có được những kiến giải chính xác, sâu sắc. Nhưng, việc nghiên cứu này tối thiểu cũng giúp chúng ta có được một phát hiện quan trọng, đó là động cơ hành vi sai lạc càng vô hại thì tư tưởng ở đằng sau nó càng không xấu xa, bản thủ, càng dễ được ý thức chấp nhận. Một khi chúng ta chuyển dịch sự chú ý thì việc phát hiện tư tưởng chứa đựng trong hành vi và giải quyết sự sai lạc trong hành vi sẽ dễ dàng hơn nhiều. Sự lỗ lờ nhỏ, nhẹ thường được phát hiện ngay và được tự động cải chính, còn những sai lạc do những dao động sâu, rộng gây ra thì phải phân tích một cách gian nan mới giải quyết được, hơn nữa sự phân tích này còn thường rơi vào cảnh lúng túng, khó xử, khó tránh khỏi thất bại.

Sau khi phân tích, nghiên cứu, chúng ta thấy

rõ ràng là: muốn giải quyết một cách mỹ mãn nguyên nhân tâm lý của hành vi sai lạc và ngẫu nhiên thì phải mở ra con đường riêng. Chắc hẳn, những bạn đọc có tấm lòng khoan dung sẽ cho rằng: tuy điều tranh luận nói trên quá vụn vặt, nhưng đằng sau những mảnh vụn lớn vồn ấy có mối liên hệ rộng lớn hài hoà.

G. Cuối cùng, chúng tôi bàn về mối liên hệ rộng lớn, hài hoà này.

Bằng công việc phân tích, tinh thần chúng ta đã nhận thức được cơ chế của hành vi sai lạc với hành vi ngẫu nhiên. Thực tế thì về cơ bản, cơ chế này thống nhất với cơ chế hình thành giấc mơ - về cơ chế hình thành giấc mơ tôi đã nói kỹ trong tác phẩm "Giải phẫu giấc mơ" cả hai đều có "hiện tượng cô đặc" (condensation) và "hình thành sự thoả hiệp" (compromise formations) (hoà trộn - contaminations). Tư tưởng trong tiềm thức dùng mọi phương thức cổ quái, nhờ vào sự liên tưởng bên ngoài, dựa vào và làm thay đổi tư tưởng khác, làm nảy sinh ra giấc mơ và các hiện tượng sai lạc trong đời sống hàng ngày. Cả hai đều không phân biệt thật ảo, tuy tiện xử lý tư liệu đã tích góp được, gây ra những sai lạc trong đời sống hàng ngày. Sở dĩ xảy ra tình trạng trắng đen lẫn lộn, đảo lộn phải trái đều do hai hoặc hơn hai hành vi có ý nghĩa riêng gây rối nhau mà ra.

Từ tính thống nhất của chúng, ta có thể suy ra kết luận như sau: ở nơi sâu kín trong lòng con người, có một mạch ngầm đang tồn tại. Trước đây, khi đi tìm ý nghĩa ẩn giấu trong giấc mơ, chúng tôi đã thấy thế lực ghê gớm của chúng. Nay từ nhiều dẫn chứng về hành vi sai lạc, chúng tôi thấy chúng không chỉ hoạt động một cách không kiêng dè trong giấc mơ, mà còn xuất hiện trong những hành vi sai lạc của những người đầu óc tỉnh táo. Tình hình này khiến chúng tôi càng tin rằng chặng đường tâm lý xem ra có vẻ kỳ lạ, khác thường, có lẽ không phải là hậu quả thoái hoá của hoạt động thần kinh hoặc của tình trạng ồm yếu của các cơ quan chức năng ⁽¹⁾.

Chỉ dựa vào hành vi sai lạc và giấc mơ thì chúng ta chưa thể giải thích được sức mạnh tinh thần kỳ lạ này. Muốn hiểu nó một cách đúng đắn chúng ta còn phải bỏ công nghiên cứu bệnh tâm thần, đặc biệt là chứng ictêri và bệnh do cưỡng bức gây ra ⁽¹⁾, về cơ bản cơ chế của chúng giống với phương thức vận hành nói trên. Công việc nghiên cứu từ nay về sau cần bắt đầu từ điểm này.

Về mặt loại suy hành vi sai lạc, hành vi ngẫu nhiên, hành vi có tính chất triệu chứng và bệnh tâm thần, còn có một điểm đặc biệt thú vị. Nếu chúng ta so sánh tỷ mỉ thì lập tức sẽ nghĩ tới hai

⁽¹⁾ 1. Xem "Giải phẫu giấc mơ"

⁽¹⁾ Trong nguyên bản: Cưỡng bách chứng. Chúng tôi tạm dịch - N-D.

điểm: Một là, ranh giới giữa người bình thường và người không bình thường rất mơ hồ, hai là, chúng ta đều có chút "yếu bóng vía" ⁽²⁾ hoặc nhiều hoặc ít. Hai điểm này vốn ai cũng biết, không cần phải có kinh nghiệm làm nghề y, cũng có thể tưởng tượng ra. Hiện tượng "yếu bóng vía" mà ai cũng có ấy chính là biểu hiện của bệnh thần kinh vì thất bại ⁽³⁾. Có những người chỉ có một ít triệu chứng, không thường phát bệnh, có người có triệu chứng rất nhẹ. Nói cách khác, số lần, cường độ và thời gian "điên cuồng" của họ bị hạn chế trong phạm vi nhất định. Nhưng chúng tôi chưa bao giờ xem những người phát bệnh tương đối thường xuyên thuộc loại giữa, vì hành vi ở trạng thái mắc bệnh của họ thường chỉ biểu hiện ở hành vi sai lạc và hành vi có tính chất triệu chứng, hơn nữa chỉ xuất hiện trong các hoạt động tinh thần không quan trọng. Mọi hoạt động tinh thần quan trọng vẫn được duy trì bình thường. Nếu có triệu chứng ngược lại, tức là, nếu chúng xảy ra ở những người quan trọng và trong hoạt động xã hội, quấy rối việc ăn, nghỉ, phá hoại năng lực làm việc và sự chung sống với người khác, thì đó là chứng của bệnh tâm thần nặng. Khi phán đoán bệnh tình của mắc bệnh tâm thần thì suy nghĩ ở mặt này có ý

⁽²⁾ Nguyên bản: thần kinh chất. Chúng tôi tạm dịch N- D

⁽³⁾ Hình thức đã thất bại" (fones frustes) là từ ngữ pháp. Fruste có ý là chiếc huân chương cũ hoặc đồng tiền kim loại cũ được đánh bóng.

nghĩa hơn nhiều so với việc theo dõi những biểu hiện đa dạng, nhiều lần.

Tóm lại, dẫu là hành vi sai lạc hay là hành vi ngẫu nhiên, dẫu nhẹ hay nặng, điểm chung của chúng là ở chỗ chúng ta đều có thể truy tìm ngược tới những tư liệu tinh thần ban đầu bị dồn nén, những tư liệu tinh thần ban đầu này tuy cách xa ý thức, nhưng lại mãi mãi tùy cơ mà hành động, tìm mọi cơ hội có thể để biểu hiện ra.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	Lãng quên danh từ riêng	11
CHƯƠNG II.	Lãng quên tiếng nước ngoài	22
CHƯƠNG III.	Lãng quên danh từ và thứ tự chữ	32
CHƯƠNG IV.	Hồi ức thời thơ ấu và ký ức màn chắn	71
CHƯƠNG V.	Lỡ lời	84
CHƯƠNG VI.	Đọc sai và viết sai	161
CHƯƠNG VII.	Quên ấn tượng và quyết tâm	107
CHƯƠNG VIII.	Hành vi sai lạc	249
CHƯƠNG IX.	Hành vi triệu chứng và hành vi ngẫu nhiên	294
CHƯƠNG X.	Sai lầm	337
CHƯƠNG XI.	Hành vi sai lạc song trùng	358
CHƯƠNG XII.	Một vài quan điểm về quyết định luận, ngẫu nhiên và mê tín	373

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

43 LÒ ĐÚC - HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHUÔNG

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập: **THANH VIỆT**

Trình bày: **SONG HÀ**

Bìa: **VĂN SÁNG**

Sửa bản in: **THẢO LINH**

Tổng phát hành

Công ty Văn hóa Phương Nam

160/12-14 Đội Cung, Phường 9, Quận 11, TP.HCM

ĐT: 8558504 - 8589592 * Fax: 8588908

Nhà sách Tiên Phong 175 Nguyễn Thái Học,

Hà Nội * ĐT: 7336235 * Fax: 7336236

Nhà sách Phương Nam 19 Phan Chu Trinh,

Đà Nẵng * ĐT, Fax: (05-11) 821470

Nhà sách Phương Nam 06 Hòa Bình,

TP Cần Thơ * ĐT: (071) 813436 * Fax: (071) 813437

In: 1000 cuốn, khổ: 13 x 19cm Giấy phép xuất bản số: 734 ngày 05/07/2002

In xong nộp lưu chiểu tháng 10 - 2002

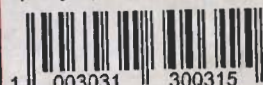
In tại Xưởng in Cty Mỹ thuật TW - Số 1 Giang Văn Minh Hà Nội

ĐT: 8462431 Fax: 8461141

S. FREUD

Bệnh lý học
tinh thần
về sinh hoạt
đời thường

bệnh lý học tinh thần về sinh



1 003031 300315

42.000 VND

Bệnh Lý Học Tinh Thần



S0022984

Giá : 42.000 đ